VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

mãi mãi là một nền văn học nghiệp dư?
nguyễn hưng quốc
chân dung xuân diệu
trần đăng khoa
phỏng vấn trần hữu thục
minh nguyệt
những vùng hoang
vũ hồi nguyên

truyện
trúc chi ● *đặng mai lan* ● *ngô nguyên dũng*
hồ minh dũng ● *cổ ngư* ● *thu thuyền* ● *phạm hải anh*

thơ
lê nguyễn ● *thảo chi* ● *quan dương*
trần yên hòa ● *lê thái lâm* ● *nguyệt thu*
giang ● *phan minh khánh*

tạp ghi
thạch hãn

158
THÁNG 6 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Thư tòa soạn
Văn Học

Mở đầu Văn Học số này, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đặt một câu hỏi cho tất cả chúng ta: "Chẳng lẽ mãi mãi là một nền văn học nghiệp dư?" Anh hỏi, và đã trình bày đầy đủ vì sao từ xưa tới nay, nhà văn Việt Nam không bao giờ xem viết là một cái nghề, quá lắm chỉ là nghiệp dĩ. Nghề viết không bao giờ nuôi sống người cầm bút, nên nhà văn sáng tác trong tư cách một người làm việc tài tử, tùy hứng, không dồn hết tâm trí vào chuyện viết. Người cầm bút sống được bằng ngòi bút của mình, may ra chỉ có các nhà báo. Do đó văn học Việt Nam luôn luôn phụ thuộc vào báo chí, nên thay vì có nhiều truyện dài, chỉ có vô số truyện ngắn; thay vì những công trình chuyên khảo dài hơi, chỉ có các tiểu luận.

Những ý kiến của Nguyễn Hưng Quốc, dù bi quan, nhưng là thực tế của văn học Việt Nam. Muốn văn học không còn tính chất nghiệp dư, không phải chỉ mơ ước mà được. Cần rất nhiều điều kiện ngoại tại như trình độ dân trí, mức sống xã hội, sự phát triển giáo dục...Riêng trong giới viết lách, cần những người cầm bút chịu sống trọn mình với văn chương. Văn Học đăng lại bài Trần Đăng Khoa viết về Xuân Diệu, và bài Nguyễn Quảng Tuân công phu tra cứu tìm hiểu hai chữ nôm trong *Chinh Phụ Ngâm Khúc*, với dụng ý nêu ra những tấm gương sáng.

Văn Học số tháng Sáu phát hành vào đầu mùa nghỉ hè nên phần thơ văn, chọn lọc những sáng tác nhẹ nhàng, thích hợp với khung cảnh thư giãn thoải mái. Đó là những truyện ngắn đẹp của Đặng Mai Lan, Thu Thuyền, Phạm Hải Anh. Đó là vẻ hoang dã bí nhiệm trong truyện của Vũ Hồi Nguyên, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Minh Dũng. Chưa kể những bài thơ tình của Thảo Chi, Quan Dương, Trần Yên Hoà, Nguyệt Thư, Giang...Phần giới thiệu tác giả và tác phẩm chú trọng đến hai cuốn sách Văn Học vừa xuất bản: *Trong Mê Cung* của Nguyễn Trung Hối, *Viết Và Đọc* của Trần Hữu Thục. Chúc các bạn một mùa hè vui, trong hành trang có Văn Học.

Văn Học

số 158 ● tháng 6, 1999

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN HƯNG QUỐC	3	chẳng lẽ mãi mãi là một nền văn học nghiệp dư?
TRẦN ĐĂNG KHOA	19	chân dung xuân diệu
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	33	"sương gieo" hay "sương siu"?
LÊ NGUYỄN	38	*trên biển khuya*
TRÚC CHI	39	hàn huyên
THẢO CHI	47	*nửa đoạn sau*
ĐẶNG MAI LAN	48	chiêm bao
QUAN DƯƠNG	53	*ai bảo em...*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	54	bướm
TRẦN YÊN HÒA	71	*mưa*
HỒ MINH DŨNG	72	đường mây
LÊ THÁI LÂM	85	*ban sơ*
NGUYỆT THƯ	86	*biển đêm*
CỔ NGƯ	87	tản mạn một chuyến đi
THU THUYỀN	94	những nhánh sông mất biển
GIANG	97	*chân dung*
PHẠM HẢI ANH	98	culi
PHAN MINH KHÁNH	101	*bóng quê*
VŨ HỒI NGUYÊN	102	những vùng hoang
MINH NGUYỆT	118	phỏng vấn Trần Hữu Thục
TRẦN HỒNG CHÂU	128	đọc "Trong Mê Cung"
THẠCH HÃN	134	tạp ghi
VĂN HỌC	144	hộp thư, nhắn tin

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

Chẳng lẽ mãi mãi là một nền văn học nghiệp dư?

Nguyễn Hưng Quốc

Mặc dù có một lịch sử dài hơn cả một ngàn năm, văn học Việt Nam, cho đến nay, theo tôi, vẫn là một nền văn học nghiệp dư. Và có vẻ như vẫn tiếp tục là một nền văn học nghiệp dư mãi mãi.

Nói đến tính chất nghiệp dư của một nền văn học là nói đến ba khía cạnh: sinh hoạt, tâm lý và trình độ.

Trước hết, về phương diện sinh hoạt, hình như chưa bao giờ có một nhà văn hay một nhà thơ Việt Nam nào có thể sống đàng hoàng và thanh thản với ngòi bút của mình. Ngày xưa, từ cuối thế kỷ 19 trở về trước, chưa ai có ý niệm về nghề cầm bút. Khi Nguyễn Bỉnh Khiêm viết "Văn chương nghề cũ xác như vờ" thì chữ "nghề" ấy chỉ có nghĩa là một đam mê hay một sự nghiệp hoàn toàn có tính chất phi kinh tế, ám chỉ nếp sống của một kẻ sĩ, theo kiểu "pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm" mà Nguyễn Du dùng để nói về Thuý Kiều, chứ không phải là "nghề", một cách thức lao động để mưu sinh theo nghĩa hiện đại chúng ta đang sử dụng. Ngày xưa, hầu hết các nhà văn, nhà thơ đều làm quan hoặc làm thầy đồ. Không ai có thể kiếm được chút lợi nhuận nào từ văn chương, trừ loại văn chương cử tử. Tác phẩm thường chỉ được lưu giữ hoặc truyền tụng dưới dạng chép tay hoặc truyền miệng. Hiếm, cực kỳ hiếm có người nào được may mắn nhìn thấy tác phẩm của mình được in ra lúc còn sống. Trong số những tác giả lớn nhất của thế kỷ trước, từ Nguyễn Du cho đến Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến hay Tú Xương, không có ai hưởng được sự may mắn ấy. Lớn đến như Truyện Kiều mà cũng phải đợi đến khi tác giả mất đến cả nửa thế kỷ rồi

mới được in ra. Ở Việt Nam lại không hề có các Mạnh Thường Quân chuyên bảo trợ văn nghệ sĩ như ở Tây phương hay ở Trung Hoa. Thành ra, tuy trên lý thuyết, người ta hay gán cho văn chương bao nhiêu chức năng thật lớn lao, nhưng trên thực tế, ở ngoài môi trường học đường và thi cử, nó chỉ là một trò chơi. Hoàn toàn là trò chơi. Có cũng được mà không có cũng được. Người ta có thể suy nghĩ đến bạc cả tóc để tìm một câu đối hiểm hóc hầu cưới được vợ đẹp hay hạ nhục ai đó, nhưng khi cầm bút để sáng tác một bài thơ hay một áng văn thì người ta lại hoàn toàn buông thả theo cảm hứng, tức trong một tinh thần thoải mái và dễ dãi. Người ta hay kể lại giai thoại "thôi xao" của Giả Đảo cũng như hay ngâm nga câu thơ "Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu" (Chữ dùng không làm thiên hạ giật mình thì chết không an tâm) của Đỗ Phủ, nhưng người ta lại thường lên án những công phu trau chuốt chữ nghĩa là "điêu trùng kỹ xảo", là vụ hình thức và là phù phiếm. Hình ảnh được các nhà nho yêu thích và khâm phục nhất là hình ảnh một người múa bút thoăn thoắt, kiểu "tay tiên gió táp mưa sa", chứ không phải là hình ảnh kẻ chịu khổ nạn trên trang sách, đắn đo từng lời từng chữ, trằn trọc với từng thanh bằng thanh trắc. Tinh thần chỉ đạo trò chơi văn chương ở Việt Nam chủ yếu là tinh thần "mua vui cũng được một vài trống canh". Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà phần lớn các truyện Nôm tại Việt Nam đều kết thúc bằng ý thơ tương tự. Trong *Nhị độ mai*: "Biết bao lời kệch tiếng quê / Thôi thôi bất quá là nghề mua vui." Trong *Bích câu kỳ ngộ*: "Cũng xin góp một hội cười / Cùng mua mấy trống canh vui gọi là." Trong *Phù dung tân truyện*: "Lời quê chắp chảnh nên câu / Chép làm một truyện để sau mua cười." Kiểu nói "lời quê" có thể chỉ là chuyện giả vờ khiêm tốn; nhưng khái niệm "mua vui" hẳn là thật: nó che giấu một thái độ rẻ rúng thể loại truyện Nôm và văn chương nói chung.

Có thể nói, tất cả các nhà văn, nhà thơ Việt Nam thời Trung đại đều là những cây bút nghiệp dư, đều xem việc sáng tác như một trò giải trí trong những lúc trà dư tửu hậu. Nếp sống và phong cách sáng tác của họ có lẽ cũng tương tự nhà thơ trào phúng Nguyễn Tử Mẫn (thường được gọi là Huyện Hiệp Hoà; sinh năm 1820 và mất năm 1901), trong một câu đối khá hay:

Sáng sáng ăn sáng rồi, cầm quyển mới, kỳ cui ký cúi viết vài trương, đoạn thu gương mắt, xếp khăn tay, giắt bút vào tam sơn, ngả lưng ngáy khò khò chờ tối xuống.

Ngày ngày ngủ ngày dậy, vớ câu cũ, phếu pháo phều phào mấy khẩu, đứng dậy ngắm chậu hoa, nhìn cây thế, rê chân đi bách bộ, vỗ tay cười khanh khách đón trăng lên.

Trẻ hơn Nguyễn Tử Mẫn 15 tuổi, Nguyễn Khuyến (1835-1909) cũng có phong thái nhàn nhã ấy:

Khi vườn sau khi sân trước khi điếu thuốc khi miếng trầu khi trà chuyên năm ba chén khi Kiều lẩy một đôi câu.
("Giả điếc")

Trong nếp sinh hoạt như thế, độc giả hay tri âm của họ thật ít, chủ yếu là vài người bạn. Cho nên khi một trong những người bạn ấy qua đời, Nguyễn Khuyến nản chí không muốn động đến ngòi bút nữa:

Câu thơ nghĩ đắn đo muốn viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
("Khóc bạn")

Sinh sau Nguyễn Khuyến 35 năm, nhà thơ Tú Xương (1870-1907), về phương diện xã hội, lăng xăng theo đuổi bao nhiêu đam mê mới, từ "cao lâu" đến "thổ đĩ", hoàn toàn không còn cái vẻ nhàn tản và thanh thản của thế hệ đi trước; tuy nhiên, về phương diện văn học, chắc ông không khác Nguyễn Tử Mẫn và Nguyễn Khuyến bao nhiêu: có sáng tác gì mới, ông cũng chẳng biết làm gì khác hơn là đem khoe với... vợ:

Viết vào giấy dán ngay lên cột
Hỏi mẹ mày: rằng dốt hay hay?
("Ngày tết dán câu đối")

Nhưng chỉ trẻ hơn Tú Xương chưa tới 20 tuổi và bắt đầu đi vào thế giới văn học sau khi Nguyễn Khuyến mất chưa đầy 10 năm, Tản Đà (1889-1939) lại khác hẳn: sau khi thi hỏng, thay vì về quê cam phận làm thầy đồ, thầy thuốc, thầy bói, ngồi viết thuê câu đối hay giản dị hơn là ở nhà ăn bám vợ như tuyệt đại đa số các trí thức lỡ vận đương thời, Tản Đà đã tiếp tục ở lại Hà Nội và có lúc vào tận Sài Gòn để đem "thơ ca bán phố phường". Văn chương, lần đầu tiên, được nhìn như một thứ hàng hoá:

Văn chương nào dám nói hơn ai

Nghề nghiệp làm ăn phải thế thôi
In hết quyển này ra quyển khác
Có văn có ích có văn chơi
("Lo văn ế")

Nhìn văn chương như một thứ hàng hoá, Tản Đà cũng đồng thời nhìn nhận, ngoài chuyện cảm hứng, đằng sau công việc sáng tác, còn có một lực đẩy khác: kinh tế.

Hôm qua chửa có tiền nhà
Suốt đêm thơ nghĩ chẳng ra câu nào!
Đi ra rồi lại đi vào
Quẩn quanh chỉ tốn thuốc lào vì thơ.
("Ngẫu hứng")

Việc sáng tác theo những lực đẩy kinh tế không phải không có những cái lợi: thứ nhất, người cầm bút bị bức bách phải lao động thực sự trên trang viết của mình, chứ không còn cái cảnh "kỳ cui ký cúi viết vài trương" rồi "ngả lưng ngáy khò khò chờ tối xuống" như người xưa; thứ hai, tốc độ sáng tác, nhờ thế, sẽ nhanh hơn hẳn: muốn sống được bằng nghề viết thì phải luôn luôn cần có sản phẩm mới; không phải ngẫu nhiên mà hầu hết những tác giả có năng lực sáng tác dồi dào nhất đều thuộc thời hiện đại; và thứ ba, khi đã xem việc viết lách là một nghề, người ta không thể không quan tâm đến khách hàng: dần dần, dù muốn hay không, độc giả cũng trở thành một trong những yếu tố chính trong sinh hoạt văn học. Chính mối quan hệ mật thiết giữa tác giả và độc giả này đã làm đảo lộn hẳn bản chất của văn học: chức năng giải trí được đề cao hơn chức năng giáo hoá; giá trị thẩm·mỹ được coi trọng hơn giá trị đạo đức; tính chất cách tân được đánh giá cao hơn tính chất quy phạm; cái riêng quan trọng hơn cái chung; đề tài liên quan đến cuộc sống thực tiễn được yêu thích hơn những đề tài vĩnh cửu liên quan đến vũ trụ hay nhân tình thế thái nói chung; ngôn ngữ đời thường được xem là đẹp hơn các điển cố và điển tích.

Quan tâm đến khách hàng, thật ra, cũng có nghĩa là quan tâm đến món hàng mình bán. Mối quan hệ giữa tác giả và tác phẩm trong thời hiện đại khác hẳn trước kia: trước, tác phẩm chỉ là nơi chứa đựng tâm tình hay hoài bão của tác giả gửi vào thiên cổ; nay, tác phẩm cần phải có bản sắc riêng để có thể nổi bật lên giữa vô số tác phẩm của các tác giả khác, hơn

nữa, để có thể thu hút sự chú ý và yêu mến của người đọc. Yếu tố phong cách, nhờ đó, được chú ý. Nhưng có phong cách riêng, chưa đủ. Bên cạnh sự độc đáo, tác phẩm cần phải có sự đa dạng thì mới giữ được người đọc lâu dài. Tản Đà nhận ra điều này rất sớm, do đó, khi làm thơ đề vở tuồng Tây Thi, ông đã nhấn mạnh đến sự đa dạng: "Văn có pha trò cho đủ lối"; khi tự khen văn chương mình trong buổi hầu trời tưởng tượng, ông cũng lại nhấn mạnh đến điểm ấy: "Văn đã giàu thay, lại lắm lối".

Có thể nói nếu mối quan hệ mật thiết giữa tác giả và độc giả là tiền đề làm nảy sinh ra chủ nghĩa hiện thực thì mối quan hệ mới giữa tác giả và tác phẩm lại làm nẩy sinh ít nhất là một số quan niệm có tính chất duy mỹ chủ nghĩa. Khi quan hệ giữa tác giả và độc giả cũng như giữa tác giả và tác phẩm thay đổi thì mối quan hệ giữa tác giả với chính hắn cũng thay đổi theo: chủ nghĩa lãng mạn chỉ có thể manh nha khi người cầm bút nhận thấy cái riêng của mình quan trọng hơn là cái chung của "chí" hay của "đạo". Nói cách khác, bản chất của nền văn học hiện đại được xác lập trên một cơ sở: văn học được xem là một nghề.

Nhưng bản thân của nghề văn lại xuất phát từ một cơ sở vật chất: xuất bản. Có hai hình thức xuất bản chính: sách và báo. Có thể nói chính việc xuất bản quy mô sách và báo, và cùng với chúng, chế độ nhuận bút và tác quyền, đã làm xuất hiện quá trình chuyên nghiệp hoá văn học. Ở đâu cũng thế. Nhưng ở Tây phương, ngay từ thế kỷ 17, sách đã là trung tâm của sinh hoạt văn học (1). Báo, dĩ nhiên chỉ kể báo văn học, là diễn đàn phụ, chủ yếu dành cho lãnh vực điểm sách, phê bình, lý luận, nghiên cứu, và một ít, rất ít cho sáng tác, phần lớn là những sáng tác ít nhiều có tính chất tiên phong. Ở Việt Nam thì khác. Sau khi báo chí xuất hiện cả nửa thế kỷ, hoạt động xuất bản sách vẫn mang tính chất cò con, chủ yếu do các nhà in hoặc các hiệu sách kiêm nhiệm. Có lẽ phải đợi đến những năm 1930, với sự ra đời của nhà xuất bản *Tân Dân* của Vũ Đình Long và *Đời Nay* của nhóm *Tự Lực văn đoàn*, ngành xuất bản tại Việt Nam mới thực sự hình thành. Hình thành, nhưng nó lại không phát triển. Một phần vì trình độ dân trí thấp, một phần vì chiến tranh và loạn lạc, và phần khác vì tâm lý chưa quen đọc sách như một di sản của lịch sử mù chữ kéo dài cả hàng ngàn năm, lượng sách phát hành ở Việt Nam bao giờ cũng lèo tèo, hoàn toàn không đủ nuôi sống người cầm bút (2).

Điều này dẫn đến hai hệ quả. Một là, các nhà văn phải làm một nghề gì khác để mưu sinh. Nguyễn Công Hoan, một trong vài nhà văn có sức

sáng tác sung mãn nhất trong giai đoạn 1930-45, tuy có đến mấy chục đầu sách được xuất bản, vẫn không thể sống được bằng nghề cầm bút. Trong quyển hồi ký *Đời viết văn của tôi*, ông viết: "Từ trước tới giờ, tôi chưa bao giờ sống bằng nghề viết văn. Nguồn sống chính của tôi là lương tháng của nghề dạy học, chứ không phải nhuận bút của sáng tác" (3) . Ở miền Nam, trong giai đoạn 1954-75, những cây bút hàng đầu như Doãn Quốc Sỹ và Nguyên Sa đều đi dạy học, Võ Phiến suốt đời làm công chức; trong khi đó, ở miền Bắc, trong cùng thời kỳ, tất cả đều làm cán bộ và ăn lương cán bộ (4). Hai là, nếu muốn dấn thân hoàn toàn vào công việc viết lách, người ta chỉ còn một cách là làm báo. Có ba cách thức làm báo: tự mình làm chủ báo; làm nhân viên toà soạn hay biên tập viên thường trực; và làm cộng tác viên hưởng tiền nhuận bút theo từng bài được in. Lâu nay nói đến quan hệ giữa việc viết văn và làm báo, chủ yếu người ta chỉ đề cập đến hai cách thức đầu. Ở hai cách thức ấy, tỉ lệ nhà văn Việt Nam làm báo khá đông. Theo Võ Phiến, trong tổng số 33 nhà văn viết tiểu thuyết, phóng sự và bút ký quen thuộc ở miền Nam trong giai đoạn từ 1954 đến 1975, có đến 19 người, tức chiếm 58% là chủ báo hoặc cộng tác thường xuyên với các toà báo (5). So với thế giới chắc chắn tỉ lệ này thuộc loại rất cao. Theo thống kê của R.D. Altick, tại Anh, trong giai đoạn từ 1800 đến 1835, trong số 282 nhà văn tương đối có tiếng, chỉ có 17 người là nhà báo chuyên nghiệp; trong giai đoạn từ 1900 đến 1935, trong số 363 nhà văn, chỉ có 37 người là nhà báo chuyên nghiệp (6). Nếu chúng ta nhìn từ cách thức làm báo thứ ba nêu trên, tức dùng các tờ báo như một phương tiện công bố tác phẩm đồng thời tăng thêm nguồn thu nhập từ số tiền nhuận bút do các toà báo trả thì có thể nói gần như toàn bộ các cây bút viết văn làm thơ chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp của Việt Nam đều làm báo.

Như vậy thì cũng có thể nói, ở Việt Nam, gọi là nghề viết văn thực chất là nghề làm báo. Một nhà văn chuyên nghiệp thực chất là một nhà báo chuyên nghiệp. Cuộc đời của Tản Đà, người được xem là "nhà thơ chuyên nghiệp" đầu tiên của Việt Nam thực chất là một cuộc đời "khi làm chủ báo, lúc viết mướn" như chính ông tự tổng kết. Các thế hệ sau này cũng thế. Người ta chỉ cố gắng kết hợp hai công việc viết văn và làm báo lại với nhau: làm báo như là một nhà văn hay nhà thơ, tức chủ yếu là sáng tác hoặc dưới hình thức từng bài ngắn hoặc dưới hình thức feuilleton, tức truyện dài đăng nhiều kỳ, để sau đó, tập hợp lại và in thành sách. Phần lớn sách tiếng Việt đều được hình thành như thế: đăng báo trước, in sách sau. Có người tò mò làm thống kê thử, cho thấy: trong 43 truyện ngắn tuyển trong *Tuyển tập Nam Cao* (nxb Văn Học, Hà Nội, 1987), chỉ vẻn vẹn có 3

truyện ngắn là được in thẳng vào sách, còn lại, tất cả đều được đăng báo trước. Trường hợp Vũ Trọng Phụng cũng tương tự: trong bộ *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, gồm 15 tác phẩm của ông, chỉ có 2 tác phẩm là không được đăng trên báo trước khi in thành sách. (7) Các giai đoạn sau này cũng vậy. Phương thức kết hợp hoạt động báo chí và xuất bản này tạo nên sự thắng thế của một số thể loại văn học tại Việt Nam: truyện ngắn và tiểu luận. Trong khi ở các nước khác, hình thức phổ biến nhất của văn xuôi tự sự là truyện dài, ở Việt Nam lại là các tập truyện ngắn; ở các nước, hình thức phổ biến nhất của thể loại biên khảo là chuyên luận, ở Việt Nam lại là các tập tiểu luận. Cả truyện ngắn lẫn tiểu luận đều là những gạch nối giữa báo và sách.

Tình trạng trên làm cho ở Việt Nam, cho tới nay, báo chí vẫn chiếm vị trí trung tâm trong sinh hoạt văn học Việt Nam: báo chí là nơi giới thiệu những tài năng mới, là nơi đầu tiên công bố phần lớn các tác phẩm văn học, và cuối cùng, là phương tiện chủ yếu để nuôi sống những cây bút "chuyên nghiệp". Lịch sử văn học hiện đại Việt Nam, do đó, gắn chặt với lịch sử báo chí. Trung tâm của mỗi giai đoạn văn học thường là một hay vài tờ báo nào đó: của hai thập niên đầu tiên của thế kỷ 20 là tờ *Đông Dương* và tờ *Nam Phong;* của thập niên 30 là những tờ *Phong Hoá* và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*; của những thập niên từ 50 đến 70, ở miền Bắc là *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, rồi sau đó, *Văn Nghệ* và *Tác Phẩm Mới*; ở miền Nam, là *Sáng Tạo*, rồi *Thế Kỷ 20, Văn, Bách Khoa, v.v...*

Nên lưu ý là phần lớn những tờ báo lớn và được xem là trung tâm của mỗi giai đoạn vừa kể đều không hẳn là những tờ báo thuần tuý văn học. Ngay cả tờ báo nổi tiếng lừng lẫy như *Phong Hoá* cũng chỉ là một tờ báo pha tạp giữa văn học và xã hội. Cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Nhà Văn Việt Nam vẫn là một tờ báo văn nghệ (*Văn Nghệ*) chứ không phải là văn học. Hơn nữa, hầu hết các tờ báo thường được gọi là thuần tuý văn học cũng chỉ là những tạp chí (magazine) chứ không phải là chuyên san hay tập san (journal), nghĩa là có tính đại chúng hơn là chuyên môn.

Trong khi đó con đường chuyên nghiệp hoá một nền văn học phải là con đường liên minh với sách và với các tập san chuyên môn. Ở nhiều quốc gia Tây phương, sách bắt đầu phát triển từ thế kỷ 16 và thịnh hành vào cuối thế kỷ 18, lúc chỉ riêng tại London thôi, mỗi năm đã có trung bình gần 400 đầu sách được xuất bản (8). Trong những năm 1920, các tập san chuyên môn về văn học ra đời đánh một dấu mốc mới trong quá trình

phát triển của văn học. Theo Jonathan Culler, đặc điểm nổi bật nhất của loại tập san này là gắn liền với các đại học, được sự bảo trợ của các đại học, với sự đóng góp bài vở của giới hàn lâm ở đại học. Chính những tập san chuyên môn ấy đã dần dần đánh bại loại phê bình theo cảm tính và tuỳ tiện vốn có từ lâu, từ đó, dẫn đến sự thắng thế của lối phê bình diễn dịch trên lối phê bình thiên về đánh giá và lối nghiên cứu lịch sử văn học vốn thịnh hành trong nửa sau thế kỷ 19 và những năm đầu tiên của thế kỷ 20 (9). Nếu vào năm 1928, Edmund Wilson đã phàn nàn và điều phàn nàn của ông được sự đồng tình của nhiều người: "điều chúng ta thiếu nhất tại Hoa Kỳ không phải là các nhà văn, hay thậm chí, các đoàn nhóm văn học, mà đơn giản chỉ là một thứ phê bình văn học nghiêm túc" (10), thì vài chục năm sau, khi các tập san chuyên môn về văn học và cùng với nó, phương pháp Phê Bình Mới mà Jonathan Culler vừa nêu dần dần phát huy ảnh hưởng, nền phê bình văn học tại Hoa Kỳ đã nở rộ và trở thành một trong vài nền phê bình văn học phát triển huy hoàng nhất trên thế giới.

Khi sinh hoạt văn học gắn liền với các tập san chuyên môn và những tập san ấy gắn liền với hệ thống đại học, văn học được bảo đảm bằng một tầng lớp độc giả được đào tạo kỹ lưỡng với hai phẩm chất quý báu: một, có khả năng cảm thụ và phân tích cao; và hai, qua nghề nghiệp của họ - với tư cách là thầy cô giáo hay các nhà văn, nhà báo - có khả năng tác động ít nhiều đến sinh hoạt trí thức của xã hội. Phẩm chất thứ nhất giúp thu ngắn khoảng cách giữa tác giả và độc giả, khiến những tác giả có tinh thần cách tân đỡ phải lạc loài và từ đó, đâm ra nản chí, như hiện tượng thường thấy ở khắp nơi trong những thế kỷ trước và ở Việt Nam lâu nay. Phẩm chất thứ hai giúp cho trình độ cảm thụ của độc giả văn học bình thường ngày một được nâng cao hơn, khiến những tác phẩm tiền phong nhanh chóng trở thành những tác phẩm cổ điển để phần đông dân chúng, với tầm kiến thức trung bình, cũng có thể ít nhiều chia sẻ được. Kết quả của những điều này được nhìn thấy rất rõ: nếu trong thế kỷ trước cũng như trong nửa đầu thế kỷ 20, có những thiên tài đi trước thời đại khá xa, phải chờ đợi nhiều khi đến hết một đời vẫn chưa gặp được tri âm, thì trong nửa sau thế kỷ 20, hiện tượng ấy dường như không còn nữa. Về phương diện ý thức thẩm mỹ, giới phê bình và lý luận đi ngang tầm với giới sáng tác, và thậm chí, ở một số trường hợp, còn tham gia vào công việc khai phá với giới sáng tác, ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới sáng tác.

Ở Việt Nam, trừ một ngoại lệ duy nhất là tờ *Đại Học* do Cao Văn Luận và Nguyễn Văn Trung chủ trương tại đại học Huế vốn chỉ hoạt động

được một thời gian ngắn (1958-64), lại ở một địa phương khá heo hút, hơn nữa, lại cũng không chuyên hẳn về văn học, nên ảnh hưởng còn rất hạn chế, hầu hết các tờ báo văn học đều là báo hoặc tạp chí và đều có xu hướng thương mại, chủ yếu dựa trên khối độc giả đại chúng. Do đó, có thể nói quá trình chuyên nghiệp hoá văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 đến nay thực chất là một quá trình báo chí hoá văn học; và quá trình báo chí hoá văn học thực chất là quá trình bình dân hoá văn học. Thời gian gần đây, ở hải ngoại, để cố gắng lôi kéo số độc giả ngày càng ít ỏi và mệt mỏi; ở trong nước, để phần nào cạnh tranh với các tờ báo thời sự, xã hội và giải trí, các báo văn học có khuynh hướng đẩy mạnh quá trình bình dân hoá ấy bằng cách tận dụng đăng thật nhiều bài viết ngắn ngắn, nho nhỏ và nhè nhẹ đến độ ranh giới các tờ báo chuyên môn và những tờ báo phổ thông gần như bị xoá mờ. Khó mà nói được một nền văn học như thế là một nền văn học chuyên nghiệp. Chính vì thế, Nguyễn Công Hoan, khi nhìn lại đời viết văn được một số nhà phê bình văn học miền Bắc xem là "lực lưỡng" của mình, đã tự nhận: "Tôi chưa chuyên nghiệp hoá" (11).

Sinh hoạt trong môi trường không chuyên nghiệp như vậy, trừ một thiểu số ít ỏi, gồm những người có lý tưởng và nghị lực thật vững vàng, những kẻ dứt khoát và kiên định thực hiện đến cùng cái, nói theo cách nói của Phạm Thị Hoài, "bản hợp đồng ngầm với các con chữ" (12), còn lại, hầu hết những người cầm bút đều sáng tác trong tinh thần nghiệp dư. Tinh thần nghiệp dư khác tinh thần chuyên nghiệp ít nhất ở hai điểm. Thứ nhất, nó không có chuẩn đích, do đó, nó không biết và cũng không cần đi đến đâu cả: một ca sĩ chuyên nghiệp biết rõ mình cần phải đến đâu, một ca sĩ nghiệp dư thì chỉ "ngứa cổ hát chơi" mà thôi; một người chơi thể thao chuyên nghiệp biết rõ những ký lục mình cần phấn đấu và những giải thưởng mình cần phải giật cho được, một người chơi thể thao nghiệp dư thì chơi hoàn toàn theo hứng, vui thì chơi, buồn thì bỏ; một người viết văn chuyên nghiệp biết rõ mình phải cố gắng đạt đến những phẩm chất nghệ thuật gì, còn người sáng tác nghiệp dư thì... sao cũng được, miễn là giãi bày được ít nhiều tâm sự. Thứ hai, không có chuẩn đích, tinh thần nghiệp dư còn không có... biên cương, do đó, không định hướng được, và cũng do đó, dễ dàng xoá nhoà ranh giới mọi thứ một cách hoàn toàn tự phát: một ca sĩ nghiệp dư cứ thích "lấn sân" người mẫu thời trang; người viết phê bình cứ thích đóng vai kẻ nghe lóm và nói leo; nhà biên khảo thì chỉ thích viết văn hay như nhà văn; còn nhà văn thì cứ thích làm thơ và người làm thơ lại chỉ mê ề à kể chuyện.

Nhưng biểu hiện phổ biến và tệ hại nhất của việc lẫn lộn này chính là lẫn lộn giữa văn chương và báo chí, là viết văn trong tinh thần của một người viết báo.

Xin phân biệt sự khác nhau giữa hiện tượng viết báo như một nhà văn và hiện tượng viết văn trong tinh thần của một người viết báo. Nếu ở hiện tượng trước, người ta có thất bại thì cũng chỉ thất bại như một nhà báo; còn ở hiện tượng sau, nếu thất bại, người ta lại thất bại như một nhà văn, mà chính sự thất bại này mới là điều đáng cho chúng ta quan tâm ở đây. Tuy nhiên, giữa hai hiện tượng lại có quan hệ khá chặt chẽ với nhau: nếu thiếu tự giác, việc viết báo như một nhà văn có thể dần dần biến thành việc viết văn như một nhà báo. Trong khi chúng ta không thể thay đổi điều kiện sinh hoạt văn học Việt Nam hiện nay thì ít nhất chúng ta cũng cần lưu ý để ngăn chặn phần nào quá trình đồng hoá giữa hai lãnh vực rất khác nhau này.

Trong cái gọi là "tinh thần của người viết báo", có nhiều khía cạnh phức tạp, nhưng liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn, có hai khía cạnh nổi bật: tính chất thông tin và ý hướng phục vụ cho một loại độc giả nhất định. Viết văn trong tinh thần của một người viết báo, trước hết, là viết để kể lể một điều gì: ở đây cái phần được kể được xem là quan trọng hơn cái cách kể, trong khi văn chương thực sự là văn chương thì lại nằm ở trong cách kể chứ không phải là điều được kể. Viết báo là nhắm đến một mục đích nằm ngoài chữ nghĩa, trong khi trong văn chương, chính chữ nghĩa lại là mục đích tối hậu. Nhưng quan trọng hơn, chính là ở phía độc giả: chúng ta dễ thấy là tâm thế của người đọc sách và tâm thế của người đọc báo, dù là báo văn học, khác hẳn nhau. Đọc sách, người ta đi tìm sự chuyên sâu. Đọc báo, người ta tìm sự đa dạng và nhẹ nhàng. Tâm lý của người đọc báo là tâm lý của người bước vào các tiệm tạp hoá, ở đó, họ hy vọng là sẽ bắt gặp mỗi thứ một tí. Bởi vậy, viết văn bằng tinh thần của người làm báo rất dễ dẫn đến một thứ văn chương hàng xén.

Không có hình ảnh nào tiêu biểu cho thứ văn chương hàng xén ấy cho bằng phần lớn các tập sách gọi là phê bình và tiểu luận xuất bản gần đây tại Việt Nam. Đó là các cuốn sách tập hợp nhiều bài báo khác nhau, phần nhiều đăng tải trên các báo tuần và báo ngày: bài nào cũng ngắn ngắn, tuyệt đối không có tài liệu tham khảo, được viết bằng một cách nhìn đầy chủ quan và với giọng đầy cảm tính, thường thường pha chút bông lơn theo lối nói chuyện phiếm. Đọc, cứ có cảm giác như người ta mang

nguyên cả một quán cóc lên trang sách. Không phải ranh giới giữa văn chương và báo chí bị xoá nhoà mà ngay ranh giới giữa văn chương và chợ búa cũng bị xoá nhoà.

Kẻ thù chính của thứ văn chương hàng xén là tính chất phức tạp, nghĩa là toàn bộ những gì được gọi là hàn lâm (academic) và tiền phong (avant-garde). Nó ghét trích dẫn. Nó gán cho thói quen tham khảo và trích dẫn một danh hiệu đầy bỉ thử: thói "tầm chương trích cú". Nó kiêng kỵ những sự quy chiếu ngoằn ngoèo, xa xôi và phức tạp. Nó dị ứng với những gì nặng nề và rối rắm. Nó nghi kỵ cả tính chất uyên bác lẫn tính chất đa nghĩa. Nó không những xa lạ mà còn, hơn nữa, thù nghịch với xu hướng chuyên nghiệp hoá. Nó tạo nên một thứ lý tưởng thẩm mỹ riêng cho nó: *quen, nhẹ và dễ*. Một thứ thẩm-mỹ-mì-ăn-liền.

Thứ lý-tưởng-thẩm-mỹ-mì-ăn-liền ấy lại được sự cổ vũ mạnh mẽ của nhà cầm quyền từ năm 1945 đến nay: để dễ dàng tập hợp lực lượng, người ta đề cao tính đại chúng trong văn học. Văn chương bắt nguồn từ nhân dân, phải phục vụ nhân dân và cần được sự công nhận của nhân dân. Nhân dân là kẻ sáng tạo đồng thời cũng là nhà phê bình có thẩm quyền cao nhất. Người cầm bút, do đó, phải học tập nhân dân và phải trân trọng những sự đánh giá của nhân dân. Trong tinh thần như thế, người ta dần dần xem sự ái mộ của công chúng thuộc tầng lớp bình dân, thậm chí mù chữ, như là biểu hiện cao nhất của sự thành công trong văn chương. Cũng trong tinh thần như thế, viết cái gì vượt quá tầm cảm thụ của nhân dân một tí thì bị xem như một cái tội. Những nỗ lực làm mới thơ của một số cây bút trong nhóm *Nhân Văn - Giai Phẩm* vào cuối thập niên 50 bị xem là một cái tội. Kinh nghiệm về vụ trấn áp nhóm *Nhân Văn - Giai Phẩm* đã để lại cho giới cầm bút miền Bắc một bài học đau đớn: đừng viết cái gì khiến người khác phải động não. Chính vì thế, ở miền Bắc trước đây, mặc dù các nhà văn và nhà thơ không nhất thiết phải viết báo thì họ vẫn cầm bút trong tinh thần của một người đang phục vụ đại chúng. Nghĩa là hoàn toàn không khác tinh thần của một nhà văn viết cho tuần báo hay nhật báo ở miền Nam cùng thời.

Chịu ảnh hưởng của tuyên truyền về tính đại chúng và do áp lực của việc phát hành báo, hầu hết những người cầm bút Việt Nam đều ít nhiều xem quần chúng như một thước đo các giá trị văn học. Một trong vài điều các cây bút Việt Nam hay tự hào nhất là mức độ ăn khách của mình. Người ta xem đó như là bằng chứng hiển nhiên nhất của sự thành công dù,

chỉ cần tỉnh táo một chút, người ta sẽ nhận ra là có vô số các bằng chứng khác, ngược lại, cho thấy, hầu như không có quan hệ tất yếu nào giữa sự ăn khách và tài năng lớn cả. Phần lớn các tác giả *best-sellers* cứ lũ lượt kéo nhau đi vào quên lãng trong khi hầu hết những tác giả hàng đầu của nhân loại đều vô cùng vất vả trong việc chinh phục người đọc. Nếu được nhắc nhở, có lẽ các nhà văn Việt Nam đều nhớ ra điều ấy, nhưng ngay cả khi nhớ như vậy, họ vẫn âm thầm ghen tị với những kẻ có sách bán chạy hơn họ. Từ trong vô thức, họ vẫn không nguôi ước vọng "phục vụ quần chúng" và được quần chúng công nhận. Cái ước vọng thầm kín ấy cho thấy giới cầm bút chưa thực sự tự tin ở khả năng của mình, chưa thực sự tự giác về những lý tưởng thẩm mỹ mình cần vươn tới, và cuối cùng, chưa thực sự nhận thức được ranh giới giữa văn hoá cao cấp và văn hoá bình dân: một mặt, họ vừa cao ngạo tự xem mình là nhà văn hay nhà thơ cao cấp đang nỗ lực tạo dựng những tác phẩm có giá trị vĩnh cửu, nhưng mặt khác họ lại thèm thuồng được nghe tiếng vỗ tay tức khắc của đám đông, dù là một đám đông nhẹ dạ và hời hợt, chưa hề được trang bị những kiến thức cần thiết để tiếp cận những thử nghiệm mới mẻ trong hoạt động sáng tạo.

Ở các quốc gia phát triển cao, sự phân biệt giữa văn hoá cao cấp và văn hoá bình dân thường khá rạch ròi, ít nhất trong một giai đoạn lịch sử nào đó, khá dài. Một tác phẩm văn học nghiêm túc khác một tác phẩm bình dân từ cách trình bày đến nhà xuất bản, nơi bày bán và cả ở tham vọng của tác giả nữa. Một người viết các cuốn tiểu thuyết diễm tình (romance) bán cả hàng triệu ấn bản, trong khi bận bịu đếm tiền, không thắc thỏm chờ đợi các giải thưởng văn học và cũng không đòi hỏi giới phê bình phải công nhận mình là một nhà văn lớn. Ngược lại, một cây bút tiền phong thích tìm kiếm những phương thức biểu hiện độc đáo với tham vọng ghi một dấu ấn sâu đậm trong lịch sử văn học không mơ ước đến chuyện sách của mình được bày bán trong các sạp báo, các siêu thị, hoặc các ga xe lửa và cũng không phàn nàn gì về cái nghèo của mình. Ở Việt Nam, ranh giới giữa văn hoá cao cấp và văn hoá bình dân khá nhập nhằng: thứ nhất, về phương diện ý thức, phần lớn đều không nắm rõ khái niệm "cao cấp" và "bình dân"; và thứ hai, trên thực tế, cái gọi là văn hoá cao cấp, thật ra, chỉ cao hơn cái gọi là văn hoá bình dân một chút xíu mà thôi. Và cái ranh giới mong manh ấy có thể dễ dàng bị vượt qua. Chính vì thế, trong sinh hoạt văn học Việt Nam thường có những cú "bứt phá" ngoạn mục và oái oăm: một nhà văn bị xem là bình dân có thể có những tác phẩm vượt hẳn giới nhà văn tự xưng hoặc thường được gọi là cao cấp. Sự

"bứt phá" ấy còn nhiều biến dạng khác: một nhà thơ chuyên nghiệp bỗng nhảy sang viết truyện và truyện ấy hay hơn hẳn truyện của các nhà văn chuyên nghiệp; một nhà văn chuyên nghiệp khác một lúc nào đó trong đời tự dưng làm thơ và những bài thơ ấy hay hơn hẳn thơ của các nhà thơ chuyên nghiệp; một người sáng tác hứng chí viết phê bình và những bài phê bình ấy hay hơn hẳn các bài phê bình của giới phê bình chuyên nghiệp, v.v... Những sự "bứt phá" như thế không phải không có ở các quốc gia khác, tuy nhiên, nếu ở nước người, nó chỉ là những hiện tượng cá biệt thì ở ta nó lại khá phổ biến. Và chính tính chất phổ biến ấy làm cho phần lớn giới cầm bút không chắc về chỗ đứng thực của mình trong thế giới văn chương, từ đó, nảy sinh ra những trường hợp gian lận kỳ cục. Gọi thơ Hồ Chí Minh là thơ Hồ Chủ Tịch là một cách gian lận như thế: dùng quyền lực ở đời sống chính trị để tạo nên quyền lực trong văn chương. Thói quen ghi kèm đủ các thứ học vị, học hàm và chức tước linh tinh đằng trước tên tác giả trong một cuốn sách không phải là giáo khoa rất thông thường ở Việt Nam cũng là một cách gian lận: dùng giấy chứng nhận ở lãnh vực này để tăng uy thế ở một lãnh vực khác, như thể một nhà văn - tiến sĩ thì viết hay hơn một nhà văn - phó tiến sĩ, một nhà thơ - giáo sư thì làm thơ hay hơn một nhà thơ - phó giáo sư. Tự nhận là "nhà văn đàn anh" / "nhà văn đàn em" cũng là một cách gian lận: dùng tiêu chuẩn tuổi đời và tuổi nghề để phân bậc trong một thế giới mà khái niệm "tuổi", bất kể loại tuổi gì, đều rất ít ý nghĩa (13). Hơn nữa, ở một thế giới cần nhất là tài năng mà lại đề cao cái "tâm" cũng là một cách gian lận: hậu quả là, một, cái "tâm" trở thành một thứ vũ khí hữu hiệu trong tay những kẻ bất tài để đốn ngã những cây bút tài năng muốn vượt ra ngoài khuôn sáo của thời đại; hai, những kẻ bất tài được quyền tiếp tục cư trú lâu dài trong thế giới đáng lý không thuộc về hắn chỉ vì hắn tự nhận hoặc được xem là có "tâm", hoặc có "tâm" đối với một chế độ hoặc có "tâm" đối với cuộc đời nói chung.

Ngay cả chủ trương có vẻ đầy nhân tình trong lá Thư Toà Soạn đăng trên tạp chí Văn Học số 156 ra vào tháng 4.1999 vừa qua, theo tôi, nghĩ cho cùng, cũng là một cách nhập nhằng: nó đem những "tiêu chuẩn thông thường nhưng khó đạt" trong quan hệ xã hội để áp đặt vào thế giới văn học. Trong hai phương châm "Viết sao cho tử tế" và "Ở sao cho phải với nhau", chỉ có một yếu tố nhỏ dính dáng đến văn chương: "Viết". Nhưng cái viết ấy lại được điều hướng bởi một tiêu chuẩn phi văn chương: "tử tế". Như vậy, ở đây bản thân văn chương bị xem là thứ yếu so với quan hệ giữa những người viết văn với nhau. Cách nhìn này dường như không thích hợp với một tờ báo văn học, nơi đáng lẽ, trước hết, phải đòi hỏi viết

sao cho hay và ở sao cho phải với văn chương; nơi đáng lẽ phải xem một hành động thiếu "tử tế" nhất là việc viết tồi và cách "ở" không phải với nhau nhất là bắt người khác phải đọc một tác phẩm chưa hoàn chỉnh của mình. Cũng như một người đầu bếp thiếu tử tế nhất là một đầu bếp nấu vụng và cách ăn ở không phải nhất của một người đầu bếp là bắt thực khách phải ăn một món ăn không ra thức ăn. Hơn nữa, thế nào là "viết cho tử tế" và thế nào là "ở với nhau cho phải" trong lãnh vực văn chương? Là không làm buồn lòng nhau? Là làm ngơ trước những thiếu sót của nhau? Nhưng đến mức độ nào để tất cả những cách hành xử rất nhân tình ấy không trở thành một thái độ "ba phải" và không làm tổn hại đến chất lượng của văn chương và của tờ báo?

Cuối cùng, xin nhấn mạnh là, tính chất thiếu chuyên nghiệp dĩ nhiên không loại trừ các tài năng lớn. Trong một nền văn học hoàn toàn nghiệp dư trước thế kỷ 20, chúng ta vẫn có Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến và Tú Xương, v.v... Tuy nhiên, tính chất nghiệp dư không hề bảo đảm cho các tài năng kiệt xuất ấy được phát triển mạnh mẽ và liên tục. Nhìn lại văn học Việt Nam trong thế kỷ 20, chúng ta dễ thấy một hiện tượng phổ biến: những tác phẩm xuất sắc nhất của mỗi nhà văn, mỗi nhà thơ thường là những tác phẩm đầu tay. Càng về sau, càng lớn tuổi và càng có nhiều kinh nghiệm viết lách, chất lượng tác phẩm cứ yếu dần. Việt Nam là một trong những quốc gia hiếm hoi nơi mà tuổi thọ của giới cầm bút không phải là điều quan trọng: đứng về phương diện văn chương, có rất ít sự khác nhau giữa một người vắn số và một người thuộc loại "cổ lai hy". Điều này có nhiều nguyên nhân. Thứ nhất là phần lớn giới cầm bút Việt Nam chỉ viết bằng vốn sống trực tiếp của mình, bằng sự từng trải riêng của mình. Khi vốn sống trực tiếp ấy đã được khai thác hết trong một hai tác phẩm đầu tiên mà vốn sống gián tiếp, tức kiến thức từ sách vở không được bồi bổ kịp thời, tác giả chỉ còn một chọn lựa khôn ngoan duy nhất là ngưng sáng tác nếu không muốn tự lặp lại chính mình với một mức độ càng ngày càng nhạt nhẽo và thảm hại hơn. Thứ hai là, do nhu cầu báo chí hoá văn học, các tác giả càng ngày càng viết vội, và do đó, càng ngày càng viết kém. Con đường trở thành một tác giả ăn khách trên mặt báo, do đó, cũng chính là con đường huỷ hoại tài năng một cách nhanh chóng. Nhớ, có lần nhà văn Tuý Hồng từng nói về việc mình tự phá hư ngòi bút của mình khi lăn xả vào thế giới báo chí (14). Mà đâu phải chỉ có một mình Tuý Hồng? Tôi nghĩ là cả Mai Thảo, Nhã Ca, Duyên Anh, Sơn Nam, Thuỵ Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, v.v... ở miền Nam trước đây cũng đều ở hoàn cảnh tương tự. Tất cả đều mở đầu

sự nghiệp một cách tài hoa và kết thúc một cách đáng tiếc.

Trong tương lai, sẽ còn vô số tài năng lớn khác tiếp tục bị huỷ hoại khi tính chất nghiệp dư trong văn học vẫn còn tiếp tục. Mà, theo tôi, có lẽ nó sẽ còn tiếp tục khá lâu nữa. Cứ nhìn vào các tờ báo văn học, các quyển sách và xa hơn nữa, trong các lớp học văn, từ bậc phổ thông đến đại học ở Việt Nam hiện nay thì đủ biết. Ở đâu cũng bàng bạc một nỗi niềm nghiệp dư.❐

Melbourne, 14-4-1999

CHÚ THÍCH:

1. Malcolm Bradbury (1971), *The Social Context of Modern English Literature*, Basil Blackwell, Oxford, tr. 199.

2. Số ấn bản cho mỗi đầu sách thời 30-45 là khoảng từ 2.000 đến 3.000 cuốn; ở miền Nam thời 54-75 cũng tương tự; ở miền Bắc, số ấn bản cao hơn, có khi đến hàng chục ngàn, chủ yếu để phân phối cho các thư viện địa phương theo chính sách của nhà nước, và chính vì theo chính sách như thế, cho nên, một là, sách in nhiều nhưng có được hay không là một chuyện khác, hai là, mức phát hành sách không thay đổi mức nhuận bút được trả cho nhà văn và nhà thơ, do đó, những con số ấn bản này không làm thay đổi tình hình sinh hoạt văn học chút nào cả (Xem thêm chú thích số 3 phía dưới.) Sau khi có chính sách đổi mới, số ấn bản cho mỗi đầu sách rớt ngay xuống một mức cực thấp: khoảng 1.000 cuốn. Ở hải ngoại, với dân số nghe đâu đến hai triệu, tình hình cũng tương tự.

3. Nguyễn Công Hoan (1994), *Đời viết văn của tôi*, nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, tr. 98.

4. Theo Vương Trí Nhàn, trong *Những kiếp hoa đại*, nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1993, thì "Từ sau Cách mạng, khi nói về nghề viết văn, chúng ta thường hay nói đây là một công tác cách mạng mà không xem như một nghề kiếm sống. Đại khái thấy có ai có năng khiếu viết lách một chút là các cơ quan báo chí xuất bản liền kéo về làm các công việc kề cận với sáng tác, như phóng viên, biên tập viên. Rồi dần dần, trong những trường hợp đặc cách mà ở lớp người trên 40 nay mới có một vài người được hưởng, còn chủ yếu dành cho các ngòi bút cao niên, tách ra thành sáng tác chuyên nghiệp, không phải làm gì mà vẫn được hưởng lương đều đều, lên lương đều đều, việc xếp lương và lên lương này dựa vào thâm niên tham gia cách mạng, chứ không phải chất lượng sáng tác. Còn nhuận

bút chỉ là chuyện phụ, thêm thắt vào cho đỡ tủi, cả người trả lẫn người nhận đều hiểu không ai sống bằng nhuận bút, thôi Nhà Nước đã quy định vậy, thì ta cũng theo vậy. Nói gọn lại là đến nay chúng ta chỉ có những cán bộ viết văn chứ không có những người viết văn sống bằng nghề nghiệp của mình..." (tr. 141).

5. Võ Phiến (1986), *Văn học miền Nam, tổng quan*, Văn Nghệ, California, tr. 43

6. Dẫn theo Andrew Milner (1996), *Literature, Culture and Society*, Allen & Unwin, London, tr. 113.

7. Trần Thị Trâm (1994), "Vai trò của báo chí trong sự phát triển văn học dân tộc đầu thế kỷ 20", *Tạp chí Văn Học* (Hà Nội) số 6.1994, tr. 7.

8. A. Milner (1996), sđd, tr. 120.

9. Jonathan Culler (1991), "Journals and modern American criticism", in trong tập *Outside the Book, Contemporary Essays on Literary Periodicals*, do David Carter biên tập, nhà xuất bản Local Consumption Publications, Sydney, 1991, tr. 21.

10. Dẫn theo Jonathan Culler (1991), bđd, tr. 19.

11. Nguyễn Công Hoan (1994), sđd, tr. 98.

12. Phạm Thị Hoài, "Hợp đồng ngầm với các con chữ", trả lời phỏng vấn của Phạm Việt Cường, *Hợp Lưu* số 46 (tháng 4&5.1999), tr. 198-208.

13. Khái niệm "nhà văn đàn anh / đàn em" hình như chỉ có ở Việt Nam và, nếu tôi không lầm, hình như là do ảnh hưởng của quân đội trong thời 1954-75, nơi người ta hay phân biệt quân nhân không phải chỉ theo quân hàm mà còn theo các khoá huấn luyện trước hay sau. Tôi đã từng nghe một chuyện buồn cười: một nhà văn quèn, rất vô danh tiểu tốt, trong một cuộc họp văn nghệ ở Úc, đã nhắc đến tên một trong vài nhà thơ hàng đầu của Miền Nam trước đây, rồi nói: "Hắn là nhà văn đàn em của tớ đấy mà!". Khi có người thắc mắc, hỏi lại, nhà văn vô danh ấy trả lời tỉnh queo: "Khi tớ là trung tá thì hắn mới là đại uý thôi chứ mấy!"

14. Tuý Hồng, "Đến khi mất tiếng nói", *Văn Học* (California), số 5 (tháng 6.1986), tr. 4-18.

Xuân Diệu
trong ký ức nhà thơ Trần Đăng Khoa

Lời Tòa soạn: *Hiện nay ở Việt Nam cuốn* "Chân dung và Đối thoại" *của Trần Đăng Khoa là đề tài nhiều cuộc tranh luận sôi nổi trên báo chí. Cuốn sách thuộc loại phiếm luận văn chương, nhưng bất ngờ trở thành một cuốn sách ăn khách, từ khi phát hành lần đầu tháng 10.1998 đến nay đã tái bản đến lần thứ tám. Trong cuốn sách, có những bài Trần Đăng Khoa viết rất đạt, chẳng hạn bài viết về Xuân Diệu, Phù Thăng, Lê Lựu, Nguyễn Khải. Văn Học xin giới thiệu bài Trần Đăng Khoa viết về Xuân Diệu, để bạn đọc thấy thêm những nét đáng yêu của nhà thơ lớn này, vào giai đoạn gần cuối đời.*

Những năm cuối đời, Xuân Diệu hay nghĩ đến thời gian. Ông bất chợt hỏi tôi:

- Này, năm nay, Khoa bao nhiêu rồi nhỉ?

Câu hỏi như một thoáng thảng thốt, chứ Xuân Diệu còn lạ gì ngày sinh, tháng đẻ của tôi nữa. Và khi tôi nói tuổi mình thì ông nhìn tôi, thẫn thờ:

- Cậu còn trẻ quá. Còn mênh mông thời gian ở trên đầu. Muốn làm gì mà chẳng được. Khoa còn đến nửa thế kỷ nữa để sáng tạo, để vượt lên...

Quả là tôi còn nhiều thời gian. Đó là một may mắn, nhưng biết đâu đấy chẳng là bi kịch? Người bộ hành bé nhỏ đứng trước một con đường ngút ngát, phải lặn lội nửa thế kỷ nữa. Vượt như thế nào đây? Tôi ngẩng lên nhìn người đồng hành gần gụi nhưng cũng thật xa vợi. Bởi ông đã xuất hành trước tôi đến gần nửa thế kỷ.

- Quỹ thời gian của mình còn ít quá. Cứ theo cái thước Đặng Thai Mai thì mình còn vài nấc nữa. Mà theo cái thước Xuân Thủy, Nguyên Hồng thì mình đã quá mấy tấc rồi.

Nguyên Hồng mất đột ngột ở tuổi 65. Xuân Diệu đã ở cái tuổi 69. Ông như người chạy việt dã, đua với thời gian. Xuân Diệu tiết kiệm từng tích tắc. Nếu đi đâu về, thường thì ông treo áo lên mắc luôn chứ không vắt ở ghế, để khỏi mất một khoảng thời gian treo nó lên mắc áo. Có lần, Xuân Diệu mời tôi đến nhà để chuẩn bị cho cuộc hội thảo thơ ở trường Nguyễn Du. Ông hẹn chính xác tới từng phút. Tôi đến trước hẹn chừng nửa tiếng, Xuân Diệu kéo cái ghế mây mời tôi ngồi, rồi đưa cho tôi mấy tập bản thảo thơ tình chép tay của ông, để tôi đọc. Còn ông lại tiếp tục làm việc nửa tiếng nữa trên cái bàn cũ kỹ có lót một tấm kính cũng rất cũ kỹ. Dưới tấm kính là những bức ảnh ông chụp ở nước ngoài. Ông quên béng nhà đang có khách, quên cả cái nóng ngun ngút của Hà Nội mất điện và tiếng ồn ào náo động của đường phố tan tầm. Xuân Diệu như bò xoài trên trang giấy. Có lẽ bố tôi cày ải, chạy bão cũng không cực nhọc, khốn khổ như Xuân Diệu "cày" trên cánh đồng giấy của mình.

- Có lẽ mình đến đứt mạch máu não mất. Buốt óc quá!

- Chú mệt thế thì cứ nghỉ cho khỏe. - Tôi thành thực thương ông.

- Nhưng các báo yêu cầu mình. Xã hội còn "com-măng" mình. Thế nghĩa là mình vẫn còn có ích. Sợ nhất là thành "gái già". Chả ai còn ỏ ê đến nữa. Vả lại cứ phải viết, viết nhiều. Nhà văn tồn tại ở tác phẩm. Không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết. Thế nên cứ phải viết. Viết hàng ngày. Nhiều khi phải có người thúc mới ra được tác phẩm. Mình nhận bài và yêu cầu người đặt cứ phải thúc mình. Ấy thế rồi có sách đấy. Còn cứ chờ cảm xúc đến mới viết, thì muôn năm cảm xúc cũng chẳng đến cho. Nhà văn là ngồi vào bàn làm việc. Cứ làm việc, rồi sẽ tạo được cảm xúc.

Rồi như thể tiện tay, Xuân Diệu với tờ báo nước ngoài, giới thiệu cho tôi hai bài thơ rất hay của một nữ thi sĩ mà ông vừa đọc được. Cả hai bài thơ viết bằng một giọng điệu. Đó là sự chiêm nghiệm của con người trước thời gian. Ở một bài, nữ thi sĩ nói rằng bà đang làm việc hết mình, có chút sinh lực gì, bà trao tặng hết độc giả để đến lúc thần chết đến gõ cửa, bà sẽ đi theo hắn với hai bàn tay không. Còn bài khác là lời tâm sự của bà: Bạn bè ơi, ngày mai nếu phải giã từ cõi đời này, tôi sẽ yêu các bạn thắm thiết, tôi vẫn quay quanh các bạn như một vệ tinh, tôi vẫn nhìn thấy các bạn. Nhưng các bạn thì chẳng bao giờ còn thấy tôi đâu. Xuân Diệu bùi ngùi:

- Đấy, hay không? Sâu sắc không? Nghĩ được đến thế là "xuất sáo" * lắm. Đôi lúc mình cũng có ý nghĩ như thế. Hỡi các ông trẻ, hãy đến với tôi. Tôi còn nhiều kho báu lắm. Tôi sẽ trao hết cho các ông trẻ, để đến lúc cái chết gõ cửa, kéo đi, tôi chỉ là một cái vỏ cam đã vắt hết, là thằng kiết

xác chỉ có hai bàn tay không...

- Ôi, chú cứ lo xa. Chứ chú khỏe lắm. Cháu trông chú đang "vượng" đấy!

Tôi cười xuế xóa. Không ngờ câu nói đùa ấy lại làm Xuân Diệu rất vui! Ông đứng dậy pha trà, rồi mở tủ lấy ra một cái kẹo đưa cho tôi. Kẹo sôcôla Pháp, Huy Cận mang từ Paris về...

- Cái tuổi của mình cũng không biết thế nào đâu. Nhưng dù thế nào mình cũng phải viết chục cuốn sách nữa, mình mới đi Văn Điển.

Lần đầu tiên tôi gặp Xuân Diệu vào quãng cách đây hơn ba mươi năm. Dạo ấy, Xuân Diệu còn trẻ, mà tôi cũng chỉ là chú bé lên chín, lên mười, vừa lẫm chẫm bước chân vào làng thơ. Nói thế cho sang, cho oai, chứ thực tình lúc ấy, tôi chẳng có ý thức gì hết.

Tôi đến với thơ hồn nhiên như em bé đến với trò chơi. Nhưng khi gặp Xuân Diệu, thì tôi hiểu được rằng, thơ ca không bao giờ là trò chơi cả. Nó là một công việc sáng tạo cực nhọc. Có thể nói may mắn cho đời tôi là tôi đã sớm gặp Xuân Diệu. Không phải tôi đến với ông mà chính ông tìm đến với tôi. Trong quan hệ, ông đối xử với tôi rất bình đẳng. Ông gọi tôi bằng cháu, đôi khi hứng lên bằng em. Nhưng trong sáng tác, ông coi tôi như một người bạn đồng nghiệp. Còn tôi thì luôn biết mình là một người học trò nhỏ bé của ông.

Xuân Diệu về nhà tôi vào năm 1968. Ông cùng Huy Cận dự đại hội cháu ngoan Bác Hồ ở Nam Sách. Và trong đại hội ấy, tình cờ ông gặp tôi. Mãi sau này, tôi mới biết đó là cách sắp xếp, bố trí của các anh chị Huyện Đoàn. Họ sợ tôi tự kiêu trước sự kiện hai nhà thơ lớn tìm đến nhà. Ở cái thời ấy, người nào mang tiếng là tự kiêu, thì coi như kẻ vô dụng, là đồ bỏ đi rồi. Xuân Diệu cùng tôi chơi trò đóng kịch dưới sự dàn dựng của các nhà đạo diễn không chuyên ở Huyện Đoàn. Nhưng về đến Nam Sách, thì ông quên mất cái đại hội ầm ĩ tiếng trống ếch ấy. Nửa đêm ông lần về nhà tôi. Theo lời mẹ tôi kể, thì bác "nhà báo" đã mượn cây đèn bão, xách ra vườn, soi từng giàn trầu, gốc cau, luống mía và mấy cây bưởi. Xuân Diệu tìm gặp những "nhân vật" thân thuộc của tôi. "Bác ấy kiểm tra xem mày nói có đúng không. Khổ, có thế nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kẻo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hả con? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện".

Mẹ tôi vẫn băn khoăn, lẩn mẩn không yên, cho mãi đến chiều hôm sau, Xuân Diệu cùng Huy Cận vui vẻ kéo tôi trở lại nhà. Lúc ấy đã xế chiều. Dân làng đổ đến nhà tôi để xem "hai ông Tây". Trong lúc Huy Cận

nói chuyện với bà con xã viên, thì Xuân Diệu kéo tôi ra ngoài. Ông ngồi bệt xuống góc sân trước cửa chuồng gà và bắt đầu chất vấn tôi. Mồ hôi ông vã đầm đìa, ướt đẫm cả cái áo sơ-mi kẻ sọc. Xuân Diệu mở cuốn sổ thơ tôi mà ông chép tay, rồi bắt đầu đánh dấu, ghi chép. Tôi không biết ông có nghe tôi không. Thỉnh thoảng, gương mặt ông lại ngẩn ra, nom xa vợi như ông đang nghĩ đến một chuyện nào khác. Rồi ông thay kính liên tục, mỗi khi mồ hôi làm mờ mắt kính. Ông có đến hai cái kính để ở hai túi áo khác nhau. Cứ sau năm bảy phút, ông lại thay kính. Xuân Diệu dường như không có thói quen lau kính.

Trong chùm thơ tôi, ông đặc biệt chú ý bài *Mưa*.

- Sao cháu lại chọn thể thơ này, mà không phải là lục bát?

- Vì cháu muốn diễn tả cơn mưa. Cơn mưa rào dồn dập, hối hả, lúc mau, lúc thưa, nên phải dùng loại thơ tự do có những câu dài ngắn không đều. Còn nếu diễn tả cánh cò bay chẳng hạn, thì cháu mới làm lục bát.

Xuân Diệu mỉm cười, nhìn xéo vào mặt tôi:

- Tại sao thế?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy của ông. Tôi chỉ biết con cò bay thì cánh vươn nhịp nhàng hợp với thơ lục bát. Xuân Diệu cười vang lên.

- Thế còn Ông trời - mặc áo giáp đen, sao cháu lại viết thế?

- Vì cháu nghĩ đến Thánh Gióng. Ông Thánh Gióng ra trận. Thế bác có biết ông Thánh Gióng không?

Đến đây thì tôi biết mình thật ngớ ngẩn. Làm sao Xuân Diệu lại không biết Thánh Gióng? Cũng may lúc ấy, ông không để ý đến câu hỏi của tôi. Ông tiếp tục "quay" tôi.

- Tại sao lại đội sấm - đội chớp? Ông sấm ông ấy đánh cái xoẹt. Thế cậu muốn bố cậu chết hay sao mà bắt ông ấy đội sấm?

Tôi không dám cãi Xuân Diệu, chỉ cười trừ. Xuân Diệu cũng cười. Nhưng mấy ngày sau, vào lúc mười giờ đêm ngày 1-6-1968, cái làng quê hẻo lánh, yên tĩnh của tôi đã vang lên giọng bình thơ của ông Tây qua các loa công cộng, trong buổi phát thanh Tiếng thơ. Giọng Xuân Diệu sang sảng:

- Bố em đi cày về/ Đội sấm/ Đội chớp/ Đội cả trời mưa...

Thế là từ đấy, Xuân Diệu trở thành người thầy dạy nghề nghiêm khắc, gần gũi, thân thiết của tôi. Không phải chỉ trong nghề nghiệp, mà kể cả cách ứng xử hàng ngày. Ai đó tiếp xúc với tôi, có điều gì đó phật ý, họ lại mách Xuân Diệu. Ví như chuyện tôi thật thà chê thơ ai đó. Xuân Diệu chân tình khuyên tôi:

- Cháu cố gắng đừng để mọi người khó chịu với mình vì những cái vặt vãnh. Cháu không phải Xuân Diệu, nên cháu không được chê như thế.

Cái gì hay thì khen. Không hay thì im lặng, lờ đi. Im lặng cũng là một lời chê đấy.

Xuân Diệu không thích trường ca. Đôi khi, ông còn nhìn thể loại văn học này bằng con mắt lạnh lùng, cay nghiệt. Tôi không hiểu tại sao lại thế. Cũng có thể ông không chỉ là nhà thơ, mà còn là nhà phê bình. Trong lĩnh vực phê bình, Xuân Diệu thường quyết liệt, không khoan nhượng và nghiêm khắc đến nghiệt ngã, mà trường ca lại là một thể loại khó viết và có viết được cũng rất khó hay. Nhưng thói đời, những gì khó chiếm lĩnh thị trường lại có sức hấp dẫn mãnh liệt những kẻ đi chinh phục. Rất nhiều tác giả xông vào thể loại hiểm hóc này, đặc biệt là những cây bút trẻ sung sức. Có người viết cùng lúc hai, ba cái trường ca. Viết để thể nghiệm. Viết để thử bút lực. Bản thân tôi, ở cái thời trẻ con ngông cuồng và rồ dại, cũng không phải chỉ một lần, mà có tới bốn lần nhắm mắt, lao đầu vào cái vách đá răng ngựa này. Bản trường ca đầu tiên tôi viết là khi đang học lớp bốn. Hồi ấy, Johnson vừa tuyên bố tạm ngừng ném bom miền bắc. Trường ca diễn tả đoàn người nghèo khổ, đói rách, sắp chết lả vì khát, bước lên lưng cua thần, bay lên giời, đánh nhau với Thần Hạn. Thơ viết theo thể tự do, vần điệu phóng thoáng, mang hơi hướng của những bản trường ca cổ đại và những truyện thần thoại dân gian. Tôi đặt tên là *Trường ca giông bão.* Tôi chép thành hai bản sạch sẽ. Một bản gửi nhà thơ Phạm Hổ, ông Marshak của Việt Nam, lúc bấy giờ đang cai quản phần thơ tuần báo Văn nghệ. Gửi là gửi chơi, để ông đọc chơi, vì tôi rất quý Phạm Hổ, rất yêu những câu chuyện đồng thoại của ông viết cho trẻ con, chứ không nghĩ đến việc in báo. Bởi trường ca quá dài, nhùng nhằng đến ngót ngàn câu, làm sao báo tải được. Còn một bản tôi gửi nhà thơ Xuân Diệu, gọi là để xin thầy mấy lời chỉ bảo. Xuân Diệu im lặng. Ông chẳng ỏ ê gì. Mọi lần nhận thư và thơ tôi, bao giờ ông cũng trả lời, và trả lời ngay tắp lự. Trong thư ông nhận xét và góp ý rất cụ thể. Ông không phân tích, bình luận dông dài, mà thường chỉ đưa ra cái kết luận ngắn gọn có tính tổng quát. Đại loại như bài *Bến đò*, ông bảo: "Hay, sâu sắc" (sau này ông có dịch bài thơ này sang tiếng Pháp in trong tập *Văn học Việt Nam*, Nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội). Bài *Tiếng nói*, chỉ có sáu câu lục bát ngắn gọn diễn tả một ngày làng quê, qua những âm thanh thiên nhiên, ông bảo: "Hai câu cuối sáng tạo. Còn bốn câu trên cọc cạch". Nhưng cọc cạch như thế nào, vì sao lại cọc cạch thì ông không nói rõ. Đấy là phần việc của tôi. Tôi phải tự nghiên cứu, tự khám phá lấy. Vì vậy, đọc thư Xuân Diệu thường là rất mệt. Dạo ấy tôi còn viết một bài thơ nho nhỏ tặng ông. Biết Xuân Diệu nồng nhiệt, tha thiết sống, sống hối hả, sống cuống quýt, và với ông thì sự sống chẳng

bao giờ chán nản, Xuân Diệu muốn trẻ trung, trẻ trung mãi mãi, để chống cái già cứ "xồng xộc" đến, ông làm thơ tình, ông nhuộm tóc cho xanh lại. Rồi ông yêu cầu mọi người gọi ông bằng anh. Có cô gái trẻ mê thơ ông, gọi ông bằng bác, ông đã khó chịu, "Bác gì? Bác phó cối ấy à?", đến khi cô ta lại còn hỏi tuổi nữa, thì ông bực mình thực sự: "Ớ sao mà em vô duyên thế, em. Nhà thơ làm gì có tuổi". Và tôi viết tặng ông bài thơ, nói cái sự trẻ trung của Xuân Diệu. Đến cả bài thơ ấy Xuân Diệu cũng vẫn không quên có lời nhận xét. Ông nói một câu mà lại như là chẳng nói gì cả: "Cảm ơn Khoa đã có bài thơ về chú Xuân Diệu". Vậy mà đến cái vụ trường ca này thì không hiểu sao, ông lại im lặng, đến cả một câu xã giao chung chung nhất cũng không có nốt. Hay là thất lạc? Sau đó mấy tuần, bản thảo cùng gửi với bản gửi Xuân Diệu đã được in trên tuần báo Văn nghệ. Đấy là điều tôi không thể ngờ được. Tòa soạn chỉ cắt mấy câu mở đầu miêu tả Thần Hạn bay lượn trên vùng đất khô xác, hoang rợn, trường ca bắt đầu từ đoạn miêu tả bữa tiệc nhà trời với cái tên rất dung dị: *Đi đánh Thần Hạn*.

Sau đó là một mùa hè thú vị. Tôi rời làng quê ra vùng biển Quảng Ninh thăm người anh ruột là nhà thơ Trần Nhuận Minh đang công tác tại vùng mỏ. Khi về, mẹ tôi kêu lên từ cổng: "Ối giời, sao mày về muộn thế con? Hôm qua có mấy bác ở Hà Nội cưỡi ô-tô về nhà mình chơi, tao giữ lại ăn cơm canh cua, nhưng chả bác nào chịu ở, bảo phải đi Hải Phòng. Có bác gì ấy gửi cho mày quyển truyện". Mẹ tôi lụi cụi vào buồng, lôi từ cót thóc ra một cái tay nải đã cũ. Đấy là cái kho sách lưu động của mẹ tôi mà con cái không được phép lục lọi. Trong đó lổng chổng mấy cuốn Trê cóc, Hoàng Trừu, Thạch Sanh, Kiều và mấy đồng bạc trắng, mấy đồng kẽm lỗ vuông, không biết tiền từ đời nảo, đời nào. Loạy nhoạy một lúc, mẹ tôi mới tìm được một cuốn sách dày dặn. Hóa ra tập *Đối thoại mới* của Chế Lan Viên. Ngay sau bìa sách là mấy dòng chữ viết cheo chéo. Nét chữ trông rất rối: "Khoa ơi, chú qua thăm, tiếc Khoa đi Hông Quảng không gặp. Cái *Đi đánh Thần Hạn* hay lắm. Chú có *Đối thoại mới*, tiện đây gửi Khoa đọc đại khái - Chế Lan Viên". Tôi ngẩn người, không tin ở mắt mình nữa. Trước đấy, tôi cũng vinh hạnh được gặp Chế Lan Viên. Nhưng chỉ gặp một lần, và lần ấy cũng loáng thoáng vài ba phút. Tôi không kịp nhớ gương mặt ông. Xuân Diệu tiễn tôi ra cổng thì ông đến. Trông ông không có gì là to lớn, bệ vệ. Cũng không có dáng vẻ lơ mơ thi sĩ - một gương mặt rất hoạt. Cặp mắt sắc, nhanh nhẹn và hết sức thông minh, nhưng là cái thông minh của một nhà thông thái hơn là một thi sĩ tài ba. Xuân Diệu gọi ông là Hoan. Trong lúc trò chuyện với Xuân Diệu, ông cũng tự xưng mình là Hoan, Xuân Diệu giới thiệu tôi với ông. Ông chỉ cười, rồi nhấc bổng tôi

lên. "Ối chà! Thi sĩ gì mà bé như cái kẹo thế này!".

Bây giờ đọc mấy dòng viết vội của Chế Lan Viên, tôi cứ bâng khuâng mãi. Rồi nhân đà hứng khởi ấy, tôi lại viết tiếp một trường ca nữa. Tựa vào một cốt truyện đơn giản: Một cậu bé thành phố sơ tán về nông thôn trong thời gian chiến tranh, rồi qua con mắt của cậu bé mà nhìn người quê, cảnh quê, những phong tục tập quán nơi thôn dã. Tôi lấy tên là *Làng quê*. Sau đó, Nixon trở lại ném bom miền bắc tàn bạo hơn, khốc liệt hơn. B.52 rải thảm Hà Nội, Hải Phòng. Quê tôi cũng bị oanh tạc dữ dội. Cái làng nhỏ bé yên tĩnh nằm bên đường 5, con đường chiến lược nối Hà Nội, Hải Phòng, dường như bây giờ mới thực sự bước vào cuộc chiến. Không ngày nào không có tiếng gầm rít của bom đạn. Đêm cũng không yên, vì tiếng bom rền không ngớt ở cả hai mạn Hà Nội, Hải Phòng. Thỉnh thoảng khu vườn và mảnh sân lại nhoàng lên trong ánh sáng ma quái của những vệt tên lửa khắp bốn phía trời bay qua chi viện cho Hà Nội. Mẹ tôi rên rẩm: "Giời ơi, thế này thì còn gì là người nữa, hả giời. Cứ đánh nhau mãi thế này. Thớt trên mòn thì thớt dưới cũng mòn"... Mẹ tôi hình dung cuộc chiến tranh như cái cối xay lúa. Tôi che ngọn đèn dầu bằng lá khoai nước, hì hục viết trường ca *Trừng phạt*. Tôi viết như bị ma ám. Viết liền một đêm ngót ngàn câu thơ, dựng cảnh âm ti, địa ngục, những bà mẹ mang thai, những em bé chưa biết lẫy, những búp-bê, ngựa gỗ, những bà cụ mù lòa, một đoàn người mất đầu, cụt tay, đi lang thang trong chiều âm ti, tìm đến điện Diêm Vương, đập cửa đòi xử bọn giết người. Mấy ngày sau, tỉnh táo ngồi lạnh lùng đọc lại, vẫn thấy không có gì phải sửa chữa thêm, tôi bèn chép gửi thầy Diệu. Và rồi cũng như mấy lần trước đó, Xuân Diệu vẫn im lặng như một vách đá bí hiểm, không dội lại một tiếng vọng nào.

Sau này có dịp về Hà Nội, tôi ghé thăm Xuân Diệu. Ông mở cửa đón tôi, vẻ mặt hồ hởi. Rồi ông kéo ghế mây, mời tôi ngồi và bắt đầu nói. Ông nói to như diễn thuyết. Cảm giác trước ông không phải cậu bé nhà quê 14 tuổi, mặt mũi đen nhẻm, xấu xí, áo quần nhếch nhác, nhem nhuốc, mà là một quảng đại quần chúng. Xuân Diệu nói về việc sinh đẻ có kế hoạch. Gương mặt ông bừng bừng xúc động. Tôi ngồi ngẩn người chẳng hiểu ra làm sao cả, rồi thì thấy run, rồi thì thấy hoảng, rồi thì thấy mình đầy tội lỗi, như thể mình là một tội phạm, đang chịu sự đấu tố. Thế mới biết bố già thâm thúy thật. Bố ấy ám chỉ mình "đẻ" vô tội vạ đây. Ca với chả kiếc. Mà thực ra mình cũng quá đáng lắm, đã biết tính "ông cụ" thế, còn gửi trường ca đến trêu ngươi làm gì. Tôi cứ thầm rủa xả mình thế. Sau mới biết nhầm. Xuân Diệu hoàn toàn không có hàm ý ấy. Bởi những lần gặp sau, ông vẫn nói chuyện đó, chuyện sinh đẻ có kế hoạch. Dường như ông quên lần trước ông đã nói gì, hoặc giả ông tưởng tôi ở đâu mới đến lần

đầu, chưa từng được nghe ông nói. Ông bảo mình khổ, mình nghèo đói, nhếch nhác là vì mình đẻ nhiều quá. Cả nước thành một trại gà công nghiệp. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, rồi túng quẫn đâm ra cắn xé lẫn nhau. Cả đời chỉ cắm mặt xuống đất, bới cái ăn, chẳng hiểu gì xung quanh, chẳng biết Bach, Beethoven, Hugo, Shakespeare, những vẻ đẹp mà cả nhân loại ngưỡng mộ, sùng kính. Tôi chỉ im lặng nghe, rồi cười trừ. Vì mình trẻ con, lại ngu đần, biết gì mà nói cơ chứ!

- Mà đẻ vô tội vạ như thế là ngu, là rất ngu. Cậu có thấy ngu không? - Xuân Diệu đột ngột hỏi tôi. - Bọn đàn ông chúng mình nói chung là ngu lắm. Đẻ thế, vợ nó yêu con nó, chứ nó yêu đếch gì mình.

Tôi bật cười trước ý nghĩ ngộ nghĩnh đến lạ lùng của Xuân Diệu. Tiếng cười không thể nén được của tôi dần lây sang ông. Ông cũng cười. Nụ cười làm gương mặt Xuân Diệu dịu hẳn lại. Thế rồi đang nói chuyện sinh đẻ kế hoạch, Xuân Diệu đột ngột quay ra Trần Nhuận Minh:

- Này, dạo này Minh viết lên tay đấy, cứ lầm lụi mà đi được bền. Ờ, mà cậu ấy mấy con rồi nhỉ?

- Ba đứa chú ạ!

- Ba đứa? - Xuân Diệu bỗng trợn mắt lên. - Thế thì còn làm thơ làm quái gì nữa. Đẻ thế là thành con vịt rồi.

Nói đoạn, Xuân Diệu lắc đầu, nhắm tịt hai mắt lại, rồi chọc một ngón tay lên giời. Trên ấy là gia đình Huy Cận. Rồi lè lưỡi, rụt cổ, tựa hồ đang phải mang vác một cái gì nặng nề lắm lắm. Lúc ấy trông ông như một diễn viên kịch câm.

Khi Xuân Diệu tiễn tôi ra cửa, làm ra vẻ tình cờ, tôi mới rụt rè hỏi:

- Bữa trước, cháu có gửi chú mấy trường ca...

- À, có, có, - Xuân Diệu cướp lời. - kìa, chú để hết cả trong thùng sắt kia kìa.

Xuân Diệu chỉ vào buồng xép. Ở đấy có cái giường đơn, sách vở và đồ đạc lỉnh kỉnh. Dưới gầm giường là một cái hộp nhỏ, dạng va-li trông hao hao như cái tráp đồ lề của mấy ông thợ cạo nhà quê.

- Đấy, "bảo tàng" của Khoa đấy nhé!

Xuân Diệu tủm tỉm cười. Rồi để khỏi phải nhận xét lằng nhằng về trường ca, cái thứ ông chẳng thấy thú vị gì, ông nói ông quý mến tôi như thế nào. Thư từ, bài vở của tôi gửi ông, ông đều cho hết vào thùng sắt.

Sau này, khi tôi viết thêm trường ca *Khúc hát người anh hùng*, ông mới chính thức lên tiếng. Trước đó, ông có thư cho tôi: "Này, chú Tố Hữu gửi lời chê Khoa đấy nhé. Chú ấy bảo Khoa dạo này oai lắm, Khoa đang múa giáo giữa đường đấy!" Rồi Xuân Diệu chân thành phán xét tôi. Sau khi khen vài câu, một số đoạn thơ, câu thơ hàm súc, có phong cách cổ

điển, ông chê tôi đã viết bằng sự thông minh, viết khéo quá, kỹ xảo quá, mà thơ thì lại đòi hỏi phải chân chân chân, thật thật thật. Ngôn ngữ và kỹ xảo phát triển vượt bậc, nhưng trường ca thì dường như đã lạc mất đường thơ. Thơ cốt gợi, chứ không phải kể. Tôi đã viết thư cảm ơn ông. Nhưng điều ông nói, tựu trung là chính xác, không ai có thể cãi được. Cố nhiên đó là quy luật chung của thơ, là thơ nói chung. Còn ở một cái trường ca dài, viết về một nhân vật có thật, một người anh hùng với những trận đánh cụ thể, những kỳ tích cụ thể, cũng khó mà áp dụng được quy luật ấy.

Tôi giã từ trường ca, vì không có nhu cầu viết dài nữa. Khi đó trường ca lại rộ lên, lại được mùa lớn. Một loạt trường ca ra đời, thành sự kiện văn học những năm bảy mươi. Nhiều tòa báo, nhiều thư viện, tạp chí tổ chức hội thảo về trường ca, Xuân Diệu không tham gia cuộc hội thảo nào. Tôi nghĩ có thể ông không thích trường ca, nên không để ý tới cái hoạt động văn hóa rất sôi động ấy. Nhưng thực chất đâu phải. Xuân Diệu theo dõi rất sát các cuộc hội thảo, ông đọc rất kỹ những bài viết về thể loại văn học này. Ông còn tỷ mẩn gạch chân, đánh dấu những chỗ viết không đúng văn phạm của mấy nhà phê bình, nghiên cứu. Tôi mạnh dạn đề nghị:

- Chú Diệu ơi, nếu chú rỗi thì bớt chút thời gian, cho anh em một số ý kiến...

- Về cái gì? - Xuân Diệu hỏi lại. - Về trường ca ấy à? Thế cậu có biết trường ca là cái gì không? *Ca ca*, tiếng Tây nghĩa là gì, cậu biết không? *Ca ca* là cứt cứt! Đấy, tôi xin mời các ông trẻ, các ông cứ *ca* đi, chứ Xuân Diệu không có *ca* đâu nhé.

- Nhưng chú cũng đã *ca* rồi đấy chứ. *Hội nghị non sông, Ngọn quốc kỳ, Mỹ Châu Trọng Thủy*...

Tôi kể tên mấy trường ca của Xuân Diệu. Ông ớ ra một thoáng, rồi ngay lập tức, ông bảo:

- À, cái đó tớ viết bằng hồn. Còn các cậu, các cậu viết bằng gì? Toàn là những sự kiện. Những thông tấn báo chí. Cái đó không phải thơ đâu nhé! Tớ chẳng ngửi thấy gì cả.

Còn nhớ dạo ông tặng tôi tuyển tập thơ, tôi đọc và quả thật, rất kính phục ông. Khi gặp ông, tôi thú thực:

- Trong này có mấy bài thơ tứ tuyệt, cháu thuộc từ đời nảo, đời nào, thuộc thơ, rồi lại quên mất tác giả, lại tưởng thơ Đường, cứ đinh ninh thơ Đường mới chết chứ!

Xuân Diệu cười, tỏ ra rất tâm đắc. Ông cảm ơn tôi và khen tôi có con mắt xanh. Rồi ông đứng dậy pha cà-phê. Thấy ông vui, tôi lại càng chân thật:

- Cháu rất thích tập thơ này. Nhưng không hiểu sao, vẫn cứ tiếng tiếc. Cháu thấy có nhiều bài dở, chú ạ.

- Ơ, cái cậu này hay chửa? - Xuân Diệu trợn mắt lên. - Thế cậu tưởng đây là tuyển thơ à? Còn phải sàng sảy chán. Đời sau, người ta sẽ tuyển lại chứ! Còn bây giờ có cái gì, cứ phải quăng ra đã. Nhà đang cháy thì cái thúng, cái mẹt, cái váy đụp gì thì cũng cứ vứt ra, rồi sau sẽ nhặt nhạnh, chọn lọc lại, cái gì dùng được thì giữ, cái gì không dùng được thì vứt đi. Mà thời gian nó sẽ vứt hộ. Nhà cậu đang cháy, mà cậu còn ngồi chọn lọc của nả à?

Tôi im tịt chẳng nói được gì. Đầu óc dường như mụ mị. Đúng thật. Sao mình lại ngu thế nhỉ. Ai lại đi chọn lọc của cải khi mà nhà đang cháy. Mãi đến lúc thoát khỏi cái mê cung của Xuân Diệu rồi, đạp xe đi một quãng xa rồi, tôi mới sực tỉnh, mới chợt nhận ra một điều quá ư là đơn giản: in thơ tập và cháy nhà là hai việc rất khác nhau.

Lại một lần khác nữa, tôi đến thăm Xuân Diệu. Ông đưa tôi đọc bản thảo chép tay mấy bài thơ mới của ông. *Ghe lui để lại dấu dầm - Người yêu dẫu vắng, dấu nằm còn đây.* Dựa vào hai câu ca dao Nam Bộ này, Xuân Diệu xây dựng cấu tứ bài thơ tình *Dấu nằm*. Người yêu đã đi xa, dấu nằm còn ở lại. Dáng chân thế nào, nét tay ra sao? Xuân Diệu miêu tả rất đằm thắm. Bài thơ khá xinh xẻo.

- Thơ chú hay lắm, nhưng cái cô gái này rất dở. Không thể mê được.

- Sao, cậu nói sao?

- Cháu nghĩ, con gái phải gọn ghẽ, kín đáo. Con gái mà nằm ngủ tênh hênh ra là hỏng rồi. Em gái cháu mà như thế thì mẹ cháu giết. Cái cô gái này đã đi xa rồi, mà còn để nguyên dấu vết của mình bề bộn trên giường, thế là cô gái vô ý, là đoảng, chú ạ!

- Cậu chả hiểu gì cả. Yêu nhau rồi, say đắm nhau rồi thì còn gì là đoảng nữa. Đến cái mùi hôi nách của nó cũng thành hương nhài, hương huệ. *Lỗ mũi em mười tám gánh lông - Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho.* Đấy, lấy nhau rồi mà còn thế, huống hồ nữa là đang yêu. Mà cậu đã yêu chưa?

Xuân Diệu đột ngột hỏi. Tôi lúng túng.

- Dạ, chưa, cháu... chưa...

- Thế thì cậu hiểu làm sao được Xuân Diệu cơ chứ? Bằng tuổi cậu, mình đã yêu nhiều rồi, đã biết *Yêu là chết ở trong lòng một ít.* Thế mà dạo ấy mình còn chưa hiểu được hết Xuân Diệu kia. Cậu đã bằng được mình dạo ấy đâu, mà cậu đòi hiểu Xuân Diệu. Lại còn cái cậu Trần Đăng Xuyền này nữa chứ, - Xuân Diệu lật tìm tờ Văn nghệ. - Mà cậu Xuyền ở đâu nhỉ? Trường đại học Sư phạm à? Làm ông giáo à? Cậu ấy là nhà phê bình mà

chẳng hiểu cái quái gì cả. Lại bảo thơ tình của mình cổ, xa lạ với bạn đọc trẻ tuổi nữa chứ. Gớm, mình mong cổ điển còn chẳng được đây. Mà tình yêu thì làm gì có cái chuyện cổ hay không cổ? Giả sử bây giờ bà chúa Chè bà ấy sống lại, bà ấy mặc cái yếm nhuộm vỏ xó, đi thưỡn thẹo trước mặt các cậu, liệu các cậu có ngắm không? Có mê tít đi không? Thế mà lại còn chê người ta cổ!

Xuân Diệu thích nhà phê bình nào nhất? Có lần tôi đã tò mò hỏi ông câu hỏi ấy. Xuân Diệu không trả lời. Ông đăm đăm nhìn tôi như nhìn một thằng dở người. Tôi chờ đợi một lời quở mắng gì đó. Nhưng đột ngột, Xuân Diệu tránh miệng ra, trông như cười. Nhưng lại không phải cười. Ông như chú bé con đang làm xấu. Nhưng ông lại không phải chú bé con, nên trông rất kỳ quái. Thế là tôi cười. Xuân Diệu cũng cười. Câu hỏi thành trò chơi bông phèng vui vẻ. Rồi tôi cũng quên đi. Nhưng Xuân Diệu thì lại nhớ. Một lần tôi vừa đến cửa, ông đã hỏi:

- Này, Khoa đã đọc Nguyễn Đăng Mạnh chưa? Anh ấy có con mắt xanh đấy. Cuốn *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* hay lắm. Anh ấy rất có tài, nhưng chỉ có tài phê bình văn xuôi thôi.

Ngừng một lát, Xuân Diệu tiếp:

- Phê bình thơ khó lắm. Nó là cái việc đầu mày, cuối mắt. Phải có năng khiếu thơ mới phê bình thơ được. Ở ta có rất nhiều nhà phê bình thơ có tài, nhưng lại không viết. Như anh Huy Cận chẳng hạn. Anh ấy tinh tế lắm, am tường thơ lắm đấy, nhưng anh ấy không viết, nên mọi người không biết đấy thôi. Còn những anh viết, và viết nhiều thì lại điếc đặc, chẳng biết gì. Những cái mũi chỉ có khả năng hít nách vợ lại mang ra ngửi thơ ca. Thế nên mới náo loạn, mới gây nên tình trạng lộn xộn, mà thơ ca thì cứ không ngừng xuống cấp. Cả nước đua nhau làm thơ thì chết đói rồi. Thế nên mình cứ phải khó tính, cứ phải làm cái con gà mái đứng gác cửa chuồng. Mặc dù làm cái việc lườm nguýt bất lịch sự đó cũng chẳng hay ho gì. Mà nhiều anh nó còn ghét cho nữa. Có cậu còn đe ném cứt vào nhà mình. Nhưng mà mình chẳng sợ. Mình "chơi" với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Tú Xương, mình sợ gì cái lũ quỷ hạng ba, chở năm toa đen không hết ấy. Mà mình cũng chẳng thèm đành hanh nữa đâu. Chỉ vài ba năm nữa thôi, dù chẳng muốn, mình cũng thây kệ các cậu, mình đi Văn Điển. Thế thì mình còn sợ quái gì!

Xuân Diệu đột nhiên im lặng. Ông nhìn ra khung cửa sổ mở rộng. Ngoài ấy là khu vườn. ánh nắng cuối ngày còn rực lên một lần nữa trong vòm lá sấu xanh mỡ. Gương mặt Xuân Diệu nhuốm một nỗi buồn âm thầm. Ông đưa tay vuốt mái tóc nhuộm đen, nhưng chân tóc lại bạc trắng,

cả chân mày cũng bạc, bạc xóa như một nhuốm tàn nhang cháy dở. Chưa bao giờ tôi thấy Xuân Diệu già như lúc này. Điều đó làm tôi ớn lạnh. Giả sử Xuân Diệu ngã xuống thì sao? Tôi thoáng rùng mình.

- Dạo này chú còn hay đi nói chuyện thơ nữa không? - Tôi hỏi cho có chuyện, để xua đi cái ý nghĩ nặng nề đang ám ảnh.

- Ít lắm, thi thoảng thôi, - Xuân Diệu đáp, - vì mình không còn nhiều thì giờ, phải viết nữa chứ. Mình đã viết xong bài về thơ Huy Cận rồi. Bây giờ nếu chết cũng chết được rồi, không còn gì phải ân hận nữa. Mình chỉ sợ chết mà không viết xong được cho Huy Cận.

Xuân Diệu mỉm cười. Nụ cười rất mãn nguyện. Bài giới thiệu tuyển tập Huy Cận ông đã viết xong đến dòng cuối cùng. Có dễ trăm trang chứ chẳng ít. Tình cảm của Xuân Diệu đối với Huy Cận thật hết dạ, hết lòng. Nhìn Xuân Diệu vui, lòng tôi se lại. Không hiểu sao dạo này, ông hay nói đến cái chết. Có điềm gì chăng?

- Hôm nay, lẽ ra mình đi Hà Bắc nói chuyện. Nhưng mình lại không đi nữa.

- Chú mệt à?

- Không! Mình không đi vì cái cậu đi mời nó ngu quá! Đã mời nhà thơ Xuân Diệu rồi, lại mời hai nhà thơ trẻ nữa. Thế ra gà tức nhau tiếng gáy à mà phải tranh nhau gáy.

- Họ không biết, chú ạ. Có khi họ chỉ nghĩ đơn giản...

- Không biết thì phải học chứ. Lịch sự cũng cần phải học. Ở các nước văn minh, không bao giờ người ta để những nhà thơ lớn xếp lộn tùng phèo với các nhà thơ hạng ba. Chỉ ở mình mới có sự lộn xộn như thế. Thơ tớ, nó còn xếp nhuận bút ở thang loại B, loại C nữa kia...

Rồi Xuân Diệu nhếch mép cười, thoảng một nét gì chua chát:

- Ở nước mình, người ta thường cố gắng làm chết những người đang sống và ra sức cứu sống những kẻ đã chết. Rồi đấy, cậu xem, sau khi Xuân Diệu chết rồi, họ sẽ lôi cả chổi cùn, rế rách của Xuân Diệu ra mà tung hô. Cái dở của tớ nó cũng khen um lên. Những bài hạng C rồi sẽ thành A hết! - Ông bỗng khịt mũi, - Không khéo đến cả cứt của tớ nó cũng bảo là vàng.

Xuân Diệu mời tôi ăn cơm với ông, nhưng tôi từ chối, với lý do là đã trót hẹn với một người bạn rồi. Thực ra chẳng có người bạn nào chờ tôi chiều ấy cả. Sau này tôi cứ ân hận mãi, sao hôm ấy mình không ở lại ăn bữa cơm đạm bạc với Xuân Diệu.

- Thế thì cứ ở chơi thêm chút nữa đã. Mình có thơ mới đây. Lâu rồi, Khoa không lại chơi.

- Cháu qua luôn đấy, nhưng chú đi vắng. - Tôi khẽ chống chế.

- Mình đi vắng thì Khoa phải để giấy lại chứ. Không thế sao mình

biết được là Khoa đến chơi.

Xuân Diệu đưa bản thảo cho tôi đọc, rồi ông đứng dậy làm cơm. Ông đặt cái bếp điện có dây mayso lên bệ tường, rồi bóp cơm nguội để rang lại. Bàn tay Xuân Diệu to, cái xoong lại bé tí, nên ông làm có vẻ chật vật. Đang bữa chiều, các gia đình thổi cơm, điện sụt thế. Cái bếp bắt bụi, chỉ khẽ phả ra một thoáng khói mỏng, mãi không đỏ lên được. Xuân Diệu lụi cụi cho mỡ vào chảo. Trong tâm trí tôi bỗng vẳng lên những câu thơ thân thuộc của ông *Em ngồi ríu rít ở sau xe - Đời vui khi được có em kề - Anh đợi em về ăn cơm - Em bóc anh múi cam - Em chăm anh miếng nước - Em có tài nấu nướng? - Anh có tài ngợi khen.* Người con gái ấy là ai? Và cái cảnh đầm ấm, ríu rít ấy ở đâu? ở trong đời hay ở cõi mộng? Trước đây tôi thấy có một người vẫn nấu cơm cho Xuân Diệu. Đó là một bà cụ già, người nhỏ thó, gương mặt nhăn nheo mà Xuân Diệu vẫn gọi là u già. Bà cụ cứ một điều "bác Diệu", hai điều "bác Diệu". "Cậu giáo đến thăm bác Diệu à? Bác ấy ở trên nhà đấy. Cứ để xe đó, tôi trông cho". Không hiểu sao, bà cụ cứ gọi tôi là cậu giáo. "Bác Diệu ơi, vườn rụng nhiều lá quá. Mai tôi quét đun nhé", "Vâng, u quét đi". "Thế cũng đỡ cho bác hai hào than đấy!" Lâu nay tôi không thấy bà cụ đâu nữa. Cũng có thể bà cụ về quê, vì đã quá già, không nấu được cơm cho Xuân Diệu nữa. Cũng có thể, bà cụ đã mất rồi. Xuân Diệu không nói, mà tôi cũng không nỡ hỏi.

Tôi không hiểu nhiều lắm về đời tư Xuân Diệu, cũng không biết ở các lĩnh vực khác, ở những mối quan hệ khác, Xuân Diệu là người như thế nào. Còn đối với văn chương, ở riêng địa hạt văn chương thì Xuân Diệu quả thực có biệt tài. Đặc biệt là tài thẩm thơ. Có khi ông chỉ chữa giúp tôi một chữ mà bài thơ biến đổi cả thần thái. Ví như bài *Đêm Côn Sơn*. Nhiều người nhắc đến câu thơ *Ngoài thềm rơi cái lá đa - Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*. Xuân Diệu cũng khen hai câu thơ này. Ông cho là tôi nghe tinh, có giác quan tinh tế. Nhưng thực ra khi viết, tôi đâu có nghe, mà cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều. Tôi chỉ muốn lấy cái động của lá rụng để diễn tả cái tĩnh của ngôi chùa, và tôi bịa ra cái lá đa rụng. Thực tế, Côn Sơn không có đa. Sân chùa chỉ có mấy cây đại, cây ngâu, và xa hơn nữa là đồi thông, là rừng bạch đàn. Nhưng phải có cây đa thì mới ra cái chùa "Con vua thì lại làm vua - Con sãi ở chùa lại quét lá đa". Rồi tôi viết:

Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm /Sợ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền.

Sợ gì là tôi tự nói với mình, trong đêm đừng sợ ông Bụt, ông vẫn chỉ ngồi yên thế thôi. Nhưng đến Xuân Diệu, ông chữa thành:

Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm /Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền...

Xuân Diệu chỉ thay một chữ "nghĩ", ông Bụt đã hóa thành cơ thể

sống, đã thành sự sống.

Xuân Diệu tinh tường như vậy đấy. Còn trong lĩnh vực sáng tác, Xuân Diệu đã hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thơ ca của mình từ khi ông mới 24 tuổi: cho ra đời hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Đây là thời kỳ rực rỡ nhất trong đời thơ Xuân Diệu. Thơ ông tài hoa, tinh tế và sang trọng. Sau này Xuân Diệu vẫn tiếp tục làm thơ, đều đặn và cần mẫn: "Cục ta cục tác - Đẻ trứng này rồi, tôi còn trứng khác". Và cũng như con gà công nghiệp ấy, Xuân Diệu đẻ liên tục, sòn sòn hết lứa này đến lứa khác. Trung bình cứ một, hai năm ông lại cho ra đời một tập thơ đề huề, vạm vỡ. Nhưng đấy vẫn là sản phẩm phụ, là phần ông làm thêm, cho ta một Xuân Diệu sung sức, một Xuân Diệu phong phú, đa dạng, tung hoành trên nhiều đề tài. Tôi rất thán phục hai câu thơ kiệt xuất được viết sau cách mạng của ông:

Trái đất ba phần tư nước mắt /Đi như giọt lệ giữa không trung...

Theo tôi, đây là hai câu thơ hay trong kho tàng thi ca nhân loại. Hay ở sự giản dị, ở tầm lớn, ở sức khái quát rất cao, ở cả cái tài nghệ đưa thực tế vào thơ nữa. Xuân Diệu có những thỏi vàng ròng quý giá như vậy vứt lăn vứt lóc ở những xó xỉnh nhá nhem trong cái kho châu báu của ông. Tuy thế, tôi trộm nghĩ, sự đóng góp lớn lao của Xuân Diệu sau cách mạng vẫn không phải là thơ ca, mặc dù thơ ông vẫn hay, cũng không phải ở mảng dịch thuật, mặc dù mảng dịch thơ, giới thiệu thơ này cũng đã đủ thành một sự nghiệp mà nhiều người không dám mơ tưởng. Tài năng Xuân Diệu sau thời *Thơ thơ, Gửi hương cho gió*, một lần nữa lại rực chói lên ở lĩnh vực phê bình, nghiên cứu thơ ca. Nói như Chế Lan Viên, một mình Xuân Diệu làm việc bằng cả một viện hàn lâm văn học. Ở đó, ông vừa là viện trưởng vừa là anh loong toong. Xuân Diệu đã viết hầu hết các danh nhân văn học Việt Nam. Viết hay đến mức không ai có thể sánh được. Mặc dù trước Xuân Diệu chúng ta đã có Hoài Thanh, nhà phê bình thiên tài ở thời thơ mới. Trong khi có những nhà nghiên cứu viết hàng tập chuyên luận dày hàng trăm trang về một tác giả nào đó mà vẫn lù mù, vẫn mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm, thì Hoài Thanh chỉ lẩy vài chữ, thậm chí chẳng cần trích một câu thơ nào, mà vẫn thể hiện hết thần thái, hồn vía của thi sĩ đó. Nếu Hoài Thanh có biệt tài tiên cảm văn chương, thì Xuân Diệu lại rất giỏi đi vào kỹ xảo, đi vào thực tiễn cụ thể của bếp, núc nhà nghề. Hai tập *Nhà thơ cổ điển* của ông, cùng với *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, là hai bộ sách quý, và đối với tôi, đó còn là bảo bối, là sách học nghề.❐

* *Xuất sáo*: Một từ riêng Xuân Diệu dùng để chỉ mức độ đánh giá cao hơn "xuất sắc".

Sương Gieo chứ không phải Sương Siu

Nguyễn Quảng Tuân

Trong quyển *Chinh phụ ngâm bị khảo*, ở bài F, câu 168, Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm hai chữ 霜超 là *"sương siu"* và đã chú thích hai chữ ấy là *vấn vít*.

Chúng tôi nhận thấy cần phải tìm hiểu lại xem hai chữ ấy có thể phiên âm là *sương siu* được không?

Nếu truy nguyên về cách phiên âm của hai chữ 霜超 thì Nguyễn Văn Tố là người đầu tiên đã phiên âm hai chữ ấy là *"sương xiu"* trong *Hoa tiên ký diễn âm* (c.510) in trong Tập kỷ yếu hội Trí tri (Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel) số 3-4 từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1936.

Hoàng Xuân Hãn, đến năm 1953, trong quyển *Chinh phụ ngâm bị khảo*, chỉ là người thứ hai đã phiên âm hai chữ 霜超 là *sương siu* và đã chú thích là *vấn vít, bịn rịn*.

Lại Ngọc Cang, đến năm 1961, trong truyện *Hoa tiên*, ở câu 754, trang 137 đã phiên âm hai chữ 霜超 là *sương siu* theo Hoàng Xuân Hãn và đã chú thích như sau:

SƯƠNG SIU: tiếng cổ, nghĩa là vấn vít, quyến luyến. Đặng Trần Côn viết trong nguyên bản *Chinh phụ ngâm*: "Lương đầu song yến yến, *bạch thủ* hà tằng vong *khiển quyển*". (Đầu xà nhà, đôi chim én sống bên nhau đến *bạc đầu* há từng quên *vấn vít*). Bản F đã dịch là:

"Kìa xem đôi én dập dìu / Trọn mùa ríu rít sương siu đầu rường".

Đào Duy Anh, trong truyện *Hoa tiên* in năm 1978, đã phiên âm hai chữ 霜超 theo Hoàng Xuân Hãn là *sương siu* và đã chú thích như sau (ở câu 492):

SƯƠNG SIU: từ xưa, có nghĩa là *sai trái, trật trẹo*. Câu này ý nói vì việc làm sai trái (lạc lối vườn nào) tự tiện sang vườn láng giềng mà phải

chịu tội trễ nải. Cũng có khi nghĩa là *quấn quít, bịn rịn* nhưng không phải nghĩa ở đây.

Qua các câu trích dẫn ở trên, chúng tôi nhận thấy sự sai nhầm đã bắt đầu từ Hoàng Xuân Hãn vì ông đã căn cứ vào câu thơ dịch ở bài F (trong *Chinh phụ ngâm bị khảo*) để phiên âm và chú thích hai chữ 霜超 .

Nếu căn cứ vào hai câu dịch ở bài F:

Kìa xem đôi én dập dìu / Trọn mùa ríu rít sương siu đầu rường.

mà đối chiếu với câu *nguyên tác* của Đặng Trần Côn:

Hựu bất kiến: Lương đầu song yến yến, Bạch thủ hà tằng vong khiển quyển.

thì chúng ta thấy rõ ngay:

Hựu bất kiến	đã được dịch là	*kìa xem*
Lương đầu	đã được dịch là	*đầu rường*
Song yến yến	đã được dịch là	*đôi én*
Bạch thủ	đã được dịch là	*"sương siu"* (gieo)
Hà tằng vong khiển	đã được dịch là	*dập dìu trọn mùa*
quyển	đã được dịch là	*ríu rít*

rằng Hoàng Xuân Hãn đã nhận nhầm *sương siu* là được dịch từ chữ *khiển quyển* vì thấy tự điển J.F.M. Génibrel ghi:

Khiển: - khuyển (quyển) amis intimes

- quyện (bịn rịn), difficile à séparer.

Nhưng thực ra *khiển quyển* mới có nghĩa là bịn rịn, quyến luyến nhau, không rời xa nhau như bài F đã dịch là "dập dìu trọn mùa ríu rít" (tức vấn vít, bịn rịn, không xa nhau).

Riêng hai chữ *bạch thủ* mới được dùng để dịch là 霜超 (sương gieo) mà Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm sai là *"sương siu"* và đã giải thích sai là bịn rịn.

Chúng tôi xin nói rõ thêm về hai chữ 霜超 (sương gieo).

SƯƠNG GIEO tức sương gieo điểm trắng mái đầu là do chữ *sương trụy* hoặc *sương uy* thường được dùng trong Hán văn.

Chữ SƯƠNG ngoài nghĩa thông thường là hơi nước đọng thành hạt nhỏ còn có hai nghĩa bóng:

1. SƯƠNG là trắng.

Từ Hải có ghi 白白霜 (bạch viết sương)

Nghĩa này chúng ta thấy trong nhiều từ như *sương phát* và *sương mấn* (tóc bạc trắng). Trong thơ văn của ta cũng có các câu:

Tuyết sương điểm trắng mái đầu hoa râm. (Truyện Kiều)

Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về (Chinh phụ ngâm)

Da mồi sạm mặt, tóc sương điểm đầu (Nhị độ mai)

2. SƯƠNG là hình phạt, tai họa (vì sương rơi đã làm cho cây cỏ bị tàn tạ) hoặc sự quở trách nghiêm khắc như *sương uy, sương liệt* (chỉ uy thế dữ dội, đáng sợ). Tấn thư: *Sương uy nhất chấn* = oai sương đã gieo xuống.

Nay căn cứ vào các nghĩa ấy, chúng ta có thể giảng được câu 492 và câu 736 trong *Hoa tiên* và câu thứ bảy trong bài *Cảm cựu*...

a. Câu 492 trong *Hoa tiên*:

Câu này Nguyễn Văn Tố (1), Đinh Xuân Hội, Tôn Thất Lương và Lại Ngọc Cang đều phiên âm là:

Sương gieo để chịu biết bao tội tình.

Nguyễn Văn Tố không có chú thích. Đinh Xuân Hội đã chú thích:

Sương gieo: bởi chữ *sương trụy* là nói vạ đến như sương gieo vào. Câu này ý Vân Hương nói vì đi lạc lối mà phải mắc cỡ nên xin chịu lỗi với Dạo Tiên.

Tôn Thất Lương cũng chú thích tương tự như Đinh Xuân Hội:

Sương gieo: sương rơi xuống làm cho cây cỏ điêu tàn. Đây ví sự tai vạ, bị quở trách như sương gieo, do chữ "sương oai nhất chấn": oai sương đã gieo xuống (Tấn thư).

Và đã diễn giải là:

"Tôi trót vì đi lạc nẻo nơi vườn nào đây (tức là nơi lối thông vườn Lương sinh) hóa ra về trễ, làm nên tội tình".

Đào Duy Anh tuy phiên âm theo Hoàng Xuân Hãn (*sương siu*) nhưng lại chú thích theo Đinh Xuân Hội và Tôn Thất Lương:

Sương siu: từ xưa có nghĩa là sai trái, trật trẹo. Câu này ý nói vì việc làm sai trái (lạc lối vườn nào) tự tiện sang vườn láng giềng mà phải chịu tội trễ nải. Cũng có khi nghĩa là quấn quít, bịn rịn nhưng không phải nghĩa ở đây.

Qua cách phiên âm và chú thích ở trên, chúng tôi nhận thấy Đinh Xuân Hội và Tôn Thất Lương đã đúng.

b. Câu 736 trong *Hoa tiên:*

Câu này Nguyễn Văn Tố, Đinh Xuân Hội và Tôn Thất Lương đều phiên âm là:

Đêm lành khéo lẽ sương gieo hẹn lành.

Nguyễn Văn Tố không có chú thích. Đinh Xuân Hội đã chú thích:

Sương gieo: nói tin sương đem đến. Đây nói tiện được đêm nay tốt lành, mà tin trước những sự hẹn hò tốt lành về sau.

Tôn Thất Lương lại chú thích khác:

Sương gieo: do chữ *sương trụy* = sương rơi cây cỏ vàng úa, ý bóng là

Trên biển khuya
LÊ NGUYÊN

Đêm nghe gió gọi tên người
Biển khuya sóng vỗ ru lời bi ca
Mắt môi quá vãng mù lòa
Dấu xưa kỷ niệm dễ nhòa trong nhau?
Nhắn lời qua cánh hải âu
Nghìn khuya tưởng vọng muôn sau thương thầm!

Chúng tôi, qua phần trình bày ở trên, cho rằng trong từ cổ không làm gì có từ *"sương siu"* vì chính Hoàng Xuân Hãn cũng đã cho biết *hai chữ ấy không có trong các tự điển cổ* mà ông chỉ "lấy ý" mà "đoán nghĩa" thôi.

Riêng chữ 超 thuộc câu 271, bài C trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* mà ông phiên âm là:

Biếng giồi phấn để má siu

và giảng "siu" là mốc thì cũng không đúng vì nếu đem áp dụng *âm* và *nghĩa* ấy vào câu 280 trong *Cung oán ngâm khúc:*

"Nghiêng bình phấn *mốc* để giồi má *siu*" thì rõ ràng là không ổn vì *"siu"* không thể có nghĩa là *mốc* được.

Vậy để kết luận cho bài viết này chúng tôi xin được minh xác là:

1. Hai chữ 霜超 không thể phiên âm là *"sương siu"* như Hoàng Xuân Hãn mà phải phiên âm là *sương gieo* như Nguyễn Văn Tố, Đinh Xuân Hội, Tôn Thất Lương và Đoàn Thăng.

2. Hai chữ 霜超 (*sương gieo*) không hề có nghĩa là *bịn rịn* mà chính chữ *khiển quyển* mới có nghĩa là *bịn rịn*, nếu căn cứ vào câu 168, bài F trong quyển *Chinh phụ ngâm bị khảo.*

Nguyễn Quảng Tuân

(1) Nguyễn Văn Tố khi phiên âm bản *Hoa tiên ký diễn âm* đã viết là *"sương xiu"* nhưng khi phiên âm bản *Hoa tiên nhuận chính* lại viết là *"sương gieo"*.

(2) Thơ Hồ Xuân Hương từ cội nguồn vào thế tục (Đào Thái Tôn) trang 42.

Hàn Huyên

Trúc Chi

Việt nhấp một hớp trà, châm điếu "555":

"Không biết cà phê Âu Mỹ ngon tới cỡ nào, chớ còn ở Sàigòn bây giờ, chỗ này tao cho là cà phê ngon nhất. Ngon ở cái chỗ hớp trà đã làm trôi cái chua của chất đường đi rồi mà hương cà phê vẫn còn. Mày thấy không?"

"Thấy. Mà ngon thiệt đó chơ. Coi cái cách mày nhấp, tao cũng đã biết là nó ngon rồi."

Ngày trẻ, chúng tôi là đôi bạn hợp nhau ở nhiều điểm. Thích xem truyện Tàu, tiểu thuyết võ hiệp, mê vọng cổ, hay la cà nơi mấy quán cóc những lúc túi tiền cho phép. Có một điểm mà chúng tôi nhất trí một trăm phần trăm là "trai thời loạn như tụi mình, phải có chí lớn." Tranh luận, bàn cãi mãi, chúng tôi kết luận rằng chúng tôi có chí lớn thật! Còn như cái chí lớn đó nó là cái gì thì bây giờ chúng tôi chỉ biết nhìn nhau cả cười mà thấy rằng nó vẫn *chưa về*. (Tôi mượn chữ hai chữ *chưa về* của Thâm Tâm.) Chúng tôi là đôi bạn may mắn còn mày tao với nhau mà không thấy ngượng mồm ngượng miệng. Hai mươi mấy năm xa cách mà trong ly cà phê tái ngộ này, mày tao nghe còn êm ru bà rù, còn ngọt lịm.

Hôm nay, tôi để cho bạn tôi sắp xếp "chương trình". Tiết mục thứ hai sau ly cà phê sáng là việc đi thăm một thằng bạn thân trong một bệnh viện ở Chợ Lớn "không thì e không kịp nữa," theo như lời Việt. Từ 75 đến nay, đi chôn người quen, thân nhân, bạn bè ở bên Mỹ cũng nhiều, nhận được tin buồn từ Huế, Saigon, Hà Nội cũng không phải là ít. Đã vậy, vì vai vế của tôi trong gia đình nên lâu nay thường tôi phải gánh một phần khá lớn của những cái khoản quan hôn tang tế xa gần. Bây giờ chân ướt chân ráo bước vào cái trời Đông Phố này phải lại dọn lòng cho một cái đám ma nữa! Tôi sực nghĩ rằng nếu mà tôi sinh vào thời trước, chịu khó đi

học đi hiệc, thi đỗ thi điếc, làm quan làm kiếc - tôi nhại một khổ trong một bài Hát Nói nói khuyết danh - chắc chắn là thế nào cũng được bổ vào cái chức tham tri bộ Lễ, vốn có phận sự lo phúng điếu khắp nơi trong triều và ngoài quận. Tàng tóc trong lòng từ mấy chục năm nay chưa đủ hay sao hỡi trời? Tôi đã tự hỏi thầm tôi câu đó qua một hơi khói thuốc.

Nhưng mà ở bệnh viện ra, không cần phải dọn, lòng dạ tôi lúc này là một cây bầu đứt dây. Tôi nói với Việt:

"Đi kiếm cái gì uống."

Việt nhìn tôi với một nét dò xét, lo ngại lộ ra mặt:

"Mày tập uống rượu vào buổi sáng từ bao giờ vậy?"

"Tao chưa nghiện rượu đâu. Đây là lần thứ hai trong đời mà tao thấy cần phải có một chút rượu trong người trước giờ ăn cơm trưa."

"Lần thứ nhất, chắc lại là cái dạo nàng *bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông* chứ gì?"

Tôi cảm động. Không phải vì bạn tôi nhắc đến chuyện cũ của tôi, nay cũng đã cũ thật. Mà chính là vì, sau hơn mấy chục năm trời, Việt vẫn còn nhớ là thời học sinh, tôi rất mê thơ tình của Nguyễn Bính. Nhà thơ rất chung tình này lại bị tình phụ sau *chín năm đốt đuốc soi rừng*. Nhưng mà đó là một thứ tình khác.

Tôi nhớ lại lần đầu tiên trong đời tôi uống cạn mấy ly rượu mạnh vào khoảng mười giờ sáng. Tôi nghĩ đến cái buồn, cái lo bấn ruột sáng ngày mùng 1 tháng 5 năm 75. Ngày lễ Lao Động Quốc Tế. Hôm ấy, vào một phút mặc niệm cho một lối sống, một nếp sống mà tôi biết là đã vĩnh viễn ra đi trên một nửa đất nước còn lại sau hiệp định Genève, tôi đã mời chai cognac trong cái tủ rượu của tôi ra mà đối ẩm. Vặn radio lên lại chạm đúng vào một đài ngoại quốc đang đánh bản Quốc Tế Ca. Hình như một nhân vật trong quyển *Darkness at Noon* của Arthur Koestler cũng đã hát bài đó khi nằm trong xà lim. Chuếnh choáng, tôi nghĩ đến lời ca tiếng Pháp của bài đó mà tôi còn nhớ lõm bõm, tôi hát theo điệu nhạc trong đài...*Đứng lên, này những kẻ bị đày đọa trên mặt đất! Đứng lên, này những tên khổ sai của sự đói khó!** Nhạc cũng như lời hùng hồn thật. Không trách chi mà nhiều lãnh tụ trong những mảnh tả tơi của khối cọng sản nay không còn nhớ nữa. Hoặc giả là họ vẫn nhớ, nhưng không muốn hát nữa chăng? Cái chuyện thay bậc đổi ngôi đôi khi cũng tạo ra nhiều hoàn cảnh tréo cẳng ngỗng cho người trong cuộc. Bây giờ há miệng thì có vẻ như lại mắc quai! Cũng kẹt thật.

Nhưng mà thôi. Hơi đâu mà bận tâm. Bởi vì ở bệnh viện ra, tôi rầu héo cả ruột. Tôi muốn quên cái mùi tanh tanh trong căn phòng bệnh không được sạch sẽ lắm. Tôi muốn quên những vật vã quằn quại trên cơ thể

người bạn đang bị một cơn đau nó hành hạ, tra tấn. Tôi cũng muốn quên luôn những âm thanh không còn là tiếng người phát ra từ một đôi môi méo xệch, khô nứt, đôi môi mà ngày trước nổi tiếng trong đám bạn cùng trường là có tài ăn nói, lẻo mép nữa là khác. Hôi nãy, nhìn bàn tay xương xẩu của bạn tôi đang bấu chặt lấy bàn tay người đàn bà đứng cạnh giường bệnh, tôi hỏi:

"Có thuốc cho ảnh đỡ đau không chị?"

"Dạ có, nhưng mà có khi ảnh cũng cứ còn đau lắm." Sau câu trả lời mà tôi đoán là giọng miền Tây, là một cái lắc đầu thật nhẹ, một cái nhìn trong đôi mắt ươn ướt bên dưới có quầng thâm trên gương mặt phờ phạc, thoáng một nét bất lực, tuyệt vọng.

Việt đèo tôi đến một nhà hàng có máy lạnh, bên hông Quốc Hội cũ. Việt, Chánh - người nằm trên giường bệnh - và tôi là ba anh em bạn thân từ lúc đi học, mà ra đời may lại còn có nhiều dịp gặp lại nhau. Mỗi thằng một nghề mà hoàn cảnh không bao giờ xui cho chúng tôi phải đạp lên nhau, xô hất nhau, nên tình bạn được nguyên vẹn. Việt làm nghề bán cháo phổi, thông Hán tự mà lại giỏi cả tiếng Pháp. Cho đến trước năm 75, bạn tôi dạy cả Việt và Pháp Ngữ. Sau 75, vợ chồng Việt sống bằng cái nghề...xoay xở. Bây giờ nhờ có hai đứa con trai lọt ra nước ngoài đã thành đạt, nên cả hai vợ chồng đã ngừng xoay. Liễu - vợ Việt - ở nhà lo cơm nước, trông nom mấy đứa cháu ngoại. Việt chỉ còn đi dạy tư "lai rai cho nó đỡ buồn, cho đầu óc nó đỡ rét rỉ."

Chánh lại là thương gia bị liệt vào hạng tư sản mại bản nên đương nhiên là khánh tận. Mất tuốt, nhưng mà nhờ ở kinh nghiệm buôn bán, anh lại bung lên rất nhanh. Anh cho vợ con đi vượt biên trước, định sẽ thu xếp tìm cách đi sau. Nhưng mà trong cái tính toán của con người, đôi khi ông Trời cũng có xía vào chút xíu. Ông trời thì ai cũng biết rồi, vốn khó tính nên cũng phải vào lúc cao hứng lắm ổng mới chiều người. Thường ông lại thích chơi khăm. Lạng quạng thế nào, vợ của Chánh lại kết bồ rồi lấy luôn một người khác ở bên Mỹ. Tuy không phải là một nhà nho đã đạt được cái đạo của người quân tử thời trước, nhưng Chánh có vẻ như không oán trời mà cũng không trách người. Như lời Việt kể lại cho tôi thì "thằng Chánh nó cũng có buồn một thời gian, nhưng mà mày cũng biết rồi, nó là một môn đệ trung thành của chủ nghĩa *tội gì*. Nó nói với tao, tội gì mà ngồi cù rũ cả một đống để mà thương mà nhớ mà giận mà hờn." Tôi không biết Chánh buồn được bao lâu, nhưng mà nay đã lấy vợ lại. Người đàn bà tôi gặp hồi nãy trong bệnh viện là người vợ sau của Chánh, tên là Lan.

"Chánh, nó còn được bao lâu nữa?" Tôi hỏi Việt qua một hớp whisky

có đá.

"Nghe bà Lan nói cũng chỉ còn vài hôm. Bác sĩ người ta nói vậy thì bà cũng hay vậy thôi."

"Tuyệt đối không còn chút hy vọng nào à?" Tôi hỏi gặng, vì trong thâm tâm, tôi vẫn hy vọng.

Việt không trả lời mà chỉ đưa ngón tay khua nhẹ mấy viên đá trong ly rượu của anh. Tôi cũng đã từng chứng kiến nhiều cảnh chết chóc, bệnh hoạn trong mấy chục năm qua, nhưng không hiểu vì đâu giữa một buổi sáng nắng tươi như hôm nay của một thành phố Saigon đang tưng bừng chuẩn bị lễ Ba Trăm Năm, lòng tôi rầu héo lạ lùng. Mất một thằng bạn quí? Mất ở cái tuổi này? Mất cả một thời của tôi trong lòng người bạn? Mất cả một thời của bạn trong lòng tôi? Nhìn lên, tôi thấy mặt Việt cũng không tươi tắn gì cho lắm. Đột nhiên, Việt hỏi tôi:

"Mày còn nhớ bài Khóc Bạn chớ?"

"Nhớ."

Việt cầm ly rượu lên bảo tôi uống cạn ly của tôi, gọi thêm hai ly nữa:

"Bản chữ Hán của bài ấy, tên là Điếu Dương Khuê Văn, có cái câu *Lão nhân khốc vô lệ*, Nguyễn Khuyến diễn ra nôm là *Tuổi già hạt lệ như sương*"

Tao thích câu chữ Hán hơn. Người già chỉ khóc bằng một tiếng nấc, không có nước mắt nữa. Giờ này, dù chưa lão, chính tao cũng không còn nước mắt nữa."

Tôi hiểu rồi. Hình như tôi cũng vậy. Nói cho ngay, mất một người bạn, một người thân, lòng mình buồn là chuyện dĩ nhiên. Bởi vì tôi chưa được như người xưa, gõ vào chậu sành mà ca khúc Cổ Bồn để cho lòng được nhẹ tênh vào lúc vợ mới chết! Nhưng mà đã lâu lắm rồi, có vẻ như tôi không còn khóc cho người ra đi nữa. Ai mà biết được họ đi về đâu. Tôi sầu nhiều hơn cho người ở lại.

Dẫu sao thì trái đất vẫn chưa chết, nó còn xoay. Bằng chứng là nắng sáng vẫn đổ nghiêng trên hè phố nhộn nhịp lớp người -đa số là người trẻ - sửa soạn mừng một ngày lễ lớn. Ngày kỷ niệm ba trăm năm Saigon. Trong khoảng thời gian ấy dĩ nhiên là có rất nhiều chuyện trên phần đất này vốn là phần giàu có nhứt nước, mà lại không hẳn là ba trăm năm yên ổn. Suốt bốn nghìn năm ấy, kiếm cho ra ba thế kỷ thanh bình kể cũng khó. Thành thử liên tưởng đưa tôi về với câu *nước thanh bình ba trăm năm cũ*, mà hoàn cảnh lại không hợp với lời thơ.

Liếc qua trang đầu của một tờ nhật báo, tôi thấy chương trình ngày lễ chạy kín hai cột. Có cả một phái đoàn nhiều nhân vật cao cấp từ Hà Nội vào dự. Có thế chứ! Cái *miền Nam ruột thịt* này, sau tháng tư năm 75 bị

vét sạch sành sanh. Cho nên, sự mất mát đó cần phải được đền bù bằng một đôi bài diễn văn tỏ tình đồng bào thắm thiết! Không thì lại không... sạch tiếng! Tôi đang nghĩ đến đoạn Khổng Minh thống thiết khóc Chu Du.

Hai ly rượu mạnh đổ vào cái bao tử trống rỗng làm cho bụng tôi cồn cào. Tôi gọi hai tô hủ tiếu. Nhìn mấy lá hẹ xanh tươi, những đường vân đỏ đỏ trên mấy con tôm tươi mập mạp, tròn trịa, tôi quên mất niềm đau sắp sửa mất một người bạn quí, tôi quên luôn nỗi đau đớn của Chánh.

Tôi đưa mắt bảo Việt cầm đũa. Việt lắc đầu:

"Cứ ăn đi. Tao chưa đói."

Gắp miếng thăn gà có lớp da vàng lấm tấm mấy giọt mỡ trong veo, tôi vừa thưởng thức cái ngon của nó, vừa nhận ra rằng ở phút này, mình quả là một thằng vô liêm sỉ.

Ăn sáng xong, Việt và tôi thả bộ trên đường Tự Do cũ, nay gọi là Đồng Khởi. Tôi nghĩ đến cái cười của người miền Nam trong hai câu vốn khó có thể được phổ biến rộng rãi trong nước:

Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý

Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.

Lúc đi ngang qua nhà sách Xuân Thu cũ, nghĩ đến cái thời nó còn mang cái tên Albert Portail, thời mà Việt, Chính và tôi vẫn vào đấy đọc báo "cọp" vì không đủ tiền để mua sách báo tiếng Pháp, vốn đắt hơn sách Việt Ngữ. Có khi đứng hàng giờ, lật nhàu cả những quyển sách chưa được rọc. Cái thời chuẩn bị hành trang để lên đường trong cuộc sống, vậy mà cũng xa lắm rồi. Từ dạo ấy đến nay, mỗi người trong ba anh em bạn chúng tôi đã có một chuyến đi riêng biệt của mình, khác hướng, khác nghề, nhưng mà những chuyến đi ấy lại có chung một điểm: chúng tôi đã phải làm lại một cuộc khởi hành lần thứ hai với những bước khá lạng quạng, xiêu vẹo, không té lăn đùng là may. Mà chữ nghĩa nó cũng chẳng giúp được cái quái gì trên đoạn đường mà dù có khách quan đến một trăm phần trăm, cũng khó mà dùng cho được cái tính từ *thênh thang* để mà tả nó. Tôi vừa nghĩ đến câu *sách vở ích gì cho buổi ấy*, của ông Tam Nguyên Yên Đổ. Chua xót thật.

Mà hình như Việt cũng đang nghĩ đến thời đọc sách báo "cọp" nên đột nhiên Việt nói:

"À, ngày trước thằng Chánh nó thích bộ Les Thibault của Roger Martin du Gard lắm. Tậu đâu được một bộ cũ, loại sách bỏ túi, nó đến nhà vứt trên bàn của tao, bắt tao đọc cho được ngay vào lúc cần gạo để thi. Tao vứt một xó, đến hè năm ấy, thi xong mới lôi ra đọc. Hay thật. Mày đọc bộ đó chưa?"

Tôi gật đầu.Việt hỏi tôi:

"Mày thấy sao?"

"Đương nhiên là một bộ tiểu thuyết lớn,có giá trị. Tuy rằng, cái gò bó trong lối sống của dân tiểu tư sản Paris hồi đầu thế kỷ này... tao không mê lắm. Có nhiều thứ... rởm..."

Việt ngắt lời tôi:

"Biết rồi, lạ gì tính tình mày. Cứ ngang phè ra! Nhưng mà tao biết tại sao thằng Chánh mê bộ Les Thibault. Mày còn nhớ không? Cả hai anh em nhà Thibault đều là những nhân vật, đầy năng lực, sinh lực...siêng năng, thích làm việc, ưa xông tới, nó hợp với bản chất hiếu động của thằng Chánh. Sau 75, nó phải xé hết, đốt hết một mớ sách, kể cả bộ Les Thibault. Nó cứ tiếc mãi. Hồi nãy, thấy nó nằm trên giường bệnh, tao nghĩ đến cái sức sống trong người nó hồi nó còn...sung sức..."

Gần đến bến Bạch Đằng, chúng tôi phải len lỏi qua một dãy xe gắn máy kê trên vệ đường, chắn mất lối đi. Nhân tiện, ghé vào một tiệm chụp hình cạnh đấy mua thêm mấy cuốn phim. Tôi vẫn có cái thói quen chụp ảnh theo lối bấm bừa, cốt để bắt cho kịp một đôi nét tự nhiên của người, của cảnh, thành ra mấy phim cũng hết, phải luôn lo săn sóc đến cái chỗ lực lượng trừ bị. Người đàn bà sau cái tủ gương chứa gần đủ các loại máy hình Nikon, Canon...không đẹp, không xấu, không mập, không ốm, không cao, không thấp, chỉ có cái giọng nói và lối nói ngọt lịm của miền Nam là đủ cầm chân tôi lại lâu hơn cái khoảng thì giờ cần thiết cho một chuyện mua bán vặt vãnh:

"Dạ, ông mua đủ sáu cuốn, biếu ông một cuốn. Dạ, ông ở bên Mỹ về chơi?"

Cái điệu này thì ngay trong ngày hôm nay, dù không cần đến những sáu cuốn phim và dù không được biếu cuốn nào "ông" cũng mua. Trả tiền xong, tôi xin phép chụp cái giọng nói mà ngoài Huế tôi gọi là "dẻo kẹo" lý do là để "đánh dấu một lần về nước." Tôi bấm liên tiếp mấy "pô" trong khi người đàn bà đang đưa tay sửa mái tóc vốn đã thẳng thớm không cần phải vuốt lại. Từ hôm máy bay đáp xuống cái vùng ven biển này của một Thái Bình Dương mênh mông, của một châu Á bát ngát, tôi vẫn dùng cái công thức "đánh dấu một lần về nước" để biện minh cho một số hành động bốc đồng, vô nghĩa lý của tôi. Vậy mà nhờ nó rồi cũng được thiên hạ độ lượng hoan hỉ cả, dù rằng đôi lúc tôi có bắt gặp một cái nhìn, một nét cười để lộ một ý nghĩ không tiện nói ra: họ thấy tôi hơi điên.

Ở tiệm chụp hình ra, trên một đoạn vỉa hè đã có thể vừa đi vừa nói chuyện, tôi hỏi Việt:

"Hồi nãy mày đang nói chuyện thời kỳ thằng Chánh còn sung sức?

Cái sức sống trong người nó?"

Việt cau mày sắp đặt ý nghĩ:

"Tao nói vậy là vì sau 75, tao vẫn sung sức mà sức sống thì kể như là kiệt quệ. Bài vở học sinh, tao chấm qua loa, cho có lệ, cho điểm cũng không suy nghĩ như hồi trước. Còn thằng Chánh thì, ngủ một giấc sáng mai dậy bị cướp mất hết. Sau đó, nó là một con chim bị người ta chặt cụt mất đôi cánh. Vậy mà nó vùng vẫy, cựa quậy ra sao tao cũng không biết nữa. Mấy năm đầu, không có nó giúp đỡ, gia đình tao đói chứ không phải giỡn. Bây giờ, nó nằm đó...Mỏi chân rồi, vào đây làm ly cà phê đã."

Quen nhau cũng đã gần năm chục năm trời, tôi biết Việt rất nhạy cảm, dễ bị xúc động. Việt chưa mỏi chân, nhưng mà hình ảnh người bạn đang "nằm đó" khiến Việt mệt mỏi. Cũng vì vậy mà hồi nãy Việt uể oải ăn không hết tô hủ tiếu, chỉ húp qua loa có mấy muỗng nước dùng. Nhìn những giọt cà phê đen thẫm đang thong thả nhỏ xuống ly thủy tinh không được trong bóng lắm, nếu không muốn nói rằng nó hơi bẩn, tôi nghĩ lẩn thẩn rằng tất cả mọi thứ trên cuộc đời này rồi cũng sẽ có một lúc "nằm đó "Ô, cũng như chúng đã và đang "nằm đó". Đúng là một ý nghĩ thuộc chủ nghĩa đưa-đám-ma! Tôi chưa muốn nằm đó.

Tôi nói sang chuyện khác:

"Tối nay ăn đầy năm cháu ngoại, có ai đông không?"

"Bên phía Vân (tên vợ của Việt) thì lu bù, chắc là tới hết. Bên tao thì mày biết rồi. Tao là Bắc Kỳ cũ, ông bà cụ vào đây từ 49. Con Thu em tao chạy theo chồng Không Quân, nay ở bên Mỹ. Thành thử kể như là tao đơn thương độc mã. Mới đây thêm được một ông anh con ông bác ruột từ Bắc vào. Cán bộ cao cấp trong ngành nông lâm. Anh đấy, mà kém tao đến mười tuổi."

Tôi hỏi cho có chuyện:

"Vậy là cũng hăm mấy năm mới gặp nhau lại?"

Việt đáp:

"Xem nào, 49 đến 77, hai mươi tám năm. Hồi *lúy* mới vào, tao chỉ nói chuyện được với *lúy* về việc nhà, việc mồ mả tổ tiên ở ngoài Bắc. Được cái, *lúy* cũng chịu khó mở mắt ra mà nhìn cái miền Nam cuả mình. Coi vậy mà nó cũng không đến nỗi. Thành thử chuyện trò bây giờ cũng dễ thở hơn. Tối nay *lúy* đến đấy."

Tôi hỏi tiếp, cốt để quên cơn hấp hối của Chánh:

"Còn tụi bạn cũ như thằng Khương, thằng Phụng, nghe nói kẹt lại. Bây giờ đâu cả?"

"Thằng Phụng sau tám năm tù cải tạo về nhà liệt cả hai chân. Thằng Chánh giúp cho nó đủ mọi thứ thuốc Tây, thuốc Mỹ mà rồi cũng không

khỏi. Sau xoay sang thuốc Bắc, lại đỡ. Đỡ là cử động được thôi, nhưng mà đi vẫn phải chống nạng. Vợ nó đem nó về quê vùng Hà Tiên. Lâu lắm không gặp lại. Còn gia đình thằng Khương vượt biên, gặp hải tặc... chỉ còn một thằng con trai sống sót, ở bên Thụy Điển.."

Tôi giật mình, hỏi thêm:

"Ngọc Sa chết rồi à?"

Việt lẳng lặng gật đầu, dụi điếu thuốc "555" vào cái đĩa gạt tàn bằng nhựa màu vàng, lỗ chỗ mấy vết cháy nâu đen.

Tôi đổi câu chuyện, không ngờ lại nghe thêm những điều buồn. Tôi bùi ngùi nghĩ đến Ngọc Sa, tên người vợ của Khương. Tên đẹp mà người cũng đẹp. Vậy mà rồi ra thế. Hồi trước, lúc chưa lấy Khương, Ngọc Sa và Việt gắn bó với nhau lắm. Nhưng mà vì một chút hiềm khích giữa hai gia đình, chút tự ái của cả hai bên rồi thành ra họ phải xa nhau. Chuyện cũng không có gì lạ, sách vở năm châu cứ là tràn đìa những dở dang, dang dở như vậy. Không riêng gì Tố Tâm với Tuyết Hồng Lệ Sử! Nhưng nỗi buồn trong lòng một người giàu tình cảm như Việt hẳn là sâu xa lắm. Sống mà lại phải trải qua đến hai lần chia lìa người mình thương yêu, họa là có gỗ đá mới không có nước mắt. Không buồn sao được. Cái lần sinh ly kia, dẫu sao thì cũng không phải là thảm thiết lắm. Ở cái tuổi ngoài hai mươi ấy, mỗi người còn có cả cuộc đời của mình trước mặt mà sống, mà vẫy vùng, mà thí nghiệm. Có thể là lịm người đi đấy, đau khổ đấy, thất điên bát đảo đấy, nhưng mà nếu tôi không lầm thì cũng ít có ai thực sự chết vì tình lắm. Lạng quạng một thời gian rồi thì đâu lại vào đấy cả.

Nhưng mà cái lần tử biệt ấy, tử biệt trong một hoàn cảnh hãi hùng, thê thảm, sóng gió, cướp bóc, bạo dâm...Tôi nhìn thẳng vào vết hằn sâu giữa đôi lông mày đang nhíu lại dưới cái trán rộng của Việt. Tôi im lặng kéo một hơi thuốc dài. Nắng sáng tháng mười một ở Saigon, đáng lẽ là mát và dễ chịu lắm mà tự nhiên tôi thấy lành lạnh. Hàn huyên mà rồi rốt cuộc lòng không ấm được chút nào cả!❐

---

*Debout! les damnés de la terre,
Debout! les forcats de la faim,

Nửa đoạn sau

THẢO CHI

Hôm qua anh nói gì?
hình như em không nhớ
buồn, em vuốt đôi mi
thả hồn ra cửa sổ

Mấy năm rồi anh nhỉ?
em quên mất mùa thu
cầm tay em anh chỉ
mây trắng giống sương mù

Mặt trời lên mỗi sáng
rồi trốn mất mỗi chiều
ai đo ngày, năm, tháng?
buồn cân nặng bao nhiêu?

Bài thơ còn dang dở
em cắn mất nửa câu...
sáng mai em xuống phố
xin anh nửa đoạn sau...

Anh ơi! nếu mà được
ta còn gì cho nhau?
một bài thơ? câu ước?
và một lần...chiêm bao?

Hôm qua em không nói
chờ nụ hôn trên mi
bài thơ rồi sương khói...
hỏi anh...Em buồn chi?

Chiêm bao

Đặng Mai Lan

Tôi thích được ngồi cạnh Ngữ. Ngữ là mẫu người nghe nhiều hơn nói và nếu chẳng may có một người nào trong đám bằng hữu nhộn nhịp, phá phách tấn công tôi về một mặt nào đó thì chắc chắn rằng anh sẽ không đủ mồm mép để bênh vực hay chống trả hộ tôi nhưng tôi vẫn cảm thấy có một sự an tâm, một bao che mơ hồ êm ái nào đó khi ngồi gần anh. Như thể ngồi gần anh thì chẳng ai dám đụng tới tôi vậy. Và anh cũng thích ngồi cạnh tôi. Tôi biết rõ điều đó bằng trực giác bén nhậy của một phụ nữ và bằng những kinh nghiệm trong sự tương quan giữa tôi và anh. Còn những người bạn của chúng tôi họ có biết hay không thì tôi không rõ lắm. Nhưng thường thì họ vẫn xếp cho tôi ngồi cạnh anh. Có lẽ theo khuôn mẫu trật tự về tuổi tác, vai vế.

Lần này không hiểu ai là người đã sắp đặt chỗ ngồi mà tôi lại không được ngồi cạnh Ngữ. Cũng không nhớ nổi ai đã ở bên tôi lúc đó. Hầu như chung quanh tôi rặt toàn đàn ông. Ngữ ở hàng ghế bên kia, đối diện tôi. Chúng tôi không nói gì được với nhau. Lâu lâu Ngữ nhìn tôi, anh và tôi chỉ gửi gấm đến nhau bằng những ánh mắt thầm kín như thế.

Căn nhà đầy người, đầy tiếng cười nói vọng lên từ nhà dưới, vườn trước, vườn sau. Mùa xuân, hoa nở đầy vườn. Tôi ngồi nhìn mãi những nhành hoa trắng vươn qua từ vườn nhà hàng xóm. Không biết người ngồi cạnh tôi đã bỏ đi đâu tự lúc nào. Cái ghế trống. Tôi thấy Ngữ đứng lên. Tôi nhìn theo, không biết anh đi đâu, làm gì. Nhưng chỉ một phút thôi tôi hiểu ra đó chỉ là một cái cớ. Vì Ngữ đã quay trở lại và ngồi vào chiếc ghế trống ấy. Ngữ kéo cái ghế đẩy sát vào tường. Anh dựa lưng, cánh tay duỗi ra, hờ hững gác trên chiếc kệ thấp cạnh đó, sát bức tường sau lưng tôi. Nếu tôi ngã người ra phía sau một chút, chắc chắn là tôi sẽ ngã gọn trong tay anh. Tôi thích cái khoảng cách vừa xa vừa gần. Cái khoảng cách vừa lẳng lơ

mời mọc, thách thức, lại vừa có vẻ hồn nhiên vô tội vạ. Và lòng tôi rộn lên một thứ cảm giác rạo rực, háo hức. Thứ cảm giác quyến rũ làm sao! Ngữ hỏi tôi có muốn ra ngoài một chút không? Tôi gật đầu và đứng lên theo anh. Tôi cũng muốn đi dạo và ngắm cảnh chung quanh vì đây là nơi mà tôi đến lần đầu. Không khí bên ngoài có vẻ trong lành êm ả hơn. Những người khác sau khi ăn uống cũng tản mạn rủ nhau ra hết ngoài vườn. Góc này vài người đứng, chỗ kia thì vài người ngồi, ngả nghiêng, nhàn nhã trên những chiếc ghế thấp, có lọng dù che nắng.

Tôi theo Ngữ rời khỏi căn nhà, dọc theo con đường nhỏ trước mặt. Con đường sẽ dẫn về nơi nào, đi đến đâu tôi không rõ. Nó có vẻ là một lối mòn dẫn qua những xóm nhà khác, nhưng cũng lại tỏa tựa như một con đường cụt tiếp giáp một cánh rừng. Hai bên đường, rải rác một vài căn nhà cũ kỹ, hoa và cỏ dại mọc um tùm. Nơi nào tôi cũng thấy anh đào hồng, trắng. Ngữ đã kéo tôi đứng lại trước một căn nhà im lìm cửa đóng có bụi cây cao thả xuống những nhánh cành rậm mát và chúng tôi hôn nhau dưới bóng cây ấy. Ngữ hôn tôi thì đúng hơn. Vì tôi đã đẩy anh ra nhiều lần. Cũng không biết tại sao tôi lại làm như vậy. Đi mãi một lúc chúng tôi ngồi bệt xuống một bãi cỏ. Đến lúc này tôi lại thấy thèm muốn được dựa vào vai anh. Cái cảm giác kỳ thú mà tôi đã có trong căn phòng lúc nãy lại chợt đến. Nhưng tôi không thể thực hiện được. Một đám người đi ngược lại phía chúng tôi. Họ mừng rỡ vẫy tay khi thấy Ngữ. Ngữ bảo tôi đợi anh một chút thôi. Anh đứng lên cùng họ, bàn tán chuyện trò gì đó. Tôi không thích đứng một mình. Tôi cũng không thích bận lòng Ngữ vì đứng nơi kia mà thỉnh thoảng tôi thấy anh ngoảnh lại nhìn tôi. Và rồi tôi bỏ đi. Tôi quẹo ngang rẽ dọc, thơ thẩn nhìn ngắm cảnh vật chung quanh. Tôi đi không xa là bao nhưng khi tôi trở lại chỗ cũ thì Ngữ không còn ở đó nữa. Anh biến mất một nơi nào với đám người ấy? Tôi quay trở lại nhà vẫn không thấy anh. Thiên hạ thì đang lục tục chia tay. Tôi cảm thấy cô đơn, vẫn nỗi cô đơn quen thuộc. Và tôi thản nhiên bước ra ngoài. Tôi phải đi kiếm Ngữ. Anh không thể nào khiếm nhã và vô tâm với tôi như thế. Tôi trở lại đường cũ, ngang những ngôi nhà đã đi qua với Ngữ. Con đường dài, dài thật. Và quả tình nó tiếp giáp với một cánh rừng. Gọi là rừng nhưng không hẳn thế. Một ngọn đồi thì đúng hơn. Đồi cát, đồi thông. Tôi thấy những lối đi thoai thoải màu cát vàng và thông xanh ngăn ngắt. Lòng tôi bồi hồi, vì tất cả làm tôi bỗng nhớ về những nơi đã sống, một thời niên thiếu. Những mùa hè vui chơi ở thành phố vùng biển, vùng núi, cả ngoại ô thành phố, nơi quê nhà. Cũng na ná như thế, tỏa tựa như thế...

Tôi tiến tới và cố gắng vượt lên con dốc. Phải nói là cố gắng vì tôi đã cảm thấy bắt đầu mỏi chân. Thực ra tôi muốn ngồi bệt xuống từ lâu nhưng

cát ướt đẫm, có lúc tôi cảm thấy chân mình như lún xuống trong đám cát mịn màng ướt át ấy. Hình như đã có một trận mưa dai dẳng nào đó vừa đi qua cánh rừng này. Vậy mà cuối cùng tôi cũng leo lên mãi được phía trên cao nhất. Dựa lưng vào một gốc thông già nhìn xuống phía bên dưới, bên này bên kia. Một nơi tôi vừa đi lên, vượt qua và một nơi không biết có nên tiếp tục bước xuống? Mà không bước xuống thì đi về đâu? Tôi không thể lang thang mãi trên ngọn đồi này. Kia rồi, tôi nhìn thấy một vài căn nhà ẩn hiện sau đám cây xanh um tùm. Xa hơn nữa là những cao ốc, có cả một cột khói to, cao, đang thả ra những đợt khói lồng lộng, sáng trắng như sóng biển. Tôi nghĩ mình nên xuống đó. Sẽ có phương tiện cho tôi về nơi tôi ở hay về nhà Ngữ. Không thấy tôi có lẽ anh cũng đã trở về nhà. Nhưng bằng một hướng nào ngắn gọn để tôi có thể xuống cho thật nhanh?

Dù là một triền dốc thả xuống nhưng nó lại gập ghềnh hơn khúc đường đi lên lúc nãy. Tôi phải tránh những mô đất. Sao lại có nhiều mô đất đến thế. Tôi bước qua mô đất này thì gặp liền mô đất khác. Có lúc tôi cảm tưởng như mình đang ở trong một trò chơi nhảy qua nhảy lại giữa hai mô đất. Không biết tôi đã bước qua biết bao nhiêu mô đất cho đến khi nghe được thật gần những tiếng động. Rõ nhất là tiếng xe cộ và nhiều thứ tiếng động khác ì ầm vọng lại. Con đường rộng hơn, êm ái hơn, dễ bước hơn. Có lẽ tôi đến rồi, thành phố nơi kia. Khói bay đầy trời và hoa thì trắng xoá cả một rừng lao xao trong nắng gió. Tôi thoăn thoắt bước đi, đi theo hướng khói, nắng và hoa. Màu trắng trải dài mải miết cùng tận. Hoa nhẹ và nõn như những cụm tuyết mỏng nhưng nắng sao lại ấm và lạnh. Tôi rùng mình, không phải nắng, hoa, mây, khói trên cao. Cũng chẳng là thứ âm thanh xe cộ vang lại từ phố phường nào khuất xa phía dưới. Những bọt nước bắn tung toé từ những con sóng đập vào ghềnh đá. Tôi đứng bất động trước cảnh tượng hiện ra trước mắt. Biển trước mặt tôi đang ca hát hân hoan hay mênh mông phẫn nộ. Khuôn mặt tôi ướt lạnh những hơi nước. Tôi run rẩy không phải vì lạnh. Thực sự tôi cảm thấy sợ hãi. Tôi lại lạc nữa rồi. Tôi đang ở đâu?

Qua khung cửa, tôi nhìn mải miết cánh đồng đầy sương bên kia. Mặt trời còn ngủ yên ở một nơi nào. Cánh đồng ủ trong bức màn đầy trắng đục và khu rừng sau lưng nó chỉ còn thấy những bóng cây, bóng núi lờ mờ, nơi tôi vẫn thả hồn chìm đắm những lúc buồn bã trống vắng mà trong những lúc như thế tôi vẫn cứ tự hỏi không biết nếu đi sâu vào đó thì nó sẽ dẫn về đâu? Có phải là cánh rừng trong giấc mơ đêm qua ? Trong quá khứ tôi đã từng có khi ao ước được đi dạo với Ngữ trong một vườn cây. Một trong những khu vườn đẹp nơi thành phố của anh chứ không phải ở cánh rừng bí ẩn heo hút này. Và trong giấc mơ ấy tôi không rõ đó là khoảng

thời gian nào giữa tôi và anh? Những năm tháng đầu hay những ngày tháng cuối? Chúng tôi có nhiều năm cần để nhớ, để quên khi săm soi ký ức tìm lại hình bóng mình.

Tôi yêu Ngữ năm tôi bốn mươi tuổi. Trải qua bao thứ tình rồi mới đến được tình yêu nhưng lại chấm dứt một cách chóng vánh. Và sự chóng vánh ấy phải kể là từ phía Ngữ.. Riêng tôi thực sự nó chỉ dẫy chết sau nhiều năm hấp hối. Nhiều năm tôi đã ngẩn ngơ tra vấn về những cái mất đi qua đời mình. Nhưng chẳng bao giờ tôi tin là tôi mất Ngữ... Như vậy là tôi phải hơn bốn mươi rồi vì khi ấy tôi đã dạn dày với những mất mát. Tôi không còn khóc lóc khi anh biến mất, tôi đã quen rồi những biệt mù vô vọng từ anh, mà tôi vẫn kiên nhẫn đi tìm anh.

Lâu rồi tôi không còn nghĩ đến Ngữ, không còn thắc mắc anh đang làm gì, ở đâu? Thảng hoặc hình bóng anh có hiện về trong trí nhớ tôi thì thường đi kèm với những chuỗi hoài niệm nào đó chứ không phải là sự nghĩ tưởng tìm kiếm phát xuất từ tình cảm mong nhớ. Đời sống trôi đều một cách dửng dưng vì sự dửng dưng nơi chính mình. Không thể nói rằng tôi đã hết yêu Ngữ mà là tôi đã vượt qua hết rồi những yêu đương háo hức, những đau đớn tuyệt vọng. Dù sự thản nhiên dửng dưng ấy cũng chẳng khác nào một nỗi bất lực, một qui hàng. Tôi sống đơn giản trật tự với những gì sẵn có, còn lại. Ngày tháng đi đi, về về ở cái thành phố buồn hiu lặng ngắt, chỉ khởi sắc vào những mùa du lịch ấm áp. Ngày tháng chỉ có cánh rừng trước mặt, ngôi giáo đường sau lưng. Ngôi nhà thờ cổ có hai đỉnh tháp vươn cao, mà trong những đêm đầy sương nhìn xa như hình tượng một cù lao nhấp nhô giữa biển. Một thứ ốc đảo hoang phế, cô đơn có những ô cửa đen ngòm trống lốc như những con mắt khô ráo, mỏi mệt vì đã ngóng chờ tìm kiếm mãi từ một thiên thu nào điều không bao giờ đến. Ngôi nhà thờ to lớn mà mỗi tối tôi về qua, trong bóng tối im vắng, ngồi trong xe kín mít vẫn cảm được từng bước chân của gió chạy vờn đuổi lá, lay lắt trên hàng liễu phía ngoài. Gió xuyên suốt trên các vì tường trống hở, những vì tường âm u màu hoang phế tự những ngàn năm. Không buồn, không vui, lòng cũng còn chút mộng mơ để không thể nào không cất lên được những câu hát yêu mơ từ một thời niên thiếu cũ. .. *Từng ngón tay buồn, em mang em mang, đi về giáo đường*... Chỉ có từng ấy. Ngữ vắng mặt hoàn toàn trong cái vòng sống hiện hữu của tôi. Nhưng anh có thực sự biến mất, và tôi, thôi chẳng còn bao giờ đi tìm anh nữa?

Trong đời sống khi những hạnh phúc đã mất hay với những ước mơ nào vuột khỏi tầm tay, người ta vẫn thường than vãn là chỉ còn trong mơ, chỉ còn tìm thấy trong cái sinh hoạt tâm linh ấy. Như bao người, như tôi, Ngữ cũng phải có những giấc mơ. Anh quên tôi rồi nhưng không biết có

lần nào tôi hiện diện trong giấc mơ anh. Và tôi như thế nào? Riêng tôi, ngay cả trong giấc mơ tôi cũng không tìm thấy mình hạnh phúc. Tôi qui hàng đời sống thực nhưng chiến đấu tận cùng mỏi mệt với chiêm bao. Anh vẫn gần gũi bên tôi nhưng gần đó rồi lại mất đó vội vàng bằng những lý lẽ này, nguyên cớ khác và tôi vẫn phải đi tìm anh.

Tôi vuốt những sợi tóc. Tóc tôi bây giờ đã lú nhú những sợi bạc, tôi phải hoài che giấu chúng bằng thuốc nhuộm. Tôi mường tượng lại hình ảnh Ngữ trong đêm qua. Anh vẫn còn trẻ trung, anh của những năm tháng đầu đến với tôi, với niềm đam mê ẩn giấu trong cái bóng dáng lạnh lùng, trầm mặc. Anh không lớn hơn tôi là bao nhưng bây giờ thì tóc anh chắc chắn cũng trắng bạc cả rồi.

Tháng Năm, thành phố tôi đầy hoa. Hoa đủ màu, đủ loại nhưng bây giờ tôi mới nhận ra là hai bên con đường tôi đến sở làm lại trồng rất nhiều hoa đào trắng. Nắng đầu ngày dường như cũng trắng màu lấp lánh trên sóng nước của giòng sông chảy ngang con phố. Và trắng, trắng.. Những màu trắng chạy nhảy trong mắt tôi, trong đầu tôi. Những màu trắng trong mộng mị đêm rồi, những sợi tóc buồn rầu nhìn thấy trong gương soi thực tại sáng nay. Đến khi nào tóc sẽ mướt trắng ngàn lau. Hoặc tôi không còn thiết tha che giấu chúng hoặc không còn có thể che giấu được nữa thì những giấc mơ đi tìm Ngữ có còn không?

Tôi tắt máy, để xe trong một con đường nhỏ, khuất lấp, cách vài dãy nhà rồi mới đến nơi tôi làm việc. Thực ra con đường rộng trước sở tôi làm vào giờ này cũng còn rất nhiều chỗ đậu xe nhưng tôi vẫn thích đi vào con hẻm nhỏ này, nó có vẻ thoáng mát, yên tĩnh hơn. Tôi thích thả bộ dăm ba phút trước khi vào sở. Đi ngang qua những căn nhà đẹp, có những sân cỏ mượt, vườn cây im vắng. Những ngôi nhà và các cánh cửa vẫn mở mà hầu như chẳng bao giờ tôi nhìn thấy một bóng người ra vào.

Có điều gì mơ hồ níu lấy đôi chân. Và tôi dừng bước trước một ngôi nhà nơi khúc quanh, có bụi dây leo um tùm mà lâu nay đi về tôi không hề để ý. Nó làm tôi băn khoăn xen lẫn một chút bùi ngùi... Như căn nhà nào tôi đã đứng cùng Ngữ trong giấc mơ. Cánh rừng, ngôi nhà, lối đi, hoa cỏ. Mộng, thực đã cùng nhau hoà nhập trên nhịp sống tôi. Chỉ khác một điều là tôi, tuổi nào với bóng dáng mệt mỏi buồn thảm của một kẻ đi tìm, cái bóng dáng say đắm sôi động của chính mình một thời yêu đã mất, đã không còn nữa trong thực tại mà chỉ còn tìm thấy trong mơ.❐

Ai bảo em...

QUAN DƯƠNG

Ai bảo em, tim đang nằm say ngủ
Băng ngang chi đánh rớt một nụ cười
Để tôi thức vội vàng thời thơ trẻ
bỗng dậy thì khi chạm trúng vành môi

Ai bảo em lay chi lòng quá khứ
Để tôi quên sợi tóc bạc âm thầm
Đêm hái gió tôi đan thành chiếc áo
Đắp lên người em một nửa vành trăng

Ai bảo em trầm luân dòng cảm xúc
Để tôi mơ chiếc bong bóng đủ màu
Đào chiếc hố trong hồn em phục kích
Đợi khuya tàn bắt sống một chiêm bao

Ai bảo em làm nắng hườm nỗi đợi
Để tôi mưa cho thấm ướt nỗi chờ
Hườm nắng đợi có làm mưa khắc khoải?
Thấm mưa chờ có ướt nắng thành thơ?

Ai bảo em biến tôi thành trẻ nhỏ
Để tôi mơ đủ thứ chuyện trên đời
Mơ thân thể thơm mùi hương khám phá
Chạy săn tìm như con chó đánh hơi

Ai bảo em giọng Bắc kỳ ngọt lịm
Để cà phê tôi quên lửng bỏ đường
Làm lưỡi đắng chạy tìm răng núp trốn
Có miệng mà chỉ nói được lời câm.

Bướm

Ngô Nguyên Dũng

Tiếng dương cầm rời rạc lay thức Tống. Chàng xoay người, hé mắt nhìn những vệt sáng đầu ngày in trên tường nhà, báo trước một ngày nắng đẹp. Tiếng đàn lại thong thả buông từng nốt nhạc lạc lõng, không ra một giai điệu nào. Tống duỗi người nấn ná, cánh tay trườn sang chỗ nằm bên cạnh. Trống lạnh. Chàng khắc khoải liên tưởng tới Phương. Không hiểu giờ này nàng đang làm gì? Cảm giác ray rứt, bất an dâng lên. Tống khép mắt, áp mặt vào trũng gối ấm hơi vợ chồng. Từ ngày Phương vắng nhà, chàng không thay áo gối mới, để giữ chút hương quen.

Tống lắng tai. Không còn tiếng dương cầm. Không gian trở lại phẳng lặng, như thể không có những xao động, những biến cố, thời tiết không gieo rắc những thiên tai. Chàng lặng lẽ tưởng tượng ra những sinh hoạt bình thường của Phương vào một sáng chủ nhật. Nàng đang sửa soạn bữa điểm tâm thịnh soạn nhất trong tuần. Không vội vã. Máy phát thanh rỉ rả tiếng nhạc và những chuyện thời sự. Cà-phê cho vợ chồng chàng, sữa ca-cao cho bé Hà, mà nàng vẫn âu yếm gọi là Dưa Chuột. Hương cà-phê, bơ mặn và bánh sừng trâu quyện trong gian bếp rộng, có cửa kính trông ra mảnh vườn con sau nhà. Nơi đây là chỗ họp mặt gia đình thường ngày. Rộn ràng nhất vẫn là những sáng chủ nhật trời đẹp. Có lần Dưa Chuột vừa cười nắc nẻ vừa nhún chân qua lại lằn ranh của vệt nắng đầu ngày rón rén trườn qua ngạch cửa, reo lên: "Thiên đàng địa ngục hai bên..."

Bàn ăn bằng gỗ thông đặt cạnh khung cửa mở. Phương ngồi giữa chàng và Dưa Chuột, hướng ra ngoài. Bộ dĩa tách tráng men màu bánh trứng. Dao nĩa sáng bóng đặt trên khăn vải màu ngà. Một bình hoa theo mùa chưng giữa bàn. Tống yêu hoa đồng nội mùa hè. Dịp này, Phương hay dẫn Dưa Chuột đi dạo những chiều nắng dịu. Nàng hái hoa cỏ dại về cắm. Đỏ anh quì chen cúc đồng, lẫn tím đừng quên tôi và những nhánh

lúa mì vừa trổ mầm vàng nõn. Những chi tiết này, có bao giờ Tống để ý. Cho đến khi không còn Phương ở đó, chúng mới hiện ra, rõ ràng từng mảnh vụn vặt. Cả con kiến lên xuống lúng túng trên nhánh lúa. Cả cánh hoa và bụi phấn rụng tơi tả trên mặt bàn sau vài hôm. Tống chùng lòng thấy ra trọn vẹn mùa màng ẩn trong những hạt lúa mì mũm mĩm. Có điều gì vừa khai sinh và tàn rụi chóng vánh trong tâm tư chàng, không thời gian chuyển tiếp.

Tống ngồi dậy, gục mặt giữa hai đầu gối. Chàng tưởng ra da thịt mềm ấm của Phương ghì sát lưng trần. Cánh tay nàng khép quanh ngực chàng, những ngón vờn lên ngực như loài bò sát quanh quẩn vùng đất quen. Mặt Phương áp vào gáy chàng, môi lướt lên vành tai. Hơi thở nàng khoả ấm dễ chịu. Cảm giác ươn ướt, gây gấy gợn sóng dục cảm, bắt đầu từ đốt xương sống sau cổ, lan ra vai, rồi tràn khắp. Tống ngẩng mặt nhìn vạt nắng soi trên tường vôi, dìm nhịp thở chực dấy động. Chàng khép mắt, chú tâm xua đuổi những bónh hình, những cảm xúc, những cánh đập, những mưa hoang, những mùa màng... luôn cả yêu ghét, hận oán. Nhưng Tống biết, chàng sẽ không bao giờ quên.

Phòng tắm nằm xéo hướng đông. Sáng nào nắng tươi, Tống đều thấy vạt nắng ấy. Thản nhiên bước vào, không một tiếng gõ, không một lời chào. Như người bạn thân tình tới lui thường xuyên. Lần nào cũng khúc xạ qua vuông kính mờ, vắt ngang một góc bồn tắm. Như hồn ma ánh sáng tìm về lẩn quẩn. Nằm gẫy gập đó, lặng lẽ, kiên tâm. Chỉ biết biểu lộ cảm xúc bằng độ sáng. Vàng tươi lúc xuân phân. Rộn ràng khi hạ chí. Sậm mật chuyển sang thu. Ấm sắc mùa cạn năm. Màu nắng gợi cảm man dại, nhắc chàng những lần gần gũi với Phương sau ngày cưới. Nắng rưới lên da, lên tóc, rạo rực mặt nước bồn tắm sóng sánh bọt trắng thuỷ ngân trong trí chàng. Những bong bóng nước thời ấu thơ ở quê nhà, bên rãnh nước đầu mùa mưa đầy rác rưởi, tuôn ồng ộc xuống cống. Và trời ơi, với Thụ...

Tống chống tay lên thành bồn rửa mặt, cúi nhìn một đỗi màu men trắng mông mênh. Rồi chàng ngước lên soi gương. Cặp mắt này cũng là của Thụ. Sống mũi này, chiếc miệng này, và ngay cả vết sẹo mờ dưới cằm này cũng là của Thụ. Tống nhớ, chàng đã reo lên: "A, anh cũng có một vết sẹo như em. Sao vậy?" Hai mắt Thụ long lanh: "Tai nạn lúc vượt biên, anh ạ. Ngư phủ bảo phải phá tàu, họ mới cho vô bờ. Có người hăng say quá, lỡ quất thanh gỗ vào cằm em." Tống ngậm ngùi: "Còn anh vì vụng tay lúc cạo râu. Anh còn nhớ, cái đau lúc đó lạ lùng lắm, xót cả người, như thể phần hồn cũng cảm nhận được".

Tống mở vòi, khoả nước rửa mặt, đánh răng, rồi thong thả cạo râu. Lâu rồi, chàng không đụng tới dao cạo, chỉ sử dụng máy. Chàng ngửi

được mùi tanh của kim loại. Cũng có thể đó là mùi tàn tạ của tế bào da và của những thương tích không bao giờ lành vết trong tâm tưởng chàng. Tống xoa một ít nước hoa cạo râu lên mặt, tròng áo khoác mặc trong nhà, bước sang bếp. Máy phát thanh vừa chuyển sang một âm điệu vui. Dưa Chuột đang ngồi nhìn thơ thẩn ra vườn, quay lại, cười chào buổi sáng. Tống quàng tay qua vai, áp má lên tóc con, mềm giọng:

- Chủ nhật, thức chi sớm vậy con?

Dưa Chuột nũng nịu:

- Ba không nhớ sao? Hôm nay là chủ nhật đầu tháng.

Tống trở về chỗ ngồi quen, giọng vui tươi:

- Nhớ chứ, nhưng trưa mới tới giờ vào thăm, rồi còn cả buổi chiều...

Nói tới đó, tâm tư Tống lung linh gợn lên màu cỏ, màu lá, màu trời xanh chập chùng. Chàng chớp mắt, lảng sang chuyện khác:

- Lúc nãy con dạo đàn đấy à?

Dưa Chuột đứng lên, lăng xăng bày thức ăn ra bàn.

- Con gõ chơi đó mà.

- Lâu lắm ba mới nghe con đàn trở lại.

Dưa Chuột đặt thẩu bơ, lọ mứt, rổ mây đựng bánh mì nướng và một dĩa xúc-xích, thịt nguội lên mặt bàn.

- Con có luộc hai quả trứng, đúng ba phút như ba muốn... Đáng lẽ, nên bán cây đàn cho rồi. Mà thôi, giữ lại cũng được, để lúc mẹ về, mẹ đàn.

Dưa Chuột vừa tới lui, vừa láu táu kể chuyện. Câu nói nào của con bé cũng lay thức hồi ức Tống. Tiếng đàn của Phương êm ả rót vào trí chàng như mưa nhỏ, từng giọt từng giọt... *"Bạn hỡi, khi chúng ta còn thơ ấu..."*

- Con mời ba.

Dưa Chuột nhỏ nhẻ cất tiếng. Tống mỉm cười vu vơ, cầm dao vạt ngang đầu quả trứng luộc. Sợi khói mỏng, ẻo lả bốc lên, ngắn ngủi, yểu mệnh. Chàng rót cà-phê ra tách. Hương toả tràn lan gian bếp rợp ánh sáng đầu ngày. Máy phát thanh vẫn rỉ rả âm điệu, nhưng thính giác Tống không bắt được liên lạc, mà lúc nghe lúc không. Như thể tư tưởng chàng có những khe trống sâu thẳm, ẩm tối và im vắng tuyệt đối.

Tống mở lời hỏi con về chuyện trường lớp. Dưa Chuột đối đáp hồn nhiên, tươi tắn, khiến Tống đâm ra nghi ngờ tâm trí chàng. Có thật chuyện đã xảy ra như thế? Tống thầm mong, tất cả chỉ là một cơn ác mộng, để khi tỉnh giấc, cảm thấy lòng nhẹ tênh, thoải mái như vừa được mưa dội sạch. Nhưng Tống biết, thực tế không như vậy. Lòng chàng vẫn treo nặng đá. Thành luỹ quá khứ vẫn sừng sững đó. Đỉnh hoả sơn vẫn lầm lì chuyển động, âm ỉ ứa nham thạch ra đất.

- Lát nữa ba nhớ nhắc con đem theo xấp ảnh chụp nhà mình vào cho

mẹ. Ba cũng đừng quên mua hoa cho chú Thụ.

Dòng suy tư Tống đứt ngang. Chàng gật đầu:

- Chú Thụ thích bông trang, bên này không thấy có.

Dưa Chuột liến thoắng:

- Mẹ yêu huệ kèn và cúc vàng. Ba thích ăn món gì, cho con biết để con hỏi mẹ cách nấu?

Tống bật cười, đáp cho con vui lòng:

- Bố thèm canh khổ qua dồn thịt và canh hẹ nấu với đậu hũ, thịt băm.

Dưa Chuột tươi mặt:

- Đúng rồi, mẹ nấu canh hẹ ngon lắm. Con không thích canh khổ qua, đắng quá. Ba ơi, họ tiên đoán mùa hè năm nay sẽ là mùa nóng nhất thế kỷ.

Tống thờ ơ:

- Vậy à?

- Ba ơi, con sắp nghỉ hè.

Tống "ừ, hử" cho xong. Dưa Chuột vẫn tỉ tê:

- Bạn con, gia đình chúng nó dự định đi nghỉ hè hết rồi.

Tống hiểu ra ý con, dịu lời:

- Để ba tính lại. Con thích đi đâu? Biển, núi hay tới một trại chăn nuôi?

Dưa Chuột cong môi:

- Lâu rồi con không ra biển.

- Ừ, thì biển.

- Thật xa đi ba! Đừng tắm biển ở đây, dơ lắm.

- Xa là tận đâu?

Hai mắt Dưa Chuột rực lên:

- Ở Phi châu hay mấy hải đảo trong Thái bình dương.

Tống buông tiếng: "Xa thật" , rồi trí tưởng chàng vẩn vơ bay lượn theo lời nói con. Ôi, những ước mơ có khi nào thành tựu? Chàng chậm rãi phết bơ lên nửa ổ bánh mì con, khoắn một phần mứt anh đào, thoa đều. Màu bơ óng ả, màu mứt đỏ tươi loang ra đầu lưỡi dao răng cưa loáng ánh thép. Chúng nhắc chàng nhớ lại những ảnh tượng sần sượng, khô nhám ghê rợn mà chàng cố quên. Trí nhớ chàng như tấm khăn trắng bạt ngàn, đựng đầy gai nhọn và gốc rễ cổ thụ bị đốn ngọn. Đã bao lần chàng gắng sức tẩy sạch tấm khăn. Nhưng lần nào cũng thế, chúng lại trồi dậy. Bầy cá mùa nước dại lại lớp ngớp ngoi lên tìm dưỡng khí. Vẫn lởm chởm gai. Vẫn chằng chịt rễ rắn. Vẫn thân gỗ đứt lìa, trần trụi những khoanh tuổi. Và rậm rật ngàn cánh bướm. Mỗi lần chúng chấp cánh, phấn rắc như sương bủa lên mặt đất tâm thức Tống, loé lên lằn chớp rách trời, cắm xuống thân

bướm màu chàm bất động trên phiến ngực. Tống buông mẩu bánh còn lại xuống dĩa, xẳng giọng:

- Ba xong rồi.

Dưa Chuột ngó thẳng vào mắt chàng, tia nhìn nửa ngạc nhiên nửa phân vân. Tống giơ khăn chặm miệng, lau tay, cố giữ giọng điềm nhiên:

- Ba vào trong sửa soạn, mình đi!

Khi thay xong quần áo, liếc nhìn trong gương tủ, Tống thoáng thấy bóng ai lướt ngang sau lưng, trắng mướt. Rồi giọng cười sảng khoái, đầy ắp sinh lực dội trong trí chàng, ngân nga như đập vào vách đá. Tống thoáng rùng mình. Của Thụ. Trí chàng loé lên ý định, sẽ phủ kín tấm gương phòng ngủ. Nhưng làm sao chàng che hết hàng hàng lớp lớp gương soi tiềm thức?

Tống yên tâm trở lại khi cùng con rời nhà. Nắng xối chan hoà, rắt lên hoa lá. Thiên nhiên tươi rói như vừa được khai sinh. Chàng càng yên tâm hơn khi thấy Dưa Chuột vẫn mặc chiếc áo đầm hoa hồng li ti, đáy lưng buộc nơ, mà Phương hằng yêu thích. Tống đâu biết rằng, Dưa Chuột đã nhờ dì Tâm thả bâu, nới vai mấy lần, mới mặc vừa.

Tống lái xe tạt ngang tiệm bán hoa, đưa tiền cho Dưa Chuột, bảo vào mua hai bó, gì cũng được. Lát sau con bé trở ra, một bó cẩm chướng trắng và một bó tiểu hồng màu huyết dụ. Không đợi Tống hỏi, Dưa Chuột đã tíu tít:

- Cẩm chướng cho chú Thụ, hồng đỏ cho mẹ. Con vừa đọc được bài báo về ngôn ngữ các loại hoa. Chẳng hạn như hoa hồng tượng trưng cho tình yêu, màu hoa càng đậm, tình càng thắm thiết.

Tống mỉm cười thầm nhủ, mới chừng ấy tuổi mà con bé đã sắc sảo như đứa con gái sắp trưởng thành. Chàng gợi chuyện:

- Nếu là hoa, con thích là hoa gì?

Dưa Chuột đáp không suy nghĩ:

- Hoa dại mọc bờ bụi xa, thật xa loài người.

- Nếu là thú?

Dưa Chuột bặm môi giây lát:

- Là chim... chắc vui hơn. Có loài chim gì đó ba, nhỏ như con ong, mỏ dài như kim, hút mật hoa, cánh đập liên tục không nghỉ?

Tống kêu lên:

- À, chim Kolibri. Làm giống chim này chắc mệt, vì cứ bay đi bay lại hoài miền trung và bắc Mỹ.

- Đi chơi nhiều, mới thích. Còn ba?

Tống lửng lơ:

- Ba không thích đi nhiều, tự nhiên rồi lạc sang xứ người, ăn nhờ ở

đậu tới giờ này, đủ rồi. Ba cũng không biết, thích là loài thú, loài hoa nào. Gì cũng được.

Dưa Chuột mau mắn:

- Lúc trước ba thích là bướm.

Rồi biết mình lỡ lời, con bé nín bặt, mắt lấm lét nhìn sang cha. Ngón tay Tống nẩy nhẹ trên bánh lái. Chàng lẩm nhẩm trong đầu: Ừ, lúc trước, hồi xưa, ngày xửa ngày xưa... Tại sao tiếng Việt mình không chia động từ cho dễ phân định thời gian?"

Giọng Dưa Chuột lắp vắp:

- Con không cố ý, con muốn nói...

Tống cười nhẹ:

- Ba quên rồi.

Nhưng làm sao chàng quên được chuyện đó? Nội tâm chàng, từ hôm ấy, đã đổi thay gần như toàn vẹn. Như thể vũ trụ, thiên nhiên, phần ngoại cảnh đã bị loài người đan tâm cướp phá, huỷ diệt. Đại dương càng lúc càng ô nhiễm hoá chất. Loài người cùng thành phố lấn chiếm dần dà rừng hoang. Mỗi lần Tống thấy thửa ruộng gần nhà bị đào xới là lòng chàng quặn lên nỗi gì khó tả. Cảm tính hoang sơ trong chàng rướm máu theo từng nhát thép cắm xuống ngực đất. Tống thầm thì: "Lâu rồi, không thấy bướm."

Dưa Chuột khẽ cất giọng:

- Tại ba không để ý đó thôi.

Tống thót người:

- Để ý gì con?

- Con lớn... lớn lắm rồi, không còn nhỏ nữa.

Tống nhướng mắt nhìn sang con giây lát, mỉm cười. Chàng nắm tay Dưa Chuột. Tay chàng không còn khép trọn năm ngón tay con. Tống giữ ngón cái Dưa Chuột, vân vê tới lui, ngờ vực xúc giác mình như con vật hốt hoảng quờ quạng hai sợi râu vào tảng đá chắn lối. Lúc trước chỉ là hạt cát. Rồi lớn thành viên sỏi. Bây giờ... con vật chùn chân nghi hoặc trước vách ngăn lạnh lẽo. Cao ngất, dài ngoằng. Con vật bắt đầu nhận thực ý niệm thời gian.

Tống buông tay con, thốt tiếng lạc lõng:

- Con lớn từ bao giờ?

Dưa Chuột bẽn lẽn:

- Con có... có... rồi, từ tuần trước.

Tự dưng Tống cảm thấy mất mát, chới với. Chàng vội vàng ra hiệu, tấp xe vào bờ cỏ ven đường. Tống tháo dây an toàn, chồm sang chỗ Dưa Chuột ngồi, mấp máy:

- Thật... thật à?

Hai má Dưa Chuột ửng đỏ. Con bé cúi mặt, khẽ gật. Tống nâng nhẹ cằm con gái, nhíu mày cười:

- Có gì đâu mà con xấu hổ? Chốc nữa vào gặp mẹ, nhớ kể mẹ nghe.

Dưa Chuột "dạ" lí nhí. Tống mở máy, tiếp tục đoạn đường đến thăm Phương. Chàng loay hoay nghĩ ngợi, đâu có gì lạ, chuyện bình thường thế thôi. Dưa Chuột vừa bước vào chu kỳ đàn bà, như những vệ tinh quẩn quanh quĩ đạo địa cầu. Quay hoài, quay mãi, cho tới lúc mòn hơi, sa xuống nơi nào đó trên mặt đất. Tống phân vân như đang thật sự chứng kiến, va chạm, đối đầu với biểu đồ định kỳ khắt nghiệt của mẹ, vợ, con gái và của bao nhiêu người khác. Thế hệ này sang thế hệ tiếp, đời sống này sang đời sống kia. Những lộ trình xoay vòng theo hình học toán, với những tiếp tuyến, điểm uốn, phần giao, phần hội chồng tréo trì níu nhau. Tưởng như trong vũ trụ mênh mông có ngón tay không ngớt điểm vào màn không gian, gây ra vô số chấn động đồng tâm, rộng dần, rồi tan mất nơi đâu không ai biết.

Tống vỗ nhẹ lên tay lái, trấn áp chút giao động chực dấy. Chàng cảm nhận rõ ràng những hụt hẫng kỳ lạ, chưa từng xảy ra, như thể người đang soi gương, giơ tay vuốt mặt, sững sờ thấy mình bôi mất chính mình. Rồi sẽ tới lúc Dưa Chuột không còn thuộc về chàng nữa.

Điều này Tống sờ mó được khi Dưa Chuột không còn níu tay chàng trên lối đi ngập nắng từ cổng vào phòng đợi. Chàng cất tiếng chào những người có mặt, tới quầy ghi danh, rồi cùng Dưa Chuột ngồi xuống chỗ trống. Tiếng trò chuyện khe khẽ. Vài khuôn mặt quen quay về hướng cha con Tống, gật đầu cười. Khung ảnh chụp cảnh biển treo trên tường vôi đối diện. Vòm trời trong xanh không gợn mây. Những ngôi nhà hình hộp, mái bằng, tô vôi trắng, cửa hướng ra mặt nước im sóng. Nhà xây trên sườn đồi thoải, trông như những đầu người ngoi lên từ đất, trông ra đại dương mênh mông bằng ô cửa mắt đầy vọng ngóng. Tống sực nhớ tới ý muốn đi chơi biển mới nãy của Dưa Chuột. Chàng cũng nghĩ tới những tượng đá mặt người trên đảo xa. Cũng xoay ra hướng biển. Những khe mắt rờn rợn bí ẩn. Những huyền thoại điểm trang mặt đời. Những chứng tích chưa được khai quật.

Tống nghiêng đầu quay sang Dưa Chuột, nói khẽ:

- Ừ, năm nay cha con mình đi chơi biển.

Dưa Chuột gật nhẹ, nét mặt hoang mang:

- Con phải nói với mẹ sao đây?

Tống chau mày:

- Nói chuyện gì?

- Chuyện dậy thì của con ấy mà.

Tống mỉm cười:

- Hôm nay ba dành trọn buổi cho mẹ con tâm sự với nhau.

Dưa Chuột cúi mặt, không nói. Tự dưng Tống thấy con bé giống Phương lạ lùng. Không muốn, nhưng trí Tống vẫn hiện lên cảnh nhà ấm cúng cùng dáng dấp và giọng nói Phương quanh quất. "Chết rồi anh ơi, hôm nay là ngày giỗ mẹ, em quên, chưa chuẩn bị gì cả". Hay "Trời ơi, con cá vẫn còn sống. Anh ơi, vào đây coi cái miệng nó ngáp. Thôi, em không làm nữa đâu". Tống muốn bật cười khi nghĩ tới chuyện con cá chép. Một lần, Phương thèm ăn món cá hấp cuốn bánh tráng. Nàng tỉ tê vẽ vời cùng Tống, bảo phải mua cho được con cá sống. Bên này không có cá lóc, đành mua cá chép. Không hiểu người bán hàng chích điện thế nào, mà khi Phương cầm dao, toan cắt vây mổ bụng cá thì thấy miệng cá mở hoác, ngớp ngáp liên hồi. Nàng buông dao, lớn tiếng gọi Tống. Chàng chạy vào, thấy Phương ngồi ôm ngực dưới sàn nhà, nét mặt cực kỳ hốt hoảng. Tay nàng run run chỉ lên tấm thớt: "Con cá còn... sống..." Tống phì cười: "Thì giết nó chết!" Phương lắp bắp: "Em không... không... làm được." Tống xăn tay áo, hăng hái: "Để anh làm!" Rồi tay phải chàng cầm dao, tay trái lật ngửa con vật nhớp nhúa ra thớt. Khi Tống kề lưỡi dao sát mang cá, chàng chợt thấy hai cọng râu mép rúng động lẩy bẩy như kinh sợ, và con mắt đục ngầu lơ láo, như không thấy gì cả mà cũng có thể, thấy hết cảm hết, đang chạm vào cái chết thê thảm. Tống nhắm mắt, nhanh tay ấn xuống. Cảm xúc chàng lồi lõm bất an. Khứu giác chàng như bắt được mùi máu tanh tưởi lẫn với cảm giác lầy lụa gớm ghiếc. Tống nhìn thấy cá bất động trên thớt. Cái miệng há hốc. Cặp mắt trừng trừng. Dòng máu rỉ ra mặt gỗ, loang trên lưỡi dao loé ánh thép... Lúc đó chưa có mặt Thụ trong nhà.

Tiếng ghế xô, giọng người lao xao đẩy Tống về lại thực tại. Chàng đứng lên. Dưa Chuột nắm hờ tay chàng, theo chân mọi người vào phòng thăm. Đã thấy Phương ngồi sẵn bên kia tấm kính ngăn. Dưa Chuột chạy lại, ngồi đối diện mẹ, vừa líu lo thăm hỏi vừa xoè hai bàn tay áp lên mặt kính. Tống điềm tĩnh tới ngồi cạnh con, nhìn bốn lòng tay áp sát nhau, xoa nhẹ. Tống thấy rõ ràng hơi ấm phả mờ lớp kính lạnh. Mùa đông đầu tiên, nhà vắng Phương, đã có lần chàng ngồi cạnh cửa kính, trông ra ngoài, hằng giờ như thế. Hơi thở chàng nhoà nhạt lớp kính hắt mỏng vũng đèn đêm vàng sẫm. Ngoài trong đậm nhạt, ấm lạnh hoang mang. Tống rơi không cọ sát vào không gian chia cách tịch mịch vô biên, rỗng tuếch. Chàng như đứa trẻ không còn vô tư, dí mặt thấp thỏm vào khung kính

một đêm cuối năm. Chờ. Không rõ chờ ai, điều gì. Tai ương hay phép mầu nào? Một vệt sao băng ngang trời hay bóng ma hoang chập choạng ngoài sân tối?

Hôm nay Phương mặc thường phục, áo cổ tròn dài tay màu hoàng yến. Tóc nàng vấn cao, sợi ngắn loà xoà ngấn cổ. Mặt không trang điểm, trắng tái. Tống chờ mẹ con buông tay xuống, mới kê mặt vào chỗ kính khoan lỗ, hỏi han:

- Em vẫn khoẻ? Có gì lạ không?

Phương lắc đầu, hai mắt nhìn Tống không chớp:

- Em vẫn vậy. Còn anh?

Tống đáp nhỏ:

- Nhà thiếu em, trống... nhớ.

Phương thều thào:

- Họ nói, nếu có hạnh kiểm tốt, sẽ được ra sớm. Trong này, buồn quá.

- Anh và con có mua hoa cho em. Lần này Dưa Chuột chọn hồng đỏ.

Rồi Tống giơ bó hồng lên. Hai mắt Phương long lanh:

- Vườn hoa nhà mình, không ai chăm sóc.

- Có anh, em đừng lo. Hè này nhiều nắng, thược dược thắm màu hơn năm ngoái.

Dưa Chuột chen vào:

- Mấy luống rau bị ốc sên cắn phá nhiều quá.

Tống tủm tỉm:

- Con có chuyện muốn nói với em.

Phương quay sang con, dịu dàng:

- Chuyện gì vậy con?

Hai má Dưa Chuột trở hồng. Con bé lúng túng, ấp úng không ra lời. Phương phải lên tiếng thúc, nó mới móc ví lấy tờ giấy và cây viết con, hí hoáy, rồi áp lên mặt kính. Mắt Phương quét đọc. Nét mặt nàng lộ vẻ lo vui. Mẹ con soi mắt nhìn nhau đỗi lâu. Tống đặt tay lên vai con gái, đứng dậy, nói với Phương:

- Anh ra phòng ngoài ngồi đợi cho mẹ con trò chuyện thoải mái.

Phương úp tay lên lớp kính chắn, ra dấu từ giã. Thoáng mất, Tống thấy thật rõ những đường chỉ dọc ngang lòng tay vợ. Chàng ra cửa, nói vài lời với người nữ giám thị, rồi bước sang phòng đợi khi nãy. Chỉ có mình Tống. Chàng ngồi xuống, trí vẽ ra bức không ảnh địa cầu. Những đường sông chè nhánh chằng chịt, những núi nhọn chập chùng, những vực thẳm hoang mang, những sa mạc trùng vây, những đại dương mênh mông. Tất cả trở nên nhỏ nhoi, dễ chạm dễ đứt, nhưng đựng đầy huyền nhiệm như những đường sinh phận trong tay Phương. Chàng muốn kêu lên, đập phá,

tự huỷ, thiêu rụi trí nhớ mình.

Tống chợt thèm một hơi thuốc lá. Chàng tới hỏi xin nhân viên trong phòng ghi danh. Không để ý, mãi tới khi trở lại phòng đợi, chàng mới nhận ra, trời ơi, đúng hiệu thuốc lá mà Thụ thường hút. Chàng hối hả dụi tắt điếu thuốc, nhưng hương khói quen vẫn lãng đãng vây quanh. Cái êm ả thuở đời sống còn nguyên lành sóng sánh ùa về. Căn hầm nhỏ, bày biện ấm cúng. Tháng tư, có nhánh bồ công anh vàng rực len lén nhoài qua vuông cửa. Đèn vàng rót mật lên ghế bàn gỗ thông. Thỉnh thoảng Tống lại nhốt mình vào đó, bầu bạn cùng khay trà, dĩa kẹo gừng, chiếc kính phóng đại, và tập sách sưu tầm mở toang trên mặt bàn. Hai ngăn tủ chứa hộp kính cắm đầy xác bướm. Không gian chuyển mùa trong hồi ức Tống. Những khuya trăng tròn, khó ngủ, chàng xuống hầm, bật chụp đèn con, rút ra bất kỳ hộp kính nào, soi mắt ngắm. Cánh trước bướm đuôi én màu vàng trứng, viền xám; cánh sau điểm hai đốm đỏ, viền xanh và chéo đuôi ngắn, đen lónh lánh. Bướm lông công, cánh nâu đỏ, đốm xanh viền đen. Bướm xa cừ, cánh vàng nghệ, đốm trắng ửng bạc. Bướm mắt xanh, mắt nâu. Bướm lửa tím, lửa xanh. Bướm vàng chanh, bướm hồ điệp, bướm da cáo, bướm cải trắng... Nhưng có lẽ Tống yêu nhất giống bướm cánh xanh ửng tím. Màu xanh này, thỉnh thoảng Tống vẫn nghiệm thấy trong những giấc mơ. Chàng nằm trên ghế dài, trong căn hầm quen hơi, lắng nghe tiếng va chạm của không gian trong ngoài. Đêm len qua ô cửa hẹp, đắp lên người chàng tấm chăn trong suốt, xanh biếc. Tống tưởng mình đang khoan thai hoá thân thành loài ấu trùng, co quắp trong vỏ kén lấp lánh ngũ sắc. Hơi ấm lạ lùng vây kín. Khứu giác chàng tiếp được hương thời gian, của tháng tư hoa cải vàng nhức mắt, của tháng tám bướm trắng về kín sân, của cuối năm bông tuyết chấp chới vòm mây chì. Thời gian bừng sức sống. Không gian chuyển động cuồn cuộn như cơn hải chấn mang sóng lớn tuôn bờ, đập hung bạo vào vách đá dựng. Những nhịp thở nhập nhau, hoà âm, tan thành chất nham thạch xanh lửa, xẻ rãnh ngoằn ngoèo trên đất. Tống nằm yên, dìm hơi thở, chìm vào ngoại cảnh. Thịt da chàng ướt sũng, nặng trịch. Tâm hồn chàng nhẹ hẳng, ve vẩy bay lên, cánh đập uyển chuyển, rắc phấn trắng xoá lên mặt gương cắt đôi thực mộng. Chàng soi mắt vào mảnh kính phóng đại, thấy vẩy bướm sắp lớp như ngói lợp trên đôi cánh phấn. Màu ngói xanh men, từng hàng đều đặn như tế bào da biết thở, biết cảm nhận ngũ quan.

Tống rơi vào thế giới của riêng chàng, trải qua nhiều phân đoạn khác nhau. Trước và sau khi có mặt Thụ. Đoạn nối tuy ngắn, nhưng vô cùng sống động. Như thể Tống đã tìm lại được nửa kia tưởng đã thất lạc. Chàng thấy ra ánh mắt rạng rỡ của mụ đỡ trong ngày rời lòng mẹ. Chàng và Thụ

chào đời cách nhau chừng nửa tiếng, mẹ kể vậy. Lúc đó chàng khóc oe oe, còn Thụ nín bặt làm mẹ lo quá. Mẹ không còn nhớ, quê ngoại đêm đó trăng rằm hay khuyết. Mẹ chỉ giữ lại chút hương khuya vượt cạn. Mùi dầu nóng cay xè lẫn với hương khuynh diệp the nồng, và mùi máu tanh rờn rợn. Lạ lùng nhất, trong mớ tạp hương nhám nhuốc ấy, giữa những khoảnh khắc nén hơi chuẩn bị cho lần rán sức kế tiếp, mẹ vẫn bắt được hương lúa non từ ruộng ngoài tràn qua liếp cửa hé. Ôi, hương cốm tuổi thơ đất quê nhà.

Tống nghĩ, chàng có thể hiểu được xúc cảm của mẹ. Đâu khác gì tâm chàng, đôi khi lại gợn lên những bọt sóng hoài niệm. Không những trong chiêm bao mà cả trong những lúc chàng ngồi vẩn vơ thế này. Lâu rồi, chàng không dám ngắm kỹ diện mạo mình trong gương.

Sắp hết giờ thăm, Tống vào lại phòng trong, từ giã Phương. Cảm giác chia tay lúc nào cũng gieo vào lòng Tống cảnh xe hoả xập xịt chuyển động. Khói bủa căng tâm tư chàng, lung linh ảnh tượng. Dưa Chuột và Phương xoè tay lên mặt kính, mơn man. Tống vừa cất tiếng tạm biệt vợ vừa thấy mình là đứa trẻ áp mặt vào cửa kính, trông ra ngoài đêm. Mùa đông. Giữa khuya, tuyết cào sột soạt lên cửa, đánh thức chàng dậy. Chàng dụi mắt, nhìn ra, hớn hở như vừa thấy lại người bạn mỗi năm tái ngộ một lần. Đất bừng lên sắc trắng. Gió thốc bông tuyết chới với dọc ngang. Chàng không cảm thấy lạnh, mà ngược lại, niềm ấm áp lạ lùng nào ngập kín chàng. Một chút tiêng tiếc lúc năm tháng cùng tận. Một chút hân hoan trước thời chuyển năm. Biết sẽ thay đổi, nhưng không rõ ra sao. Điều mơ hồ ấy khiến lòng chàng rạo rực không nguôi.

Đoạn đường từ nhà giam thành phố đến chỗ nằm của Thụ mất chừng 20 phút lái xe. Tống muốn hỏi Dưa Chuột về câu chuyện trao đổi giữa mẹ con mới nãy, nhưng sợ con mắc cỡ, nên thôi. Dưa Chuột líu ríu:

- Con có hỏi mẹ cách nấu một vài món ăn.

Tống thở ra:

- Món gì vậy?

- Mấy món mà ba hay nhắc.

Rồi Dưa Chuột nức giọng kể. Tống lắng tai mà ý nghĩ vất vưởng nơi đâu. Bất chợt chàng nhớ tới một thói quen của người thượng du đã nghe kể đâu đó. Sau lần kinh nguyệt đầu tiên, người kể gọi đó là "kỳ trăng máu", thiếu nữ phải ra suối tẩy rửa vào tối trăng tròn kế tiếp. Tống cho rằng đó là một thông lệ đẹp.

Cảnh trăng núi huyễn hoặc níu chặt tâm trí chàng suốt đọn đường tới thăm Thụ. Chiều nắng tươi, nghĩa trang thấp thoáng dáng người, đa số lớn tuổi. Sau cánh cửa sắt vòm cung, con đường chính trải nhựa thẳng tắp,

sạch sẽ. Hai hàng cổ thụ, lá không đủ rậm để đan vào nhau. Cuối đường là hồ nước phun, trước ngôi nhà nguyện, chỗ đưa tiễn sau cùng. Những băng ghế sơn trắng. Mái trời sau nhà nguyện trong vắt, không giống như cảnh trời mà Tống đã thấy trong những ám ảnh lặp lại. Mây cuồn cuộn. Mây vạm vỡ. Mây hung bạo phong ba. Mây quét ngang mặt đất, cuốn mất. Mây như những lưỡi dao vô tâm.

Tống gập người xuống mộ bia, tay bứt vài nhánh cỏ mọc lan. Dưa Chuột xoắn xuýt thay hoa vào lọ, châm ngọn nến gió. Ánh lửa nhợt nhạt trong nắng.

- Có người thay hoa giùm mình, ba ạ.

Tống ngạc nhiên:

- Sao con biết?

- Lần trước mình mua huệ trắng mà, đâu phải cúc tím.

Tống chau mày:

- Ai vậy nhỉ?

Dưa Chuột nhún vai, không đáp, nhặt mấy nhánh lá khô vương trên cỏ. Chưa tháng mười mà, Tống thầm nghĩ. Không dưng chàng lẩm bẩm mấy câu thơ băng ngang trí nhớ: *"Tháng mười sao lá vẫn chưa vàng?..."* Dưa Chuột ngẩng mặt hỏi, ba nói gì vậy? Tống lắc đầu cười, ba đọc thơ con ạ. Rồi chàng nhỏ giọng kể cho con nghe vài ba kỷ niệm chưa quên, với Thụ. Những bộ áo quần giống nhau, thuở nhỏ. Những sở thích đồng dạng. Những giao cảm không thể giải thích. Chàng bệnh những khi Thụ lên sốt. Chàng đau mỗi khi Thụ bị phạt đòn hay vấp ngã. Chàng mơ tưởng giang hồ theo những chuyến phiêu lưu của Thụ. Đó cũng là điểm khác độc nhất giữa anh em chàng. Càng lớn, điểm khác càng rõ rệt. Trong khi Tống chỉ biết loanh quanh trong gia đình, trường lớp và phố thị chật hẹp, thì Thụ bắt đầu đi hoang. Những lúc Thụ vắng nhà nhiều ngày liên tiếp, mẹ bồn chồn trông ngóng, âu lo khóc. Tống cảm nhận được những nơi chốn có mặt Thụ, nhưng không nói cho mẹ biết, vì khung cảnh ấy mờ nhạt quá, như có lớp sương mỏng choàng kín. Khi là núi đồi chập chùng, khi là biển cát mênh mông. Có khi chỉ là những đốm trăng rắc lên đất, biết di động như vòm mắt lân tinh. Tống đã chập chờn nhiều đêm như thế. Lúc giật mình tỉnh giấc vì âm vang bí ẩn nào, chàng quàng tay sang chỗ Thụ nằm. Trống hoang hoác. Tống hé mắt nhìn lên nóc mùng trắng lờ nhờ. Gió ngoài lay nhẹ bóng trăng xuyên lá, rụt rè như sợ cuốn bay những ràng buộc song sinh.

Mười tám tuổi, Thụ bỏ học, đăng lính. Tống hoàn tất tú tài toàn phần, làm thủ tục du học. Trước ngày chàng rời nước, Thụ xin về phép vài hôm để đưa tiễn. Sau 1975, bặt tin nhau. Cho tới khi Tống bất ngờ nhận được

thư Thụ gửi sang, cho hay đang có mặt trong một trại tạm cư ở Phi-luật - tân, nhờ chàng nộp đơn bảo lãnh. Khi ấy Tống đã thành hôn với Phương, vừa xong cao học, đang chờ đi làm. Mảnh đất mua trả góp vừa đổ xong móng. Chàng háo hức với dự tính, sẽ dành cho Thụ một phòng riêng trong ngôi nhà này.

Dưa Chuột ngắt lời chàng:

- Lúc đó con ở đâu vậy ba?

Tống xua tay cười nhẹ:

- Không biết. Con lang thang đâu đó, vô định.

Dưa Chuột ngả đầu xuống đùi chàng duỗi song song. Cha con ngồi trong nắng, trên triền đồi nhân tạo. Cỏ non trải mướt thoai thoải. Dưa Chuột bứt một nhánh cúc dại, ngắt cánh, thổi bay.

Con bé xoay mặt sang hướng khác, nói:

- Con không thích ba nhớ tới chuyện đó.

Tống hiểu, nhưng vẫn hỏi:

- Chuyện gì?

- Chuyện chú Thụ với... với... mẹ. Con... sợ.

Tống vuốt lại vài sợi tóc loà xoà trên má Dưa Chuột. Cảm giác sần sượng thoáng cợn lên, rồi tắt ngúm khi chàng đưa mắt nhìn xuống hàng mộ bia nhấp nhô trong lùm cây rậm. Chúng toát ra điều gì như an phận, như lặng lẽ chấp nhận, thảnh thơi không toan tính. Tống muốn thuật cho con nghe về những đêm trăng máu cao nguyên, nhưng không biết phải mở lời ra sao. Chàng lo âu với ý nghĩ, những biến đổi sinh lý ấy biết đâu chừng sẽ từ từ tách Dưa Chuột rời khỏi chàng, như những lìa tan đôi khi khởi đầu bằng vết nứt.

Tống ngần ngừ:

- Nếu cần, con hỏi dì Tâm.

Dưa Chuột bật ngồi dậy, đối mặt Tống, giọng đầy thắc mắc:

- Con chưa hiểu.

Tống lúng túng:

- Ba muốn nói tới chuyện con trở thành người lớn đó mà.

Dưa Chuột nghiêng đầu, rũ tóc che một phần mặt:

- Mẹ dặn con rồi. Con lo quá ba ạ!

- Có gì đâu mà lo?

- Không biết. Con vừa lo vừa vui vui.

- Vậy à?

Dưa Chuột chậm rãi tìm lời giải thích:

- Con vui vì không còn bị mọi người coi là trẻ con.

Tống vuốt nhẹ vai con:

- Với ba, lúc nào con cũng là trái dưa chuột mũm mĩm, đáng yêu.

Dưa Chuột cắn môi:

- Con muốn ba đừng gọi con là Dưa Chuột nữa.

Tống im lặng bỡ ngỡ. Một vạt gió thốc ngang, thổi rối tóc đứa con gái. Tống gọi thầm, Hà ơi, Hà ơi. Lâu lắm rồi, chàng không gọi con bằng tên thật. Tống tủm tỉm:

- Con còn nhớ tên con là gì không?

- Dạ, nhớ.

- Cả ý nghĩa nữa?

Dưa Chuột tươi tắn:

- Là gì vậy ba?

- Con muốn là dòng sông hay ráng chiều?

Dưa Chuột đắn đo giây lát, rồi đáp:

- Dòng sông. Ráng chiều đẹp, nhưng buồn quá.

Không đợi Tống góp ý, con bé đã cong tay vẽ vời:

- Mà phải là con sông nhỏ thôi, len lỏi giữa đất ruộng quê mình.

- Con biết gì về quê mình?

- Thỉnh thoảng con xem truyền hình, thấy họ chiếu cảnh vịnh Hạ long, Hà nội, Sài gòn hay các lăng tẩm ở Huế. Sao ba không về thăm quê?

Câu hỏi khiến Tống bối rối. Ừ, từ ngày rời quê đến giờ, chàng chưa trở lại, sắp tròn 30 năm. Tống thẫn thờ buông tiếng, không biết, rồi đứng lên, phủi đất cỏ bám hai ống quần, đưa mắt nhìn trời. Ở một góc, có lẽ phương đông, mây đùn chất ngất. Sắc mây trắng xám, phản chiếu nắng chiều, bừng lên thảng thốt. Tống vươn vai nói khẽ: "Mình về thôi". Cảm giác mệt mỏi ghì nặng hai vai chàng. Tiếng sỏi nghiến lao xao dưới gót giày. Tiếng chim chộn rộn gọi nhau trên chòm cây bắt đầu sẩm bóng. Chàng ngoảnh mặt về hướng mộ Thụ lần cuối. Ngọn đèn gió lay động như vẫy tay từ giã.

Sau bữa cơm tối, mưa bắt đầu rơi. Len lén, rụt rè. Nếu Dưa Chuột không nói, có lẽ Tống cũng không hay. Trong khi Dưa Chuột ngồi xem truyền hình, Tống lẳng lặng cầm tách trà, rời phòng khách, xuống hầm. Từ hôm thảm kịch xảy ra, đây là lần thứ hai Tống xuống đó. Lần thứ nhất, chàng xuống để chỉ thợ sắp dọn, sơn lại tường, lót lại thảm. Tống đã có ý vất hết mọi thứ bày biện trong ấy, nhưng chưa đủ quyết tâm. Toan tính dọn nhà cũng đã nhen nhúm nhiều phen. Nhưng dọn đi đâu? Sản nghiệp tha hương của vợ chồng chàng là ngôi nhà mua trả góp này. Và kỷ niệm.

Tống mở cửa, bật đèn. Ánh điện úa vàng. Mùi ẩm mốc xông ngai ngái. Vắng lạnh. Nhưng có hấp lực bí ẩn nào kéo Tống bước tới. Không biết đó có phải là thói quen tìm lại phạm trường của kẻ sát nhân? Tống

cong ngón tay, quét nhẹ lên cửa tủ. Lớp bụi bám mờ đầu ngón. Chàng lưỡng lự giây lát, rồi gượng tay kéo ngăn. Âm thanh gỗ lâu ngày không sử dụng một nhọc nghiến vào rãnh thép, cửa lên hoài niệm Tống những vạch tối sáng lập lờ. Những hộp kính đựng xác bướm vẫn nằm ngăn nắp đó. Những mộ bướm trơ trơ bất động, khơi dậy lòng chàng cơn mê cảm lốc xoáy, cuốn mất mọi tạo dựng trên mặt đất. Như tử thi đang ngọi dậy, động nắp quan đòi lại cái sống bị cướp đoạt. Tống run tay nâng lên một hộp kính, mắt mở lớn. Xác bướm rực xanh như phát quang, sắc lân tinh lóng lánh. Sinh khí gọi thức cơn mê trầm, tiếp máu vào những mạch huyết rỗng. Sự sống cựa mình, chuồi ra kén. Tống bàng hoàng dõi mắt theo cánh bướm đang từ từ tái sinh, khẽ động, rồi ve vẩy chập chờn. Hai sợi râu lờn vờn qua lại. Thân mỏng uốn éo, tìm cách bứt rời gút kim cắm chặt vào bản gỗ. Thời gian mở ra từng trang hồi ức tiếp nối. Tống hoảng hốt nhìn con bướm gom sức cạn, bứt lìa mấu kim, xoạc cánh xuyên qua lớp kính mỏng, bay tản loạn trong trí nhớ Tống càng lúc càng toả rộng. Phấn bướm rơi rụng tơi tả. Tống khép mắt thấy ra sắc chàm ửng trên da Thụ, ứa máu, lúc chàng cúi gần, ấn xuống mũi kim xâm...

Mồ hôi rịn bóng làn da rám nắng. Thụ nhíu mặt theo từng vết xâm, cắn răng để khỏi bật ra tiếng nấc. Tống thều thào:

"Gần xong rồi, chịu đau thêm chút đi em".

Thụ cười méo xệch:

"Cái đau lạ lắm, như không phải của em".

Tống ngừng tay, ngó chằm chằm vào hai mắt Thụ khép hờ. Những cánh cửa quá khứ tưởng đã khép kín, chợt từ từ mở hé. Chàng đang cúi người trên thân Thụ, dí đầu kim xâm lên ngực em, bên trái. Chút máu ứa ra, hoà với màu mực xanh ngắt. Cả người Tống nổi gai, như cảm nhận được cái đau mím môi nhíu mày của Thụ, luôn cả nỗi hoan lạc ấm lửa không thể giải thích.

"Em đừng nhớ tới những mũi kim mà hãy tưởng ra chuyện khác, sẽ bớt đau".

Tống đề nghị. Thụ gật nhẹ:

"Em đang nghĩ tới chuyện khác đó chứ".

"Chuyện gì?"

Thụ ngập ngừng giây lát, rồi buông tiếng:

"Giao hoan với ai đó."

Tay Tống khựng trên ngực Thụ. Đầu kim khập khểnh xâm lệch đường vẽ. Người Thụ nẩy lên, rên rỉ kêu đau. Tống lau vội giọt máu hoen tròn trên da Thụ, nói nhanh:

"Kể đi, kể đi, em tưởng tượng những gì?"

Thụ rầm rì:

"Em đang cúi mặt lên ngực, lưỡi xoắn lấy đầu vú căng cứng. Mắt em là cái kính hiển vi, thấy ra những sợi lông tơ oặn cong theo cơn bão lưỡi thô bạo. Mồ hôi tươm ra lỗ chân lông. Hai tấm da thịt ép sát nhau như hai phần đất đùn lại theo cơn chấn động địa lý, chậm rãi nhưng mạnh mẽ, gấp thành những triền núi cảm xúc chất ngất. Dãy nối dãy, mỏm sắc lởm cắt ngang trời. Máu trời phún giọt, xuất tinh lên mặt địa cầu thành những sông hồ ngập ngụa sự sống. Trời gầm tiếng sấm nấc. Đất bần bật run lên, nứt rãnh hứng lấy dòng tinh khí. Em cũng run bật trong da thịt người đồng điệu.."

Giọng Tống đứt quãng:

"Đừng... đừng... nghĩ ngợi kỳ quặc như vậy... Gần xong rồi".

"Khi nào xong, anh nhớ hà hơi cho nó sự sống. Như thế, hình xăm sẽ có thần hơn".

Tống chích mũi xăm sau cùng, cất kim vào hộp gỗ, cầm nhúm bông chặm lên hình bướm. Hơi thở Thụ trở đều, thơi thả. Tống xịt thêm lớp thuốc khử trùng. Chất nước làm thân bướm trở nên sậm bóng, hực lên trong màu ngày đặc quánh. Theo lời Thụ dặn, Tống kề mặt phà hơi vào hình xăm. Một lần, hai lần rồi liên tục đều đặn. Thuốc khử trùng bốc hơi, đọng thành lớp mỏng óng ánh choàng kín hình bướm, như chất tơ mỏng gói vội cái sống còn lại, chờ đợi. Rồi, như có phép mầu, Tống thấy rõ ràng hai cọng râu mảnh lay động. Những vi tế trong thân bướm khẽ cựa mình, linh hoạt từng huyết mạch. Đôi cánh chập choạng bung ra, xoè rộng như muốn xé da Thụ, lao ra không gian bên ngoài. Tống nghiêng mặt lên ngực em, phân vân tự hỏi, nhịp đập của tim Thụ hay của cánh bướm? Khứu giác chàng lan rộng như vết dầu loang. Biển thời gian gom sóng đập rát vào bãi song sinh, mở ra trong Tống những cảm tính bất phân. Chàng chập choạng nhập vào Thụ. Bốn bàn tay tìm nhau, siết lại. Hai hơi thở chung dòng thành ngọn gió băng ngang sa mạc thênh thang, tìm về cội rễ. Hai khuôn mặt là một. Hai xác thân, hai linh hồn hợp nhất. Tống nghe ra tiếng khóc chào đời của chính chàng từ đôi môi Thụ. Hay đó là chuỗi cười mãn nguyện của lần trùng phùng, của lần thấy ra chính mình trong khoảnh khắc thịt da đê vỡ?

Tống run tay cất hộp kính vào ngăn kéo, ngước mắt trông ra khung cửa chấn song. Đèn đường hắt yếu luồng sáng vàng vọt mỏng. Mưa rắc nghiêng sợi, mờ nhoè tròng mắt Tống đẫm nước. Gương mặt Phương lung linh hiện ra sau hàng song sắt. Giọng nói nàng khi bình thản khi van nài trong phiên toà quyết định:

"Thưa quí toà, tôi cũng không biết giải thích tại sao tôi lại làm hành động điên rồ đó. Tôi chỉ biết, từ ngày có Thụ về sống chung, chồng tôi bỗng đổi tính. Anh sống động, vui tươi, yêu đời hơn trước... Không phải với tôi, mà với Thụ. Hai người gần như lúc nào cũng luẩn quẩn bên nhau. Thoạt đầu tôi nghĩ, cũng là chuyện thường tình thôi, vì anh và Thụ là anh em sinh đôi, cho tới lúc tôi tình cờ bắt gặp cảnh anh xâm hình cho Thụ... Cử chỉ của anh đối với Thụ, từ nào tới giờ, tôi tưởng chỉ mình tôi có... Thưa, không, đó không phải là cảm giác ghen tuông mà là... là... mất mát. Dạ, nỗi mất mát lớn, rộng, trống rỗng, khủng khiếp. Đối với phụ nữ, không có gì ghê gớm hơn chuyện phải chia sẻ tình cảm. Từ đó tôi mang mặc cảm là kẻ đứng bên lề, là người đóng vai phụ vô duyên, nhạt nhẽo. Chồng tôi không còn chiều chuộng tôi như trước. Ngay cả chuyện vợ chồng, anh ấy cũng lơ là. Cho tới một hôm, Thụ trở bệnh. Xoàng thôi, nhưng đủ làm cho chồng tôi lo lắng đến mất ăn mất ngủ. Trưa đó, tôi mang thức ăn xuống phòng cho Thụ. Mùa hè, trời nóng, Thụ để mở cửa phòng. Tôi bước vào, thấy anh nằm ngủ trên ghế nệm, ở trần, tay trái buông thõng. Tôi đặt nhẹ khay thức ăn xuống bàn, toan đi ra. Lúc quay mặt, chợt cái hình xâm bướm đập thẳng thốt vào mắt. Tôi khựng chân, nhìn kỹ. Thưa quí toà, thú thật tôi chưa thấy hình xâm nào đẹp hơn thế. Phải nói, trông nó cực kỳ sống động, như thể có cánh bướm nào vui chân đậu lại. Da Thụ tươm mồ hôi, trông như sương bám. Tim Thụ phập phồng khiến đôi cánh như chao động, chực bay... Cảm giác tôi lúc đó thế nào ư? Thưa, phải nói là hoang mang, bối rối ghê lắm. Cái đẹp sững sờ, nét tinh tế của từng mũi xâm càng tô đậm những đối tính trong tôi. Tôi chợt nhận ra điều mà tôi cho là vô lý bấy lâu nay không phải là ảo tưởng, mà có thật, sờ sờ đó, ngay trước mắt. Tình cảm giữa chồng tôi và Thụ chắc hẳn sâu đậm lắm... Trong khoảnh khắc tâm lý chấn động mạnh mẽ ấy, tôi chụp lấy con dao gọt táo trong khay thức ăn, cắm lút xuống thân bướm phập phồng trên ngực Thụ. Dạ, thưa quí toà, thâm tâm tôi hoàn toàn không có ý cố sát Thụ... Tôi chỉ muốn, trời ơi, tôi chỉ muốn giết chết con bướm hình xâm đẹp đẽ ấy..." ❐

Đức, 5.4.1999

Mưa

TRẦN YÊN HÒA

Một chiều buồn, Cali, mưa đổ.
Bỗng nhớ em, nát ruột, bầm gan
Mưa trút nước, như lòng ta, dất lở.
Đời hắt hiu, từ độ, lang thang.

Hiển hiện đó, những ngày cùng tháng
Những mùa trăng cố xứ chập chùng
Những hoảng hốt vây quanh hồn lạnh
Những hoang đường mù tối mông lung.

Ta trở lại trái tim buồn lạc nhịp
Nồng nàn em hơi ấm của người
Chút máu loãng cũng vô cùng tội nghiệp
Một bài thơ vừa chảy giữa đời vui.

Mưa và nắng, của vô cùng trời đất
Của Cali, đêm xuống, lạnh vô cùng
Lạnh như thuở cuộc tình ta bỗng mất
Giữa nhân gian đêm mù tối mịt mùng.

Nhạc hay Họa, hay diêu tàn, mộng mị??
Kiếp phù sinh như sương tụ trên cành
Thơ hay Phú giữa lòng ta, kẻ sĩ
Cũng phù du, hư ảo, mong manh.

Anh nhớ em, có thêm mưa, nhớ quá
Suốt đời anh, còn lại, là mưa
Đêm trang trải cùng người, nơi xứ lạ
Như câu hò, ghi một dấu tình xưa.

Đường mây

Hồ Minh Dũng

I

"Saigòn. Mùa mưa tới, ngày...tháng... năm...

Anh Phan ơi,

Lâu lắm không có tin anh, nên em viết thư nầy.

Người ta cho rằng con gái Huế thích bày tỏ lòng mình ở hai nơi: trong đêm khuya và trên trang giấy.

Em cũng không thoát khỏi cái lẽ thường tình nầy. Có điều, viết thư cho anh, em tự tạo ra một hoàn cảnh cho "có vẻ" không bình thường, để phù hợp với trạng thái tâm hồn em còn chìm đắm trong bóng tối, vừa lôi cổ nó ra, lúc nầy, chứ thật ra, đời vẫn thế, nghĩa là cuộc đời vốn đã thế rồi.

Chẳng bao giờ anh ngờ, một bức thư vỏn vẹn chừng nầy mà em phải viết đến năm ngày, ở năm địa điểm khác nhau, toàn là quán cà phê. Em viết chăm chú và có vẻ quan trọng, đến nỗi ai nhìn vào đều tưởng em là người, không nhiều thì ít, cũng đang trôi trên dòng thác văn chương.

Văn chương mà có dòng thác, tức là đã nâng lên, để riêng nó một nơi. Và coi người sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần đều ở trong trạng thái thần kinh bình thường. Có người cho rằng nhờ khủng hoảng thần kinh mới có những sáng tạo bất hủ. Em thì tin ngược lại, sáng tạo bất hủ rồi, mới sinh ra thần kinh khủng hoảng. Đây là em nói về tác phẩm bất hủ thôi. Con thường thì không nói tới.

Em có thói quen, mỗi lần viết điều gì có liên quan đến tình cảm thì xỏa tóc. Xỏa tóc, có nghĩa là cảm xúc em, thời điểm đó cực thịnh, trang trải và tha thứ. Ngàn tóc khi đã vang lên, một sợi là một tơ vàng buộc chặt vào đâu đó, giữa đời. Mái tóc thề nổi tiếng của em, dù đi xa xôi mấy vẫn

không đổi. Một mình nó, tự thân nó, đã trợ lực cho em nhiều điều. Muôn sợi nghìn nhánh chằng níu lòng em, chằng níu những thứ không phải lòng em. Em phải dàn xếp, thương lượng với lý trí để mình không biệt lập, mà gia nhập, vào xã hội, thế nào cho phải lẽ.

Trước hết, em có lời gửi thăm hai bác và các em. Còn anh, độ nầy ra sao, lên đến lớp cao, chắc học hành choán mất thì giờ, không cho phép anh viết nhiều phải không, nhưng mà truyện dài anh sắp kết thúc rồi còn gì? Biết đâu, lá thư nầy anh lại đem vào tác phẩm ấy, đoạn kết, như những giọt cam lồ. Em tin thế, nên cố viết cho "khác thường" một chút. Dù sao, em cũng là người đã từng hền hĩ khuyên anh, bất cứ giá nào, cũng có một tác phẩm để đời. Người sáng tác lương thiện không mong gì hơn là đem đạo lý đến gần đời sống. Mong gần thôi, không mong chi thâm nhập vào. Ở vai trò nầy, xét ra, tài em không có, nên tự rút lui. Sự rút lui, làm cho em yên tâm hơn, êm thấm để sống tiếp.

Từ xa xôi đến đây, không phải cực nhọc gì trong sinh kế. Bởi vì, như anh biết, em chẳng bao giờ thiếu vật chất cả. Nhưng em cũng phải làm việc để châm ngòi, tạo một lực đẩy, mà yêu cầu cao nhất là sự sống không ngưng đọng, phải tuôn chảy, nếu không được bươn bả theo dòng, thì đừng mắc cạn. Chao ôi, chỉ hai tiếng "mắc cạn" thôi, đã gây cho em một ấn tượng như bị khốn đốn một đời! Em đã làm nhiều việc, và việc cuối cùng, khá lạ đời, sau thư em sẽ nói đến.

Cái ảnh hồi trước em gửi cho anh chụp ở bãi biển Nha Trang, anh còn giữ không? Không phải gửi cho anh vì trong ấy có hình ảnh em mặc đồ tắm giữa thiên nhiên, mà vì những hòn đá chồng lên nhau, bên biển.

Bàn tay nào đã đặt những hòn đá lên nhau?

Cái thế chồng chất ấy gợi cho em nghĩ về phận người, phận đời, và lẽ hợp tan của nó.

Tại sao những hòn đá to lớn như thế, dính vào nhau chỉ một vệt nhỏ như sợi chỉ, mà bão táp bao đời rồi lay dữ dội mà không bong, rớt? Anh nên giữ kỹ tấm ảnh đừng cho phai. Biết đâu, đó là tấm ảnh, khi về với anh, lại trở thành vô giá của riêng đời em.

Ở Saigòn, lúc nào em cũng tạo cho mình bận rộn. Con người xa cố hương ai cũng buồn, em cũng thế, nhưng ít hơn. Không phải em vô tình, nhưng buồn để làm gì, có ích gì? Trên đời có bao nhiêu điều mà mình phải quên.

Một buổi tối đội cơn mưa lớn, ra con hẽm bên hông Chợ Thiết ăn tô hủ tiếu, nghe những chú ba Tàu giọng lơ lớ, lên án gắt gao người Việt Nam vong ơn bội nghĩa, không lập đền cho xứng để thờ Triệu Đà, ngày xưa đã tận tụy chỉ dạy cho dân Việt cày ruộng trồng lúa, mới có bát cơm ấm bụng

ngày nay. Rồi chuyện những chiếc lông ngỗng của Mỵ Châu bay trắng trời trên đường tẩu thoát và những con trai ở biển uống máu người chết oan mà kết thành ngọc tốt.

Đạp xe đạp cà rịch cà tang xuống xóm Lò Da bót Nguyễn Văn Cự để thấy hàng vạn con ruồi đủ loại, đủ cỡ, vui vầy trên những miếng da bò nhầy nhụa căng phơi. Thế giới của ruồi sinh động, ngộ nghĩnh, hòa đồng, tương nhượng, chẳng thua gì đàn kiến đỏ thời thơ bé mà anh và em đều thấy trong vườn nhà hay trên đường làng. Ai đó nói "con ong ra khỏi tổ ong chỉ là con ruồi". Em không đồng ý. Khi còn ở trong tổ đầy mật, chắc chi ong đã hơn ruồi. Mà ruồi là ruồi, ong là ong, sao có chuyện ví von chi cho lôi thôi.

Nếu chịu khó hơn thì đến chợ cá Trần Quốc Toản, không phải để nghe người bán, kẻ mua thóa mạ nhau, mà nhìn thấy tận mắt cảnh mánh mung khéo léo, hay đến khu Mả Lạng để xem đám dân nghèo, vô gia cư, đầy mầm bệnh, xúm xít chia nhau miếng ăn. Mới hay, rốt cuộc, miếng ăn, đối với ai, thời đại nào, cũng hàng đầu.

Anh ơi, thấm thía biết bao, những áng ca dao dân tộc, khi em về tận những cánh đồng lúa miệt Phú Lâm, đứng dưới bóng dừa xanh nhìn những cánh cò bay. Chan chứa tình người biết bao, khi ngồi trên chiếc xe thổ mộ đi qua những nẻo đường rợp bóng tre vàng óng, bên trong hàng tre là thửa vườn sum suê hoa trái, lúc nào cũng có đàn gà con thơ ngây lẽo đẽo theo mẹ.

Những điều em kể trên đây, không nhất thiết để anh hình dung ra phần nào cuộc sống phức tạp nơi em sống, mà chỉ để anh hiểu lòng em gạn lọc biết chừng nào, khi tiếp cận với ngoại cảnh, không phải quê hương mình. Lủi thủi một mình, em chẳng khác nào con chim bồ nông, mà cái bìu dưới cổ của nó không phải đựng tôm cá, mà đựng toàn nỗi buồn riêng. Bởi vì em, đã có một thời cầm bút viết văn. Hơn thế, đã có một thời yêu anh.

Thân gái dặm trường như em quả thật hiếm. Em làm mà như không làm gì hết. Thân phận em vô vi ẩn núp. Nội tâm tạm trú ngoài không gian, mãi mãi em vẫn thế. Nắng, mưa, bão táp, sấm chớp, gió xoáy cũng có một đời riêng. Nó đi qua một lần, để cho cuộc đời nầy mang tính trừu tượng hơn. Em cũng thế! Nếu ký ức em bị áp lực, thì áp lực ấy là do nhiều phía, không phải một phía, phía dĩ vãng. Bởi vì ký ức em không hề mang một căn bệnh nào cả. Quên, thì không rồi. Thác loạn, thái quá cũng không luôn.

Chỉ "nhập cuộc" một thời gian ngắn, mà bản thân em đã làm cho miền đất vô tâm, bề bộn nầy thêm lúng túng. Một đoạn đường em đi qua,

dù ngắn, đầy chất vô dụng, như đường Lê Lai chẳng hạn, ít nhất là vài chục con mắt thao láo nhìn theo. Họ nhìn gì, đâu phải vì vàng bạc tư trang em đeo?

Như trên em đã nói, em không phải là người thiếu thốn vật chất. Bây giờ xin nói thêm, cả tinh thần nữa, chẳng bao giờ em thiếu. Bởi vì vô số vòng hoa rực rỡ vô hình đã và đang đeo cho em. Trong đời em, có thể nói, chỉ có những ngày này mới đúng nghĩa làm người.

Cuối thư, thay vì em dành đoạn này để phát họa công việc của em hiện nay, nhưng nghĩ lại, chưa nên cho anh biết vội.

Saigòn đang vào mùa mưa, những cơn mưa chợt đến, chợt đi, để lại cho lòng đường, lề đường, hàng me, gạch đá và lòng em bao nỗi niềm.

Có điều, em thông báo cho anh hay, chắc là không thay đổi ý định, em chẳng bao giờ về Huế nữa. Em sẽ thu xếp cho cha mẹ, anh chị em vào ở với em trong này. Một villa và khu vườn rộng hơn mẫu tây ở Thủ Đức em đã mua, sửa sang thêm cho hợp với tâm hồn Huế. Dĩ nhiên trong vườn ít nhất là trồng vài cây sầu đông, Miền Nam không có mùa đông, không biết loài cây này có sống được như đời sống của nó muốn không?

Cuối tuần này em đi nghỉ mát Vũng Tàu, sẽ chụp nhiều kiểu ảnh, lựa tấm nào trẻ trung nhất gửi tặng anh. Vũng Tàu không có đá chồng như Nha Trang, nhưng cũng có nhiều đá nằm rất sát bên nhau ở dạng khác, cũng không kém phần tình tứ.

Thư hết. Chúc anh và gia đình gặp mọi điều như ý.

Bạn văn nghệ xưa của anh.

Hương Nguyên."

II

Người đến thăm tôi đầu tiên ở khu tiếp tân quân trường Thủ Đức là Hương Nguyên.

Nàng mặc áo dài phin trắng mà các thiếu nữ tỉnh thành thường mặc. Mái tóc thề óng ả cùng với chiếc nơ màu hồng nhạt làm cho nét mặt nàng rạng rỡ trong trời chiều. Cử chỉ của nàng vờn lượn như để khoe nhan sắc với nhiều người chung quanh, hơn là tôi.

Câu nói đầu tiên khi gặp tôi là:

"Anh ngạc nhiên lắm phải không? Em đến thăm anh cùng với lời trách móc, là anh không thèm thông báo cho em một tiếng, để biết anh đã vào đây. Nhưng trách thì trách mà xu hướng của con tim em là thiên vị anh, đúng hơn là bảo vệ dĩ vãng, nên cuối cùng nghe theo nó. Sao, anh có hãnh diện được một người có 'quyền lực tuyệt đối' như thế này đến thăm

không?"

Tôi thụ động gật đầu.

Hương Nguyền mạnh dạn dắt tay tôi ra phía lùm cỏ ống cao lút đầu gần hàng rào phòng thủ, tự tay nàng đè sạp cỏ xuống, trải tấm ni lông lên và bày những thứ mang theo. Nàng nói giản dị:

"Em đã mang lên thì anh cứ việc ăn, ăn cho hết. Quân trường thì lúc nào thức ăn do nhà thầu bao cũng đại khái, có khi dở. Anh nhập cuộc mấy tuần đầu, chắc chưa quen, bực bội lắm phải không?"

Tôi nói phải.

"Sao trước khi vào đây, anh không tin cho em biết?"

Tôi tìm lời để Nguyền khỏi buồn:

"Gấp quá, định vào đây viết thư cho em cũng không muộn."

Có lẽ nàng không tin lời tôi, nói xa xôi:

"Nếu em mà không nhận được thư của em gái em cho hay, thì chẳng bao giờ biết để lên thăm. Như thế, em nghĩ, phần thiệt sẽ về anh. Anh còn nhớ gì trong lá thư em viết cho anh trước đây không? Chắc là quên bẵng rồi còn gì. Em nhớ trong ấy có đoạn nói về những hòn đá ở Nha Trang là, cái thế chồng chất gợi cho ta nghĩ về phận người, nay giáp mặt anh đây, em xin nói thêm là, chính phận người đã nâng những hòn đá ấy chồng lên nhau. Thế anh đi, có 'ai' buồn không?"

"Có."

"Có bịn rịn tiễn đưa trên sân ga mà *con tàu ngàn đời không đủ sức đi mau*?"

"Có."

"Anh kể lại buổi lưu luyến ấy cho em nghe đi, xem có giống chút nào *buổi chia ly sao mà buồn vậy*, trong sách giáo khoa không?"

Tôi vui lây vì cái tính hài hước của Nguyền, nhưng không muốn nhắc lại cảnh buồn ấy. Nàng tiếp:

"Họ cũng đưa tay lên vẫy với *dòng lệ thấm ướt vai mềm* à?"

"Tay thì có đưa lên, còn ướt vai không, ở xa làm sao thấy."

"Anh ăn đi chứ. À, xin lỗi, đang mời anh ăn mà đem chuyện buồn ra nói, làm ăn mất ngon."

Vừa nói Nguyền cầm cái cánh gà quay đưa cho tôi:

"Anh phải ăn hết cả hai đi mà chắp cánh bay cao. Trời không đủ rộng, thì có một khoảng rộng khác cho anh vẫy vùng, đang chờ."

Tôi hỏi:

"Khoảng nào mà dễ sợ thế?"

Hương Nguyền làm ra vẻ trịnh trọng:

"Bí mật, chưa thể tiết lộ, ít ra là thời điểm 'biên giới' chưa phận định

rõ ràng này."

Tôi không hiểu hàm ý câu nói, nên nhìn vào đống thức ăn:

"Em đã lên thăm là quý rồi, còn bày biện chi cho nhiều, phiền phức, tốn kém. Lần sau có lên, đi hai tay không thôi nhé."

Nguyễn cười tươi:

"Đi hai tay không lại càng "nguy hiểm" hơn. Mà lỡ rồi, anh phải ăn một bụng cho no, không thì em không lên nữa đâu."

Nhìn những cô gái mặc ríp ngắn ngủn qua lại, Nguyễn nheo mắt:

"Nhờ họ ăn bận thế mình mới có giá, con gái Huế đi đâu cũng được quý trọng, nói gì ra người ta cũng tin. Từ Rừng Lá, Bình Tuy trở vào thôi, ngoài kia em không dám kết luận. Cam đoan với anh, từ nay cho đến khi em có sợi tóc bạc thứ nhất trên đầu, lúc nào cũng có đấng nam nhi chi chí chạy theo em đứt đuôi rắn. Còn đến sợi tóc bạc thứ hai trở lên, thì em chưa dám đoan chắc."

Bằng một nụ cười 'lơ đễnh' như ngày nào, làm cho câu nói đó, lúc nầy, gợi cho tôi nhiều kỷ niệm.

"Anh thấy em có khác gì ngày xưa không?"

Tôi vô tình:

"Không."

"Vậy là anh bị 'lớp mây mù thời đại' che lấp mắt rồi. Trong nhà em, ai cũng nói hiện nay em là lực lượng đối nghịch không nhân nhượng với quá khứ, khởi đầu là hình thức. Anh dự định sau nầy ra trường chọn vùng nào?"

"Chắc là ra miền địa đầu giới tuyến."

"Cho được gần tình cọng với gần nhà?"

Không ngờ lúc đó tôi nói một câu thật oai:

"Chết cho quê hương, ngay trên quê hương, là một niềm kiêu hãnh!"

"Úi chà! Trượng phu dữ hè. Em muốn cuối tuần sau hay tuần sau nữa, mời anh về nhà em chơi. Như em viết trong thư cho anh trước, em đã tậu xong một villa ở Thủ Đức, bố mẹ, anh chị em đã vào đông đủ. Em đã thu hẹp Huế trong giang sơn tân tạo của em, kể cả những cây sầu đông. Em tưởng Miền Nam không có mùa đông, nó không sống như ý muốn, không ngờ tự nó sinh ra mùa đông cho nó, nghĩa là đến lúc nào đó cứ việc rụng hết lá, không cần một ngọn gió nào đến lay. Cũng như mọi sinh vật khác, nó tự tạo cho mình môi trường sống. Sao, anh có nhận lời về không? Xe buýt quân trường chở sinh viên sĩ quan về đỗ trước Sở Thú, em sẽ đón anh. Lý do nào đó quá kẹt, em không đến, thì địa chỉ em đây."

Tôi ngồi im nhìn mây trời và sương xuống trắng xóa ngoài những cây đào lộn hột, cho đến khi Nguyễn nhắc lại lần thứ hai, tôi trả lời ngập

ngừng:

"Nếu không gì trở ngại thì anh về thăm."

"Trở ngại của lòng anh thì vô số, ai mà không biết, phải tạm thời cho nó vào viện bảo tàng đi đã. Em còn cả tham vọng, khi anh ra trường, thời gian chờ máy bay quân sự về đơn vị, ghé nhà em ở lại năm ba hôm, em sẽ đem anh đến thăm những chứng tích em đã viết trong thư cho anh trước đây, như Chợ Thiết, xóm Lò Da, khu Mả Lạng, cò bay trên ruộng lúa Phú Lâm, chợ cá Trần Quốc Toản... Thời gian sau nầy em mới khám phá thêm một 'địa danh' nữa, anh biết đâu không? Khu đánh ghen nổi tiếng sau lưng đình Minh Phụng. Khu nầy vui đáo để lắm anh, cha mẹ có chết đâu hôm, sáng đến đây cũng cười bể bụng. Nói là đánh ghen, chứ thật ra là họ hăm hở chửi nhau, chửi thứ tự, lớp lang, bài bản, có sách vở đàng hoàng, chữ Việt xen kẽ chữ Hán, tiếng Việt, tiếng Triều Châu, Quảng Đông cả tiếng Anh, Pháp, Miên, Lào, Chà Và. Giọng Trung, Nam, Bắc, đủ cả, nghe vui tai ghê. Dường như những người có chuyện ghen tuông, cứ chiều thứ bảy là hẹn nhau đến đây để chửi cho hả. Chửi hết hơi, hơn hay thua không kể, cũng kéo vào tiệm Tầu ăn bánh mì xíu mại hay tô cháo quẩy, mới về. Chắc anh nghĩ em là người ôm đồm quan tâm quá nhiều về sự đời, không đâu, vẫn sàng lọc rồi đó chứ."

Cảm giác đầu tiên của tôi về Hương Nguyên, lúc nầy, là một con người đã đổi khác, tâm hồn nàng không còn đơn sơ như ngày nào. Lát sau, tôi hỏi:

"Hai bác vào đây có nhớ quê không. Anh nghe nói càng già càng nhớ quê da diết lắm thì phải?"

Nguyên cười:

"Mình còn trẻ, tốt hơn là không nên bàn đến chuyện của người già. Nó đa sự, rối rắm, đến lúc mình già không biết thế nào. Ăn nữa đi anh, nếu anh thích ăn phở, hủ tiếu thì em vào trong quán gọi họ bưng ra. Chiến tranh là con quái vật nhiều móng vuốt mà mù cả hai mắt, điếc cả hai tai. Người ta định nghĩa như thế, em sợ không đúng lắm. Theo em, chiến tranh chỉ là sự sinh động trong quan hệ sinh tồn và đổi mới của loài người. Mai kia, xông pha nơi chiến địa, anh mới thấy mạng sống con người, không cần phải gìn giữ quá đáng như ta tưởng. Mọi điều khiển, lèo lái số phận người, đều ở sau một bức tường."

Chờ không thấy tôi nói gì, Nguyên tiếp:

"Chỉ một đoạn đường từ Thủ Đức lên Chợ Nhỏ thăm anh đây thôi, qua những thôn xóm, nhìn thấy nét mặt không còn thần sắc của người dân, nghe những tiếng chim hay côn trùng thảng thốt kêu, em sợ đất nước chúng ta sẽ khó tránh khỏi một đại họa. Không biết vì sao linh tính em lại

có thể ác và yếm thế như vậy."

Khi nói đôi mắt Nguyên nhìn ra đám cỏ cháy khô ngoài bờ kẽm gai, những con cào cào màu lá non, xòe cánh bay về phía đồi chập chùng. Có tiếng nhiều thân cây khô cọ vào nhau kêu kẽo kẹt, cùng với tiếng trẻ con nô đùa ngoài thôn xóm đưa vào.

Ngọn gió mang mùi hoa cỏ bên kia đồi Tăng Nhơn Phú thổi qua, làm cho mái tóc Hương Nguyên bay dạt xuống hai bờ vai. Tôi nhìn mãi những sợi tóc ấy, lòng bùi ngùi nhớ đến những gì đã vuột mất trong đời.

Nguyên mỉm cười, lên tiếng:

"Anh nhìn tóc em đang *vũ khúc trên đôi vai gầy guộc nhỏ như cánh vạc về chốn xa xăm*, phải không?"

Tôi bị cuốn hút ngay:

"Phải."

"Ngày nào trên đường về thăm em, ngó ra hai bên cánh đồng, anh sẽ thấy nhiều cò, diệc, vạc, anh mới có thêm ý niệm về thân phận chúng em.

Nhớ lại bức thư trước của Nguyên gởi, tôi hỏi:

"Nghe nói em có đi Vũng Tàu, anh chờ mãi để được tặng tấm hình."

"À, xin lỗi anh, em quên mất. Dịp nào anh về hay em lên thăm lại, sẽ tặng anh. Nhưng thưa trước là, người trong ảnh không được 'dạt dào' như ở bãi biển Nha Trang đâu. Vì sao anh biết không?"

Không chờ tôi trả lời, Nguyên tiếp:

"Bởi vì hồi ấy em còn quá trẻ, chưa biết (hay chưa dám) dứt khoát đẩy lùi ảo ảnh chạy theo. Còn ngày nay, em tự do, thênh thang một mình một chợ. Chợ em nhóm giữa sa mạc, có những lớp 'sương mù' che chắn kiên cố"

Nguyên bỏ dở câu nói, nhìn tôi với đôi mắt như cầu cứu, bỗng nàng cầm lấy tay tôi:

"Nhưng thế nào cũng chừa cho ông 'chuẩn' nhà văn kiêm sắp chuẩn úy, một lỗ hổng nào đó để lọt vào, nếu muốn. *Lâu ngày lá dâu thành lụa.* Em vẫn tin quy luật bất biến đó. Cư xử với một người cầm bút thì cần phải có 'châm chước'. Em phát biểu như thế có tối nghĩa lắm không?"

"Cám ơn em, anh hiểu rồi," Tôi nói như người bị trói chặt vào cái cọc mà chung quanh con thủy triều đang lên.

Hương Nguyên xoay thế ngồi để cho mái tóc đang xao động đổ xuống vùng ngực tôi, nói trong cảm xúc:

"Càng ngày em càng lo sợ Huế sẽ vĩnh viễn xa em. Khi khăn gói ra đi, em đâu có ngờ mình sẽ rơi vào trạng thái của một người không đủ sức đề kháng. Xa Huế, em mới biết rằng thời xuân xanh chỉ một lần trong đời. Xa Huế, tuổi tâm hồn em tăng vọt lên, cằn khô, bệnh hoạn. Mọi giá trị của

tuổi thơ đã và đang trên đà rơi nhanh, mà em không thể viện dẫn một lý do nào để chận lại hay hãm đà. Gặp anh, làm em nhớ lại những ngày Thi Văn Đoàn của mình còn sum trò. Tại sao ở đó, lúc đó, em có đủ can đảm để cầm bút làm một bài thơ hay một đoản văn hòa nhập dễ dàng vào ngõ ngách cuộc đời? Tại sao ở đó, mình có thể hân hoan dấn thân trên đường cái quan mà ít ai dám đi? Có một sức mạnh nào ngoài sức hiểu biết của con người chăng? Em dông dài như thế, để anh hiểu một người con gái Huế lãng-mạn-vừa-phải lúc đi xa, phải đấu tranh cực kỳ như thế nào để tránh khỏi cái nạn 'thuyền ra cửa biển'. Còn con trai - có thể gọi là hơi tiêu cực - như anh, thì em không biết được, mà biết được cũng không có quyền nói ra. À, em quên hỏi anh, có nhớ người yêu còn ngoài ấy không?"

"Nhớ."

"Mức độ?"

"Ngoài giới hạn..."

Nguyên cười:

"Chi mà mang lụy vào thân cho khổ. Nếu anh yêu khoảng vài chục người đẹp nữa thì làm sao sống nổi, tội gì đã làm thân ốc mang cái vỏ nặng thấy mồ, còn đeo rong rêu thêm làm chi cho đọa đày."

"Anh nghĩ, không ai có thể thay thế được người yêu đầu của mình."

"Đó là anh lầm, hay vì anh chỉ có một mình họ. Tình yêu, vốn dĩ đã không có nền tảng, đầu cuối. Nó chỉ là hình thái đam mê khi khuynh hướng con người không còn ôn hòa, mà thành độc tôn thôi. Đau khổ của con người có những đầu dây thần kinh riêng, có những vùng da thịt riêng để tiếp nhận, sao anh không cách ly nó đi mà để cho nó bành trướng toàn thân? Xin lỗi anh, em nói thật, đừng buồn. Nếu anh có thêm số người yêu nữa, thì tình thế khác xa. Anh không biết ông Adam là người đàn ông yên phận, tốt bụng đến dại khờ, thậm chí sa ngã phạm trọng tội, là vì Chúa Trời cho ông chỉ có duy nhất một người đàn bà đó sao?"

Tôi vẫn bảo thủ ý kiến:

"Anh khó mà làm khác đi được."

Nguyên lại cười:

"Hoan hô tinh thần đá vàng đại cổ điển của anh. Em thưởng anh nụ hôn nhé."

Trong lúc tôi đang choáng váng không tin vào tai mình, thì Nguyên đã bá cổ tôi, trao cho tôi nụ hôn lâu.

Toàn thân nàng dấy sóng, như rồng gặp mây.

Xong, nàng thở ra ảo não, rồi hỏi:

"Quên hỏi anh, những cánh hoa vong-ưu-thảo(*) ép khô ngày xưa em tặng cho anh, anh có mang theo trong mình không?"

Tôi nói có.

Nguyên sung sướng:

"Anh có ý tứ như thế là giỏi. Vũ khí phải bất ly thân. Thiệt cần đến nó, chính là lúc nầy đây. Thôi, trời chiều lắm rồi. Em phải về. Anh cần nói thêm điều gì với em nữa không?"

Tôi hụt hẫng giữa đất trời mịt mù, chỉ nói cám ơn và hứa sẽ về thăm.

III

Từ Saigòn về, qua khỏi cầu Bình Triệu, biệt thự của Hương Nguyên nằm khuất trong lùm cây, sát bờ sông.

Một người phụ nữ ra mở cửa, đon đả hỏi:

"Có phải là cậu Phan đây không?"

"Thưa phải."

"Tôi là Hương Nguyên, chị ruột của Hương Nguyên. Em tôi vẫn nhắc cậu luôn, thấy mặc quân áo sinh viên sĩ quan đoán là cậu. Rất tiếc em nó đi du lịch ở Vũng Tàu, mới đi chiều hôm qua. Mời cậu vào chơi."

Chị Nguyên tiếp tôi trong một chòi lợp bằng lá dừa nước, dựng tựa vào đám rễ phụ chằng chịt của gốc cây bên bờ sông.

Trong vườn hoa sứ rụng, tách rời từng cánh, trải một lớp mỏng trên các lối mòn.

Tuy mới gặp tôi lần đầu, nhưng chị Nguyên trò chuyện cởi mở. Chị cho biết mới từ thành phố Nha Trang vào đây theo lời đề nghị của Nguyên và đang lo ngại một cuộc sống mà xưa nay chị không ngờ tới.

Chị kể cho tôi nghe qua cuộc đời của chị, mà chị gọi là "qua sông, không có đò để lụy". Sông đây là cuộc đời, chồng chất những nỗi khát khao, thiếu vắng niềm tin. Muốn khỏi "chết đuối" vô lý, phải tưởng tượng ra biết bao con đò, có khi chỉ mong bám vào mạn, hay nương theo đường sóng của nó mà bơi theo.

Chị nói như chưa lần nào được nói với ai:

"Cậu đoán thử coi năm nay tôi mấy tuổi? Chỉ ba mươi chín tuổi thôi đây. Ai cũng nói tôi già hơn cả chục tuổi, tôi cũng thấy thế, về sau nầy tôi sợ soi gương lắm. Có thể nói, trong đời tôi, không thù ghét cái gì bằng tấm gương soi. Chao ôi, cái bản mặt mình trong màn thủy ấy là cả sự tra tấn cực hình. Thiên hạ cho rằng chồng con không có, đáng lẽ tôi phải thong dong, thanh thản chứ. Không, họ lầm, cái họa ở góa còn nặng hơn họa đầu đường xó chợ. Không phải bây giờ đâu, mà cả hơn hai mươi năm trước, hồi tóc tôi mới chấm ngang vai, đã nghe mẹ tôi nói tới rồi. Từ đó một chùm trăn trở, thắc mắc cứ bám riết người tôi, không biết bao giờ mình

mới được có chồng, người gọi là chồng là ai? Sau nầy, một đống câu hỏi khác lại xuất hiện, tại sao không ai ngó ngàng đến mình? Công tâm mà nói, tôi đâu phải hạng người xấu xí, cũng không phải hạng cao không với thấp không màng. Cha mẹ tôi từng dạy con gái nhà lành phải nghiêm trang, đi cúi mặt xuống đất, về cất mặt lên trời. Tôi đều nghe theo cả mà."

Chị ngừng lại như chờ ý kiến của tôi, nhưng thấy tôi vẫn yên lặng, chị tiếp, giọng bẽ bàng:

"Còn một năm nữa thôi, đời tôi coi như bỏ. Bốn mươi tuổi là cái mốc đánh dấu sự sa thải của người đàn bà trong đời. Tôi dự tính, đến đúng ngày giờ ấy, làm mâm cơm cúng tổ tiên ông bà xong là xuống tóc đi tu, không ai nhận tu chùa thì tu nhà. À, xin lỗi cậu, tôi nói toàn chuyện không đâu, để tôi vào nhà lấy nước mời cậu."

Nói xong chị đi liền, nhưng được mấy bước, chị quay trở lại, mặt mày hớn hở:

"Cậu Phan nè, hôm nào ra trường, về, cho tôi gửi lời thăm Huế nhé."

Chị lại nhanh nhẩu quay đi. Bây giờ tôi mới chú ý đến khu vườn rộng tuênh, rải rác dưới những gốc cây có rất nhiều chòi lá nhỏ, bên trong đặt vài khúc gỗ đẽo thành ghế ngồi và một cái bàn nhỏ. Phía góc vườn bên phải tôi, trong bóng râm của hàng me lá chiếu xuống mặt đất lốm đốm hình lông chim, có những đôi trai gái đang trò chuyện lả lơi với nhau. Phía bức tường ngăn cách khu vườn, nơi ao nước ăn thông ra sông, có hai chiếc cầu khỉ bắt ngang để đi qua những cái nhà nhỏ làm dính sát bờ tường.

Ao thả đầy sen, những đóa sen hồng, sen trắng chen chúc nhau nở rộ. Tất cả những lá sen trên đó được cắt xén thành hình trái tim rất công phu.

Lát sau, một cô gái còn trẻ, áo quần đơn sơ mang nước ngọt ra. Cô ngồi xuống, cười nói tự nhiên:

"Anh Phan, em nghe nói, quân trường đổ mồ hôi sa trường bớt đổ máu, chắc là luyện tập khổ lắm phải không?"

"Cũng vừa phải," Tôi trả lời và nhìn cô gái.

Cô nói tiếp:

"Chị Nguyên nhờ em ra tiếp anh và gửi lời xin lỗi anh, có việc cần phải làm gấp. Anh về chơi chiều lên hay mai?"

Tôi chưa trả lời cô gái đã nhoẻn cười:

"Tập làm đời chiến binh lang bạt cho quen, đừng để bất cứ chuyện chi ràng buộc mình, ngoại trừ bổn phận."

Tôi cũng cười:

"Chỉ bổn phận ràng mình nhiều vòng đã không cựa quậy nổi, huống chi cái khác."

Cô gái xuống giọng, nhỏ nhẹ:

"Phải rồi đó anh, có hàng chục thứ bổn phận. Đất nước, gia đình, tình yêu, bằng hữu, tha nhân... À, em quên giới thiệu: tên Na, họ Nguyễn, chánh quán Hải Dương, sinh quán Bến Lức, học lực đệ tứ. Cha mẹ em di cư bằng đường biển Một Chín Năm Tư. Em chưa hân hạnh đến Huế lần nào, nghe ông bà, anh chị trong gia đình nầy nói thành phố cổ kính nầy đẹp, nhưng chưa biết đẹp đến cỡ nào, nên cứ háo hức đi thăm một chuyến."

Nói xong, cô gái cúi xuống nhặt một cánh hoa sứ, mân mê hồi lâu, rồi đưa cho tôi:

"Giống sứ nầy toàn là mang từ Thành Nội vào, nó dễ trồng lắm anh, chỉ cắm cành xuống đất là sống dễ như hom sắn vậy. Cô Nguyễn đặt tên cho chúng là sứ 'thuyền quyên', vì cành lá nó lúc nào cũng nõn. Còn chị Nguyên thì gọi là hoa 'thương tích' vì mang trên mình dày đặc sẹo lớn, nhỏ, như nỗi cô đơn không lặn nổi trong ký ức người đàn bà."

Tôi nói:

"Hình tượng ví von nào cũng không đúng. Hoa vẫn là hoa. Cô đơn thì chỉ có người, mà không riêng ai."

"Thế là lầm nặng rồi đó anh, đàn ông vốn không có, chỉ vì khai thác cô đơn của đàn bà mà thành ra tự rước 'nợ đời' cho mình."

Cô gái nhìn tôi như thăm dò:

"Con gái Huế, em nghe ai cũng cô đơn, mà cô đơn lạnh lẽo, hết thuốc chữa, hả anh?"

"Cũng có cô suốt đời không biết cô đơn là gì chứ."

Gió sông thổi lên mang theo mùi bùn, rác. Thỉnh thoảng từng mảng bèo và cỏ trộn quấn vào nhau, chảy xuôi theo dòng nước.

Cô gái nói:

"Nếu đám bèo kia mà chảy vào gần đây thì chúng ta sẽ thấy trên ấy có vô số chuồn chuồn và nhiều loại côn trùng. Côn trùng thì bu vào để khỏi chết đuối, còn chuồn chuồn có hai cánh bay được, mà không bay, đậu lì ở đó để làm chi, anh biết không?"

Tôi khôi hài:

"Để đỡ bay, khỏi mỏi cánh."

"Không phải đâu anh, để nghỉ dưỡng sức cho một chuyến bay dài về nơi vô định nào đó, thì đúng hơn."

Nói xong câu nầy, Na cười thích thú, rồi tiếp:

"Nhiều khi có cả đàn sáo đậu vào đó nữa, nhìn như con đò chở khách hành hương không biết về đâu."

Một vài thanh niên mới tới cho xe máy nổ chạy thẳng vào nhà, rồi cặp tay các cô gái đi ra phía có chòi tranh, bên kia ao. Tôi ngơ ngác nhìn

theo. Na đoán biết lòng tôi có sự nghi hoặc, giải thích:

"Ai mới vào, cũng tưởng đây là quán cà phê vườn thanh lịch, không chỉ thế thôi đâu. Còn có thêm nhiều dịch vụ lạ đời nữa, mà ai lạ mới tới không biết đâu. Cô Hương Nguyền chưa nói gì với anh à? Anh thấy mấy cái chòi bên kia ao đó không? Họ làm kín mít như thế thì anh hiểu rồi chứ. Trên lầu biệt thự có tắm hơi nữa đó anh. Cả sân thượng nữa, dành riêng cho khách quý, muốn xem phim 'khủng khiếp' cỡ nào cũng có. Nếu cô Nguyền ở nhà thì chắc cô cũng mời anh lên trên đó vui vẻ một chuyến. Trên cao ấy, anh mới thấy sông nầy không như sông khác, nó lai láng như biển. Đứng trên, thấy cả chóp nhà thờ Đức Bà, tháp nước máy đầu cầu Phan Thanh Giản, những cây me, sao, lim già trong Sở Thú nữa. Nếu có ống dòm, thì thấy luôn cả cầu Nhị Thiên Đường, Ba Cẳng, Chữ Y và người buôn bán chi chít nhỏ bằng đầu mút đũa con ở chợ Ông Lãnh, chợ Bình Tây nữa đó anh."

Lòng tôi hoang mang nghĩ đến Hương Nguyền, rồi hỏi một câu, tựa hồ như khẩn thiết:

"Cô Hương Nguyền đi bao giờ mới về?"

"Làm sao biết. Khi vài ba hôm, khi năm bảy hôm, có khi vài tuần, một tháng. Tùy theo sự yêu cầu của người tổ chức chuyến đi. Mà theo em, nếu anh còn nghĩ thì nên nghĩ đến bản thân cô ấy, không nên nghĩ tới những chuyến đi của cô ấy, thì..thì...khỏe hơn."

"Vì sao vậy?"

"Vì sao à," Cô gái gãi đầu. "Chà, ... khó nói."

Tôi lúng túng:

"Còn cô em làm gì ở đây?"

"Em à, khi cần lắm mới ra tiếp chuyện với khách để xem họ cần gì. Việc chính của em là cắt lá sen trong ao cho thành hình trái tim thôi. Công việc ai cũng tưởng là nhẹ nhàng, nhưng ớn thấy mồ, anh coi chân em nè (cô vén ống quần lên cho tôi xem), mẻ chai, đinh sắt, mảnh sành dưới bùn cứa đâm vào chân em hàng trăm vết. Còn đỉa thì vô số, em lội xuống chúng bu vào không cách chi gỡ ra hết. Có bôi vôi vào chân cũng như không. Lúc đầu em coi thường, nay thì em sợ lắm rồi. Nhiều đêm mơ thấy mình nằm trên cái bè kết toàn đỉa đực trôi lềnh bềnh. Vì nghèo, phải bỏ học, đến đây kiếm tiền, phải cắn răng chịu. Nhưng nay mai cũng xin nghỉ về quê thôi. Không thì chân cẳng em như da cóc cáy mất, biết tìm đâu ra mống chồng. Ai cũng tưởng em là gái "ấy" nên ăn nói sỗ sàng khó nghe. Mà cũng nói cho anh hay, không phải ai cũng cắt được lá sen ngon lành như em đâu nhé, em thừa hưởng cái di truyền của tổ tiên. Gia phả ghi, ông tổ em, là người có hoa tay nhất nhì ở miệt Chí Linh, đã từng lên núi Côn

Ban sơ
LÊ THÁI LÂM

Cưỡi trâu qua cổng tam quan
Thân vô tích sự cũng bàng hoàng chuông
Chênh vênh hạt ngọc vô thường
Đỏ au vui ánh tà dương nhạt nhòa
Thả trâu bên cạnh vườn hoa
Hát ngao mấy điệu như là ban sơ.

Sơn uốn cây kiểng quanh nhà cụ Trãi, được bà Lộ khen nức nở và cho một cây khế con, giống vừa ngọt vừa chua, sai trái trong cung điện vua Lê về trồng. Nhìn đơn giản vậy mà không phải vậy, nghệ thuật hẳn hoi nữa đó. Em cắt không phải trái tim người thường đâu, mà toàn trái tim người đang rạo rực, níu kéo, chờ đợi, hồi hộp. Nhưng điều khó nhất, là cắt làm sao, khi lá sen ấy héo khô, mà người ta vẫn còn hình dung ra được, trước đây, khi còn xanh, nó đã là một...trái tim"

Nhìn cô gái thông minh, chất phác, đôi mắt trong sáng, hiền từ, bỗng lòng tôi xúc động mạnh, thốt ra lời:

"Anh quý những cô gái nông thôn lắm. Tâm hồn họ thanh thoát như hương đồng cỏ nội, thật đáng trân trọng. Nếu mai đây, em về quê, dịp nào cho anh về thăm quê em một chuyến. Bến Lức cũng gần thôi. Địa chỉ anh đây, em cầm lấy, khi nào về đến nhà thì viết thư cho anh."

Không ngờ mặt cô gái xìu xuống, xua tay lia lịa:

"Không được đâu anh. Ai lại kỳ thế. Nếu anh không quen với cô Hương Nguyền thì em lên quân trường thăm anh liền, nói chi để anh về nhà em cho mệt xác. Em không dám liều mạng đâu, cho dù anh có đối với em một thứ tình như anh em ruột rà đi nữa. Em cám ơn anh, có lẽ những lời anh vừa nói, cũng đủ làm cho em nhớ cả một đời. Anh Phan à, cô Nguyền vẫn nhắc đến anh luôn. Anh đừng quên cô ấy nhé. Dù sao núi lở cũng còn cao đồi đó anh. Thôi, anh ngồi đây chơi, em vào một lát, lại ra."

Cũng như Hương Nguyên, cô gái đi như chạy về phía biệt thự. Bước chân cô cuộn lên những bông sứ trên mặt đất như đàn bướm vỗ cánh.

Tôi ngồi chờ mãi chẳng thấy ai ra, lòng áy náy, buồn bã. Cuối cùng đứng dậy ra về.

Đây là một chuyến đi không phải vô vị, làm cho tôi nhớ lâu.❐

Biển đêm

NGUYỆT THU

Khi xưa anh là lửa
đốt cháy em thành than
bụi tro còn vương thuở
trời đất vẫn hồng hoang.

Xưa anh làm trăng rãi
trên em đêm đợi chờ
lá hoa còn đọng mãi
giọt trăng và giọt thơ.

Khi xưa anh là nắng
rõi em từng bước chân
vũ trụ còn say đắm
huống chi em người trần.

Xưa anh là loài rắn
quấn cong từng đốt xương
thả giọt men cay đắng
nồng nàn giấc yêu đương.

Xưa anh là biển cấm
tìm em bãi cát mềm
dấu chân còng rối rắm
mong chi đời bình yên.

Anh là cơn sóng dữ
hay vầng trăng rất êm
vẫn ngọn tình thác lũ
cuốn em vào biển đêm.

Tản mạn một chuyến đi

Cổ Ngu

- Anh đi chơi Maroc thật à?

- Vâng, cuối tháng này.

Ông Aziz ngập ngừng nhìn tôi đang lựa mấy trái cà chua trong cửa tiệp chạp phô nhỏ xiú của ông.

- Tôi... tôi muốn nhờ anh một chuyện. À, mà anh định đi thăm những đâu?

- Tôi cũng chưa biết nữa. Tính tôi thích lang thang... Nhưng có lẽ tôi sẽ chọn miền nam Maroc.

- Vậy thì tuyệt quá! Nếu có ghé thành phố Ouarzazate, anh chụp hộ tôi một tấm ảnh nhé?

- Ouarzazate nằm ở đâu vậy ông Aziz?

- Anh không biết Ouarzazate à, nó là cửa ngõ chính để vào sa mạc. Ngày xưa tôi ở đó. Lâu lắm rồi...

Tôi đã giữ đúng lời hứa. Không phải một tấm hình mà gần hết cuộn phim. Tôi cố ghi lại bằng hình ảnh tất cả những điều mà ông Aziz đã kể cho tôi nghe bằng một giọng run run hồi tưởng: cánh cửa nhà ông bằng gỗ nâu bóng có vẽ bàn tay nàng Fãtima, cánh cửa xanh nhà đối diện với ngôi sao David, ngôi đền cổ, nghĩa địa xưa, máy nước công cộng và quảng trường rộng lót đá trắng, nơi thường diễn ra những cuộc hội hè, đình đám của dân trong xóm. Tôi đã tìm về cái ngày xưa của ông Aziz, cái thời chú bé tóc xoăn mắt sáng còn thoăn thoắt khắp các hẻm ngang ngõ dọc phía sau ngôi thành cổ Taourirt. Người thanh niên tôi nhờ dẫn đường đã ngạc nhiên, không hiểu sao một gã đàn ông da vàng lạ hoắc lạ hươ ở đâu tới lại rành rẽ đường đi nước bước đến thế ở trong cái khu bàn cờ này. Anh ta hỏi tôi, câu hỏi mà tôi đã nghe hơn một chục lần kể từ lúc đặt chân lên phần đất Phi châu này:

- Ông là người Nhật hả?

Không, tôi người Việt Nam. Thấy mặt anh ta ngẩn ra, tôi phải bồi thêm: nước tôi hơi xa nước Nhật một chút, nằm phía nam nước Tàu, kế bên nước Thái. Tới đây thì một người Maroc bình dân đã có thể thỏa mãn với câu trả lời rồi. Nhưng còn tôi, với cái tự ái dân tộc vỗ ngực xưng danh con rồng cháu tiên gần năm ngàn năm văn hiến ? Người Nhật, người Tàu, người Thái, xứ sở họ được cả đến những người berbère miền núi Atlas lẫn dân du mục sa mạc Sahara biết đến, nhắc đến với sự ngưỡng mộ, còn người Việt, họ ở đâu vậy kìa?

Tôi mời Mohammed Hassan, người thanh niên dẫn đường, vào quán uống nước. Ở Maroc mới vài ngày, tôi đã như muốn quên hẳn tách cà phê để quay sang mê ly cam vắt ngọt ngào mát rượi hay bình trà bạc hà đậm đà ngát hương. Mohammed muốn Coca-Cola, và như nhiều, rất nhiều công dân của địa cầu những năm cuối thế kỷ hai mươi này, chàng thanh niên vùng ven sa mạc mặc áo sơ-mi, quần jeans và mang giày thể thao. Mohammed đưa cho tôi xem một tấm hình. Mặt trước anh thắt cà-vạt. Mặt sau, anh ghi tên tuổi, địa chỉ với nghề nghiệp: diễn viên điện ảnh.

- Anh là diễn viên điện ảnh?

- Vâng, tôi có đóng một vai phụ trong phim Kundun. Mà ông đã xem phim đó chưa?

Tôi cười, lắc đầu. Phim ảnh, hình như không nằm trong sở thích của tôi, nhưng câu nói của Mohammed làm tôi nhớ đến ông Aziz.

- Tôi có biết một ông già ngày xưa cũng ở thành phố này. Ông ta nói có đóng vai phụ trong phim Lauwrence d'Arabie thì phải.

Mắt Mohammed như rực lên. Vậy đó, họ là một trong hàng trăm, hàng ngàn diễn viên phụ chỉ xuất hiện đôi phút, thậm chí một vài giây trên màn ảnh, nhưng cái ánh hào quang nhỏ nhoi ấy cứ mãi chói chan trong trí tưởng của họ suốt cả cuộc đời. Có thể tôi nghĩ sai về Mohammed chăng, khi câu hỏi tiếp theo của anh như đột ngột chuyển sang một hướng khác.

- Ông có quen người Maroc nào khác ở Pháp không?

- Tôi có vài người bạn thời sinh viên. Bây giờ cũng có, làm chung sở.

- Người ông quen là bạn trai hay bạn gái, khoảng bao nhiêu tuổi?

Tôi nhìn Mohammed. Đâu phải công an trá hình. Cặp mắt nâu trong veo trước mặt tôi đầy thành khẩn. Anh chàng này muốn gì đây?

- Đủ cả, tuổi thì cỡ tôi, hoặc trẻ hơn một chút, cỡ anh...

- Tôi muốn nhờ ông một việc. Ông có thể chuyển tấm hình này cho một người bạn gái Maroc của ông được không, cô nào cũng được, nhưng phải chưa có gia đình...

Đến đây thì tôi hiểu ra điều Mohammed muốn nói đến. Một đám cưới. Một đám cưới 'trắng' với những giấy tờ hợp lệ, sẽ đưa anh rời khỏi vùng đất khô cằn này để bước vào nơi rực rỡ ánh sáng, bước vào một 'giấc mơ Pháp' diễm lệ. Không muốn bóp vỡ những ảo ảnh óng ánh cầu vồng của Mohammed, nhưng cũng không thể làm kẻ lừa mị, tôi hỏi:

- Anh muốn bỏ xứ à?

Mohammed đảo mắt nhìn quanh trước khi trả lời. Thật nhỏ:

- Vâng!

- Tại sao vậy?

- Ở đây cực quá! Anh em họ của tôi ở Pháp viết thư về, nói đời sống bên đó sung sướng, tiện nghi hơn nhiều.

- Mấy người đó đi lâu chưa?

- Đâu cũng hai mươi lăm, ba chục năm gì đó...

- Anh muốn đi Pháp, vậy anh có đọc báo hay coi truyền hình để theo dõi tình hình không?

- ... Không...

- Vậy thì tôi chỉ có một lời khuyên thôi: anh đừng quyết định vội. Hoàn cảnh của nước Pháp hiện tại và hoàn cảnh của nước Pháp cách đây hai mươi lăm năm khác nhau xa lắm. Anh hãy nghe, nhìn và nghĩ cho kỹ đi đã...

- Ông muốn nói...

- Tôi chẳng có quyền gì ngăn cản hoặc khuyến khích anh cả. Nhưng với một dự tính quan trọng như vậy, anh nên suy nghĩ cho chín chắn. Cuộc sống thật bao giờ cũng phức tạp hơn nhiều so với những lời lẽ viết trong thư.

- Vậy là, ông không giúp tôi?

Tôi lắc đầu dứt khoát.

- Không được đâu!

Mohammed cúi xuống xoay xoay lon Coca. Tôi nhìn những lọn tóc của anh lay nhẹ theo từng đợt gió nóng. Thời tiết dự báo một trận bão cát. Lòng anh có đang nổi gió không?

Buổi sáng. Không phải vội vã tung chăn bật người dậy theo tiếng réo gọi của đồng hồ báo thức, rồi cuống cuồng đuổi theo những đoàn tàu điện ngầm để đến sở đúng giờ. Không phải đi một vòng bắt tay chào xếp lớn xếp nhỏ, bạn đồng nghiệp dễ thương, bạn đồng nghiệp dễ ghét. Không phải xếp hàng chờ đến lượt mình bỏ mấy đồng bạc vào máy, ấn nút và nhận được một ly cà-phê lỏng le, chua loét. Buổi sáng hôm nay, tôi thảnh thơi ngồi nhón hai ngón tay nhúng cục đường trắng tinh vào tách cà-phê.

Chờ cho màu nâu lan dần đến hai phần ba cục đường, tôi mới thả tay rồi khuấy khoắng. Tiếng lanh canh của kim khí chạm vào thành sứ tách cà-phê bao giờ nghe cũng vui tai. Như tiếng reo của phong linh trong gió. Tôi nhìn sang Michel đang cặm cụi phết mứt dâu lên lớp bơ miếng bánh mì nó đang cầm trên tay. Michel, hỗn danh Mic, đi Maroc và về Pháp cùng chuyến bay với tôi. Nhưng chúng tôi chỉ thực sự cùng nhau thăm thú cảnh quan ở Marrakech ngày đầu và hai ngày cuối của chuyến đi mà thôi, còn thì mạnh đường ai nấy đi, hồn ai nấy giữ. Vì, trong khi tôi bị vùng núi Atlas và sa mạc Sahara quyến rũ thì nó lại thích lê la ở Casablanca, Agadir và các thành phố ven biển khác. Michel mê biển, thèm biển, một năm mà không trông thấy được biển thì muốn phát điên. Dân vùng Normandie, con cháu giống viking có khác. Tôi nghĩ mình chắc cũng có gần năm mươi phần trăm máu rồng như ai, nhưng tổ tiên có lẽ theo mẹ Âu đi sâu vào núi sinh cơ lập nghiệp, nên đến đời cháu chắt chút chít xuống biển vượt biên suýt bị chết chìm. Từ đó tôi đâm sợ, cứ thấy biển là rờn rợn trong người. Biển của tôi không có tiếng hát nhân ngư mà chỉ ngụp lặn rống gào từng bầy thuồng luồng, thủy quái... Nhưng có lẽ Michel và tôi cùng có chung một điểm: thích lang thang và bị cái mới, cái lạ, cái bất bình thường, cái khác mọi ngày mê hoặc. Hai thằng du mục, đồng nghiệp trong sở vẫn gọi đùa như vậy. Xểnh một cái là chúng tôi lại khăn gói quả mướp lên đường. Ngang dọc khắp các đông đất Âu châu, độn thổ thăm Luân Đôn, đằng vân viếng xứ Mỹ, rồi bây giờ quá hải đến đây. Tôi vẫn mơ sẽ có ngày cùng Michel khám phá đất nước tôi. Hà Nội, cho đến lúc này, vẫn chỉ thơ mộng trong lời kể lại của bố mẹ. Huế vẫn chỉ trầm mặc trong những tấm bưu ảnh, những bài hát tha thiết. Và Sài Gòn. Sài Gòn một thời của tôi... Tôi nhớ Sài Gòn da diết. Mà không nhớ làm sao được, khi đang ngồi nhâm nhi tách cà-phê buổi sáng trong bóng mát của những cành đa lòng thòng rễ phụ, giữa cái nóng khô rang như nắng mùa Tết xưa, và trước một tường hoa giấy, hoa dâm bụt, hoa trúc đào ngũ sắc. Quê hương, ai mà không nhớ, đứng ngồi ở đâu mà chẳng nhớ? Nhưng cái nhớ một cơn mưa bóng mây, một trận giông ngày bão rớt hay cái nắng xanh trời mùa giáp Tết của Sài gòn chỉ thì thầm trong tôi mười mấy năm qua. Cái nhớ chìm sâu xuống, nhường chỗ cho những lượng thông tin mới ồ ạt dồn đến từ ngũ quan. Mười mấy năm ở trời tây, hết thảy đều lạ lùng, bỡ ngỡ, từ ngôn ngữ, cử chỉ của người chung quanh đến nhánh cây, ngọn cỏ, bông hoa, cánh bướm. Nắng cũng khác, mưa cũng khác, còn tuyết và băng thì làm sao tìm được trong ký ức về một cõi Sài Gòn mới 20 độ C đã rực rỡ áo len, áo khoác? Tôi đã dửng dưng với bụi trúc vườn Luxembourg, với rừng hồng Bagatelle, với cả con cọp sở thú Vincennes. Chúng

không giống, không gợi lại những gì tôi đã thấy, đã nghe, đã ngửi, đã nếm, đã sờ mó. Chỉ đôi khi, bâng khuâng một chút lúc chợt bắt gặp mùi đất ải sau cơn mưa, mùi khói lá đốt trong vườn nhà, mùi cỏ ngái khi vừa xén, hay, một lần, giữa những kênh rạch chằng chịt Venise, cái mùi bùn tanh tanh của con lạch cầu Trương Minh Giảng. Còn ở đây, như đất hạn gặp mưa rào, nỗi nhớ được dịp tưng bừng mở hội, trương cờ gióng trống, ào ào trỗi dậy chiếm lĩnh tôi. Nắng đó, hoa đó, lá đó, ngay cả tiếng chim liú lo đâu đây dường như cũng quen thuộc. Cổng nhà tôi ngày xưa có giàn hoa giấy tím. Vườn nhà em ngày xưa có hàng rào dâm bụt đỏ. Cây đa đường Nguyễn Du gần trường cũ. Những cánh hoa dừa nước, hoa móng tay, những con sâu róm gớm ghiếc chờ ngày hóa bướm trong thân nhộng ánh vàng ánh bạc treo lủng lẳng dưới phiến lá trúc đào thuôn thuôn thời thơ ấu. Nỗi nhớ bóp tôi muốn nghẹt thở. Nỗi nhớ đè tôi muốn tắt hơi. Tôi một mình vùng vẫy, chống chọi. Không có ai để chia để xẻ nỗi nhớ giùm tôi, không có ai để tôi xả đi, để tôi vứt bớt cho nhẹ gánh quá khứ. Michel ngồi kế bên, tỉnh queo. Làm sao nó hiểu nổi vẻ mặt đờ đẫn đần độn của tôi lúc này. Nó vẫn giữ nguyên cái háo hức của kẻ phiêu lưu đi tìm vùng đất lạ. Như tôi đã từng có, những giờ phút đầu, khi chưa bị nỗi nhớ gặm nhấm, hành hạ đến phát điên, phát sốt lên. Và thống khoái hả dạ trong cái đau, như thời bé tí cầm cây kim gút nhấp nhấp rồi đâm lút vào chiếc mụn bọc mưng mủ. Chất lỏng phọt ra. Nhói. Sợ. Nhưng cái tưng tức của da bị căng, cái nhưng nhức của thịt bị nén cũng mất. Sướng. Thỏa mãn. Thở phào. Nhẹ nhõm. Tôi chợt nhận ra nỗi nhớ cũng như một chiếc mụn độc, cần được giữ cho chín, rồi phải đem khơi, đem cạy, nặn cho vỡ toé ra, để lũ chân rễ ngòng ngoèo của nó không còn dịp đâm sâu vào những giấc mơ, mà khi thức dậy, đôi khi đã thấy đầm đìa nước mắt. Hình như khóc khi ngủ dễ dàng hơn lúc thức. Con người trần trụi không mặt nạ tướng, không áo hề, không bằng cấp danh phận gần với con người cha sinh mẹ đẻ hơn là con người cứng ngắc thấy được trong gương mỗi sáng trước giờ vào sở. Con người trong giấc mơ chân thật với chính mình hơn, hiểu mình hơn, và cũng dễ dàng tha thứ cho mình hơn. Tôi trong giấc mơ, đã hơn một lần lòng vòng đạp xe mãi mà không tìm ra được nhà thằng bạn thân, cuối cùng buồn bã nhận ra rằng mình đã ở thật xa Sài Gòn. Tôi, trong giấc mơ, cũng đã hơn một lần bị em từ chối môi hôn, chỉ vì vòng tay ôm cứ càng lúc càng lỏng lẻo theo nỗi hãi sợ đã đến rồi ngày mãi mãi phải chia xa. Và tôi đã khóc ngon lành như đứa bé đánh mất con gấu bông yêu quý nhất của mình, trong mơ. Tôi đã mất Sài Gòn, với những ngày tháng cũ của nó. Mãi mãi...

Michel hỏi tôi:

- Sáng nay coi bộ mày hơi ít nói. Bộ còn nhớ tới ông già gặp chiều hôm qua hả?

Cái thằng cũng kỳ! Hình như cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên giữa chúng tôi và người cựu binh lê-dương đã để lại trong nó một dấu ấn lớn. Cứ lải nhải nhắc hoài! Ừ, thì cũng đáng để ghi nhớ (lại nhớ!), dặm mắm dặm muối, hoa hoè hoa sói thêm vào chuyến đi này. Michel cứ trố mắt há mồm làm người chứng cho cuộc đối thoại giữa ông già Ả rập và tôi giữa chợ chiều Marrakech.

- Anh người Đông dương hả?

- Sao ông biết hay vậy? Ai cũng nói tôi là Nhật hay Thái.

- Nhật làm sao được! Nhìn là biết người Đông dương.

- Tôi người Việt Nam.

- Việt Nam à? Xứ Bắc, xứ Trung hay xứ Nam?

- Bố mẹ tôi người Hà Nội, còn tôi sinh ở Sài Gòn.

- Sài Gòn hả? Vậy anh có biết Cap Saint Jacques không?

- Ông muốn nói tới vùng biển ở gần Sài Gòn phải không? Chúng tôi gọi là Vũng Tàu.

- Ờ... ờ... lâu lắm rồi... Tôi có thời gian đóng quân ở đó, có lúc ở Hoà Bình, có lúc ở Tourane.

- Ông có biết nói tiếng Việt không?

- Có chứ, mấy chữ thôi, «bẩm quan», «tốt lắm». Tôi thích xứ đó lắm, nhớ xứ đó lắm!

Người lính lê-dương già ấy đã trải qua một phần đời ở đất nước tôi, có thể đã ngạo nghễ trước Điện Biên Phủ và cúi đầu chấp nhận thất trận cùng tù tội sau Điện Biên Phủ. Người lính lê-dương già ấy bây giờ sống nốt chuỗi ngày tàn, bằng lòng với chân gác cổng một cơ quan chính phủ. Đằng sau nụ cười móm mém và đôi mắt hấp hem kia, biết đâu chính là kẻ đã bắn chết bác tôi và hãm hiếp cô tôi trong một trận càn năm xưa. Sao tôi không nghe lòng hận thù sôi sục, vung gươm tuốt súng? Tôi chỉ biết đến người bác chết trẻ qua tấm hình mờ nhạt để trên bàn thờ. Tôi chỉ nghe nhắc đến người cô út bỏ đi tu kín rồi kẹt lại miền bắc sau hiệp định Genève và được cả nhà xem như đã mất tích. Thằng Michel ngồi cạnh tôi có cả một gia đình ông cậu họ xa bị Nhật giết ở Hà Nội ngày đảo chính. Chúng tôi đứng từ những vị trí khác nhau và cảm nhận những đồng vọng khác nhau về cuộc chiến cũ. Với Michel, có thể đó chỉ là một loại chuyện cổ tích hương xa. Với tôi, đó đã là lịch sử, được xếp ngang hàng với thuở dân Việt xăm hai chữ Sát Thát lên cánh tay trước giờ ra trận. Thời chiến tranh huynh đệ tương tàn, thời lính Mỹ kéo vào rồi rút khỏi miền Nam, thời Sài Gòn sụp đổ, thời đất nước thống nhất trong đói nghèo và khủng

bố đã đủ ngập đầy cái tầng ký ức của những năm thơ dại rồi, còn chỗ đâu cho mấy cái kỷ niệm-được-nghe-kể-lại về cuộc chiến tranh Việt Pháp chen chân vào. Nhưng còn người lính lê-dương già, ông đã tham dự, có thể đã để một phần máu thịt lại cho cuộc chiến ấy, ông nói nhớ nhiều đến xứ sở tôi. Thời trai trẻ, ông, cũng như tôi lúc này, có lẽ đã nhìn bóng lá, màu hoa mà nhớ về quê cũ, nhớ gia đình, nhớ những nàng fatma kiều diễm. Tâm tình của ông đối với miền đất ở mãi cuối trời Á ấy, có thể vì vậy mà sâu đậm hơn chăng, so với những xứ sở khác mà ông đã ghé chân qua trong suốt chặng đường binh nghiệp máu lửa triền miên để bảo vệ quyền lợi cho một nước Đại Pháp đang vào thời già nua, tàn tạ? Tôi dường như cảm thông hơn với người Maroc sau chuyến đi này. Về đến Paris, tôi sẽ đem tặng ông Aziz xấp hình mới chụp, để sẽ lại nghe ông kể lể về thời thơ ấu, về những ngày đầu xuất ngoại, làm thợ nề thợ mộc cho một nước Pháp hậu chiến đang tái thiết, về một chuỗi dài những lên voi xuống chó, lấy vợ đẻ con, về cái chất bóp tần tiện nuôi đủ bầy con sáu đứa nên người, đến nỗi mãi mà không dám bỏ tiền ra làm một chuyến du lịch về thăm quê cũ. Rồi để lại nghe ông ấy chép miệng: mà có còn ai để về thăm đâu cậu, gia đình tản lạc hết cả rồi, lớp chết, lớp làm ăn xa, còn hàng xóm láng giềng thì chắc đâu có ai còn nhớ tới mình. Nghĩ đến mà buồn! Về đến Paris, tôi sẽ tìm cắt vài bài báo về hiện tình kinh tế, chính trị nước Pháp để gửi cho Mohammed Hassan. Địa chỉ nhà anh nằm phía sau tấm hình tôi vẫn giữ trong bóp. Có lẽ tôi sẽ gửi thêm những bài báo nói về cộng đồng người Maroc sống ở đây, về chủ nghiã phân biệt chủng tộc của đảng Mặt trận Quốc gia đang hồi ầm ỹ. Tôi sẽ cố tìm cho đủ những thông tin để giúp Mohammed không áy náy ân hận sau khi quyết định, dù đó là quyết định ở lại hay ra đi. Về đến Paris, tôi mong Michel sẽ giữ đúng lời hứa khi nó gật đầu không dụ dự sau câu hỏi của tôi, lúc chiếc xe Toyota mà chúng tôi mướn đang phóng vèo vèo trên những con lộ thưa vắng của vùng ngoại ô khô cằn quanh Marrakech:

- Ê Mic, năm tới, mày với tao làm một chuyến thăm Việt Nam, đồng ý không?

CHOISY-LE-ROI 03.1999

Những nhánh sông mất biển

Thu Thuyền

Cụ bà lẳng lặng ngồi chồm hổm giữa mảnh sân nhỏ. Trong cái lạnh sắc của mùa thu Paris, cụ thu một tay vào túi áo, tay kia uể oải lượm những viên sỏi, vất vào cái rổ sứt cạp cạnh cụ. Bây giờ, cụ chỉ còn mỗi một công việc duy nhất là nhặt sỏi trong vườn cho sạch... mắt!

Mới tháng trước, cụ bà có cả bầy gà vịt gần chục con. Nuôi lậu, chứ cụ làm gì biết luật mà xin phép ai. Lúc đó, cứ bước ra sân là chúng túa ra, kêu nháo nhác chào cụ. Nhờ bận làm nghề chủ trại chăn nuôi mà cụ vui hẳn ra! Thực phẩm gà vịt, đã có thằng Tây cụ làm quen được ở chợ trời, vẫn chở cả bao bố tới giao tận nhà cho cụ. Cụ chỉ nuôi bọn này béo núc béo ních lên, rồi chờ con cháu đến thăm là ngả ra đánh tiết canh, xáo măng, phở... Hễ ăn hết lứa nào, cụ lại được anh con rể lễ mễ đem tới biếu cụ lứa khác. Thật không ngờ thằng Tây thực dân phải dọn nhà đi xa, cắt đứt nguồn tiếp tế lương thực duy nhất cho lứa gà vịt đang độ lớn. Giời hỡi! Như vậy, nghề tay phải của cụ coi như đi đứt. Cụ bà buồn đến quặn ruột... Thế rồi, cuối cùng cụ cũng đành phải thịt hết lũ gia cầm còn lại. Giờ không còn gì để làm, cụ phải ra sân nhặt đá cho đỡ mụ người. Ngồi xem télé à? Ngấy lắm! Trồng rau cải thì cụ không còn sức đào lỗ, nói chi đến giơ cuốc. Cụ bà nay đã hơn 80 chứ ít ỏi gì?

- Thôi, cụ mẹ vào rửa tay rồi xơi cơm kẻo nguội! Người con gái út của cụ nói từ trong bếp ra.

- Tao không ăn gì sất. Không đói!

Cô út lại nài thêm câu nữa:

- Cụ ơi! Ngưng tay thôi. Không đói cũng phải ăn kẻo chết xuống địa ngục, quỷ Tây đen nó cũng chê gầy gò xấu xí đấy!

Mọi hôm nghe con đùa, cụ bà cũng bật chửi tiên sư cha mấy câu cho

đỡ nhạt miệng. Nhưng lần này, cụ khoằm mặt xuống, vờ điếc không trả lời con. Một lát sau, cụ thò tay ra sau lưng đấm vỗ mấy cái cho đỡ nhức mỏi, rồi ngồi dậy. Cụ chợt hoa mắt, lảo đảo. Từ khung cửa sổ, cô út đã để ý canh cụ bà, cô vội chạy vụt ra, đỡ lấy thân mẹ.

- Cụ ơi là cụ! Đã bảo cụ đừng nhặt sạn nữa. Đúng là dã tràng xe cát biển đông! Thôi, ngày mai không ra lượm liếc gì nữa. Ngã một cái, khổ cả mẹ lẫn con...

- Tao có cần mày đỡ đâu? Buông tay ra!

Nghe cụ bà nói cứng, nhưng cô út vẫn xốc nách dìu mẹ vào nhà.

Vào bàn cơm, cụ bà lơ đãng chọc đũa vào dĩa thịt kho tàu. Tự nhiên cụ thấy chán sống quá đỗi... Mấy bà bạn cùng lứa với cụ, hết bà Sửu đến bà Hợi, cứ tuần tự ra đi từng người một. Nhìn lại, chỉ còn mỗi thân mình: Một cục thịt thừa! Vậy thì ăn khỏe để làm gì? Có bộ răng to và chắc hơn răng trong hàm ngựa ấy à? Vào thời điểm chân đi chập choạng xuống lỗ huyệt này, bộ răng ấy thật vô duyên! Cụ bỗng thèm có một ngày nào đó, tất cả những đứa con của cụ tụ tập dưới mái nhà này, để cụ có dịp mắng đứa nọ, gắt đứa kia như thuở xưa. Nếu được vậy, có chết cụ cũng thỏa lòng! Tám đứa con, hết một nửa lưu lạc bên xứ Mỹ xa tít xa tắp. Một đứa lấy chồng Anh Cát Lợi, giận cụ con yêu con ghét, thề không bao giờ trở về gặp lại mẹ. Hai đứa ở đây, đến thăm mẹ và em mỗi tuần, cũng làm cụ đỡ buồn. Những ngày còn lại trong tuần, cụ thấy cô đơn và nhớ các con đến lạnh người. Nghĩ đến con cái, cụ nhói tim, lẩn thẩn hỏi cô út:

- Này, thằng Cả Vị chưa bao giờ qua đây thăm tao cả. Nó có nói chừng nào đi Pháp không?

- Cụ mẹ ơi, anh Vị có phòng mạch bên Mỹ, bỏ đi chơi ngày nào là mất kiếm tiền ngày đó. Lại còn hội đoàn này, tổ chức kia cầm chân. Mẹ biết rõ mà, anh Vị có muốn cũng không bao giờ đi được!

Cụ bà im lặng chan canh vào bát, cố dằn câu chửi đã đậu ngay trên lưỡi cụ. Tiên sư nó, nuôi cho ăn học thành tài, bây giờ báo hiếu như thế đấy! Lần sau cùng, cụ gặp thằng con cả của mình là lúc cụ lê thân qua Mỹ ăn đám cưới đứa út giai. Cụ giấu giọng bực tức hỏi tiếp:

- Còn thằng Quan, hè này nó có tính đưa vợ đi xem lâu đài bên đây không?

- Anh Quan mới lấy vợ được vài năm, đi đâu cũng muốn rủ vợ đi cùng. Cô vợ của anh ấy lại sợ ngồi tàu bay, kêu ngộp thở với cuồng chân, nên không chịu đi đâu cả. Cho vàng, anh Quan cũng không chịu bỏ vợ ở nhà một mình!

Cụ bà thở dài, nghĩ đến đứa con út giai. Cái thằng dễ chịu đến độ ngày xưa cụ chả bao giờ phải tốn tiền mua quần áo cho nó. Không hiểu

lúc đó, nó đào đâu ra cái mặc? Chả bù những đứa con khác, cứ nhao lên vòi vĩnh cụ trăm thứ chi tiêu tốn kém. Nhà đông con, đứa nào to mồm, đứa ấy không bị thiệt. Đáng lý út giai được nuông nhất, lại hoá ra bị quên lãng nhiều nhất. Cụ hối hận, cứ nhắn vợ chồng nó qua để cụ đích thân nấu nướng săn sóc. Coi như một cách xin lỗi của cụ. Như thế là cụ xuống nước lắm đấy! Đi ra ngoài, cụ vẫn dèm các con của cụ dốt nát ngu ngốc. Nói vậy cho chúng bớt kiêu, cụ nghĩ thế. Cụ lại không có thói quen âu yếm con cháu và cũng chẳng cần đứa nào âu yếm cụ. Lời thừa thãi nghe nhược người lắm! Thế mà, lâu lâu cụ lại bị mâu thuẫn trong lòng. Nhất là những lúc hai đứa con dâu đến thăm cụ. Chúng nó hay tíu tít sà vào ngồi sát cạnh cụ, bóp tay bóp chân, hỏi han những câu ngây ngô đến buồn cười: "Mẹ dạo này ốm đi nhiều, chắc lại ít ăn, mất ngủ?" hoặc "Cụ mẹ có nhớ con không?" Cụ vừa ngượng vừa cảm động. Cụ bắt đầu quen dần với những cử chỉ âu yếm... Thôi chết, cụ lại để nỗi nhớ lang thang cả qua lũ con dâu dịu dàng!

Ăn cơm xong, cụ bà bóc một trái quít ăn, rồi vất vỏ vào xó nhà như thường lệ:

- Này, đừng quét mấy cái vỏ quít tao để cho thơm nhà nhé! Cụ dặn cô út.

Cô út nhăn mặt, cằn nhằn:

- Cụ mẹ cái gì cũng giữ, rác cả nhà. Chốc nữa con quét tất!

Cha mày, thời buổi này nói cái gì cũng nhất định phải cãi cho được! Cụ bà bất mãn chửi thầm trong bụng, rồi đứng dậy thắp nhang ở bàn thờ cho anh con giai kế út. Hôm nay giỗ của anh. Cụ vuốt ve tấm hình của một thanh niên có khuôn mặt đẹp giai thông minh, mà cụ đặc biệt yêu mến. Năm xưa, cụ xoay mãi mới được mảnh giấy miễn dịch cho con. Không ngờ anh nổi giận, vứt toẹt tờ giấy vô phước vào bếp lò đang cháy, bỏ nhà, đăng lính vào không quân. Lái máy bay dội bom vài chuyến, rồi anh gãy cánh. Mất tích. Mảnh vụn phi cơ được tìm thấy giữa đám rừng già nhiệt đới, mà xác ngườI thì mịt mùng nơi nào? Cụ bà mòn mỏi tìm kiếm và chờ anh về từ hơn hai mươi lăm năm nay. Cụ đành lập bàn thờ, ghi ngày mất tích của con là ngày giỗ. Cứ mỗi lần nghĩ đâu bạc phải khóc tóc xanh, cụ vừa giận vừa thương con. Phải chi nó đừng khí khái đốt cháy tờ giấy miễn dịch, thì giờ này, tệ lắm cũng kỹ sư!

Mắt của cụ bà chợt nhoà lệ vì xót thương đứa con vắn số. Cụ vội lấy ống tay áo quẹt mắt, liếc nhanh về phía cô út. Cụ không muốn con bắt gặp mình đang yếu lòng. Sợ nước mắt lại trào ra, cụ uống vội một ngụm trà rồi hấp tấp bỏ lên lầu. Đi được nửa chừng, cụ lại hoa mắt. Chân lóng cóng,

Chân dung
GIANG

Đỏ, rất đỏ - ta tung màu lên tóc
Và xám xanh, lấp đầy hai con mắt
Ta vẽ ai đây giữa đêm tàn
Thắp sáng trong tranh ,trăm ngọn nến
Réo hồn ai bằng hơi thở khan
Phải rất trắng như lòng ta thanh khiết
Vẽ như điên những ai oán muôn trùng
Vẽ như điên tiếng khóc ta rất nhỏ
Bằng chút màu như của dất chôn

bước hụt một nhịp cầu thang...

Nhịp thang bước hụt ấy, đã lấy đi sinh mạng cụ bà!

Cái chết của cụ chẳng khác một phép lạ! Lần đầu tiên sau 25 năm dài, tất cả con cái tám người, mau mắn tụ về dưới một mái nhà. Anh Cả Vị hấp tấp bỏ mặc phòng mạch đương đông khách, cùng các hội đoàn bê bộn công việc của anh. Anh Quan hôn vội cô vợ mới cưới được vài năm, bước vào máy bay một mình. Chị Trâm dẹp nỗi giận mẹ đeo đẳng trong lòng, hối hả cùng chồng lái xe xuyên đường hầm từ Anh vào Pháp. Những đứa con từ tứ phương, không ai bảo ai, nhập lại như những nhánh sông cuồn cuộn nước lũ tìm về đại dương, chỉ để ngỡ ngàng đau xót trước một vùng biển cằn khô trơ đáy!

Đưa mẹ ra nghĩa trang xong, buổi tối hôm ấy, bên bàn ăn, tám anh chị em cùng ngồi ngơ ngẩn không ai nói với ai câu nào. Cô út im lặng dọn cơm. Cô để ý tóc anh Vị dạo này bạc gần hết, đầu ai cũng thoang thoáng vài sợi trắng. Tất cả đã mất hẳn cái thói quen đùa nghịch ồn ào trong bữa cơm như thuở xưa. Trong một khoảng khắc bất ngờ, cô chợt thấy mẹ đang ngồi hớn hở giữa đàn con. Cô không khóc nhưng tự nhiên ứa nước mắt! Chị Trâm ôm nhẹ vai em, giọng chị nghẹn lại: "Phải chi có mẹ ngày hôm nay, em nhỉ? Cả nhà về đông đủ thì lại thiếu bóng mẹ..."

Culi

Phạm Hải Anh

"Ngàu...ngàu... ngàu", con Culi vẫn kêu giật lên từng cơn. Hôm nay là ngày thứ ba nó giở chứng. Bát cơm của nó vẫn đầy nguyên dù chị đã mua hẳn một con cá mè rán vàng lên dâm cho nó ăn. Chị thở dài đứng lên.

Bà cụ vẫn ngồi ở vị trí cố định, đầu gục xuống ngáy khe khẽ. Chị đập tay vào vai mẹ:

- Mẹ ngủ gật à?

Bà già ngơ ngác ngẩng lên, cặp mắt mờ đục hướng về phía màn hình tivi:

- Ngủ đâu, mày bật tivi to tiếng lên một tí, chả nghe thấy gì sất.

- Phim hết từ lâu rồi mẹ ạ.

- Sao tao vẫn nghe thấy tiếng nói?

- Đấy là chương trình tiếng Pháp. Thôi khuya rồi, mẹ đi ngủ đi.

Bà cụ thở dài có vẻ phật ý, rờ rẫm đi về giường mình. Chị đi một vòng khóa cửa, khép chặt các cửa sổ. Trời vẫn oi, giá mở cửa sổ ra thì thoáng hơn nhưng chị không dám, sợ Culi xổng ra ngoài đi mất... Bà cụ vẫn lục sục ở giường mình, làu bàu gì đó một lúc thì im hẳn. Chỉ có tiếng Culi vẫn gào, giận dữ, tuyệt vọng. Chị cố gắng nhắm mắt lại dỗ giấc ngủ. Nhưng vô ích. Con Culi cào vào màn chị nức nở. Chị luồn tay, vạch màn bế nó vào, vỗ nhẹ lên lưng nó. Culi rên rỉ khe khẽ. Chị ép cái cơ thể ồn oại của nó vào ngực mình, vuốt vuốt. Nhưng con Culi bất chợt giãy ra. Móng nó cào toạc một đường đau nhói đúng chỗ hõm giữa khe vú chị. Quá quắt lắm! Chị vứt con mèo ra khỏi màn, hai tay ôm lấy vết xước trên ngực. Và nước mắt cứ thế tuôn ra trên chiếc giường trống trải...

Chính anh ta đã đem con mèo đến cho chị. Tính chị xưa nay sạch sẽ, ghét mèo, nhất là mèo cái. Nhưng anh ta bảo nếu em không nuôi thì vứt

nó đi, anh không còn chỗ nào để mang nó đến nữa. Nó đã phiêu bạt qua tay mấy chủ. Mới hơn ba tuần đã bị tách mẹ, đưa đi. Nó nhớ mẹ , gào cả đêm làm người chủ mới không chịu được, trả về. Người thứ hai chê nó là mèo cái, sợ bẩn. Người thứ ba lại có một con chó dữ. Nó suýt bị chó nhai sống, may mà trốn được vào gầm tủ, run như cầy sấy. Đến nhà chị nó vẫn còn run, chỉ kêu khe khẽ như khản cổ và chúi đầu vào bóng tối trốn người. Chị bảo nó nhát thế nên đặt tên là Culi. Chị tìm một cái hộp các tông, lót tấm áo cũ, đặt nó vào. Lúc ấy, anh ta đặt tay lên lưng chị, bảo: "Anh biết là em sẽ làm thế!" Giọng anh ta thật ấm, bàn tay cũng ấm làm cả người chị nóng ran lên.

Anh ta hay đến thăm Culi. Lần nào cũng mang quà. Khi thì là một túi nilông đầy đầu cá biển, khi thì mớ cá đầu. Những con cá bé bằng đầu ngón tay, trắng nhợt. Nhưng Culi lại thích. Nó dụi cả người vào chân anh ta, ngoeo ngoeo nũng nịu. Anh ta thường ngồi ở ghế kia, tự tin oai vệ. Culi tin cậy khoanh tròn trên đùi. Chị hí húi nấu mớ cá mèo trên bếp điện. Mùi cá bốc lên nồng nặc tanh tưởi nhưng chị chỉ thấy ấm cúng dễ chịu. Mẹ chị gọi anh ta là "thằng-cá-mèo". Bà cụ vốn thực tiễn, hơi thất vọng trước những món quà tanh lòm của anh ta. Nhưng Culi quí anh ta lắm. Còn chị, trong đêm thường vuốt ve bộ lông mềm mại của Culi, mỉm cười nhớ tới túi đầu cá biển và những con cá đầu. Anh ta thật chu đáo, ngộ nghĩnh và độc đáo, rất độc đáo!... Cho đến một hôm, chị đờ dại nhìn anh ta gạt Culi ra khỏi bụng mình , nồng nhiệt thế chỗ nó. Bàn tay anh ta mềm như nhung, bám miết vào những miền da thịt chị, chầm chậm lần xuống. Chị oằn người, rên rỉ, không để ý đến con Culi bị mất chỗ hoảng hốt phóng đi sau một tiếng "ngoeo" giận dữ.

Sau lần ấy không thấy anh ta mang cá tới. Culi phải ăn thịt suốt một tuần liền, chán bỏ cơm. Chị lầm lũi ra chợ mua cá mè về nấu cho nó ăn. Thế cũng xong. Đêm đêm chị vẫn ngủ với Culi. Không có ai làm phiền. Culi nằm vắt ở bụng dưới của chị, ấm ấm, nặng nặng. Thỉnh thoảng chị lại mê thấy bàn tay ấy ve vuốt, Culi rên gừ gừ, dưới đất rải rác những cái đầu cá biển rữa nát, giương cặp mắt trắng đục trân trân nhìn chị. Nhưng những giấc mơ như thế rồi cũng thưa dần, nhạt nhòa đi. Chị đã từng đi qua những cơn mê còn khó chịu hơn nhiều.

Culi vẫn lớn từng ngày. Nó là vật sinh động duy nhất trong nhà, là đề tài không bao giờ cạn để chị và mẹ trò chuyện. Hôm qua nó bắt được một lúc hai con gián. Sáng nay nó bị nôn. Còn bây giờ nó nằm khoanh tròn

ngay trên cái áo của bà cụ mà ngủ, cái mũi đỏ chót hếch lê trông thật đáng yêu. Mỗi người đàn ông đến chơi lại phát hiện ra một tướng quí của Culi. Đuôi nó rất dài. Bốn chân nó trắng như đi bít tất. Lông nó đặc biệt hơn tất cả các con mèo khác. Nó không hề có rận...vv...Tối tối, chị chăm chỉ pha trà, ngồi khép chân nhìn Culi trắng bông, ngoan ngoãn khoanh tròn trên những cặp đùi đàn ông khác nhau. Ngoài kia, trong bóng đêm, những con mèo ráo riết rượt đuổi nhau trên mái ngói, gầm gừ, rên rỉ.

Gần nhà chị mọc lên quán "Tiểu hổ", đặc sản thịt mèo. Khách đến ăn hầu hết là đàn ông. Mỗi lần đi qua, chị cắm đầu rảo bước thật nhanh. Hơi bia, khói chả nướng, thuốc lá, mồ hôi quyện lại thành thứ mùi đàn ông đậm đặc đuổi theo chị, luồn vào tóc, vào quần áo... Khuya, chị trằn trọc trên chiếc giường rộng thênh. Đêm dạo này yên tĩnh hơn. Những con mèo lảng vảng đi đêm bị bẫy lấy thịt phục vụ quán "Tiểu hổ". Các nhà quanh vùng dần dần bị mất hết mèo. Chị sắm một dây xích dài, cột Culi lại. Chỉ đến đêm chị mới dám tháo xích cho nó, nhưng cẩn thận đóng hết các cửa. Culi bị nhốt quanh quẩn trong nhà. Tính nó trở nên khó chịu. Nó bỏ cơm gào suốt ngày, suốt đêm, thảm thiết như tiếng trẻ con hờn. Không có ai đến chơi. Chị kinh hoàng nghe tiếng mèo gào trong căn nhà vắng tanh, bên cạnh bà mẹ nghễnh ngãng, lòa dở đang ngồi ngủ gật trước tivi. Mẹ chị đã gần tám mươi, còn chị năm nay ba mươi chín tuổi.

Bà hàng xóm mách chị lấy rau răm, giã vắt nước cho Culi uống. "Nó đến kì phát dục, uống cái ấy vào thì đỡ", bà ta giải thích, cười ranh mãnh. Bà quả phụ đạo đức ấy biết đủ trò quỉ quái, có lần đã bầy cho chị mua nước hoa loại hai nghìn đồng một lọ, rảy vào đũng quần lót. Nhưng lần này, món rau răm của bà ta không hiệu nghiệm. Cay quá, Culi không chịu uống, đổ vào bao nhiêu lại phun ra bấy nhiêu, nước rau răm nhuộm xanh lè cả bộ lông nó. Bà hàng xóm lại xui chị lấy thuốc ngủ nghiền cho nó uống. Culi say thuốc lừ đừ, chệnh choạng đi lại giữa nhà, chốc chốc lại ngã giúi dụi như sắp lên cơn động kinh. Kho kinh nghiệm diệt dục của bà quả phụ không giúp gì được Culi. Hôm sau, bà ta giới thiệu với chị một ông giáo người còm nhom. Ông này đã từng thiến hộ tất cả mèo đực trong khu tập thể gần nhà chị. "May ra anh ấy giúp được con mèo nhà em...", bà ta cười, nháy mắt đầy ý nghĩa. Ông giáo già nhiệt tình khám cho Culi. Giá là mèo đực, ông rạch phăng đi một nhát là xong chuyện. Nhưng mèo cái thì khó, khó lắm! Ông gợi ý chị mua hoóc-môn nam về tiêm cho Culi. "Thôi thì anh cứ hết cách giúp em!", chị khẩn khoản gửi gắm. Ông giáo già hăng hái ra hiệu thuốc tây. Cô bán thuốc ngọt ngào hỏi ông cần loại

Bóng quê
PHAN MINH KHÁNH
Gửi Hồ Minh Dũng

Trăm năm dá bỗng quên lời
Đường chim vạn dặm mỏi người tà dương
Hồn về dứt ruột quê hương
Mây mù dỉnh nhớ mắt buồn trận khuya
Áo đời bạc nỗi sơn khê
Tàn trăng dũ mộng tình trơ bóng mình

hoóc-môn nam của Pháp hay của Mỹ. Loại của Pháp hai trăm nghìn, loại của Mỹ cực mạnh ba trăm nghìn, tiêm vào công hiệu liền. Ông đỏ mặt bảo tôi chỉ cần loại rẻ nhất. Cô bán thuốc tủm tỉm cười nhìn thân hình hom hem, cái đầu uyên bác chỉ còn lơ thơ mấy sợi tóc đáng kính của ông. Cô thẽ thọt thưa bác loại rẻ nhất cũng phải trăm nghìn, mà em sợ nó chẳng giúp bác được mấy. Ông vùng vằng bỏ đi. Chị và Culi cứ chờ mãi, nhưng ông giáo già đầy tự trọng đã không quay trở lại... Đêm ấy, chị ngồi một mình vỗ lưng cho Culi. Con vật khốn khổ oằn oại, lết lết trên sàn, đuôi cong kên, rền rĩ. Nó rúc đầu vào tay chị, tuyệt vọng cầu xin sự giúp đỡ. Nhưng chị chẳng thể nào cho nó cái điều đơn giản nhất nó cần. Chị hoàn toàn bất lực!

"Ngàu...ngàu...", tiếng Culi vẫn xói vào tai chị nhức nhối, ai oán. Nó cứ quanh quẩn bên giường chị, bứt rứt vừa cào, vừa cắn màn. Nó chỉ có chị để mà cầu cứu, để mà trách cứ. Chị nhỏm dậy đi ra phía cửa, mở chốt. Culi chỉ chờ có thế. Nó lách mình qua hàng chấn song, phóng vút đi. Nó lao theo tiếng gọi bí ẩn từ ngàn xưa vẫn rạo rực chảy trong máu nó. Nó không biết những con mèo đực đã bị tàn sát. Nó cũng không biết những cái bẫy của quán "Tiểu hổ" đang giăng ra khắp nơi. Chỉ cầu mong một phép màu nhiệm nào che chở cho nó được yên lành.

...Chị áp mặt vào song sắt. Gió đêm lành lạnh mơn man khuôn mặt ướt nước mắt của chị. Những gương mặt đàn ông tưởng đã quên đi lại âm thầm trồi lên từ kí ức, nhắc chị rằng lại một mùa thu nữa sắp vèo qua. Ngoài cửa sổ, trăng sáng trắng, suông tình.❐

Những vùng hoang

Vũ Hồi Nguyên

Đi thật xa thành phố đầy thương tích
và những giọt nước mắt xanh
Enki Bilal - La femme piège

Một khu đất mênh mông, bằng phẳng, trống trải đến tận cuối trời. Ở đó, một tòa nhà mười bốn tầng đứng trơ trọi trong nắng mưa như một thách đố. Không có gì sinh động ngoài những luồng gió. Thỉnh thoảng mới gặp một thân cây xác xơ, lạc lõng giữa không gian của đất khô và bụi. Thành phố xa lắm, ở tuốt nơi bầu trời dính một vết nhơ.

Mặt đất thật ra không trần trụi. Đây đó còn vết tích của những tòa nhà đã sụp đổ. Những mảng bê tông vỡ nát, những đống gạch vụn ngổn ngang, những mảnh kính tan tành lẫn lộn với những xác gỗ đã cháy nám. Có cả những khúc tường nguyên vẹn, không chịu nằm xuống. Có lẽ những xe ủi đất đã có lần đến đây dọn dẹp, nhưng cảnh tàn phá chưa được xóa sạch. Ở về hướng thành phố, khá xa tòa nhà, là một vùng đầy rác rưởi đủ loại. Chúng chồng chất lên nhau cao ngất, đóng ngọn thành những quả đồi nhỏ.

Đến gần tòa nhà mới thấy từ lâu không còn ai chăm sóc. Một khối bê tông xám xịt, nứt rạn nhiều nơi, lớp vôi bạc màu chỉ còn loang lổ ở vài chỗ. Những cánh cửa sổ chỗ có chỗ không, gỗ mục rữa, kính đục ngàu. Phía trong là hàng loạt những căn phòng trống không, đồ đạc đã dọn đi cả, không còn gì của những người đã cư trú ở đây. Điều đáng ngạc nhiên, điện nước lại đầy đủ, thang máy vẫn chạy. Bụi và rác bám vào khắp nơi, làm tòa nhà có những màu sắc vô định trong ánh sáng mặt trời. Nhìn vậy

ai mà không thắc mắc tại sao tòa nhà không cùng số phận với những căn nhà chung quanh.

Dĩ nhiên người ta nghĩ chiến tranh đã đi qua nơi này. Một khu gia cư bị san bằng sau một cuộc oanh tạc của máy bay, hay pháo kích của đại bác. Chẳng biết vào thời nào. Chiến tranh là một câu chuyện dài nhưng thiếu tưởng tượng, lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần, ở thời nào cũng vậy. Trước cảnh hoang tàn của khu đất, ai thích biểu tượng có thể chọn. Kẻ bi quan nhìn thấy một hình ảnh ở cuối cùng những điên rồ của loài người. Kẻ lạc quan nhận ra cái hư không mở đầu một thời kỳ văn minh mới.

Nhưng sự thật lúc nào cũng tầm thường. Trước đây, khu đất là một trung tâm đón dân du lịch, có nhiều khách sạn lớn. Một thiên đường nhỏ, đầy đủ tiện nghi cho những kẻ ở xa đến tìm một nơi thiên nhiên còn hoang dại. Rồi một ngày người ta quyết định phá đi tất cả để làm chuyện khác. Khoa học hiện đại đã nắm vững kỹ thuật phá đổ những tòa nhà cao tầng một cách gọn gàng và an toàn. Một hệ thống chất nổ tinh vi gài vào một số trọng điểm có thể làm sụp hoàn toàn một tòa nhà trong chưa đầy năm phút. Một dàn cảnh rất đáng coi, quần chúng khán giả không cần đứng xa lắm. Hồi đó, nhiều công ty nước ngoài hăng hái tham gia công trình đổi mới khu đất. Nhưng vào phút chót, một sự bất đồng tài chánh xảy ra giữa họ. Đề án phá nhà không đủ tiền đi tới cùng, để sót lại một tòa nhà. Sau đó là những vụ kiện cáo kéo dài vô tận. Trong khi chờ đợi, thị xã lấy khu đất làm bãi rác cho thành phố.

Tòa nhà mười bốn tầng, hơn một trăm căn hộ, mỗi căn hộ là một hay nhiều phòng to nhỏ, chưa kể những phòng tiếp tân, phòng hội nghị cả trăm thước vuông, bể bơi, các dãy phòng kho, hai tầng hầm đậu xe... Tất cả bây giờ là im lặng và điêu tàn. Nhưng tưởng trong đó không còn ai ở là sai lầm.

Ở tầng cuối cùng có ba người. Một người đàn ông đứng tuổi, cái tên Trương Hoàng Tân không chắc là thật. Một chàng thanh niên tên Thùng. Một cô gái tên Nhiên Thùy. Họ chọn ba căn hộ cạnh nhau. Trương Hoàng Tân lấy một diện tích trung bình. Thùng một mình chiếm cứ năm phòng. Cô gái chỉ cần một phòng nhỏ. Đừng nghĩ ba người này là những kẻ trước đây ngủ đường ngủ chợ, may mắn tìm được một nơi trú thân không mất tiền. Gã Tân sống ở thành phố, chỗ này chỉ là phụ thuộc. Nhiên Thùy ở

đâu cũng được, không chỗ này thì chỗ khác. Còn Thùng dư dả tiền bạc đến độ không cần kiếm sống, về đây đào sâu một số đề tài nghiên cứu.

Chỉ khi tòa nhà hoàn toàn bị bỏ hoang họ mới lần lượt dọn tới. Đầu tiên là cô gái, đi bộ đến một buổi chiều mưa phùn. Tất cả đồ đạc vỏn vẹn một gói vải to khiêng trên vai, và hai ba chiếc rổ mây đựng nồi niêu chén dĩa. Cô lên thẳng tầng mười bốn, không xem xét nơi khác. Mấy tháng sau, Trương Hoàng Tân xuất hiện giữa nắng gắt. Chiếc xe Mercedes đỏ chói bóp còi inh ỏi, trước khi mở toang bốn cửa và thùng xe, đổ xuống đất gần chục chiếc va li. Hắn không tin tưởng thang máy, chọn tầng trệt. Mười ngày sau hai người mới gặp nhau lần đầu, tình cờ ở cửa chính vào tòa nhà. Gã đàn ông từ hôm đó dọn lên tầng chót, bên cạnh phòng Nhiên Thùy. Cái ngày Thùng đổ bộ, gã Tân và cô gái chạy ra coi, mỗi người ở cửa sổ của mình, trố mắt nhìn một cảnh tượng lạ lùng đối với họ. Một chiếc xe vận tải khổng lồ, sách chồng chất đầy tới mui, rớt cả xuống đường. Theo sau là một chiếc xe nhỏ, chở Thùng và bốn gã đàn ông to khỏe như bốn chiếc tủ sắt. Mấy ngàn cuốn sách chuyển từ tay này qua tay kia vào nhà, mãi không ngừng. Chàng thanh niên gầy gò da nhợt nhạt chạy tới chạy lui, lượm nhặt những cuốn sách rơi rớt. Bốn tên khuân vác nhễ nhãi mồ hôi dưới những đống sách cao ngất. Biết bao nhiêu tạ sách cứ ùn ùn xâm nhập lãnh thổ mới. Gã Tân nói "Cậu này về đây mở thư viện". Nhiên Thùy nói "Chú Tân à, cháu sẽ lấy một vài cuốn sách cho bãi rác. Ngoài đó thiếu thứ này". Những gã dọn nhà nhìn thấy có người đón ở cửa sổ, họ đương nhiên đưa thẳng các khối sách lên tầng mười bốn.

Như vậy, nhà Thùng, Nhiên Thùy và Trương Hoàng Tân sát bên nhau. Những bóng người duy nhất trong tòa nhà bỏ hoang. Họ chưa gặp nhau trước đó. Không có cách nào để biết họ từ đâu tới, quá khứ mỗi người ra sao, có gì dẫn họ đến khu đất này, trước đây dành cho người ngoại quốc, bây giờ không còn gì cả.

Phải tả sơ bộ mặt và hình dáng ba con người này. Nhiên Thùy ở cái tuổi mọi phần trên thân thể đã trổ mả, những đường cong đã thành hình, da đã căng, trắng và thơm. Đôi mắt sâu như vực thẳm, cặp môi dày ướt, hai vú không còn thẹn thò. Cô gái không một chút trang điểm, ăn mặc xuề xòa, không bao giờ có vòng nhẫn hay đồ lót. Nhưng người cô và mái tóc dài lúc nào cũng như mới tắm gội xong. Nhìn vậy thì biết Nhiên Thùy không quan tâm đến những lớp vải che thân, nhưng yêu từng tấc da sợi tóc của mình.

Tuổi Trương Hoàng Tân cũng phải ngũ tuần. Tóc vừa lưa thưa vừa có chỗ bạc, mắt láo liên, tay chân múa may không ngừng, mồm miệng lép chép suốt ngày. Hắn lăng xăng còn hơn một gã đàn ông hồi xuân bình thường. Khác Nhiên Thùy, quần áo hắn không nhiều nhưng luôn luôn được là ủi thật kỹ và tìm vẻ sang trọng. Con người này chỉ có thể thuộc về thành phố. Không hiểu hắn làm gì ở vùng đất hoang này ?

Nếu một bộ mặt có thể mờ ảo thì đúng là thằng Thùng. Không một nét rõ ràng, nước da nhờn nhợt một màu mỡ gà, mặt mũi như thế nào khó mà nhớ. Tóc nhiều nhưng nằm đứng bừa bãi, vài cọng râu non mọc tùy tiện gần mồm. Mặt nó như thiếu một cái gì. Không chừng là một cặp kính cận thị để người ta nhận diện ra một nhà trí thức. Hay một chút linh hoạt để biết nó chưa già. Thân hình èo uột buồn tẻ của nó không làm sáng tỏ gì hơn.

Ba người sống gần nhau nhưng không thân thiện. Giữa họ không có hiềm khích hay ngờ vực, nhưng tò mò cũng không. Mỗi người là một thế giới riêng. Khỏi cần nói thêm là cả ba không bao giờ có gia đình bạn bè đến thăm. Thằng Thùng một mình với đống sách và những nghiên cứu của nó. Trương Hoàng Tân xác ở đây nhưng hồn ở thành phố. Và Nhiên Thùy có đứng giữa đám đông vẫn chẳng thấy ai. Những lời nói họ trao đổi với nhau không ra ngoài những điều lặt vặt. Chỉ có gã Tân nói nhiều, luyên thuyên đủ thứ chuyện, nhưng đó là hắn đối thoại với riêng mình. Ban ngày họ gần như không gặp nhau. Chạm trán nhau ở hành lang thì không một lời chào hỏi, không đụng vào nhau đã là may.

Nhưng tối nào hai người đàn ông và cô gái cũng ăn chung bữa cơm, ở nhà Thùng. Họ hoàn toàn không có ý tổ chức một việc gì chung. Chỉ tại vì làm bếp là một đam mê của chàng thanh niên trí thức, một đề tài nghiên cứu thường trực của hắn. Những món ăn xuất phát từ mấy chục cuốn sách, đi từ triết lý ăn uống và các văn hóa ẩm thực đến những phép gia chánh chi tiết. Món Việt Nam và Á châu dĩ nhiên, món Pháp không thiếu, có cả món Ả Rập, Phi châu, Nam Mỹ, hay những món của các bộ lạc cổ xưa. Đã nói nghiên cứu khoa học thì các món ăn của Thùng phải được trắc nghiệm bởi người khác một cách khách quan. Hắn rủ hàng xóm ăn chung là vậy. Gã Tân thấy vấn đề không quan trọng. Nhiên Thùy không thích làm bếp vì hôi người. Phân công tự nhiên, Thùng chi tiền và nấu, Tân đi chợ trên phố, Nhiên Thùy rửa chén. Thùng chuẩn bị cả giờ trước đó. Làm bếp là một kỹ thuật cần phương pháp đàng hoàng, cân đo tỉ mỉ, một thời gian

chính xác cho mỗi thao tác, không thể vội vội vàng vàng. Tuy vậy, kết quả thất thường, hình như hoàn toàn tùy thuộc vào may rủi.

Trương Hoàng Tân ăn gì cũng được. Những thứ vào bụng không thuộc về bề ngoài, hắn không chú ý. Những hôm hắn về trễ, Thùng giữ phần đồ ăn cho hắn, biết hắn không bao giờ dành một đồng nào cho việc ăn uống. Nhiên Thùy, trái lại, vừa tham ăn vừa khó tính. Một bữa không ngon đủ làm mặt nàng nặng chình chịch. Nàng có thể bực mình và chán đời cả tối. Bữa cơm chỉ có gã Tân nói chuyện, về một ngày sống ở thành phố. Văn minh đô thị tràn ngập căn phòng. Chuyện vui, chuyện buồn, chuyện trọng đại, chuyện linh tinh, chuyện hắn, chuyện thiên hạ, chuyện đất nước, chuyện thế giới... Nhiên Thùy tập trung vào đồ ăn, nhào tới các dĩa không chờ ai, nhai nuốt ồn ào. Thế giới có khủng hoảng cũng không biết. Thùng thì bận quan sát cô gái, phân tích trong đầu những phản ứng sinh vật của cô ta để đánh giá kết quả nấu nướng. Ăn xong, Nhiên Thùy hoặc ca hát ngân nga hoặc đau bụng, Thùng nhảy vào lại cuốn sách đang đọc, và Trương Hoàng Tân tiếp tục lải nhải trên đường về nhà.

Chàng thanh niên và cô gái chẳng khi nào lên thành phố. Thùng quá nhiều hiểu biết về năm châu bốn bể, về xã hội từ thời tiền sử đến thời hậu công nghiệp, về con người từ nội tâm đến những cư xử tập thể, còn gì để hắn tìm ở thành phố ? Cũng có thể hiểu một cách khác. Hắn rất bận, bao nhiêu sách đang chờ đợi hắn. Sự thông minh của loài người không biết ngừng nghỉ, sách báo làm sao đọc cho kịp. Thùng chỉ cần đi lại trong năm căn phòng. Muốn hơn nữa đã có cả trăm thước hành lang của tầng mười bốn. Ở ngoài không có gì hấp dẫn, trời hết sáng lại tối, không mưa thì cũng chỉ nắng.

Lãnh thổ của Nhiên Thùy lớn hơn nhiều. Căn phòng nàng trống rỗng đồ đạc, nó đã lớn hơn một căn phòng diện tích tương đương. Đã vậy, chẳng mấy khi nàng có mặt ở đây. Chỗ ăn là nhà Thùng, chỗ ngủ là bất cứ nơi nào trong tòa nhà nhiều tầng. Nhiên Thùy có mười bốn tầng lầu, mấy trăm căn phòng lớn nhỏ, biết bao nhiêu cây số hành lang và cầu thang. Cộng vào đó là khu đất bao la quanh nhà, rộng hơn cả tầm nhìn. Nhiên Thùy làm chủ tất cả không gian này, từ ngọn cỏ dại cho đến tòa nhà đồ sộ. Thành phố là một chấm đen ở xa tít, vô nghĩa trong đầu óc người thiếu nữ.

Trương Hoàng Tân là sợi chỉ duy nhất nối họ với thế giới bên ngoài.

Chỉ có trời mới biết gã đàn ông làm gì ở thành phố suốt ngày. Sáng sớm, khi lau chùi xong chiếc xe Mercedes, hắn biệt tăm biệt tích cho đến giờ ăn tối. Nhiều khi còn vắng mặt mấy ngày liền. Khi về, lâu lâu thấy hắn khệ nệ một đống túi đồ ăn thức uống, hay một chồng sách cho cậu Thùng. Hắn không chăm lo cho ai, nhưng thích mang từ thành phố về thứ này thứ nọ. Như người đem một chút văn minh đến một nơi chốn chưa phát triển. Thỉnh thoảng gã Tân có một bó hoa tặng Nhiên Thùy. Hắn nói "Làm vui lòng đàn bà là thói quen của người đàn ông tân thời". Mỗi lần như vậy, cô gái hiểu hắn muốn làm tình với mình, và ít khi cô từ chối.

Chỉ có Trương Hoàng Tân lên thành phố, nhưng thành phố đến với khu này mỗi cuối đêm, trước khi mặt trời ló dạng. Những xe đổ rác xuất hiện liên tục suốt gần một tiếng đồng hồ, thay phiên nhau đổ xuống bãi đất hàng tấn sản phẩm sa thải và dư thừa của xã hội tiêu thụ. Bầy xe quây quần bên những núi rác, chúng bước tới bước lui nhộn nhịp, những đèn xe như những con đom đóm bay nhảy từ chỗ này qua chỗ khác. Không nghe tiếng người, nhưng tiếng động cơ gầm gừ và tiếng rác xào xạc làm không khí tưng bừng hẳn lên. Những chuyển động và âm thanh của xe và rác, trong bóng tối chưa phai, trông như một màn vũ kỳ diệu.

Những lúc đó, Nhiên Thùy đã tỉnh giấc, đứng sẵn ở cửa sổ, mắt không muốn mất một giây phút nào của cảnh tượng ngoạn mục. Mặt nàng lộ rõ một niềm vui. Bãi rác của nàng đang được nuôi trồng. Những núi rác sẽ cao lên, lan rộng ra. Những đống rác vừa đến sẽ mang lại những màu sắc và hương vị mới, một sức sống mới cho nơi này. Khi chiếc xe cuối cùng ra đi, Nhiên Thùy sẽ chạy ra đón chào rác mới với đầy đủ tư cách của bà chủ đất.

Bãi rác tích lũy tất cả những gì người ta đã tiêu thụ xong, chưa tiêu thụ kịp hay vứt đi để tiêu thụ tiếp. Bàn ghế tủ giường, ti-vi tủ lạnh máy giặt, sắt gỗ nhựa vải, giấy dày mỏng to vụn, thịt cá mỡ xương, chai lọ chén dĩa, áo choàng quần lót, dụng cụ đồ chơi người lớn trẻ con, đất đá cây hoa, cứt người cứt chó, đồ cũ đồ mới, đồ sạch đồ bẩn, đồ rách đồ lành, đồ xanh tươi đồ ủng mốc đồ ói mửa... Có khi nhận được cả vũ khí, bạch phiến, hột xoàn, nhau non. Đủ thứ mùi hôi thối bốc lên ngạt ngào. Làm như mỗi vật, với cái nồng nặc của nó, muốn nhắc nhở sự có mặt của mình một thời gian, trước khi bị chôn vùi dưới những vật khác.

Lúc đầu, Nhiên Thùy thù ghét, ghê tởm bãi rác. Làm sao một cô gái

sạch và thơm từ đầu đến chân có thể chấp nhận một sự hiện diện thối bẩn tột cùng như vậy? Nàng tránh nhìn về hướng bãi rác, nhưng nó ám ảnh nàng suốt ngày, thập thò cả trong những giấc ngủ của nàng. Rồi từ từ một ý muốn kháng cự hiện lên. Cô gái quyết định trực diện cái thực tế nàng chốn chạy. Ngày này qua ngày khác, nàng lấy can đảm tiến tới gần hơn khu đất đáng sợ, cho đến khi bước hẳn vào địa phận của rác rưởi. Ở đó, mỗi lần một làn gió đi qua, rác vụn bay lên, Nhiên Thùy lại rợn người, lùi bước hay chạy ra xa, tìm thoát những dơ bẩn sà bám vào da thịt nàng. Nhưng khi con gió không còn, rác nằm xuống, Nhiên Thùy lại xích đến gần hơn nữa, dí mặt vào những chỗ bốc mùi. Giữa những núi rác cao ngất, người thiếu nữ chạy nhảy như một hình bóng khiêu khích thiên nhiên. Không ngày nào nàng không ra nghịch ngợm với cái sợ của mình. Nàng lảng vảng hàng giờ ở nơi này, chỉ một tấm vải trắng toát che thân. Bãi rác thu hút Nhiên Thùy như một thèm muốn tội lỗi không sao dứt bỏ được.

Năm căn phòng vừa đủ cho Thùng và các sách báo của hắn. Khi mới dọn tới, chàng thanh niên định để hết sách báo vào phòng lớn nhất. Cho dù phải chồng chất chúng từ sàn nhà lên tới trần. Căn phòng đầy đặc được một hai tháng. Rồi một hôm, Nhiên Thùy lang thang ở tầng mười ba, vào cái phòng ngay dưới kho sách thấy trần bắt đầu trũng xuống ở giữa. Từ đó sách báo được tự do tràn ngập cả năm phòng nhà Thùng, chưa kể bếp, phòng tắm và cầu tiêu. Chúng nằm ngổn ngang dưới đất, bừa bãi ở các lối đi. Chúng còn được dùng làm ghế, làm bàn, làm giường, làm kệ, làm chiếu trong nhà.

Thùng đọc sách báo suốt ngày. Hắn đọc nằm, đọc ngồi, đọc đứng, đọc dạo, đọc lúc đi tắm, đọc lúc đi cầu, đọc lúc tỉnh lúc mơ. Những khi hắn rời bỏ cuốn sách cầm tay, các cuốn khác lại trở về trong đầu. Những trang sách lật từng tờ là những tháng ngày của hắn, có những nhộn nhịp hồi hộp nhưng thiếu những buồn vui thấm thía.

Thùng không muốn giới hạn sự hiểu biết của mình vào một vài lãnh vực nhất định. Xã hội và cuộc đời muôn dạng. Thông minh của loài người không biết những biên giới. Sách báo của hắn do đó bao gồm đủ mọi đề tài, nắm bắt đủ mọi vấn đề, tiến công vào đủ mọi mặt trận của tri thức.

Các hệ tư tưởng, từ Karl Marx đến chủ nghĩa tư bản, từ Mao chủ tịch đến chủ nghĩa phát xít. Các tôn giáo thật giả và các triết lý cổ kim. Các mô hình xã hội học và các lý thuyết kinh tế chính trị. Các đề tài của khoa

học chính xác và khoa học không chính xác. Lịch sử các loài người, loài thú và loài cây cỏ. Tất cả những gì liên quan ít nhiều đến Việt Nam. Các văn hóa đủ loại, đủ thời kỳ, đủ dân tộc. Các nghệ thuật, từ cổ điển đến hiện đại và hậu hiện đại. Các kỹ nghệ và thị trường thông tin. Chiêm tinh học và tử vi bói toán. Cuộc sống hàng ngày của vua chúa, tỷ phú và minh tinh màn bạc. Các địa ngục trần gian. Các tai họa có số nạn nhân kỷ lục. Các bí mật để đời. Các kỳ quan của trái đất và các chốn du lịch thời thượng. Các bí quyết thực dụng : mười bài học về hạnh phúc lứa đôi, làm sao có được những em bé vừa khỏe vừa đẹp vừa thông minh, ba trăm trang sách để thành công trong đời, con đường dẫn lên tột đỉnh của khoái lạc, đồng tiền và sự ổn định gia đình, những cách tiêu xài không sạt nghiệp, một chế độ ăn uống hoàn toàn tự do... Làm sao kể hết được những cuốn sách của chàng thanh niên ngụp lặn trong hiểu biết bao la của con người. Chỉ thiếu vắng một lãnh vực là văn chương. Thùng từ chối văn chương không phải vì nó phù phiếm. Theo hắn, văn chương nguy hại cho đầu óc người ta. Nhà thơ nhà văn lấy tưởng tượng đổi xóa thực tế, bóp méo sự thật. Tiểu thuyết và thơ tránh né lý trí, tìm cách khêu gợi những cảm xúc yếu mềm của người đọc. Ngôn ngữ chỉ lo làm dáng, không chuyên chở thông tin. Văn chương cản trở sự hiểu biết, là kẻ thù của ý thức.

Kiến thức từ nhiều nguồn tràn ngập đầu óc Thùng, hòa lẫn vào nhau, thỉnh thoảng tạo ra những hiện tượng bất ngờ. Không nói gì đến món phở của hắn, có hôm lên mùi vị lạ lùng của những món ăn vùng Nam Mỹ. Đáng kể hơn là những chuyện xảy ra trong nhận thức của hắn. Bộ nhớ của máy tính điện tử còn có hạn chế, thử hỏi làm sao những tư tưởng trong hắn tránh được lầm lộn. Những lúc đầu óc lệch lạc, thế giới văn minh hắn nhìn thấy là một thế giới quái gở. Trong đó, con người chẳng còn là gì nếu mất khả năng tiêu thụ hàng hóa. Của cải thừa mứa, nhưng ngày càng đông người bị trục xuất ra khỏi xã hội. Thực phẩm gây đủ thứ bệnh, ăn thịt bò cũng có thể điên. Thiên nhiên bị tàn phá, không khí ô nhiễm trở thành một đe dọa thường trực. Các phương tiện thông tin phát triển đến chóng mặt, nhưng chúng được dùng để uốn nắn sự thật và nhồi sọ. Cá nhân chìm đắm trong khối lượng thông tin, mất nhu cầu gặp gỡ và trao đổi với người khác. Văn hóa được hạ xuống thấp để tăng lợi nhuận cho một thị trường béo bở. Chủ nghĩa xã hội hãnh diện trong bộ áo mới của một chủ nghĩa tư bản man dại... Cũng may, những giai đoạn loạn thị của Thùng không có hậu quả nào khác là thúc hắn đọc sách kỹ và nhiều hơn.

Càng đọc Thùng càng thấy phải đọc thêm. Làm như học thức của hắn

cứ nhỏ đi dần với những cánh cửa mở ra trước mặt. Hắn đọc sách không nhằm khoe khoang, tranh cãi với người khác hay chuyển đạt gì cho ai. Hắn muốn lấy kinh nghiệm của mọi người làm kinh nghiệm sống cho mình. Văn minh đi quá lẹ, những cuốn sách là đường tắt để Thùng chạy đuổi theo nó, bám víu vào một thực tế không ngừng biến chuyển.

Nhưng không chừng những cuốn sách còn là gì khác. Chúng đóng khung thực tế vào những điều có thể nhìn thấy, hiểu được hay mong muốn. Còn lại những hình ảnh chọn lọc, được sửa sang cho vừa ý người nhìn. Mặt khác, có gì bảo đảm cuộc sống không có những khổ đau đáng sợ ? Với những cuốn sách, Thùng sống một cách gián tiếp, hạnh phúc chưa chắc có, nhưng đau khổ thì chắc chắn không. Khối sách, trong chừng mực nào, là một hàng rào an toàn giữa chàng thanh niên và thực tế.

Trương Hoàng Tân có lần nói riêng với Nhiên Thùy "Sách phải đốt đi hết. Chúng làm mất thì giờ. Chúng đổ những thành kiến vào đầy đầu người ta, con mắt không còn biết tự mình nhìn sự vật". Sách là thứ xa lạ với Nhiên Thùy, nhưng nàng không có một quan điểm rõ ràng như vậy.

Nhà gã Tân không có một cuốn sách, nhưng đô đạc nhiều hơn hai nhà bên cạnh. Mặc dù đây chỉ là chỗ hắn về ngủ đêm. Trong nhà có hai thứ đập vào mắt bất cứ ai: những đồng tiền giấy ghim trên tường, và những chiếc gương.

Trang hoàng các tường ở mọi phòng là những tờ giấy bạc. Đồng tiền Việt Nam đầy đủ các loại ngày nay, từ tờ hai trăm đến tờ năm mươi ngàn, và một số tờ thời các chế độ cũ. Tiền các nước như Pháp, Tàu, Nhật, Đại Hàn cũng có. Nhưng nhiều nhất là các tờ đô la Mỹ treo khắp nơi. Chúng nằm chi chít ở một vài góc phòng. Màu xanh đậm nổi bật trên bức tường trắng, mang đến một chút mát mẻ dễ chịu. Chân dung các nhân vật lịch sử, giá trị là những con số bên cạnh, có đến cả trăm cả ngàn bức nhỏ, làm chỗ này như có sự hiện diện của một đám đông im lặng. Nhà người ta treo tranh hội họa hay hình ảnh gia đình, nhà Trương Hoàng Tân treo tiền. Những tờ giấy bạc có một ý nghĩa mỹ thuật đối với gã đàn ông. Như trong các nghệ thuật tạo hình, khó mà định nghĩa cái đẹp ở đây thuộc về biểu thể hay trừu tượng. Chỉ chắc chắn là nó cho gã Tân những cảm xúc khó tả nhưng có thật. Ở hắn, đồng tiền không là những con số cộng trừ, những tình trạng biến đổi trong chương mục, những cổ phiếu mua bán trong sổ sách. Đồng tiền phải là những tờ giấy bạc sờ mó được. Hắn cần thật nhiều

những giấy tiền chung quanh mình. Chúng là những kẻ chí thân, biết xua đi những bực nhọc chán nản, nhắc nhở về sự giàu có vô cùng của cuộc sống, đem trở về cho hắn mọi niềm hy vọng. Hắn si mê đô la, cho dù những tờ giấy này như một đội quân mặc đồng phục, nhìn kỹ mới thấy tờ năm mươi đô khác tờ một đô. Đô la hơn hẳn những tiền khác. Chúng có thêm cái quyến rũ của sức mạnh vô địch.

Phải chứng kiến một lần cảnh gã Tân trông nom những tờ giấy bạc. Hắn yêu chúng như những đứa con cần được chiều chuộng. Hắn có thể ngồi thật lâu với chúng, mắt hiền dịu hẳn lại, những ngón tay trìu mến vuốt ve những tờ giấy nhỏ, mũi hít vào trọn vẹn hương vị ngây ngất của giấy bạc. Những tờ bẩn được tẩy xóa kỹ lưỡng. Những tờ nhàu được thấm vào một chút nước, trải thẳng thật nhẹ, rồi phơi khô. Những tờ rách được dán lại thật tỉ mỉ.

Trương Hoàng Tân không ham tiền một cách bình thường. Hắn không phải là kẻ khăng khăng giữ chặt lấy tiền của mình. Chiếc Mercedes khá cũ nhưng lúc mua cũng tốn cả trăm triệu đồng. Quần áo không nhiều nhưng có loại rõ ràng là đắt tiền. Hắn không tiêu cho chuyện ăn uống và đồ đạc trong nhà chỉ vì coi thường những thứ không thuộc diện tiếp xúc và sống với người khác. Lạ hơn nữa, tiền bạc thiên hạ không làm hắn thèm thuồng. Thùng đã ký giấy cho phép gã Tân lấy tiền trong chương mục của Thùng, khi nào gã muốn, để đi chợ, mua sách hay các món đồ thông dụng. Không bao giờ gã lấy dư ra bỏ túi. Gọi đó là lương thiện cũng được. Nhưng có lẽ tiền bạc kẻ khác không cùng giá trị với tiền bạc của hắn, không đáng chú ý. Hắn không so sánh mình với người giàu người nghèo. Đồng tiền, đối với hắn, là một vấn đề riêng tư. Mỗi tờ giấy bạc là một kết quả cụ thể hắn gặt hái được trong cuộc sống của mình. Một tờ chứng chỉ cho một thành công dù thật nhỏ nhặt. Làm như, qua đồng tiền trao cho hắn, xã hội nhìn nhận sự hiện hữu của hắn trên đời này. Tất cả giá trị của hắn nằm ở đó. Khách quan mà nói là vậy.

Rồi phải kể đến các chiếc gương, cũng có mặt ở khắp nơi trong nhà. Lớn, nhỏ, vuông, tròn, đủ kiểu, đủ cỡ. Soi mặt, soi nửa người, soi từ đầu tới chân. Treo ngang tầm mắt, đứng dựa vào tường, nằm trên cửa sổ, dán trên trần nhà. Gương nới rộng diện tích, gương đổi dời các góc cạnh, gương phản chiếu gương, gương đảo lộn những không gian, gương lừa dối con mắt. Mọi thứ trong phòng nhân lên ở tứ phía, cùng một lúc đưa ra hình dáng đằng trước, đằng sau, nhìn nghiêng, nhìn ngửa. Thật và ảo

không phân biệt được trong nhà Trương Hoàng Tân.

Làm sao gã Tân có thể bị ám ảnh bởi bộ mặt hình dáng của mình ? Hắn chẳng có gì đặc biệt hấp dẫn, cũng chẳng có gì xấu hỏng đến độ dằn vặt được ai. Hắn không có nhu cầu chiêm ngưỡng mình suốt ngày. Đúng là gã thích ăn mặc diện, chăm sóc kỹ bề ngoài, cho nó một tầm quan trọng hơn người thường. Cuộc sống chẳng qua là những cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, khi đó cái bề ngoài của con người phải nhanh chóng gây cảm tình, thuyết phục, tạo sự tin tưởng. Người đời bên trong ai cũng như ai, chỉ hơn thua nhau ở những gì trình ra cho thiên hạ. Nhưng như vậy cũng chưa giải thích được những tấm gương đặt khắp nhà.

Thật ra gã Tân không sử dụng nhiều những tấm gương này. Khi cần, hắn soi mình rất nhanh. Hình ảnh của hắn lúc nào cũng có gì khó hiểu, xa lạ đối với chính hắn. Nó làm hắn không thoải mái. Vậy thì những tấm gương hiện diện không phải để hắn nhìn mình trong đó. Gương không phản chiếu cái nhìn của hắn, gương là một cái nhìn về hắn của ai đó. Hắn không phải là kẻ đứng nhìn, mà trở thành đối tượng quan sát của những cặp mắt đây đó trong phòng. Có cảm tưởng chúng thay thế những mặt người ở thành phố, tiếp tục đánh giá hắn từng phút từng giây. Với thời gian, gã Tân không thể thiếu những tấm gương và cái cảm giác được phán xét thường trực. Một cảm giác không hẳn dễ chịu, nhưng thiếu nó, hắn như kẻ mất hướng. ở đây không có chỗ cho cô đơn và sự sợ hãi cô đơn. Chúng vắng mặt nơi một sân khấu đã đầy đủ khán giả.

Nhiên Thùy không cần sách báo, những tờ giấy bạc và những tấm gương. Nàng vô cảm với chữ nghĩa khô khan. Về tiền bạc, cả nàng lẫn Thùng đều không để ý, cô gái hoàn toàn sống nhờ vào chàng thanh niên. Còn những tấm gương, cần gì chúng, suốt ngày Nhiên Thùy đã soi mình trong cái thân thể của nàng.

Nhiên Thùy có một đam mê là theo dõi những thay đổi tự nhiên ở mình. Nàng chú ý đến từng bước phát triển của thân thể, những bước có khi thật chậm, có khi nhanh thấy rõ. Mỗi ngày, những chi tiết của thân thể trưởng thành về hướng hoàn thiện. Tay chân dài ra, cổ thon lại, bụng thu vào, đôi vú đôi mông nhú lên và cứng lại, những sợi lông dày đậm thêm, tụ lại thành những chùm mềm mại ở các góc khe. Đối với Nhiên Thùy, tháng ngày đi qua nhanh hay chậm tùy theo những biến dạng trên người. Một đổi thay, dù thật nhỏ, đủ làm Nhiên Thùy ngạc nhiên, tò mò, tư lự,

vui thích, rồi nóng lòng chờ đợi cái tiếp theo. Nàng còn nhạy cảm với hương thơm toát ra từ da thịt, làm nàng lâng lâng như mùi mồ hôi những buổi trưa nóng nực.

Người con gái nào cũng có một thời yêu mình hơn tất cả. Nhưng Nhiên Thùy khác. Không chỉ có một tình yêu hướng trọn vẹn về chính mình. Làm như tất cả nhận thức của Nhiên Thùy bắt nguồn từ cái thể xác và những cảm xúc thức dậy từ thể xác này. Mắt nàng chỉ nhìn thấy những gì đụng chạm trực tiếp tới mình. Mọi thứ chung quanh chỉ xuất hiện, hiện hữu, có thật kể từ khi những giác quan của nàng bắt gặp được. Và có lẽ những giác quan này không biết nhận diện những kẻ đồng loại. Con người thuộc vào biết bao nhiêu chi tiết đứng ngoài tầm nhìn của Nhiên Thùy.

Cô gái sống theo những trạng thái của cơ thể. Những nỗi buồn là những lúc trong người mệt mỏi. Những cái khổ là những thời kỳ ốm đau. Một niềm vui dễ dàng như mỗi lần, tắm xong, cơ thể có thêm sức sống. ở Nhiên Thùy, buồn vui thay đổi không ngừng như những động đậy thường xuyên trong người. Chẳng cần gì nhiều để khuấy rối cô thiếu nữ. Nàng xót xa khi làn da thoáng lạnh, cuống quít khi nó nóng bừng. Cơ thể đã giành lấy hết tình cảm và cảm xúc của Nhiên Thùy. Nó là tất cả thế giới của nàng.

Có những hôm thân thể Nhiên Thùy nhàm chán những động tác thông thường, không muốn nằm ngồi đi đứng như thường lệ. Nó bỗng nhiên có một cảm hứng, đòi một nhịp thở khác, như để khẳng định cái tự do tuyệt đối của mình. Bắt đầu, mọi phần trên người trở về sự bất động. Cái bất động ở đầu nguồn mọi cử động, ở tột cùng sự căng thẳng của các bắp thịt, ở chỗ im lặng chỉ nghe tiếng chảy của những dòng máu trong người. Rồi đôi chân nhún lên thật chậm, rời thế thăng bằng tự nhiên, vươn tới những thế bấp bênh, chuyển sang một thăng bằng mới. Cùng lúc, hai đôi tay bước nhẹ vào không gian, biến hóa thành những nét trừu tượng của một hình thái trong vận động. Sau đó, những bộ phận khác lần lượt chuyển mình, khi hùa theo một ý muốn của tay hay chân, khi thu chúng về một điểm tập trung trọng lượng. Từ đó thân thể Nhiên Thùy hòa nhập vào không gian, lúc căng thẳng lúc lơi dãn, lúc quay cuồng thật lẹ lúc đứng bật lại hẳn. ở tòa nhà bỏ hoang, nhiều hôm có cô gái nhảy múa một mình trong một căn phòng trống. Không có âm nhạc, chỉ có tiếng động của một thân thể say sưa chính mình.

Thể xác Nhiên Thùy còn phải được chiều chuộng ở những lúc khác. Thường vào khoảng năm sáu giờ chiều, khi ánh nắng đã tắt lịm trên khu đất. Khởi đầu là những ngứa ngáy đâu đó trong người. Cô gái có một vài giây phút chơi vơi, rồi càng lúc càng bồn chồn. Nàng biết, một luồng nóng sẽ đến từ thật sâu trong cơ thể. Nó lan ra từ từ, đi tới đâu lại đánh thức dậy từng vùng da thịt. Cơn nóng tăng dần, dấy lên ở khắp người một niềm rạo rực khôn cùng. Cơn nóng trở thành cháy bỏng. Da thịt không còn chịu chờ, nó đòi hỏi, thôi thúc, giận dữ. Cô gái tìm mọi cách đáp ứng. Những ngón tay hoảng loạn, sờ soạng, cố xoa dịu nơi này nơi kia, cuối cùng lao thẳng vào chỗ bốc lên những ngọn lửa. Nhiên Thùy có khi xoay xở một mình, có khi cần một người đàn ông.

Vào giờ ấy chỉ có Thùng. Chàng thanh niên không còn ngạc nhiên mỗi khi cô gái bước vào phòng mình. Cái hừng hực của Nhiên Thùy gặp cái ung dung thanh thản của Thùng. Hắn chậm rãi khép lại cuốn sách đang đọc, thong thả đi tìm một cuốn khác, về Thiền hay về biện chứng luận của Hegel. Cô gái phải lo hết mọi chuyện, cởi quần áo cho hắn, đưa hắn lên giường, đặt hắn nằm ngửa, thu hai chân hắn lại. Khi Nhiên Thùy vồ lấy thân thể người đàn ông, hắn lật những trang sách lẹ hơn một chút. Khi cái mềm ấm của nàng dính chặt vào người hắn, những dòng chữ không còn thẳng hàng, câu chữ lạc mất nghĩa, các nguyên lý Thiền kích thích quá độ, các chủ thể khách thể của Hegel bấn loạn trong hỏa mù của biện chứng. Rồi đùng một cái, không ai ngờ, từ trong Thùng thoát ra một con thú hồ hởi. Làm như nó đã nằm chuồng quá lâu, bị chủ nó bỏ đói không biết từ bao giờ. Cuốn sách đành phải dẫn chân lý đi nơi khác. Từ đó khó mà biết, giữa cô gái và chàng thanh niên, ai là người chủ động dẫn vào những hoàn cảnh không tưởng tượng nổi.

Với Trương Hoàng Tân, mọi thứ đàng hoàng lịch sự hơn. Có bó hoa tặng, như đã kể. Gã Tân thường nói « Cháu giúp chú, cho người dễ chịu hơn một chút «. Cô gái trả lời « Xin chú cứ tự nhiên «. Lần nào cũng phải là đêm khuya, vải giường mới, cửa sổ đóng kín, đèn tắt hẳn, trên ra trên dưới ra dưới, và không lâu lắm.

Tưởng như thế, khu đất trống, tòa nhà cao tầng và ba người ở đó sẽ để thời gian trôi qua đều đặn. Khổ nỗi Trương Hoàng Tân không kềm chế được cái ham sống của mình. Đi đêm mãi như hắn cũng có ngày gặp ma.

Không thể biết rõ sự việc xảy ra lúc nào. Những tâm trạng của gã Tân

chẳng ai quan tâm. Nhiên Thùy chỉ lo thân mình. Thùng không ngó ngàng đến chính bản thân, nói gì đến người khác. Đã vậy, gã Tân không bao giờ tâm sự. Hắn là một bí mật tuyệt đối, có là thánh cũng không bước vào bụng hắn được. Cái bề ngoài nhăng nhố của hắn che kín cái bề trong. Hắn nói nhiều, nhưng chuyện vui chuyện buồn lẫn lộn, thật hay xạo ai mà biết được. Hơn nữa, những kẻ nói nhiều thường chỉ bàn về chuyện thiên hạ, hay, khi nói về mình, chỉ đề cập đến những thành tựu và chuyện vui. Không tiết lộ những thất bại hay chuyện buồn.

Có lẽ phải mất nhiều hôm Thùng mới cảm thấy có gì lạ lạ trong những bữa ăn ba người. Chuyện nấu nướng của hắn đang kẹt trong những thói quen, những phản ứng của Nhiên Thùy do đó cũng dễ đoán. Gã Tân nói gì Thùng vẫn không nghe. Nhưng gã nói ít hẳn đi thì Thùng không thể không nhận thấy. Trước đây cũng có lúc chỉ nghe tiếng đũa chén và nhai nuốt của cô gái. Nhưng bây giờ những im lặng dài hơn, và giọng nói gã Tân khác trước, bớt sôi nổi, dần dần có gì như một cố gắng không tự nhiên. Nhiên Thùy thấy chậm hơn, phải đợi đến ngày có cùng một lúc ba thay đổi đáng kể: những món ăn của Thùng ổn định ở chỗ vô vị, mắt quan sát của Thùng rời bỏ nàng, và gã Tân im bặt suốt cả bữa cơm. Đến khi người đàn ông đứng tuổi có những tiếng thở dài vô tình thì Thùng mới thực sự thắc mắc. Hắn để ý có bữa gã Tân không ăn một miếng cơm nào. Im lặng trở thành nặng nề, quấy rầy cả Nhiên Thùy, làm nàng ăn uống không tự nhiên. Rõ ràng là đầu óc gã Tân nằm luôn ở thành phố, không chịu về. Lâu lâu gã chợt tỉnh, nhìn nhanh hai người ngồi cạnh, vẻ mặt vừa ngượng ngùng vừa khó chịu. Gã làu bàu vài câu, và Thùng ngạc nhiên, những câu này không mấy lịch sự. Đến cách ăn nói của gã cũng khác trước!

Nhất định trường hợp của Trương Hoàng Tân cần được tìm hiểu, phân tích cặn kẽ để tìm ra một giải pháp. Thùng bắt được một đề tài mới. Giả thuyết gã Tân có vấn đề sức khỏe, một căn bệnh nào đó trong cơ thể, bị Thùng loại ngay. Có bệnh gì thì đã thấy gã uống thuốc liền, sớm hơn người thường. Không thể lầm, vấn đề ở đây đến từ nội tâm của gã Tân, đâu đó trong tiềm thức hay vô thức của người đàn ông này. Thùng bắt đầu khiêng ra bàn làm việc các cuốn sách về phân tâm học, mời gọi các cụ Freud, Jung, Lacan... đến bàn bạc, cất bước chui vào hang cùng ngõ hẻm của tâm thần con người.

Ngày này qua ngày khác, tính năng động của Trương Hoàng Tân

giảm xuống rõ rệt. Đến cái thành phố cũng không còn thu hút gã như trước. Buổi sáng, khi Nhiên Thùy ở bãi rác về, nắng đã bao phủ khu đất, vậy mà chiếc xe hơi vẫn còn đó. Có buổi chiều, Nhiên Thùy ở nhà Thùng ra, trời chưa tối, đã thấy gã Tân trong hành lang, mặt mày thiểu não. Về sau, giữa ban ngày cô gái có thể bắt gặp gã mở cửa vào nhà. Rồi Trương Hoàng Tân ngừng hẳn lên phố, nằm cả ngày trong nhà. Nhiên Thùy ló đầu vào nhìn, thấy hắn nằm bất động, mắt mở nhưng vô hồn. Vào cuối đêm, khi Nhiên Thùy ra cửa sổ chờ các xe đổ rác, nàng lại thấy trong ánh trăng người đàn ông lang thang ngoài khu đất trống. Chuyện quái lạ, trước đây có bao giờ một hình bóng con người ở lâu trong đầu óc cô gái. Khó tưởng tượng hơn nữa, dần dần người đàn ông ấy trở thành một câu hỏi trong nàng. Một câu hỏi không liên quan gì đến thể xác nàng, cá nhân nàng. Nó còn gợi lên một tình cảm Thùy Nhiên chưa bao giờ có.

Thùng cũng không được yên. Hắn càng đi sâu vào những bí mật thầm kín nhất của con người càng có cảm tưởng mình lạc đề. Hắn không hiểu được hơn đối tượng nghiên cứu, không biết đặt tâm trạng gã Tân vào đâu trong những tiếp cận khoa học của mình. Một chuyện khác làm hắn hoang mang hơn. Có những lúc hắn nghĩ đến gã Tân một cách hoàn toàn không dính dáng gì tới những điều đang đọc.

Hết chuyện lạ này qua chuyện lạ khác. Chàng thanh niên và cô gái đến chỗ cùng nhau bàn về Trương Hoàng Tân !

Nhiên Thùy nói:

- Chú Tân đang đau khổ.
- Mình phải làm một cái gì.
- Thùng hiểu biết rộng hơn Thùy.
- Thùng chịu thua. Không tìm thấy gì trong sách.
- Thùng cố thêm nữa đi. Tình trạng trầm trọng rồi. Thử tưởng tượng, chú Tân hôm trước từ chối cả ngủ với Thùy!

Rồi một đêm, Nhiên Thùy và Thùng giật mình tỉnh dậy vì những tiếng động từ nhà Trương Hoàng Tân. Tiếng kính vỡ, càng lúc càng lớn và liên tục. Khi hai người mở tung cửa nhà gã Tân, họ nhìn thấy một cảnh tượng kinh hoàng. Gã Tân đang lấy hết sức đập nát các chiếc gương. Gã chạy từ chỗ này qua chỗ khác, vung mạnh một thanh sắt dài vào những mặt kính chung quanh. Chúng tan tành, những mảnh vụn tung toé khắp phía, rớt đầy sàn nhà, dính vào mặt mũi tay chân gã, rạch những đường máu đỏ bê bết trên da thịt gã. Đồ đạc cũng đổ ngã, gẫy móp theo. Tất cả

hận thù tụ lại trên khuôn mặt gã đàn ông. Thân gã giựt giựt trong sự lảo đảo. Trương Hoàng Tân không còn sống được với những chiếc gương. Không ai chịu đựng nổi hình ảnh đau khổ của chính mình. Sau tấm gương cuối cùng, gã Tân kiệt sức, ngã quỵ xuống đất. Căn phòng im lặng đột ngột. Chỉ còn tiếng thở hổn hển của người đàn ông ngồi thẫn thờ giữa xác kính. Phải đợi thêm một lúc Thùng và Nhiên Thùy mới đến gần gã Tân. Khi cô gái ngồi hẳn xuống bên cạnh gã, giọng nàng run run "Kìa chú Tân...chú khóc". Nàng đâu nhìn thấy, nước mắt cũng đã chảy trên má nàng từ bao giờ. Thùng không ngừng lay vai gã Tân, hắn nhắc đi nhắc lại "Còn Thùy và cháu bên cạnh chú mà".

Những ngày tiếp theo, chàng thanh niên và cô gái làm một chuyện họ chưa từng làm bao giờ, là chăm sóc một người khác. Những cử chỉ mò mẫm, vụng về của họ lại khiến người đàn ông đứng tuổi xúc động như một đứa trẻ. Ba người cùng khám phá một quan hệ mới giữa họ. Lúc này, những con mắt nhìn thấy nhau, những lời nói tìm gần gủi người đối diện, những suy nghĩ không chỉ quay về chính mình. Con đường dẫn họ đến tình người còn dài. Nhưng dường như tháng ngày đậm nét dần ở mỗi bước xích họ lại gần nhau.

Thời gian thật tài tình, nó xóa được những vết nhàu của một đời người. Trương Hoàng Tân bình thường trở lại. Gã không thay thế những chiếc gương đã bể, sao lãng những tờ giấy bạc treo tường. Bây giờ khi gã lên thành phố, thỉnh thoảng có Thùng hay Nhiên Thùy đi cùng. Thùng đã biết những cuốn sách không đủ cho một cuộc sống. Thùy Nhiên bắt đầu thắc mắc về đồng loại. Tòa nhà đầy im lặng và khu đất mênh mông không hoang vắng như người ta tưởng.❐

Tháng 5 năm 1998
Vũ Hồi Nguyên

Phỏng vấn Trần Hữu Thục

Minh Nguyệt
(Radio Australia)

Minh Nguyệt (MN): *Thưa anh, cách đây mấy năm, người đọc lần lượt được đọc hai tập truyện ngắn của anh,* ***"Vết xước đầu đời"*** *và* ***"Căn phòng thao thức"****, bây giờ lại được đọc tập tiểu luận* ***"Viết và Đọc"****. Chỉ có điều người đọc có thể ngạc nhiên là tại sao khi viết truyện ngắn anh ký là Trần Doãn Nho còn khi viết tiểu luận anh lại ký là Trần Hữu Thục? Tại sao có sự phân biệt như vậy?*

Trần Hữu Thục (THT): Chuyện cũng giản dị thôi, chị Minh Nguyệt à. Cũng là viết cả, nhưng con người sáng tác và con người lý luận về sáng tác, theo tôi, hoàn toàn khác nhau, về cả phương pháp, trạng thái tâm lý cũng như về kỹ thuật. Khi viết truyện, làm thơ, tôi là một con người khác. Khi viết lý luận, tôi là một người khác. Khác đã đành, đôi khi lại còn chống nhau. Bởi thế, khi sáng tác và khi viết lý luận, dường như tôi sống hai trạng thái tâm lý khác nhau, hai thế giới khác nhau, dù vẫn có tương quan với nhau. Điều đó khiến tôi dùng bút hiệu Trần Doãn Nho để ký dưới những truyện ngắn (và thỉnh thoảng, thơ). Bút hiệu này tôi chọn từ khi đăng một truyện ngắn đầu tiên trên tạp chí Văn (Sài Gòn) năm 1968. Các bài lý luận nói chung, trong đó có lý luận văn học, tôi dùng tên thật là Trần Hữu Thục. Tôi muốn độc giả có sự phân biệt như thế khi đọc. Như chị biết, nhiều tác giả cũng dùng hai (có khi ba) tên khác nhau trong các bài viết của mình như nhà văn Võ Phiến, nhà thơ Nguyên Sa, nhà văn Nguyễn Quốc Trụ...

MN: *Như vậy là anh vừa viết truyện vừa viết lý luận từ lâu rồi?*

THT: Trước năm 1975, tôi đã từng viết một số bài phân tích văn học hoặc điểm sách trên một số tạp chí văn học ở Sài Gòn như tờ Văn, Tân Văn và Khởi Hành trong lúc vẫn sáng tác truyện ngắn và... làm thơ. Tôi có ý định tiếp tục viết lý luận như thế, nhưng biến cố năm 1975 đã làm đảo lộn tất cả dự định. Khi còn ở trong nước, sau thời gian ở tù về, tôi vẫn tìm đọc các sách báo về văn học và suy nghĩ về các vấn đề văn học cũng như sáng tác. Tuy không thể viết và không hề viết ra một dòng nào, tôi tích lũy những chất liệu mà mình suy nghĩ với hy vọng có ngày sẽ viết ra được.

MN: *Cái ngày đó chắc là lúc anh rời VN sang định cư tại Hoa Kỳ, phải không ạ?*

THT: Vâng, hy vọng đó thành sự thật khi tôi được ra nước ngoài năm 1993. Hầu hết những truyện ngắn và các bài viết của tôi thời gian qua được hình thành trên những chất liệu tích lũy đó. Nói thế, có nghĩa là tôi đã "chuẩn bị", đã có "chương trình" viết một số bài lý luận trong khi đang sáng tác. Tôi tò mò muốn tìm hiểu tại sao mình viết, viết để làm gì; tóm lại, muốn biết bản chất của việc sáng tác bằng cách "nghiên cứu" kinh nghiệm của chính mình khi viết và khi đọc. Nhưng phải thú nhận một điều, cái kích thích tôi trực tiếp để viết là các bài viết công phu và đầy nhiệt tình của Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Thế Việt, và đặc biệt một số bài viết của Nguyễn Hưng Quốc, kể cả một số các bài tranh luận xoay quanh các bài đó. Lối lập luận cũng như lối viết của Nguyễn Hưng Quốc gây cho tôi một cảm giác ngứa ngáy khó chịu. Vừa thích đọc, lại vừa ấm ức khi đọc. Tức tức. Tôi bị cuốn hút bởi cách lý luận (hay nói đúng hơn là cách viết văn lý luận) của Nguyễn Hưng Quốc, mặc dầu có rất nhiều điều tôi không đồng ý. Cũng cần nói ngay, tôi không có chủ ý viết lý luận để phản bác Nguyễn Hưng Quốc. Cách viết của Nguyễn Hưng Quốc giúp tôi động não và tìm cách viết lên những suy nghĩ mà mình đã tích lũy từ lâu.

MN: *Còn đề tài "Viết và Đọc" thì sao? Đó có phải là những đề tài anh ấp ủ từ lâu hay chỉ hình thành một cách tình cờ?*

THT: Như tôi đã trình bày trong lời tựa, tập sách gồm những bài viết đã đăng rải rác đó đây trong các tạp chí văn học hải ngoại, nên không tập trung hẳn vào một đề tài riêng biệt nào. Tôi tom góp các bài viết và tùy theo nội dung của chúng, tôi xếp một số bài vào phần "Viết", bàn về những vấn đề liên hệ đến việc viết như: vấn đề hư cấu, vai trò của tâm

thức, vấn đề cái mới, quá trình xây dựng nhân vật, vai trò của kinh nghiệm và tri thức... Các bài khác tôi xếp vào phần "Đọc". Đó là những bài phân tích một số tác giả và/hay tác phẩm tôi đã đọc như Võ Phiến, Khoa Hữu, Hàn Ốc, Bùi Giáng, Hoàng Xuân Sơn. Ngoài ra, tôi thêm phần III như là phần phụ lục, trong đó, tôi ghi lại nguyên văn hai cuộc phỏng vấn với hai tác giả Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác về vấn đề sáng tác với mục đích muốn "chôm" những kinh nghiệm và quan niệm của hai nhà văn này để làm sáng tỏ thêm những nhận định của mình trong phần bàn về việc Viết.

MN: *Như vậy, tuy gọi là "Viết và Đọc", nhưng phần quan trọng nhất là phần "Viết" phải không, thưa anh? Hẳn nhiên đó cũng là vấn đề mà nhiều nhà văn khác quan tâm; chính nhà văn Võ Phiến cách đây mấy năm cũng đã cho xuất bản một cuốn sách nhan đề là "Sống và Viết". Không biết khi nhìn vấn đề "Viết", anh tập trung vào những khía cạnh nào?*

THT: Tôi tập trung vào một số khía cạnh chính: Cội nguồn của mọi hành vi sáng tác văn chương xuất phát từ cơ cấu tâm thức con người trong một giao tiếp thường xuyên với hiện thực ngoại giới. Tâm thức tiếp nhận những chi tiết ngoại giới, tổng hợp chúng và biến chúng thành những hình ảnh, biểu tượng, ý niệm để rồi tái tạo chúng thành ngôn ngữ nhằm chuyển tải đến người khác. Bởi thế, một tác phẩm văn chương không bao giờ có thể phản ảnh một cách hoàn toàn hiện thực ngoại giới và đồng thời cũng không thể tách rời hiện thực ngoại giới. Sáng tác một tác phẩm văn chương, do đó, đòi hỏi một sự tiếp cận với hiện thực, khám phá những ý nghĩa ẩn giấu của hiện thực, rồi tách khỏi hiện thực, chế biến thành những chi tiết mà tôi gọi là "hiện thực nhiễm tâm" hay hiện thực được "tâm thức hóa", để từ đó sáng tạo ra tác phẩm. Nói một cách khác, nội dung của một tác phẩm văn chương chứa đựng một thứ hiện thực đã được sàng lọc qua bộ máy tâm lý của chủ thể sáng tác. Tôi hiểu hai chữ "hư cấu" từ điểm căn bản này. Không phải một nhà văn hay nhà thơ, khi sáng tác, có quyền hư cấu hay không hư cấu, nghĩa là anh ta có quyền chọn giữa hư cấu và hiện thực. Sáng tác, trong bản chất, chứa đựng tính hư cấu. Chỉ có khác nhau ở mức độ hư cấu, cách hư cấu mà thôi. Vì cái mà ta tưởng là hiện thực trong văn chương, thực ra, vốn dĩ đã mang tính hư cấu rồi.

MN: *Có lẽ vì vậy mà trong tiếng Anh, người ta dùng chữ fiction vừa trong nghĩa là giả tưởng vừa trong nghĩa là tiểu thuyết, là truyện, phải không anh? Nhưng từ luận điểm cho văn chương mang tính chất hư cấu từ trong bản chất, anh muốn đi đến kết luận gì?*

THT: TRong văn chương, khó có một kết luận nào dứt khoát. Tôi cho rằng, vì bản chất của văn chương là hư cấu, cho nên thưởng thức một tác phẩm văn chương, không phải là tìm cách hiểu tác giả muốn nói gì, hiện thực trong tác phẩm đó như thế nào, có phản ánh đúng hiện thực hay không, mà là một quá trình tiếp nhận các hình ảnh, biểu tượng, ý niệm mà tác phẩm gợi ra trong chính tâm thức người đọc. Mỗi một độc giả có một cách tiếp nhận riêng và mỗi lần đọc, người ta lại kinh qua một tiếp nhận khác nhau. Do đó, cái gọi là hiện thực ngoại giới nguyên thủy không bao giờ là chính nó sau một quá trình chuyển biến rất phức tạp từ ngoại giới đến tâm thức tác giả, qua tác phẩm và đạt đến người đọc. Đó là một quá trình động.

MN: *Khi nãy anh có dùng khái niệm "hiện thực nhiễm tâm". Khái niệm ấy hình như khá lạ, anh có thể giải thích thêm một chút được không anh?*

THT: "Hiện thực nhiễm tâm" là hiện thực đã bị tâm biến ra các khái niệm, biểu tượng, hình ảnh. Tôi còn dùng một từ khác, đó là "hiện thực tâm thức hoá". Tôi lấy một ví dụ: nhân vật. Nhân vật, một trong những thành tố vô cùng quan trọng của tiểu thuyết, không hề là một cái gì có thật, nghĩa là một nhân vật có thật ngoài đời. Một nhân vật A có nghĩa là ý niệm về nhân vật A, hoặc là hình ảnh về nhân vật A, hoặc là biểu tượng về nhân vật A. Cốt truyện và các chi tiết khác cũng thế. Thay vì dùng một hình ảnh nào đó, một ý niệm nào đó, nhà văn sáng tạo ra một nhân vật hay một cốt truyện. Nói rộng ra, một nhân vật là một thân phận. Bởi vậy, dù hết sức cố gắng, người ta vẫn không thể loại trừ nhân vật ra khỏi tiểu thuyết. Nhân vật không hề chết, không thể chết.

MN: *Trong cách định nghĩa khái niệm "hiện thực nhiễm tâm" của anh thấp thoáng có ý muốn nhấn mạnh đến sự lao động trí tuệ của nhà văn phải không ạ?*

THT: Vâng, theo tôi, sáng tạo văn chương không chỉ thuần nhờ vào cảm xúc, tưởng tượng mà đòi hỏi một nỗ lực tích cực của tư duy. Sáng tác là lý tính hóa những chi tiết cảm tính, nghĩa là dùng tư duy để tổng hợp những chi tiết cảm tính vào một chỉnh thể, một cấu trúc hoàn chỉnh nào đó, gọi la ợtác phẩm nghệ thuật. Đi xa hơn, tôi cho rằng kinh nghiệm là cần, cảm xúc là cần, nhưng tri thức lại cũng vô cùng cần thiết trong việc sáng tạo văn chương, nhất là trong những tác phẩm có tầm vóc, những tác

phẩm lớn.

MN: *Theo anh, những tác phẩm lớn ấy có cần phải mới không?*

THT: Cần chứ. Vì sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương là một quá trình động, một quá trình mở, luôn luôn thiếu, không bao giờ tự hoàn hảo với chính nó, nên văn chương luôn luôn cần được làm mới lại bằng cách này hoặc cách khác. Làm mới ở đây không phải là bỏ thêm cái gì vào văn chương, mà là thay đổi cách diễn đạt những nội dung tâm thức trong một nỗ lực phản ảnh hiện thực tâm giới và ngoại giới. Nhưng tôi cho rằng, đó là một nỗ lực tuyệt vọng, vì ngôn ngữ - dụng cụ của văn chương - không bao giờ vươn tới được hiện thực tự nó, nghĩa là hiện thực "như nó là". Như vậy, nỗ lực làm mới văn chương luôn luôn cần thiết, luôn luôn có và... luôn luôn thất bại. Nhưng chính sự thất bại đó, trong bản thân nó, lại mang ý nghĩa tích cực nhất của sự đổi mới trong văn chương.

MN: *Anh lý luận về văn học một cách suông sẻ như vậy, chắc là anh đọc nhiều sách lý luận về lãnh vực này lắm. Anh có thể cho biết một số nhận xét tổng quát về ngành lý luận văn học Việt Nam được không, thưa anh?*

THT: Thú thật với chị, do nhiều điều kiện không mấy thuận lợi về cuộc sống cũng như về thời gian từ sau 1975 cũng như từ khi sang định cư tại Hoa Kỳ, tôi không có cơ hội đọc được nhiều tác phẩm lý luận văn học Việt Nam và nước ngoài. Đọc ít thì khó mà có được một nhận thức chính xác.

MN: *Đã đành là khó, nhưng chắc anh sẽ cố gắng cho một vài nhận xét chứ?*

THT: Vâng, xin rán chìu ý chị. Qua những gì đọc được, tôi có một số nhận xét tổng quát như sau:

* So với sự phát triển của văn học Việt Nam nói chung, thì ngành lý luận văn học Việt Nam phát triển chậm, không đều và hầu như không hay chưa có ảnh hưởng tích cực bao nhiêu trong môi trường sáng tác.Trước năm 1975, ở miền Nam, trừ những bài điểm sách và một số những tiểu luận tùy hứng, số lượng các tác phẩm chuyên về lý luận văn học hẳn hoi quả là quá hiếm. Ở miền Bắc, tình trạng chung cũng chẳng có gì khá hơn và còn tệ hơn nữa vì toàn bộ nền văn học lệ thuộc vào chính trị, phục vụ cho chính trị. Lý luận văn học trở thành lý luận chính trị. Tình hình hiện

nay ở trong nước tuy có khá hơn với sự xuất hiện của một số khá nhiều cây bút lý luận văn học có khả năng, nhiệt tình, chịu khó, nhưng rõ ràng họ vẫn còn bị kẹt cứng trong cái thế giằng co giữa văn học và chính trị, giữa đòi hỏi tồn tại và đòi hỏi tự do, cho nên nỗ lực vùng vẫy cố thoát ra khỏi sự kềm chế của chính trị dường như vẫn là nỗ lực chính của một số nhà lý luận có lòng. Do đó, các bài lý luận vẫn không ít thì nhiều mang đậm mùi chính trị, trong lúc có vẻ như đang chỉ nói về văn học. Tình hình ở hải ngoại khá hơn về điểm này, nhưng khổ nỗi, do điều kiện đặc thù của nó, sáng tác thì cứ theo đường sáng tác, lý luận theo đường lý luận, ai lo việc nấy, chẳng ai thực sự cần đến ai. Nói cho cùng, đó có lẽ cũng là tình trạng chung của văn học Việt Nam từ trước đến nay.

* Ảnh hưởng của các trào lưu lý luận tây phương vẫn tác động mạnh mẽ lên các công trình lý luận Việt nam, trong cũng như ngoài nước, chuyên nghiệp cũng như tài tử. Chúng ta vẫn hăm hở, nồng nhiệt tiếp đón, tiếp thu các lý luận đó. Sách báo phương tây vẫn là nguồn tài liệu tham khảo chính, đáng tin cậy và mang lại độ tin cậy cho độc giả. Chung cục vẫn là "cũ người, mới ta".

* Các nhà lý luận văn học Việt Nam chưa thuyết phục được những người sáng tác và độc giả về sự cần thiết của ngành lý luận văn học. Vô số tác giả vẫn còn khá dị ứng với lý luận văn học, vẫn cho lý luận văn học là thứ "ăn theo", "ăn có", không có ích lợi gì cụ thể. Còn độc giả thuần túy lại còn mơ màng hơn về các lý luận văn học. Có nhà văn còn phát biểu (trong chỗ riêng tư): "Không có lý luận văn học, không chừng nền văn học Việt Nam sẽ khá hơn". Những bài điểm sách mà mục đích chính là tâng bốc lẫn nhau của các nhà gọi là "phê bình" càng làm cho cái cảm giác đó mạnh hơn nữa. Hình như người ta thực sự cần những nhà "phê bình" kiểu điểm sách đó hơn là các nhà lý luận văn học thực sự, vì chí ít, nó cũng làm được một điều có ý nghĩa, ấy là quảng cáo.

* Nói thế, nhưng tôi vẫn có cái nhìn lạc quan về tình hình lý luận văn học hiện nay, nhất là ở hải ngoại. Tôi vui mừng nhận thấy, ngoài cây bút kỳ cựu Đặng Tiến, văn học hải ngoại xuất hiện những cây bút lý luận văn học khá chuyên nghiệp như Thụy Khuê, Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Thế Việt, Hoàng Ngọc Tuấn. Đó là những cây bút lý luận vững vàng, chuyên sâu, nhiệt tình, có lòng với văn học nước nhà, chịu khó nghiên cứu tìm tòi và kích thích sự tìm tòi nơi người khác; đã thế, hầu hết lại còn trẻ, có căn bản học vấn, có môi trường thuận lợi trong việc nghiên cứu vì được tiếp cận thường xuyên và dễ dàng với văn học cũng như lý luận văn học phương tây. Cũng phải kể thêm vào đó, Nguyễn Quốc Trụ và Phạm Thị Hoài. Phạm Thị Hoài, tuy là nhà văn và hình như

không có ý định trở thành một nhà phê bình, đã có những bài viết rất sắc sảo về văn học, lại độc đáo và có nhiều khám phá mới trong sáng tác. Còn Nguyễn Quốc Trụ, qua những bài tạp ghi, dù ý tưởng còn phân tán, rõ ràng đóng góp rất nhiều trong kho tàng lý luận văn học Việt Nam.

MN: *Xin trở lại với trường hợp của anh. Anh có nghĩ là những tìm tòi về lý thuyết văn học của cây bút tiểu luận Trần Hữu Thục có ảnh hưởng đến cây bút viết truyện ngắn Trần Doãn Nho hay không? Nếu có, những ảnh hưởng ấy cụ thể ra sao?*

THT: Trước hết, xin nói ngay rằng, tôi không có ý định tìm tòi một lý thuyết nào về văn học. Tôi không thích lập thuyết. Vì thực ra, tôi không có khả năng và cũng không có ý định trở thành một nhà lý luận văn học chuyên nghiệp. Như đã nói ở trên, tôi viết một số bài lý luận chỉ vì tò mò muốn tìm hiểu về việc viết lách, trước hết bằng sự phân tích chính kinh nghiệm của mình, và sau đó phân tích phương cách sáng tác của nhiều tác giả khác. Tôi chỉ muốn biết cái hành vi sáng tác nó như thế nào, nghĩa là tìm hiểu bản chất của nó, tính cách của nó. Thành thử, những bài gọi là lý luận văn học của tôi, nói cho cùng, chỉ là viết lại cái người ta đã viết rồi theo cách của tôi. Dù đôi khi, vì quá đà, có vẻ như tôi muốn "lập thuyết". Dù vậy, ảnh hưởng của Trần Hữu Thục chắc chắn là có trên Trần Doãn Nho. Ảnh hưởng cụ thể , trực tiếp nhất là sau khi viết một bài tiểu luận văn học, tôi phải mất một thời gian nào đó để con người lý luận tan biến đi thì mới sáng tác được. Vì trong thời gian đó, đầu óc dường như bị lý luận chiếm lĩnh. Tôi bị gò bó trong các lập luận của mình, tìm cách tránh mâu thuẫn, hoặc tìm tài liệu để chứng minh... Tôi mất khả năng tưởng tượng, thiếu cảm xúc, đầu óc miên man trong những chuỗi từ ngữ và lý đoán. Hầu như suốt cả nửa năm rồi tôi không sáng tác được gì chỉ vì bị lặn sâu trong vòng lý luận. Còn ảnh hưởng trên kỹ thuật sáng tác, nội dung sáng tác thì thú thật tôi không tự mình nhìn rõ. Cái này đòi hỏi phải có cái nhìn khách quan từ bên ngoài. Tuy nhiên, tôi nhận thấy ngay là, truyện của tôi dường như trở nên khô khan hơn, thiếu cảm xúc, phảng phất "mùi luận lý". Chất sống, chất cảm hứng mờ nhạt. Có độc giả nhận xét rằng tập "Căn Phòng Thao Thức" khô hơn, ít tình cảm hơn "Vết Xước Đầu Đời". Có lẽ trong thời gian viết những truyện ngắn trong "Căn Phòng Thao Thức", tôi bắt đầu đi vào lãnh vực lý luận chăng? Và tôi tìm cách ứng dụng một cách cứng nhắc một số lý luận của mình vào sáng tác chăng? Tôi đang suy gẫm về điều này.

MN: *Những điều anh vừa kể toàn là những ảnh hưởng tiêu cực cả. Như vậy, theo anh, giữa lý luận, phê bình và sáng tác văn học có quan hệ ra sao?*

THT: Vâng, có phần tiêu cực như chị nói, nhưng đó là trường hợp của một người vừa sáng tác, lại vừa muốn lý luận về sáng tác. Trong hầu hết các trường hợp khác, nhà văn, nhà thơ thì sáng tác còn nhà lý luận thì lý luận. Một số nhà văn cho rằng họ viết theo cảm hứng, cảm xúc, không cần đến bất cứ một thứ lý luận thẩm mỹ nào. Thực ra, nhà văn, nhà thơ nào cũng sáng tác theo một "lý thuyết" mà họ không nhận ra hoặc không lưu tâm tới. Họ không thể thả trôi ngòi bút của mình, đến đâu hay đến đấy, để hình thành một tác phẩm. Dù có lệ thuộc vào cảm hứng hay cảm xúc tới đâu, không nhà văn nhà thơ nào không có những "dự phóng" về tác phẩm mà mình sắp hình thành. Có thể rồi dự phóng thay đổi theo giòng cảm xúc, theo trí tưởng tượng... nhưng không thể bắt đầu từ chỗ không có gì. Nhà văn phải chọn một lối sáng tác, chọn một nội dung, để nói lên một cái gì đó mà mình quan tâm. Họ cảm thấy họ nên viết như thế này chứ không thể viết như thế kia. Nhân vật phải như thế này chứ không thể như thế kia mới nói lên được cái họ muốn nói. Người ta không chỉ viết để không nói một cái gì cả. Tóm lại, tôi cho rằng nhà văn, nhà thơ nào cũng có một "lý thuyết" căn bản khá ổn định trước khi cầm bút viết. Họ lý luận về sáng tác mà họ không nhận ra, hoặc không đào sâu lý luận của mình.

MN: *Nếu nhà văn nào cũng có sẵn một "lý thuyết" về văn học thì vai trò của những nhà lý luận văn học chuyên nghiệp là gì, thưa anh?*

THT: Những nhà lý luận sẽ phát triển những lập luận đó của nhà văn, nhà thơ, biến nó thành lý thuyết về văn học, rồi đặt cho nó một cái tên chẳng hạn.Vấn đề là, khi trở thành một lý thuyết, nghĩa là một hệ thống những lập luận thì nó không có chỗ cho những lý thuyết và các lập luận khác,không có chỗ cho những gì chưa được chấp nhận, xen vào. Chính bắt đầu từ đây mà nhà lý luận bước ra khỏi "đất mẹ" của lý thuyết là tâm thức toàn diện của nhà văn trong đó gồm có óc tưởng tượng, cảm xúc, cảm hứng, trực giác và nhiều điều phản lý luận khác can thiệp trong quá trình sáng tác. Nằm ngoài đất mẹ, nên các nhà lý luận tìm thấy vô số điều mà họ cho là khập khiễng trong các sáng tác. Dưới nhãn quan của một lý thuyết, họ săm soi câu, chữ, quan điểm, cấu trúc... của một sáng tác xem thử chúng có đáp ứng đúng với một số tiêu chuẩn nào đó hay không.

Và họ bắt đầu áp đặt quan điểm của mình lên cách sáng tác và cách đánh giá các sáng tác.

MN: *Nghe anh nói, người ta có cảm tưởng quan hệ giữa lý luận, phê bình và sáng tác hình như không được êm thắm lắm, phải không anh?*

THT: Có thể gọi quan hệ giữa lý luận phê bình vàsáng tác văn học là một quan hệ thuộc loại "già nhân ngãi, non vợ chồng". Đó là một quan hệ luôn luôn bất ổn, vừa cần nhau vừa chống nhau. Sáng tác văn học thì động, mà lý thuyết văn học lại có xu hướng tĩnh. Nhà phê bình lên tiếng bảo ban, chỉ vẽ các nhà sáng tác rằng: anh nên sáng tác như thế này, như thế kia mới đạt được tiêu chuẩn thẩm mỹ, mới hay, mới sáng tạo. Còn các nhà sáng tác thì bảo rằng những nhà phê bình là những người thất bại trong sáng tác. Thực ra, như ta biết, hễ lý luận đi vào thì cảm xúc, tưởng tượng đi ra. Nếu anh sáng tác một bài thơ, một nhân vật theo một "khuôn vàng thước ngọc" nào đó, thì bài thơ lập tức trở thành một bài nghị luận. Anh phải bỏ đi nhiều thứ để cho phù hợp với lý thuyết. Trong lúc đó, một nhà phê bình, nếu để cho cảm xúc xen vào, thì lập luận sẽ lỏng chỏng, mâu thuẫn, đầu một đường đuôi một nẻo, thiếu tính thuyết phục. Phê bình và sáng tác là hai người bạn đường bị xiềng vào nhau. Họ dựa vào nhau để sống, nhưng không hề chịu nhau, ưa nhau. Điều đó giải thích tại sao một nhà phê bình thường khó có thể sáng tác được và nếu có sáng tác thì lại không thể đáp ứng ngay chính những đòi hỏi mà mình đề ra khi phê phán. Đó là kinh nghiệm của chính tôi khi vừa sáng tác trong lúc vẫn muốn lý luận về sáng tác, đặt tiêu chuẩn cho sáng tác. Có thể điều hòa được điều đó không, tôi không biết được. Nhưng chắc chắn là không dễ tí nào. Mặt khác, một người sáng tác, tự mình, không thể phát hiện ra hết cái hay của chính mình, hoặc cái hay của những nhà văn khác, nếu không có nhà phê bình. Tính cách thẩm mỹ của một sáng tác, tính bất hủ của một sáng tác không phải vì nó hay một cách chung chung, mà là hay như thế nào, cấu trúc của nó như thế nào, phương pháp của nó như thế nào. Không có những nhà phê bình thì ta vẫn có những tác phẩm, nhưng có lẽ không có một nền văn học đúng nghĩa như ta mong muốn. Tôi không thực sự tin rằng một sự phát triển về ngành lý luận văn học tất yếu sẽ đẩy một nền văn học đi lên, nghĩa là thúc đẩy sự sáng tác đạt tầm mức cao hơn, có chất lượng hơn, phong phú hơn. Nhưng nếu không có nó thì chắc chắn một nền văn học sẽ vô cùng khập khiễng. Vấn đề là nhà văn phải biết mình ở đâu, và nhà phê bình ở đâu. Một công trình lý luận văn học hay chỉ giúp cho độc giả và người sáng tác hiểu sâu thêm tác phẩm, ưu khuyết điểm của nó và không hề khiến cho nhà văn viết được hay hơn. Và

nhà văn, nhà thơ không nên quên rằng, luôn luôn lẩn quất sau các sáng tác của mình là hình bóng của một nhà lý luận nào đó, tuy làm phiền mình thật, nhưng thiếu nó, có phần chắc là mình khó thể trở thành nhà văn, nhà thơ thực sự.

MN: *Xin hỏi câu cuối cùng là sắp tới, anh dự định tiếp tục viết về lý luận hay sẽ quay lại viết truyện ngắn?*

THT: Tôi sẽ sáng tác. Trước mặt là hoàn thành tập truyện dài đang viết dang dở, chuẩn bị in một tập ký và tiếp tục viết truyện ngắn. Dù còn nhiều điều về kinh nghiệm sáng tác và thưởng ngoạn văn chương chưa được đề cập tới, tôi thực sự muốn tạm dừng viết lý luận vào thời gian này, để tập trung vào sáng tác.

MN: *Xin cám ơn anh Trần Hữu Thục.*

Đã phát hành:

Trong
Mê Cung

Truyện ngắn
Nguyễn Trung Hối

Tựa Trần Hồng Châu
Thơ cảm đề Hồng Khắc Kim Mai
Bạt Nguyễn Mộng Giác

Tạp chí Văn Học xuất bản
Văn Nghệ phát hành
Sách dày 260 trang. Giá 13 Mỹ kim

Đọc Trong Mê Cung*

Trần Hồng Châu

Đọc xong tập truyện ngắn *Trong Mê Cung*, tôi bâng khuâng nghĩ đến sự phân biệt, không hẳn là thỏa đáng, giữa hai loại tác giả. Một bên là những người ưa cuộn tròn trong bản ngã, trong cuộc đời mình và kỷ niệm vui buồn đã sống qua, nghiêng nhiều về hình thái tự truyện, dù nhân vật chính mang một tên khác. Nguồn suối vô tận, chất dưỡng khí cần thiết cho tác phẩm là ở đây. Đúng như Chateaubriand từng nói: "Thiên tài là kết hợp những kỷ niệm." Ngược lại, rất nhiều nhà văn tìm cách nén cái tôi xuống, ít sử dụng kỷ niệm, cố gắng bước hẳn ra ngoài bản ngã để tạo dựng những con người khác mình, không phải là mình, di động trong một vũ trụ không phải là ngoại cảnh thân quen. Đây là thế giới của tưởng tượng, của khả năng hư cấu, hầu thể hiện một nhân vật, một khung cảnh không phải là mình hay của mình, một cái gì rất tha nhân, phi ngã, cách biệt, khách thể thay vì chủ thể, cho nên toàn bộ tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch bản thường được xếp trong mục *fiction*, giả tưởng, hư cấu.

Thực ra sự phân chia lưỡng cực này, phần nào ước lệ, chỉ tiện cho nhà văn học sử sắp xếp và phân loại thôi. Vì có tự truyện nào, kỷ niệm nào mà không nhờ tưởng tượng, vốn là thi vị và vạn năng, chuyển hóa, mài dũa, trau chuốt thành tác phẩm văn nghệ. Ngược lại, có sự đào thoát nào ra ngoài bản ngã mà hoàn toàn, trọn vẹn đâu. Các sách giáo khoa tâm lý, ngay từ thời trung học, đã dạy chúng ta rằng tưởng tượng chung cuộc cũng cất cánh, thoát thai từ thực tiễn. Tưởng tượng không đi từ số không mà là kết hợp của từng mảnh vụn thực tiễn được tái tạo từ cái đã thấy, đã nghe, đã nếm, ngửi. Ở cả hai loại tác giả, cuối cùng, tưởng tượng và thực tiễn đều hiện diện, dựa dẫn vào nhau, chỉ khác ở liều lượng, ở cấp độ mỗi tố chất.

Để thỏa mãn các nhà phê bình ưa sắp đặt "chủng loại", tôi tưởng có

thể tạm xếp Nguyễn Trung Hối ngồi chung với những tác giả thường xuyên đi ra ngoài bản ngã, nhập vào thịt da người khác, thổi sinh khí vào những nhân vật hoàn toàn khác mình. Nói thế để nhấn mạnh khả năng hư cấu của tác giả, điều kiện không thể thiếu vắng nơi người viết truyện ngắn, truyện dài.

Tôi biết tác giả *Trong mê cung* từ ngày ông còn là sinh viên Đại học Văn khoa Saigon, đường Cường Để. Trong sân trường và lớp học, ông là một "bạch diện thư sinh", nho nhã, điềm đạm, rất Khổng Mạnh. Dáng dấp từ tốn, cẩn trọng. Cái khiêm cung sâu lắng của chàng trai miền Trung, cộng thêm cái thi lễ, nền nếp, của những gia đình cổ đất Thuận Hóa. Từ nhiều năm, ông đã khăn gói gió đưa, mang bút mực đi khắp các miền Quảng Nam, Bình Định, và Saigon làm người thầy reo rắc hạt giống Văn khoa...vạn sự khởi ư văn. Rồi thời cuộc đến, đẩy đưa nhà mô phạm Nguyễn Trung Hối vào một bến bờ lưu vong, một xã hội hoàn toàn khác biệt với cửa Khổng, sân Trình. Một xã hội hình như phần nào thiếu cái tế nhị dịu dàng, cái nhân nhượng lễ độ vẫn quen gặp ở quê nhà. Một xã hội với dòng thời gian không trôi chậm chạp, lãng đãng như trên bờ sông Hương. Một xã hội trong đó thần Dollar ngự trị và anh hùng, thần tượng là những chàng trai não bộ nhỏ bé nhưng vai u thịt bắp nổi bật trên thao trường, hay những người đàn bà đẹp rực rỡ, nhưng tình cảm và đạo đức thì mỏng như que tăm. Nhà văn là người tạo ra một khung cảnh, một khí hậu vật chất và tinh thần sống động. Là một thượng đế trong ngày tạo thiên lập địa sơ khai, mọi vật mới tinh, vừa ra lò từ cõi uyên nguyên, sâu thẳm. Khẩu hiệu thông thường của người viết là "Hãy cho tôi hai con người, một nam một nữ và một khoảng thời gian dàn trải trên một không gian nào đó, tôi sẽ tạo nên một cốt truyện, một bản song ca, hai cuộc đời quấn quít lấy nhau, tháo tung ra rồi lại bện vào, như tấm vải dệt của Pénélope xưa, như những thăng trầm, nụ cười nước mắt, trong cuộc đời muôn mặt".

Nguyễn Trung Hối đã có phần nào khả năng như vậy. Gần như toàn thể truyện ngắn trong tập phác họa lại những mảnh đời Việt Nam được thời cuộc ném lên dải đất Mỹ xa lạ này. Thoạt đầu ta có thể tưởng là ông sẽ đề cập tới nếp sống vất vả đầy hy sinh, nhẫn nại, điểm thêm chút mặc cảm người tỵ nạn trong những đợt sóng giao lưu văn hóa nhiều khi dâng cao, cuốn hút đi từng cuộc đời nhỏ bé. Cuộc đời của đại đa số người Việt ly hương chúng ta thường gặp ở Little Saigon, ở Lion Plaza San Jose, hay Arlington Virginia...Nhưng không, ông nhìn về phía khác. Rất thoải mái trong một xã hội người Việt ít ỏi, hình như đi trước thời đại, đã Mỹ hóa sâu sắc, phần lớn thuộc tầng lớp "thượng lưu", giầu sang, có văn hóa và cá tính mạnh, với những phản ứng, hành xử, sở thích, lời ăn tiếng nói như

người Mỹ. Quần áo Calvin Klein, Ralph Lauren, làm việc chuyên môn ở những bệnh viện lớn, trong ban điều hành Wells Fargo, học ở Harvard, Berkeley..., xe hơi Mercedes, Lexus, Corvette..., nước hoa Obsession, tiếng hát Elton John, Jennifer Paige... Sống nhiều (bằng kỷ niệm của nhân vật, không phải của tác giả), yêu nhau, dù hồn nhiên hay vũ bão, định mệnh, đều gạt bỏ mọi chướng ngại vật. Xã hội thiểu số, "tinh hoa" này hầu như gồm toàn những nhân vật mà hiện nay, ở cuối thiên niên, ta có thể coi như đứng ngoài lề, vượt đường biên. Những người Việt Nam biên tế, đứng trên, hay bên kia ranh giới. Không phải cái hiện thực, nhân sinh, hàng ngày của người Việt lưu vong trung bình. Biên tế, hay nói một cách khác, như một vision, một viễn ảnh, một khả dĩ, một dự phóng vươn tới một bộ phận người Việt hải ngoại trong tương lai, thế hệ thứ hai, thứ ba, nisei, sansei... khi nền văn hóa bản xứ đã dần dần thấm sâu vào đầu óc con cháu những người di cư lớp đầu. Tuy nhiên, tôi nghĩ quan sát, sao chép hiện thực cõi nhân sinh của cái diaspora Việt Nam hôm nay hay hư cấu thật nhiều như một dự phóng tương lai, sự sai biệt giữa hai thái độ đó không quan trọng. Chúng ta đang ở địa hạt nghệ thuật, nơi mà mỗi thí nghiệm đều được phép, thì chỉ cần ước lượng xem tác giả đã thành công tới mức nào trong quan niệm, trong lựa chọn đối tượng của mình.

Có thể nói ngay là Nguyễn Trung Hối không làm chúng ta thất vọng. Ông có cốt cách một nhà văn kinh nghiệm đầy mình, mặc dầu chưa xuất bản bao nhiêu, chưa trình làng nhiều lần. Cảm tưởng là ông viết tương đối dễ dàng và rất thoải mái với những tâm lý phức tạp, không hoàn toàn giống cái hiện thực ông đang sống, nhưng vẫn là thực, có thể xuất hiện, và khả tín. Vì, đi đến cùng cực ta có thể nói thế giới quỉ mị của Bồ Tùng Linh hay thế giới thần tiên của Anderson cũng có cái thực của chúng nếu nhìn từ một góc độ hoàn toàn nghệ thuật. *Địa đàng bình an, Sinh nhật trắng, Trong mê cung, Khi lá rừng phong*...Nhân vật của ông nhiều khi bất định, chênh vênh, nhưng cuộc sống là thế đó, cuộc sống có nhiều biến dịch, có một liều lượng bí huyền không thể hiểu nào đó. Nhiều khi họ thích sống mãnh liệt, sống nguy hiểm, xa rời cái hạnh phúc "chắc ăn", đóng khuôn, bình dị của người bình thường. Có lúc thật sáng suốt, có lúc mù mờ như đi trong đêm. Rõ ràng là có nhuộm một chút mầu sắc hiện sinh, nếu chúng ta hiểu từ triết học đó theo nghĩa phổ thông và áp dụng văn nghệ của nó. Tác giả đã lớn lên và khởi đầu viết vào thập niên 60, khi chiến tranh Việt Nam đang ở cường độ cao và triết thuyết hiện sinh đang ngự trị trong Đại học và các thành phố lớn. Những con người yêu đương da diết, mộng mơ, nhiều lúc thác loạn, buông lơi, liều lĩnh. Một pattern, một mô thức hay xuất hiện, trở về đều đều như một điệp khúc là cuộc hội

ngộ người tình xưa. *Một thoáng Bến Tre, Khi lá rừng phong dần đỏ, Mùa hạ ở Annabelle, Dòng sông tuổi thơ...* Hội ngộ với tất cả niềm ngậm ngùi hối tiếc, mời chào, phiêu lưu, để rồi lơ lửng không biết đi về đâu, đôi khi còn vương vấn thêm chút buồn nhẹ của đời lưu vong, đứt rễ, mặc dầu giữa các biến cố tác động lên tâm hồn đã có nhiều khoảng cách nhạt nhòa.

Dĩ nhiên những gặp gỡ, dù duyên mới hay tình xưa, cũng đều đậm nét sắc dục, một thứ sắc dục có lúc đã được chuyển hóa, thăng hoa. Rất xác thịt, ngất ngây, nhưng cũng có thể tâm linh, trancendant..."Anh thích mùi hương của em" (*Sinh nhật trắng*), "mùi con gái ở em, con gái Bến Tre, mùi nước dừa" (*Một thoáng Bến Tre*). Mùi tóc, mùi chiếc áo lót như với Thị Bằng, với Thu Bướm Trắng. Như Mallarmé, tái khám phá ra khứu giác, đã ngụp lặn trong hương tình vì quá quen, quá mệt mỏi, nhàm chán với hình nét, sắc mầu rồi. Người tình cũ xứ dừa, trong dáng ngồi hớ hênh trên giường ngủ, chỉ độc một mảnh wraparound khêu gợi trên mình. Một chị Vi da trắng muốt, cưỡi ngựa đen phi nước kiệu trên bãi sông, làm nhớ đến một Brigitte Bardot trong phim nào đó của Louis Malle. Nữ họa sĩ mùa thu thiếu phụ, hay người con gái mới lớn, soi gương phòng tắm để nước chảy trên mình thành những vùng hải lưu của Nguyên Sa... Tôi nghĩ dục tính có thể là đất dụng võ thành công cho tác giả. Nhờ thẩm quan tinh tế và thông minh, nhờ chất thơ sẵn có của ông mà dục tính đã thăng hoa thành nghệ thuật.

Nguyễn Trung Hối cũng rất thơ và thành công ở một số truyện, như *Dòng sông tuổi thơ* và *Mùa hạ ở Annabelle*, tạo nên một khí hậu tinh thần, một ambiance vừa thực, vừa mơ. Dòng sông là một ngoại lệ vì ở đây cơ bản là dựa lên kỷ niệm bản thân, phần hư cấu chỉ là thứ yếu. Còn Annabelle làm cho những ai từng sống thân quen với Tả ngạn, với miền quê đa diện và tỉnh nhỏ thanh bình, trầm lắng của đất Pháp sẽ bồi hồi ngẩn ngơ như trở về thăm quê cũ. Để có dịp hoài cố nhân, để tìm lại dấu vết tình cảm và tinh thần của một thời hoang dại.

Tác giả đã tạo dựng được một tâm cảnh và, một lần nữa, một climat, một atmosphère. Điều này quan trọng vì, đối với nhiều nhà phê bình, người viết đã có thể tự coi là thành công rồi nếu làm sống lại được một khí hậu nào đó (Francois Mauriac với những rừng thông và buổi chiều oi ả, dông bão miền Landes, song song với những đợt Sturm and Drang trong tâm tư các nhân vật. Thomas Hardy với cuộc đời đầy bi kịch tính của những con người phấn đấu nhiều khi tuyệt vọng trong một thiên nhiên u trầm, khắc khổ, không trắc ẩn, không khoan nhường...). Ông đã đạt với Annabelle, vừa gợi cảm, vừa thơ mộng và điêu luyện. Đáng khen hơn nữa nếu ông chưa từng sống ở Pháp. Một chứng tích về khả năng tạo dựng

hoàn toàn bằng tưởng tượng và hư cấu. Điều làm tôi tâm đắc là sau khi xếp ông vào loại đào thoát khỏi bản thân, khỏi kỷ niệm, coi thường những quan niệm hiện thực thô sơ, hiểu nhân sinh theo một nghĩa chật hẹp, thì đến gần trang chót mới thấy ông phát biểu qua một nhân vật : "Tiểu thuyết là *fiction*, là chuyện tưởng tượng, hư cấu. Có phải là thời của Tắt đèn, của Chí Phèo đâu mà viết kiểu hiện thực phê phán.(Hư cấu) là một cách nguỵ tín để mà sống"(*Trong mê cung*). Đồng ý, nhưng tôi còn muốn đi xa hơn, bao trùm hơn. Về văn học nên quan niệm rộng rãi, đừng cứng nhắc, sẵn sàng chấp nhận những ý kiến dị biệt. Nói quá đi một chút thì: thế nào cũng được miễn là viết hay!

Một yếu tố không thể quên. Ngoài khả năng tưởng tượng, hư cấu, ngoài hiểu biết thấu đáo về tâm lý nhân vật, ngoài sự nắm bắt được cái tế vi của sự vật bằng mẫn cảm và phán xét đúng đắn, tác giả đã tỏ ra già dặn về phương diện kỹ thuật viết truyện. Tác giả là một *professional*, theo nghĩa tốt đẹp của danh từ, mặc dầu chưa xuất bản nhiều. Điều này làm tôi ngạc nhiên. Ông viết có vẻ dễ dàng, tự tin, dày dạn kinh nghiệm và từng trải trong lãnh vực truyện ngắn. Truyện được dàn dựng nhịp nhàng, không khiên cưỡng, các bộ phận được sắp xếp, ráp nối với nhau khá hài hòa. Ngoại cảnh nói chung rất nhẹ nhàng, chỉ một số nét chấm phá để nâng đỡ tâm lý nhân vật, điều quan trọng nhất đối với ông.

Đối thoại, viết có thể coi là đạt, vừa mô tả tâm lý nhân vật, vừa dọn đường cho những hoàn cảnh có kịch tính (tôi nghĩ Nguyễn Trung Hối, ngoài truyện ngắn, truyện dài có thể viết cả kịch bản nữa). Đối thoại chứng tỏ không những bản lĩnh nhân vật mà còn cái duyên dáng, hài hước ý nhị của tác giả, rải rác trong nhiều truyện như *Địa đàng bình an, Một thoáng Bến Tre, Sinh nhật trắng, Khi lá rừng phong*...

Cũng ở phần kỹ thuật người đọc dễ dàng nhận thấy kết cấu nhiều khi lơ lửng, bỏ ngỏ. Để độc giả có thể cộng tác với người viết. Để theo truyền thống Rashomon, gợi ý về tính cách rất tương đối của những nhận định và phán xét, tùy theo vị trí, tùy theo nhãn quan mỗi cá nhân. Để cho thấy bản chất phức tạp của mọi sự vật, mọi sự kiện, của cuộc đời nói chung. Thêm một vài cố gắng đổi mới nữa. Thay thế chàng và nàng đã cũ mòn sau sáu, bảy thập niên, tác giả sử dụng ông và cô ở một số truyện (*Annabelle, Khi lá rừng phong*...) Dù sao đây cũng chỉ là một thử nghiệm, thành công hay không còn tùy theo thời gian và cảm quan của độc giả. Có lúc hình như tác giả cũng áp dụng kỹ thuật chiếu bóng vào truyện ngắn. Đổi bình diện (plans), xáo trộn không gian, thời gian ngay trong một đoạn, di chuyển đột ngột từ không gian này đến không gian khác, từ thời điểm này đến thời điểm khác. Những bình diện đó thỉnh thoảng tiếp cận

xéo nhau (chassé croisé), cho ta cảm giác đây là những biến cố đồng thời, đồng sinh, biến chuyển đồng bộ (simultanéité) như cuộc sống đa diện. Có thể thấy những điểm này trong *Vấn nạn của Bill, Dòng sông tuổi thơ, Một thoáng Bến Tre, Khi lá rừng phong...*

Nguyễn Trung Hối, với tập truyện *Trong mê cung*, đã hoàn thành, không mấy khó khăn, một tác phẩm mang nhiều hứa hẹn cho tương lai sáng tác của ông. Vũ trụ mô tả trong tập truyện không hẳn gần gũi con người trung bình và cốt lõi xã hội tập thể lưu vong Việt Nam hôm nay. Nhưng, như chúng ta đã biết, văn học nghệ thuật không hề chịu bó chặt trong một kiểu mẫu, một đối tượng cố định nào cả. Tác giả đã tự do lựa chọn một kiểu mẫu, một quan niệm văn học. Có thể nói, bằng tâm hồn và kỹ thuật (cái know-how mà hiện nay người ta luôn luôn đòi hỏi), ông đã thành công về nhiều mặt trong lựa chọn của mình. Đó mới là điểm quan trọng.❐

CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC
VÀ NÀNG NẤM MÂY

tác phẩm mới nhất của

phạm thị hoài

Văn Nghệ xuất bản, giá 8 Mỹ kim

Từ những "bi kịch be bé" trong số phận một pho tượng, Phạm thị Hoài viết thành một "hài kịch nhân sinh"; từ một chuyện tưởng là dành cho trẻ con mà thành chuyện người lớn, với tất cả cái thâm trầm nấp đằng sau một thứ ngôn ngữ diễu cợt tinh luyện.

Từ *Thiên Sứ* đến *Man Nương*, rồi *Marie Sến* đến *Di Lặc và nàng Nậm Mây*, mỗi lần Phạm thị Hoài đưa ra một tác phẩm mới là mỗi lần bạn đọc kinh ngạc, khám phá một Phạm thị Hoài khác, một bút pháp khác.

Cái nhất quán trong toàn bộ văn nghiệp của Phạm thị Hoài, có lẽ là sự trân trọng đối với chữ nghĩa, và mối quan tâm của nhà văn đối với mọi sắc thái của "hài kịch nhân sinh"

Tạp Ghi

Thạch Hãn

● Lẳng lặng mà nghe họ chúc nhau!

Tháng Tư vừa qua, nhà văn Tiệp Milan Kundera ăn mừng sinh nhật thứ bảy mươi. Nhân dịp này, nhà văn Mễ Tây Cơ Carlos Fuentes gởi thư chúc mừng, và cũng để đáp lại thư Milan gởi chúc thọ Carlos vào dịp sinh nhật thứ bảy mươi của nhà văn này vào tháng 11 năm ngoái.

Cả Milan Kundera lẫn Carlos Fuentes đều là hai nhà văn lớn, ảnh hưởng rất nhiều đến các nền văn học thế giới, nhất là Âu châu và Châu Mỹ La tinh.

Milan Kundera sinh năm 1929 tại Brno, Cộng hòa Tiệp. Ông theo học ở Prague, sau đó giảng dạy về điện ảnh cho đến khi bị mất việc do cuộc xâm lăng của Nga sô vào năm 1968. Cuốn tiểu thuyết đầu tay, *Zert* (Chuyện tiếu) là một tiểu thuyết châm biếm chế độ chuyên chế kiểu Stalin ở Tiệp. Năm 1975, ông trốn ra sống lưu vong ở Pháp cho đến nay. Ông đã xuất bản 9 cuốn tiểu thuyết, viết bằng tiếng Tiệp Khắc và tiếng Pháp, ba tập thơ và ba vở kịch. Ngoài ra, ông còn có ba tiểu luận viết về nghệ thuật tiểu thuyết.

Carlos Fuentes thì đã ăn mừng sinh nhật thứ bảy mươi của mình vào tháng 11 năm ngoái, khi ông vừa hoàn tất một tác phẩm mới nhất *Los anyos con Laura Diaz* (Những năm sống với Laura Diaz). Ông sinh năm 1928 tại Panama City, nơi thân phụ ông đang phục vụ trong ngành ngoại giao. Ông sáng tác rất đều và đã có tác phẩm dịch ra hơn 20 thứ tiếng. Ông đã từng là đại sứ Mễ tại Pháp, Trung hoa và nhiều quốc gia lớn khác. Chính tại Paris, lúc đang giữ chức vụ Đại sứ, ông kết thân với Milan Kundera và duy trì tình bạn thắm thiết cho đến nay.

Khi hỏi về ý định nghỉ hưu, ông trả lời: "Tôi đoan chắc rằng không

một nhà văn nào cảm thấy hoàn toàn thỏa mãn với cuốn tiểu thuyết vừa mới viết xong cả, bởi vì họ luôn luôn hình dung ra một cuốn tiểu thuyết khác hay hơn nữa kia." Ông còn xác nhận là hiện không có kế hoạch nghỉ hưu cho dù ông đã sáng tác liên tục trong suốt bốn thập niên qua.

Dưới đây là hai bức thư mừng sinh nhật giữa Carlos Fuentes và Milan Kundera, đăng lại trên *Book Review* của nhật báo *The Los Angeles Times*, số ra ngày 25 tháng 4, 1999.

● Thư của Milan Kundera gởi Carlos Fuentes

Carlos thân mến,

Nhân dịp sinh nhật của anh, và cũng là một ngày kỷ niệm cho tôi: ngày chúng ta gặp nhau 30 năm về trước ở Prague. Lúc đó chỉ vài tháng sau ngày Nga đem quân xâm lăng: anh, Julio Cortázar, và Gabriel Garcia Marquez cùng đến bày tỏ mối quan tâm của các anh đối với chúng tôi, những nhà văn Tiệp.

Bảy năm sau, tôi rời Prague sang trú ngụ tại Paris, trong lúc anh đang là Đại sứ Mễ Tây Cơ tại Pháp. Tôi lại có dịp gặp anh, và người tôi gặp lúc đó đúng là một người bạn. Tôi là một kẻ lưu đày trong đau khổ. Anh đã kín đáo giúp đỡ tôi. Anh cũng đã tìm cách giúp đỡ những nhà văn Tiệp khác. Nhiều lần tôi và Vera được làm khách trọ trong sứ quán do anh ưu ái thu xếp cho (ngày đó chúng tôi chưa cư ngụ tại Paris.) Tôi vẫn nhớ trong những buổi điểm tâm, chúng ta mải mê trò chuyện như không bao giờ dứt.

Chính trong thời gian đó tôi đã mang một nỗi ám ảnh về Trung Âu, vì những lý do liên hệ mật thiết đến số phận của tôi (việc Nga sô cưỡng chiếm phần đất đó của Tây phương), nhưng trên hết là do những đặc thù văn hóa của Trung Âu, vốn đã hiện hữu từ thời Trung Cổ. Ý định của tôi tìm hiểu và minh xác lai lịch của vùng đất đó thì lại trùng hợp với sự khám phá của anh và tôi về những nét tương đồng đến kỳ lạ giữa Châu Mỹ La tinh và Trung Âu, hai vùng đất của thế giới còn hằn rất rõ dấu tích của một thời kỳ nghệ thuật hoa mỹ. Một nhà văn mang dấu ấn của một thời nghệ thuật hoa mỹ như thế có nghĩa là nhà văn đó không xa lạ gì với sự tưởng tượng có tính diễm ảo, tuyệt diệu, có khi bi đát. (Nhân thể nói luôn, thứ tưởng tượng đó thì lại hoàn toàn xa lạ đối với người Pháp. Tôi vẫn thường thắc mắc làm sao chủ nghĩa siêu thực lại có thể ra chào đời ở Pháp được. Câu trả lời: Nó ra đời không như là một hình thức nghệ thuật, mà là một ý thức hệ.)

Chúng ta cũng thế, anh và tôi, lại còn tìm thấy thêm một nét tương

đồng nữa giữa hai vùng đất của chúng ta: Trung Âu và châu Mỹ La tinh đóng một vai trò quyết định trong lãnh vực tiểu thuyết thế kỷ 20, thứ tiểu thuyết xuất hiện sau Proust cùng với cái khí hậu nghệ thuật mới của nó. Trước hết, trong các thập niên 1910, 20 và 30 người ta đã thấy xuất hiện một văn đàn ở Âu Châu gồm có Kafka, Musil, Broch và Gombrowicz; sau đó, trong thập niên 1960, lại cũng đã có một văn đàn xuất hiện ở Châu Mỹ La tinh.

Tôi vốn thường bị ảnh hưởng của tấm lòng trung thành của tôi đối với hai thứ: trung thành với nghệ thuật hiện đại và trung thành với tiểu thuyết. Hai thứ lòng trung thành này chưa bao giờ hội tụ, bởi vì những người chủ trương cách tân (nghệ thuật hiện đại nhìn từ quan điểm ý thức hệ) luôn luôn gạt nghệ thuật tiểu thuyết ra ngoài phạm trù của chủ nghĩa hiện đại, xem tiểu thuyết như một hình thức nghệ thuật lỗi thời, một hình thức nghệ thuật chịu chết vì chính cái quy ước, cái khuôn khổ của nó. Về sau, đến thập niên 1950, 1960, khi những người chủ trương cách tân muộn màng muốn gầy dựng một loại tân tiểu thuyết cho mình, họ đã chọn con đường tiêu cực, đưa đến một thứ tiểu thuyết không có nhân vật, không có câu chuyện, và (nếu có thể được) không có luôn cả phép chấm câu. Những tiểu thuyết này đã hãnh diện tự nhận là phản-tiểu thuyết (anti-novels).

Kể cũng lạ. Thi ca hiện đại có bao giờ xem mình là phản-thi ca đâu. Kể từ Beaudelaire, chủ nghĩa hiện đại trong thi ca luôn tìm cách tiếp cận bản chất của thi ca, vốn là nét đặc thù bí mật nhất của nó. Trong nghĩa đó, tôi không xem tân tiểu thuyết là phản-tiểu thuyết, mà là siêu-tiểu thuyết (ultra novel). Siêu-tiểu thuyết đặt trọng tâm vào chính cái điều chỉ có tiểu thuyết mới nói lên được. Siêu-tiểu thuyết làm sống lại những khả dĩ từ lâu vốn bị bỏ quên, những khả dĩ mà tiểu thuyết đã tích lũy được trong hơn bốn thế kỷ trong lịch sử của nó.

Hai mươi lăm năm trước, tôi đã đọc *Terra Nostra*. Tôi đã đọc một cuốn siêu-tiểu thuyết. Cuốn sách của anh là bằng chứng những điều tôi nói đã hiện hữu và có thể hiện hữu. Mười lăm năm sau, tôi lại tìm thấy được nét huyền hoặc tương tự như thế trong *Christopher Unborn*: thể tính hiện đại của tiểu thuyết cùng với tất cả những cái mới vô cùng quyến rũ mà cũng rất ư khó khăn của nó.

Nồng nhiệt mừng bạn, Carlos!
Milan

● Thư của Carlos Fuentes gửi Milan Kundera

Này bạn Milan thân, thế là cả hai ta đã đến tuổi thất thập! Đạt đến số tuổi bảy mươi sao tôi thấy như là một ảo giác, rất đỗi ngạc nhiên. Có lẽ những ký ức của buổi gặp gỡ giữa hai ta vào mùa Xuân 1968 ở Prague vẫn còn mồn một trong tôi. Tôi không thể nào quên được giây phút đó, vừa bi đát mà lại vừa hồ hởi, giờ phút mà sự tự tin về chính trị của hai ta bị đem ra thử thách, lúc mà thực tại thay thế ảo tưởng, và lúc mà dù cho thế nào đi nữa, niềm hy vọng của chúng ta cũng đã không vỡ tan khi phải đối mặt với những sự thờ ơ lạnh nhạt. Năm đó quả là một năm đáng nhớ cho thành phố Prague, Paris và nước Mễ. Ở Tiệp khắc, nỗ lực cao quý tìm cách tạo cho chủ nghĩa xã hội một bộ mặt người đã bị những người cộng sản ở điện Cẩm Linh đập tan một cách thô bạo. Ở Ba Lê, những người trẻ chỉ trích những sai sót của xã hội thời hậu kỹ nghệ, của xã hội tiêu thụ, lên tiếng đòi hỏi rằng "óc tưởng tượng phải nắm quyền." Ở Mễ, cái không khí yên ổn của những người cầm quyền chuyên chính thuộc đảng Nhân Dân Cách Mạng định chế (PRI) đã bị những nhóm người trẻ phá tan, đòi hỏi phải có được trong đời sống những gì họ được dạy ở trường học: tự do, dân chủ và quyền phê bình chế độ.

Tôi đã sống qua một năm sóng gió của thế kỷ đó với anh, Milan, và chúng ta đã san sẻ cho nhau những đắng cay về những gì lúc đó chúng ta cho là những sự thất bại. Thất bại của mùa Xuân ở Prague, do xích sắt xe tăng Nga nghiền nát. Cái thất bại ở Paris vào tháng Năm, do sự toa rập của Đảng Cộng sản Pháp và sự khôn ngoan của tướng de Gaulle. Và sự thất bại của phong trào thanh niên sinh viên Mễ, khi họ bị những họng súng của những người cầm quyền chuyên chính thuộc đảng PRI bắn gục ngay trên các đường phố.

Thế mà ba mươi năm sau, những gì lúc đó tưởng là thất bại, bây giờ lại thấy khác. Dưới những viên đá lót đường ở Paris tuy không có một bãi biển cho quần đổ bộ, mà chủ nghĩa xã hội Pháp đã được Guy Mollet, cùng với vụ việc phiêu lưu Kênh Suez, vực ra khỏi tình trạng bạc nhược. Đảng Cộng sản Pháp mất uy tín, và một thế hệ khác ra đời để ngày hôm nay phê phán những gì chúng ta đang phải sống qua: chủ nghĩa tân Darwin trên toàn cầu. Từ bên dưới vết lăn xích sắt xe tăng Nga ở Prague đã không sản sinh được một chủ nghĩa xã hội có mặt người nào, nhưng Tiệp khắc đã loan báo hồi kết cuộc của đế quốc Sô viết 10 năm sau, cũng như loan báo một khởi đầu mới cho Nga và Trung Âu. Đó không hẳn là một thời đại tốt đẹp gì hơn trước, nhưng mà là một thời đại được xem như kiểu mẫu: sự chấm dứt của chủ nghĩa cộng sản không có nghĩa chấm dứt mọi

bất công, và thắng lợi của nền dân chủ không có nghĩa là thế giới có được hạnh phúc ngay tức khắc. Ở Mễ tây cơ, cuối cùng thì những hy sinh của những người trẻ ở công trường Tam Văn hóa đã đánh dấu một khởi đầu cho sự thoái hóa của đảng PRI chuyên chính và sự khai sinh một nền dân chủ Mễ, một nền dân chủ không chỉ thể hiện qua những chỉ tiêu bầu cử trong các cuộc tranh cử hay tại nghị trường nhưng mà là một nền dân chủ, cùng với tự do, mang lại phúc lợi cho 50 triệu người dân Mễ đang sống trong nghèo khó.

Lúc Julio Cortázar, Gabriel Garcia Marquez và tôi cùng đến Prague năm 1968 để được ở bên cạnh anh, ở bên cạnh niềm hy vọng có được một nền dân chủ ở quý quốc, chúng ta cũng phải cần đến sự hiện diện của cả thiên thần của ảo tưởng lẫn quỷ sứ của chết chóc. Chúng ta đã không thể thấy trước được hết những gì sẽ xảy ra trong ba mươi năm sau. Nhưng giữa những chiến xa Nga ở Tiệp khắc, giữa những thây người trẻ ngã gục ở Tlatelolco, giữa những cảnh sát võ trang dùi cui ở khu Latin thì những gì chúng ta viết ra, Milan thân mến, thật sự đã xác nhận là chúng ta cần có óc tưởng tượng mới có thể thấu hiểu được lịch sử. Vâng, ngôn từ của chúng ta đã khẳng định là văn chương tối cần thiết để duy trì ngôn ngữ và óc tưởng tượng của xã hội, và rằng nếu không có tưởng tượng, không có ngôn ngữ, không một xã hội nào có thể tồn tại. Không có tưởng tượng, không một xã hội nào có thể thoát được vết lăn xích sắt xe tăng Nga, dùi cui cảnh sát Paris hay thảm sát ở Mễ, trong quá khứ; và chắc chắn không một xã hội nào ngày nay có thể thoát khỏi tay những con người máy của xã hội siêu thị, những kẻ đào mồ chôn lịch sử mà mặt lúc nào cũng tươi cười, hay những kẻ buôn bán óc tưởng tượng một cách phi nhân.

Cả anh lẫn tôi, không ai nghĩ rằng một cuốn tiểu thuyết có thể làm thay đổi được chính trị. Nhưng điều chúng ta vững tin là nếu không có tiểu thuyết, thế giới con người nam nữ không những chỉ nghèo kém hơn, mà còn yếu kém hơn trước những trấn áp thường xuyên của quyền lực. Quyền lực chính trị luôn đòi hỏi được tuyệt đối, và nó đã không có được thứ quyền tuyệt đối như thế chỉ vì chúng ta, tất cả chúng ta, đã không để cho việc đó xảy ra. Những nhà văn như anh, như Gyorgy Konrad, như Jerszy Andrejewski, những nhà làm phim, những nhà soạn nhạc, các triết gia của Trung Âu, của các xã hội văn minh Tiệp, Ba Lan, Hung gia lợi, bằng mọi giá, đã giành được cho mình một chút tự do dưới các chế độ cộng sản chuyên chính. Liệu họ có còn giữ được một chút tự do đó dưới các chính thể tư bản lạnh lùng này không? Những trở ngại của các anh ở Trung Âu còn khó khăn gấp bội những trở ngại của chúng tôi ở Châu Mỹ La Tinh. Từ Mexcio đến Argentina, mục tiêu của chúng tôi rõ ràng hơn.

Giáo dục, ngôn ngữ, sách vở, thư viện là những vũ khí thiết yếu trong các cuộc phấn đấu ở các quốc gia chúng tôi: đó là làm sao hợp nhất được dân chủ về chính trị với những phát triển về kinh tế để giúp ích cho những người nghèo nhất trong số chúng tôi. Nhưng ở Prague cũng như ở Thành phố Mễ Tây cơ, ở Warsaw hay ở Buenos Aires, người viết tiểu thuyết đã tạo nên được một khoảng không gian, ở nơi đó có sự im lặng của những tiếng động (cả hai thứ đều đinh tai điếc óc) của các thế giới chính trị, kinh tế và tôn giáo, nơi có tiếng nói của con người đơn lẻ, của một người nam hay nữ không chịu để mình bị thu nhỏ lại thành một thứ mật hiệu hay những chữ viết tắt, phải lên tiếng.

Những cuốn tiểu thuyết tuyệt vời của anh, người bạn thân thương nhất của tôi, Milan Kundera, đã cống hiến cho tất cả độc giả món quà thuần khiết nhất và mạnh bạo nhất về óc tưởng tượng cũng như ngôn ngữ. Qua những nhân vật lẻ loi, xa vắng, dịu dàng, ngơ ngác, hay kiên cường như trong *The Joke, Life is Elsewhere, The Unbearable Lightness of Being, The Book of Laughter and Forgetting, Immortality, Slowness,* và *Identity* anh đã tạo ra khoảng không gian nơi đó mọi người ai cũng có quyền nói và khoảng thời gian khi mà mọi thứ trên đời đều hiện diện một cách tuyệt vời: quá khứ là ở đây, mà tương lai cũng là ở đây. Những cuốn tiểu thuyết của anh đã làm chùn bước tiến của các nền chuyên chế luôn tìm cách dập vùi quá khứ vào hư vô, hứa hẹn một tương lai vui vẻ nhưng không ai ưa. Nhân vật của anh là những người hùng nam và nữ trong cuộc kháng chiến chống lại hai âm mưu vùi dập: một do sự lãng quên, và một do thiếu viễn kiến. Anh đã mang lại sự sống cho một hiện tại đầy tranh chấp, giàu có mà cũng bao quát. Anh từ chối không chấp nhận một sự loại trừ. Anh là một nhà văn lớn, luôn kêu gọi một sự bao gồm, một sự mở rộng vòng tay. Nhưng điều anh không bao giờ nói cho ai nghe là việc bao gồm đó là một việc dễ làm, hay việc mở rộng vòng tay sẽ không đau đớn. Giống như Faulkner, người mà cả anh lẫn tôi thán phục, khi phải chọn lựa giữa khổ lụy và hư vô, anh đã chọn nỗi đau.

Bạn thân ơi, cả anh lẫn tôi đang nhảy điệu "luân vũ giã từ," dùng lại một nhan sách của anh. Nhưng chúng ta sẽ không giã từ nhau trong buông xuôi, mệt mỏi hay thỏa mãn. Chúng ta sẽ tiếp tục sống và viết với ý chí, nghị lực và với một nỗi bất mãn hoàn toàn. Thật là một hân hạnh lớn lao khi biết mình đang san sẻ với nhau những việc làm và những ngày tháng trong 70 năm qua, cũng như chúng ta đã san sẻ với nhau trong ba mươi năm quen biết.

Gởi bạn những lời chúc tốt lành nhất!

Carlos

● Một cuốn sách đắt giá

Nền văn học Anh lại đạt thêm một thành tích mới khi cuốn *The First Book of Urizen* của William Blake được một người vô danh trả giá cao nhất, *hai triệu rưỡi đô la Mỹ*, trong một cuộc bán đấu giá cổ vật do Sotheby tổ chức vào ngày 23 tháng 4 tại Nữu Ước. Đây là một trong 8 ấn bản hiện còn lưu hành, thuộc sở hữu của gia đình Betsy Cushing Whitney.

William Blake là một nhà thơ lớn trong văn học Anh từ cuối thế kỷ 18. Ông sinh ngày 28 tháng 10 năm 1757, con của một người thợ may bít tất và áo quần lót ở đường Borad, quận Soho ở Luân đôn. Ông là con thứ hai trong một gia đình gồm bốn trai và một gái. Từ nhỏ, William tỏ ra ham thích nghệ thuật, muốn trở thành một nghệ nhân, nên năm lên mười ông được cha mẹ cho phép rời trường phổ thông để theo học trường vẽ. Ông học ở đó 5 năm, nhưng đến lúc phải đi thực tập thì gia đình túng thiếu không kham nổi học phí ở xưởng vẽ của một họa sĩ. Thay vào đó, với món tiền nhỏ 50 *guineas*, ông được học nghề với một nhà khắc họa nổi tiếng là James Basire, vào lúc ông vừa mới mười lăm. Trong suốt 7 năm liền, ông chuyên tâm học hỏi các kỹ thuật khắc họa, cách làm bản sao và vẽ hình bằng các chấm (stippling). Chương trình huấn luyện chu đáo đó đã biến ông thành một trong những nghệ nhân tài giỏi vào thời bấy giờ. Ông không những đã cải thiện các kỹ thuật khắc họa mà còn phát minh ra nhiều kỹ thuật mới khác của riêng ông. Tuy rời trường phổ thông lúc mới mười tuổi, trí óc ông lại phát triển khá sớm. Ông ham thích đọc sách, năm lên mười hai đã bắt đầu làm thơ. Thi tài bộc phát cùng lúc với tài khắc họa. Lúc đầu những sáng tác của ông còn chịu một phần ảnh hưởng các nhà thơ đương thời, nhưng chẳng bao lâu về sau, thi ca của ông đều mang tính sáng tạo nguyên thủy của riêng ông. Năm 1783, lúc ông mới 26 tuổi, bạn bè đã góp tiền giúp ông in tập thơ đầu tay *Poetical Sketches*, gồm những bài thơ ông sáng tác trong khoảng thời gian từ mười hai đến hai mươi tuổi. Việc ấn loát thi phẩm này được xem như là một biến cố lớn trong văn học Anh cuối thế kỷ 18.

Năm 1779, hoàn tất chương trình thực tập, William Blake lúc này đã là một thanh niên cường tráng, linh hoạt, tự tin vào tài năng của mình, ông theo học ở Học Viện Hoàng Gia (Royal Academy), Ông thử nghiệm một vài phương pháp sáng tác, kể cả việc vẽ lại dựa theo các cổ vật, nhưng rồi ông lại bác bỏ lối sáng tác này vì ông cho rằng "sao chép" giết chết óc tưởng tượng. Cho đến hết đời, ông luôn tìm cách thể hiện nghệ thuật qua trí tưởng tượng. Nghệ thuật của Blake vì thế trở nên có tính phiêu lưu,

không theo quy ước, và khó được nền nghệ thuật cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 chấp nhận. Vì thế ông vẫn là một kẻ vô danh cho đến khi Alexander Gilchrist xuất bản cuốn *Life* vào năm 1863, và chính nhờ tính hiện đại và óc tưởng tượng phong phú của ông trong các công trình nghệ thuật về cả hai lãnh vực thi ca và khắc họa mà ông được chú ý đến nhiều hơn trong thế kỷ 20.

Và cũng vì thế mà ông đã phải sinh sống trong chật vật với nghề thợ khắc trong nhiều năm. Ông chịu làm thợ khắc tranh cho những cuốn sách do các họa sĩ thời bấy giờ minh họa, theo sát thị hiếu đương thời nên dễ thành công hơn. Năm 25 tuổi, Blake lập gia đình với một thiếu nữ nhà quê ít học, nhưng không vì thế mà Catherine Boucher đã không san sẻ gì được với chồng. Bà cần mẫn học vẽ, học cho đến khi có thể giúp được chồng phần nào trong công việc mới thôi. Duy chỉ có một việc bà đã không làm Blake hài lòng là đã không thể sinh cho ông một đứa con.

Lập gia đình xong, Blake dọn ra riêng và không còn ở chung với cha nữa. Năm 1784, cha ông qua đời, người em là Robert dọn đến ở chung. William dạy cho Robert về khắc họa, trong khi đó chính ông cũng đã tự học, tự trang bị cho mình những kiến thức triết học, văn chương, thi phú. Ông giao du với giới trí thức, san sẻ những bài thơ của ông, có khi còn ngâm nga theo điệu nhạc do chính ông soạn. Ông tỏ ra chống đối những lề thói khuôn sáo, những giả dối, những kênh kiệu nơi kẻ khác, cho nên vào khoảng 1784, ông viết một cuốn tiểu thuyết châm biếm có nhan là *An Island on the Moon* chế diễu những thói đời dị hợm đương thời. Bản thảo tác phẩm này về sau vẫn còn, và một vài phần sau này xuất hiện trong tập *Song of Innocence*. Năm 1788, ông thu thập nhiều bài thơ sáng tác từ trước và cho in thành tập. Đến đây, William Blake nhận ra tài năng về khắc họa và thi ca của ông đã biến ông thành một nghệ nhân toàn diện.

Ông nhận ra rằng khắc họa và thi ca chỉ là hai hình thái khác nhau của cùng một thứ nghệ thuật, và ông có đủ óc sáng tạo cũng như tài khắc họa để diễn đạt tư tưởng và tâm tình của mình, dùng riêng rẽ hay cả hai cùng một lúc. Ông không thỏa mãn khi thấy thi ca của mình chỉ được in ấn toàn bằng con chữ như cuốn *Poetical Sketches*, Ông muốn thơ ông phải có minh họa đầy đủ màu sắc, mỗi bài thơ tự nó phải là một công trình nghệ thuật toàn bích.

Trong thời gian này, người em Robert đột nhiên lâm trọng bệnh. Ông phải săn sóc em, tận tụy với nhiều đêm thức trắng. Ông mệt mỏi đến độ sau khi em chết, ông ngủ liền một hơi ba ngày ba đêm mới tỉnh dậy. Trước cái chết của người em thân yêu, ông lại tìm thấy được một thế giới khác, cảm thông và cảm hứng trước sự chứng kiến một linh hồn thăng

thiên trong nỗi hân hoan trở về thiên quốc. Từ đó cho đến hết đời, William Blake cảm thấy tinh thần mình hưng phấn, có thể truyền thông được với em ở cõi thiên đàng, và có được sự trợ lực tinh thần của người em từ nơi lạc quốc. Trong các năm 1788 và 1789, trong lúc ông đang đắn đo suy nghĩ tìm cách trình bày những bài thơ như thế nào cho đạt tiêu chuẩn nghệ thuật, ông đã nhìn thấy em, và được em góp ý, rồi từ đó ông đã dùng phương pháp khắc hình minh họa trước rồi khắc thơ lên trên nền tranh, dùng bản khắc bằng đồng chạm nổi, tốn rất nhiều công nhưng đổi lại đã đưa ông đến việc hoàn thiện thêm một kỹ thuật khắc họa mới. Phương pháp này đòi hỏi Blake phải chuyển chữ viết bản văn lên trên bản đồng, để có thể in ra giấy, dùng mực màu theo ý muốn. Chữ viết sau đó gộp chung lại trên bản đồng cùng với hình vẽ minh họa, hay hình vẽ trang hoàng sao cho hài hòa, sau đó toàn thể bản in được tô màu tỉ mỉ, dùng bút lông hay bút chì, mỗi bản in mỗi khác. Vì thế mỗi tập thơ của Blake là một tổng hợp của hai hình thái nghệ thuật, mỗi bản in được tô màu bằng tay và vì thế không thể nào có hai bản giống nhau.

Tập *Song of Innocence* gồm 27 bản khắc, trang đầu ghi năm 1789, khởi đầu cho một loạt các ấn phẩm nổi tiếng được gọi là những sách minh họa (illuminated books). Tập *Song Innocence* gồm nhiều bài thơ ca tụng tính vô tư, tâm hồn giản dị, chân thật, cái thiện, cái tốt nơi con người. Dần dà, những kinh nghiệm sống ngày càng tích lũy, nhẹ thì ê chề, nặng thì đớn đau, đã khiến ông thay đổi chủ đề cũng như phương pháp. Tập *Song of Experience* đánh dấu sự chuyển tiếp giữa thiện và ác, giữa tốt và xấu. Phương pháp ông sử dụng để khắc các bản in cho tập này cũng phức tạp hơn, công phu hơn, nhất là trong việc dùng các chất tạo màu. Tiếp theo, tập *The Marriage of Heaven and Hell* phần lớn viết theo thể văn xuôi, các bản đồng được in màu trước. Sau đó, ông lại sáng tác thêm một loạt các cuốn gọi là "sách tiên tri" (prophetic books), lại theo một vài kỹ thuật khác lạ.

Ngoài ra, các ấn phẩm quan trọng khác gồm có *The Book of Thel*, và *The [First] Book of Urizen* là những tập thơ dùng nhiều điển tích trong Thánh Kinh.

Thi ca của Blake càng về sau càng được người đời đón nhận rộng rãi hơn lúc sinh thời, và được in lại theo cách in sách thông thường với rất nhiều ấn bản. Độc giả cũng thấy rằng Blake chủ tâm thơ ông phải được in ấn theo cách ông đã làm, có nghĩa là được khắc họa như những bức tranh nhiều màu sắc và chi tiết công phu, tỉ mỉ, nhưng việc in ấn như thế quả vô cùng tốn kém và rất khó thực hiện. Phải đợi đến một thời gian cách đây không lâu khi tiến bộ kỹ thuật in ấn đã cho phép bắt chước in lại một vài

ấn bản với một số lượng lớn và giá thành thấp để có thể phổ biến trong đại chúng, tuy không đẹp như nguyên bản. Trong các bản chính của Blake, văn bản nhiều khi rất khó đọc, một phần vì do chữ viết tay, một phần màu sắc và hình vẽ hòa nhập vào nét chữ. Vì thế nếu có in lại, người ta thường in kèm bản văn theo chữ in thường bên cạnh trang sách có hình vẽ để giúp người đọc.

William Blake mất năm 1827, hưởng thọ 70 tuổi.

Trở lại với cuốn sách bán được hai triệu rưỡi đô la Mỹ. Đó là một trong 8 ấn bản cuốn *The [First]Book of Urizen*, in năm 1794 tại Lambeth, Anh cát lợi, William Blake xuất bản. Cuốn sách gồm 27 bản khắc, mực in màu da cam. Tám ấn bản của cuốn này đánh dấu: Bản A và Bản C (Trung tâm Nghệ Thuật Anh ở Đại Học Yale), Bản D (Viện Bảo tàng Anh, Luân Đôn), Bản F (Thư viện Houghton, Đại Học Harvard), Bản J (Viện Bảo tàng Albertina, Vienna, Áo quốc), Bản B (Thư viện Pierpont Morgan, Nữu Ước), bản G (Bộ sưu tập Lessing J. Rosenwald (Thư Viện Quốc hội Hoa Kỳ, Washington D. C.). Bản đem ra bán đấu giá là bản E, thuộc một bộ sưu tập riêng.

Giáo sư Jerry Bentley, một học giả về William Blake đã phải mất hơn ba mươi năm tìm kiếm cuốn sách này, nhưng rồi cuối cùng đã không tham dự vào cuộc đấu giá. Ông nói "Đây là một cuốn sách tuyệt đẹp, tuyệt đẹp." Những người tham dự buổi đấu giá đã đồng ý với nhận xét này, và nhiều người đã nán lại sau khi giá đấu vượt con số một triệu đô la. Lúc ban đầu, người ta chỉ mong bán được 700,000 đô la mà thôi.

Chỉ tiếc một điều là lúc sinh thời, William Blake nhiều lúc phải sống chật vật khốn khó!❐

Đã phát hành

gió biếc

tập truyện ngắn thứ nhì của lê minh hà

Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sau thành công của *Trăng Goá*, Lê Minh Hà lại vừa cho in tác phẩm thứ nhì: tập truyện ngắn *Gió Biếc*.

Khác với *Trăng Goá* phần lớn truyện lấy bối cảnh là đời sống ở trong nước, *Gió Biếc* chú trọng đến đời sống và tâm tình của những người tị nạn ra đi từ Miền Bắc hiện sống tại các nước Đông Âu và Đức, một đề tài lâu nay ít thấy trong văn chương hải ngoại.

Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Bà Lê Thị Anh (c/o Tina Thuy Do, Riverside, CA),Le Thuy Truong (Westminster CA), Lê Văn Xe (Tokyo, Japan),LM Đinh Công Huỳnh (Philadelphia, PA), Hoang N. Nguyen (Garland,TX), Hoàng Lam Giang (Seattle,WA), Thế Dũng (Berlin,Germany), Sương Thị Nguyễn (Houston, TX), Kim Fitzgerald (Wailuku, HI), Hồ Ngọc Trinh (Montréal, Canada), SF Public Library (San Francisco, CA), Cal State Polytechnic University (Pomona,CA), Phuoc T. Le (Kaneohe,HI), Han Nguyen (Philadelphia, PA). Tuyet Nguyen (Plano, TX), Lại Mạnh Cường (Amsterdam, Hà Lan), Nguyễn thị Hồng (Bernice,LA), TD Nguyễn (Indianapolis, IN), Hanh Nguyễn (Fairfax, VA), Thái Tú Hạp (Rosemead, CA), Nguyễn Phú Hoà (Ottawa, Canada), John C. Schafer (Arcata,CA), Nhà sách Trung Việt (Quebec, Canada), Chapman Branch Library (Garden Grove, CA), Westminster Branch Library (Westminster, CA), Lieu Phương Trần (Cocoa, FL), Nguyệt Cao (c/o Dzung Cao, Santa Clara), Lê Thái Lâm (Montréal, Canada), Điệp Mỹ Linh (Alief,TX), Anh Hà Thị Đoàn (Stanton, CA), Cornel University (Ithaca, NY), Mai Phạm (Lansing, MI),Nguyen Van Long (Italy), Phạm Hữu Thanh (France), Lê Thị May (Hà Lan), Hà Xuân Du (San Jose, CA), Liên Châu (San Jose, CA), Phan Hoàng Định (Grand Prairie, TX), Thanh Nam Nguyễn (Houston, TX) Nhà Sách Thiên Nga (Houston, TX), Library of Congress, Asian Division (c/o Faxon, Washington D.C.), Nguyễn Thanh Châu, Phoenix AZ (đổi địa chỉ và số điện thoại), Nguyễn Tường Phong (Harvey LA), Nguyễn Xuân Sinh (Annandale VA), Vinh & Xuân Phương (Salt Lake City UT), Đặng T. Loan Trang (Ventura CA), Võ văn Đàn (Vancouver Canada), Hoàng Quốc Hùng (Peoria IL)

● Bài nhận trong tháng:

"Chân Dung" gửi từ San Diego, "Chiếc lá cũ," gửi từ Westminster, "Hãy chỉ cho em," hửi từ San Jose, CA,"Đường Mây Bay" gửi từ Atlanta, GA. "Trên biển khuya" gửi từ Tampa,FL, "Nửa đoạn sau," gửi từ San Jose, CA, "Nhận thức mới về sử liệu thời đại Hồng Bàng," gửi từ Munster, Germany, "Quan niệm Văn học" gửi từ Surrey Hills, Australia, "Bàng bá Lân và Giao hưởng số 6" gửi từ Rosemead, CA, "Tâm Huế, Mười Năm" gửi từ San Jose, CA, "Chiêm Bao" gửi từ Pháp, "Biển đêm" gửi từ Canada, "Huyền thoại tình yêu" gửi từ San Jose, "Tìm hiểu cách phiên âm từ nhẫn

nhụi" gửi từ San Jose CA, "Giả thử", "Huệ tổ" gửi từ Roxboro Canada, "Chuyện cổ tích" gửi từ Garden Grove CA, "Thôi đùa với bóng", "Cái Chân" gửi từ Fountain Valley CA

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● **Nhắn tin chung:**

Hôm 24 tháng Tư vừa qua, server Saigonline.com nơi Văn Học có website và nhận thư từ của quí văn hữu và bạn đọc bị hư hại nặng, tất cả các website trên Saigonline bị mất. Website của Văn Học cũng cùng chung số phận. Nhiều bạn đọc ở nơi xa không thấy Văn Học trên Net, tưởng Văn Học đã dời về một server khác.

Hiện nay Saigonline.com đã sửa chữa được một phần, nhưng website Văn Học vẫn chưa dùng được. Có thể trong thời gian Saigonline.com bị hư, một số e-mail gửi về cho Văn Học cũng bị thất lạc. Vì nguyên nhân ngoài ý muốn, Văn Học trân trọng xin lỗi quí bạn về những bất tiện gặp phải trong thời gian qua. Nếu tình trạng kỹ thuật của Saigonline.com không cải tiến, có thể Văn Học sẽ chọn một server khác. Trong trường hợp đó, Ban Chủ biên sẽ tin trước cho quí bạn biết, để việc liên lạc thư từ bài vở khỏi bị trở ngại.

Nếu quí bạn gửi về địa chỉ:
vanhoc@saigonline.com
bị trở ngại, xin thử gửi về địa chỉ anh chủ bút:
nmg@vinet.com

Đã đọc truyện ngắn **Trần Doãn Nho**
Không thể không tìm đọc
tiểu luận văn chương của **Trần Hữu Thục**

viết và đọc

Tạp chí Văn Học xuất bản

Văn Nghệ phát hành
Sách dày 275 trang, Giá 13 Mỹ kim

phân ưu

Nhận được tin buồn

nhà báo Lê Đình Điểu

đã từ trần lúc 10 giờ đêm 24 tháng 5 năm 1999 tại thành phố Bellflower, tiểu bang California, Hoa Kỳ

Chúng tôi xin chia buồn cùng gia đình Anh Lê Đình Điểu, và xin cầu chúc linh hồn Anh sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Võ Phiến, Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn, Nguyễn Mộng Giác, Châu văn Thọ, Nguyễn Xuân Hoàng, Võ Thắng Tiết, Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Duy, Tạ Tỵ, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến & Phương Khanh, Trần Hồng Châu, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Vy Khuê, Hoàng Liên, Phạm Công Thiện, Nguyễn thị Vinh & Nguyễn Hữu Nhật, Dương Kiền, Thảo Trường, Nguyễn Sỹ Tế, Như Phong, Minh Đức Hoài Trinh, Lê Trọng Nguyễn, Trúc Chi, Hà Trung, Hoàng Bích Đào, Lê Tất Điều, Lệ Hằng & Hoàng văn Giàu, Viên Linh, Ngô Thế Vinh, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Quốc Trụ, Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Ngự Thuyết, Tạ Chí Đại Trường,Nguyễn Xuân Thiệp, Phan Nhật Nam, Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Thanh Tuệ, Hoàng Khởi Phong, Phạm Quốc Bảo, Bùi Hồng Sỹ, Nguyễn Xuân Nghĩa & Quỳnh Giao, Võ Đình & Trần thị Lai Hồng, Bùi Bích Hà, Nguyễn văn Sâm & Nguyễn thị Long An, Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, Hồ Thành Đức & Bé Ký, Nguyên Khai, Đinh Cường, Kinh Dương Vương, Huỳnh Hữu Ủy, Quyên Di, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Bá Trạc, Vũ Huy Quang, Thế Uyên, Duy Lam, Đặng Hiền, Trương Vũ, Đặng Tiến, Trần Vũ, Thuy Khuê & Lê Tất Luyện, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Bùi Bảo Trúc, Lê Thiệp, Trần Long Hồ, Lê thị Huệ, Lê thị Thấm Vân, Tưởng Năng Tiến, Phạm Việt Cường, Nguyễn Ý Thuần, Thượng Văn, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Đinh Phụng Tiến, Nguyễn Đức Quang, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh, Khánh Trường, Nguyễn Hoàng Nam, Khế Iêm, Trần Mộng Tú, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Ngu Yên, Trương Anh Thụy, Như Chi, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Lộc, Luân Hoán, Thành Tôn, Nguyễn Hưng Quốc, Triều Hoa Đại, Trần Doãn Nho.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc. Sau đây là những tác phẩm bạn đọc cần tìm mua:

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang, in đẹp và trang nhã, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

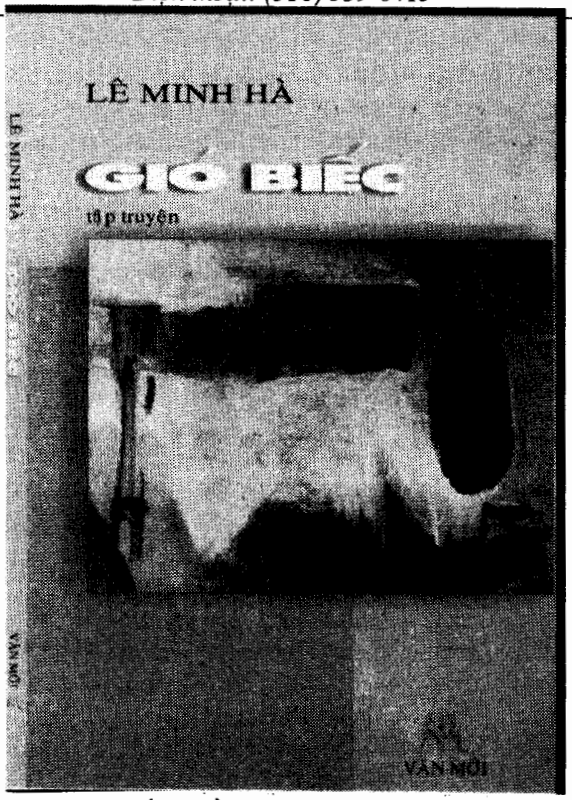

Những truyện ngắn "hiền khô" của Lê Minh Hà gây kinh ngạc và tạo cảm giác lâng lâng dài lâu trong tôi sau khi đọc xong. Có thể nói nếu những nhà văn khác (như Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh...) thuộc dòng "văn chương vết thương", thì Lê Minh Hà thuộc dòng "văn chương vết rạn". Văn của chị không có tiếng nổ, tiếng gào thét xung phong hay tiếng rú đớn đau. Chỉ có những lời thì thào, những tiếng nấc nghẹn, những nỗi đau âm thầm. Không gian truyện thu vào chuyện nhà, chuyện phố, chuyện làng, chuyện bà cháu, chuyện bạn bè, thậm chí chuyện một cái bát sứ là của gia bảo của gia đình.

Nguyễn Mộng Giác

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả tập truyện
CHÂN MANG GIÀY SỐ 6 của nhà văn Song Thao
vừa mới phát hành tháng 6 năm 1999

CHÂN MANG GIÀY SỐ 6
Tập truyện Song Thao
Tựa Nguyễn Mộng Giác
Bìa Khánh Trường

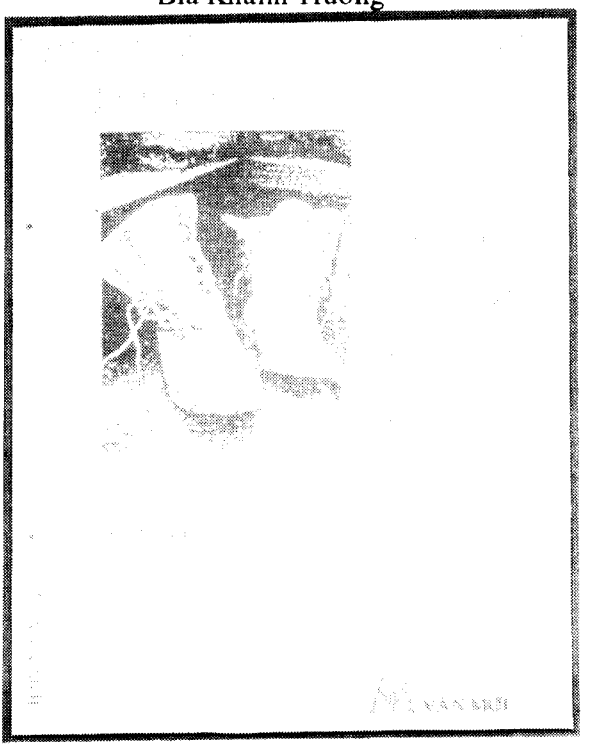

Sách đã bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683.Tel: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY
CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 • WESTMINSTER • CA 92683 •
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

SÁCH MỚI VỀ

20 năm binh nghiệp - Hồi ký Tôn Thất Đính (455 p.) $22.00
Những huyền thoại & Sự thật về Chế độ Ngô Đình Diệm (493 p.) Vĩnh Phúc $22.00
Xóm Đạo (612 p.) Truyện dài mới nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn $25.00
Truyện Kiều và Tuổi trẻ (694 p.) Lê Hữu Mục & Phạm thị Nhung $32.00
Việt Nam một thế kỷ qua (323 p.) hồi ký của Nguyễn Tường Bách $16.00
Mây mù thế kỷ (338 p.) Tiết lộ mới về hậu trường chính trị Hà nội, Bùi Tín $18.00
Hồi ký Nguyên Sa (412 p.) di sản quí của nhà thơ bất hủ Nguyên Sa $18.00
Đường mây trong cõi mộng (416 p.) Đại sư Hán Sơn, Nguyên Phong phóng tác $18.00
Góc trời Ngô Thụy Miên (55 p. khổ 8.11) tập nhạc của Ngô Thụy Miên $13.00
Cẩm nang căn bản điện toán (322 p.) sách thực dụng của Tôn Thất Thái $14.00

Ở xa xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí ở Mỹ.

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN

GÓC TRỜI NGÔ THỤY MIÊN
(Tập Nhạc 56tr.) $13.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- NHỮNG HUYỀN THOẠI VÀ SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM *Vĩnh Phúc* cựu chủ biên Ban Việt Ngữ đài BBC Luân Đôn 22MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN I *BS Lê Văn Lân* 18MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN II *BS Lê Văn Lân* 13MK
- DƯỚI BÓNG TỪ BI Nữ Phật Tử Nga *Inna Malkhanova* 11MK
- CÔ RƠM VÀ CÁC TRUYỆN NGẮN *Trần Mộng Tú* 12MK
- HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC (Một Kẻ Ngụy Trang Chủ Nghĩa Dân Tộc Việt Nam) biên khảo *Tưởng Vĩnh Kính*, *Thượng Huyền* dịch 18MK
- HỒI KÝ VIẾT TRÊN GÁC BÚT *Nguyễn Thụy Long* 13MK
- CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC VÀ NÀNG NẤM MÂY truyện *Phạm Thị Hoài* 8MK
- NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ *Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ* dịch 15MK

SÁCH PHÁT HÀNH

- TUYỂN TẬP BÌNH NGUYÊN LỘC *Võ Phiến* giới thiệu 20MK
- MÂY MÙ THẾ KỶ *Bùi Tín* 18MK
- TUYỂN TẬP SỰ THẬT 99 *Lê Hữu Dãn* 25MK
- QUỶ MA VÀ HỌC TRÒ phiếm và truyện *Huỳnh Văn Phú* 12MK
- NHỮNG BÀI VĂN SỬ *Tạp Chí Đại Trường* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.
E-Mail: **vannghe@pacbell.net**
Homepage:**http://home.pacbell.net/vannghe**

Giá:$4.00